

M I C H A E L K U M P F M Ü L L E R

—PHÚT TRÁNG LỆ—
CUỐI ĐỜI

Mục lục

I ĐẾN

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

II Ở

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

III ĐI

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

Lời bạt và cảm ơn

I ĐẾN

1

Tối muộn ông tiến sĩ mới đến, vào một ngày thứ Sáu của tháng Bảy. Đoạn đường sau chót trên xe mui trần đi từ ga về tựa như vô tận, trời vẫn nức lăm, ông mệt rũ, nhưng giờ thì ông tới nơi rồi. Elli và lũ trẻ đợi ông ở phòng khách. Ông hầu như chưa kịp đặt hành lý xuống, Felix và Gerti đã chạy xô ra kể chuyện ào ào. Chúng ở ngoài biển từ sáng tinh mơ, chỉ muốn quay lại đó ngay để khoe với ông chúng đã đắp được những gì. Một ngôi thành cát khổng lồ. Bãi biển đầy những ngôi thành như thế. Để cho bác thợ đã, Elli nhắc, bồng con bé Hanna ngái ngủ trên tay, nhưng lũ trẻ vẫn không dứt được câu chuyện về ngày hôm nay. Elli hỏi: Chuyển đi thế nào? Anh có muốn ăn chút gì không? Ông tiến sĩ ngẫm nghĩ xem có nên ăn gì không, vì ông không thấy ngon miệng. Ông rảo chân lên tầng trên của ngôi nhà nghỉ hè, lũ trẻ chỉ cho ông chỗ chúng ngủ, hai đứa mười một và mười hai tuổi, và chúng tìm ra trăm nghìn lý do để chưa phải lên giường. Cô hầu phòng đã chuẩn bị một đĩa hạt dẻ và hoa quả, bình nước có sẵn, ông uống nước rồi nói với em gái rằng ông rất biết ơn cô, vì trong ba tuần tới ông sẽ ăn ở tại đây, họ sẽ có nhiều thì giờ bên nhau, tuy về lâu về dài mới biết, liệu ông có thích vậy không.

Ông tiến sĩ không mong đợi gì nhiều ở kỳ nghỉ này. Mấy tháng vừa qua thật tệ, ông không muốn ở chỗ cha mẹ lâu thêm nữa, vì vậy lời mời ra biển Baltic đến thật đúng lúc. Em gái ông tìm được nhà trọ này trên báo, mẫu quảng cáo hứa có giường đệm tử tế và giá cũng phải chăng. Lại còn thêm bao lơn, hàng hiên, vị trí ngay sát bờ rừng và tầm nhìn ra biển thật hoành tráng.

Phòng ông nằm cuối hành lang. Gọi là rộng rãi thì không phải, nhưng có bàn viết, nệm cứng, ngoài ra còn có một bao lơn hẹp trông ra rừng, hứa hẹn bầu không khí yên tĩnh, mặc dù từ ngôi nhà gần đó lao xao tiếng trẻ con. Ông soạn hành lý, vài bộ đồ lớn, quần áo, sách để đọc, giấy viết. Lẽ ra ông có thể kể cho Max biết kết quả các cuộc thương thảo ở nhà xuất bản mới, nhưng chuyện đó lui lại vài hôm nữa cũng được. Kể cũng lạ, sau chừng ấy năm ông lại có dịp đến Berlin, rồi chỉ hai tư tiếng sau đã tới Müritz, trong một ngôi nhà mang tên *May mắn*. Elli đã đùa cợt về cái tên đó, cô hy vọng ông sẽ tặng vài cân nhờ không khí vùng biển, mặc dù cả hai đều biết chuyện đó rất khó xảy ra. Mọi thứ cứ lặp đi lặp lại, ông nghĩ, từ nhiều năm nay, mùa hè thì ở các khách sạn hay an dưỡng đường nào đó, sau đó đến mùa đông lê thê trong thành phố, đôi khi mấy tuần liền ông không rời giường. Vui mừng vì được ở một mình, ông ra bao lơn ngồi một lát, vẫn nghe tiếng người lao xao, rồi ông lên giường và nhẹ nhàng trôi vào giấc ngủ.

Khi thức dậy vào sáng hôm sau, ông đã ngủ được hơn tám tiếng. Ông biết ngay mình đang ở đâu, ông ở gần biển, trong căn phòng này, xa lắc tất cả những gì mà ông quen thuộc đến phát ngán. Tiếng trẻ con hôm qua theo ông vào giấc ngủ, giờ lại vang lên, chúng đang hát, một bài hát tiếng Hebrew⁽¹⁾, không khó để nhận ra. Bọn trẻ đến từ miền Đông, ông nghĩ, có loại nhà nghỉ hè dành cho bọn trẻ ấy, trước đây hai hôm, ở Berlin, Puah, cô giáo tiếng Hebrew của ông có nhắc rằng ở Müritz cũng có một nhà nghỉ hè như thế. Ông bước ra bao lơn và ngó về phía lũ trẻ. Chúng đã hát xong, giờ chúng ngồi dọc một cái bàn dài kê trước nhà, ăn sáng, âm ỉ và vui vẻ. Trước đây một năm ở Planá ông ghét tiếng ồn ào ấy, nhưng hôm nay gần như ông vui sướng khi nghe những tiếng bi bô như thế. Ông hỏi cô em gái có biết gì về lũ trẻ ấy không, nhưng Elli chẳng biết gì và có vẻ ngạc nhiên khi thấy ông đột nhiên phấn khích, cô hỏi ông ngủ ra sao, có hài lòng với căn phòng không, có chứ, ông hài lòng, ông đang mong ra biển.

Quãng đường dài hơn ông tưởng, đi mất gần mười lăm phút. Gerti và Felix xách túi đựng đồ tắm và đồ điếm tâm, chạy lên trước một đoạn rồi lại quay về với ông bác đang chậm chạp bám theo. Mặt biển phẳng lì, lấp lánh ánh bạc trong nắng, khắp nơi đều có thể thấy những đứa trẻ mặc đồ tắm sặc sỡ vẫy nước ở chỗ nông hoặc chơi bóng. May mà Elli đã thuê một chiếc ghế hộp cho ông, đặt kề bên mé phải cầu buộc thuyền, từ đây ông có thể quan sát mọi thứ khá thuận tiện. Xung quanh các ghế hộp sơn sọc lô nhô vô số ngôi thành cát cao đến đầu gối, ít nhất một nửa số đó được trang hoàng ngôi sao sáu cánh bằng vỏ sò.

Gerti và Felix muốn xuống nước, và rất sung sướng khi thấy ông bác cũng xuống theo. Nước ở khoảng gần bờ nóng như trong bồn tắm, nhưng sau đó ông cùng hai đứa trẻ bơi ra xa hơn, cho đến khi chạm các dòng chảy lạnh. Gerti muốn ông bác chỉ cho nó cách nổi người như xác chết, không khó chút nào, rồi ba bác cháu cứ thế dập dờn trôi nổi hồi lâu trên làn nước lấp lánh, cho đến khi nghe tiếng Elli từ bờ gọi ra. Anh không nên quá trốn, cô nhắc. Chẳng phải hôm qua anh hơi sốt đó sao? Đúng, ông tiến sĩ thừa nhận, nhưng từ sáng sớm nay ông đã hết sốt. Dầu vậy, lên bờ ngồi ghế hộp nghỉ ngơi cũng tốt, trời có lẽ nóng trên ba mươi độ nhiều, ra chỗ nắng làm sao ông chịu thấu. Cả Gerti và Felix cũng không nên phơi nắng quá mức, chúng đang nhặt quả thông xếp các chữ cái tên mình trên mặt cát. Ông ngồi lặng yên ở đó rất lâu, ngắm lũ trẻ, thi thoảng lọt vào tai loáng thoáng mấy câu tiếng Do Thái, tiếng một người trong đám phụ trách nhắc nhở, nghe giọng nhất định dưới tuổi ba mươi. Gerti đã bắt chuyện với một nhóm con gái, khi được hỏi, nó kể lại, phải rồi, tụi nó từ Berlin và cũng đi nghỉ hè như nhà mình vậy, ở một nhà nghỉ hè cách nhà mình không xa.

Ông tiến sĩ có thể ngồi đó hàng giờ liền cũng được. Elli hỏi đi hỏi lại, ông thấy trong người thế nào, luôn bằng một giọng lo âu như người mẹ mà ông đã quá quen. Chưa bao giờ ông có thể trò chuyện được cùng Elli như với Ottla, nhưng lúc này ông vẫn nói với cô về Hugo Bergmann và Else Bergmann, họ đã mời ông cùng đi Palestine, tới Tel Aviv, nơi cũng có bãi

biển và tiếng cười con trẻ như ở đây. Elli không cần phải nói thêm, ông tiến sĩ vẫn biết quan điểm của cô về những kế hoạch kiểu này, nói cho cùng thì chính ông cũng không tin vào chúng. Nhưng trẻ con là một niềm vui lớn, ông sung sướng và hàm ơn vì được ở đây với chúng. Thậm chí ông còn có thể chớp mắt trong không khí ồn ã này, giữa cái nóng khủng khiếp ban trưa, hơn một giờ liền, trước khi Gerti và Felix lại kéo ông xuống nước.

Sang ngày hôm sau, ông đã phân biệt được những khuôn mặt đầu tiên. Ánh mắt ông không lướt đi băng quơ nữa, ông bắt đầu thấy hứng khởi, phát hiện ra vài cặp chân dài thiếu nữ, khuôn miệng, mái tóc, chiếc bàn chải tóc, thi thoảng có một ánh nhìn, cô bé tóc đen dong dỏng ở đằng kia mấy lần ngó qua chỗ ông rồi lại làm bộ như vô tình. Ông nhận ra hai, ba thiếu nữ qua giọng nói của họ, ông quan sát họ nhảy sóng ngoài xa, cách họ chạy trên cát bỏng, tay cầm tay, luôn miệng khúc khích cười. Ông khó đoán được tuổi họ. Có lúc ông cho rằng họ mười bảy tuổi, nhưng rồi lại nghĩ hình như họ vẫn chỉ là con nít, chính lưỡng lự đó đem lại cho ông niềm hứng khởi khi để tâm đến đám thiếu nữ.

Nhất là cô tóc đen dong dỏng cao kia đã làm ông xao xuyến. Thực ra ông có thể hỏi tên tuổi qua Gerti, vì Gerti đã bắt chuyện với cô bé, nhưng ông không muốn để lộ mối quan tâm của mình theo cách ấy. Ông ao ước khiến cô bật cười, vì tiếc thay, chưa bao giờ cô cười cả. Nom cô có vẻ ương bướng, như thể hôm nay có điều gì bức bối. Chiều muộn, từ bao lơn ông quan sát cô bưng đồ ăn ra đặt lên chiếc bàn ngoài vườn khu nghỉ mát, rồi sau đó, lúc tối, ông thấy cô đóng vai nữ chính trong một vở kịch. Ông không hiểu những lời cô nói, nhưng ông nhìn cách cô di chuyển, nhìn cô diễn với tất cả nhiệt tâm, rõ ràng đó là vai một cô dâu bị ép lấy chồng, ông suy đoán khi theo dõi diễn biến vở kịch, ông nghe thấy tiếng lũ trẻ con cười, tiếng vỗ tay, trong khi cô tóc đen cúi chào mấy lần liền.

Tận đến lúc thuật lại cho Elli và lũ trẻ nghe, ông vẫn vô cùng sâu muộn. Trước chiến tranh ông quen nhiều người ở nhà hát, gã Löwy ngang tàng

khinh rẻ cha mình, các nữ diễn viên trẻ hầu như không thuộc lời thoại tiếng Do Thái, nhưng họ có một sinh lực dồi dào khi nhập vai vào vở diễn, hồi ấy ông từng có lòng tin mãnh liệt.

Sáng hôm sau Gerti dẫn cô gái ra chỗ ghế hộp, và lần đầu tiên ông thấy cô cười. Thoạt tiên cô rụt rè, nhưng khi ông nói đã xem cô diễn thì chẳng mấy chốc cô tỏ ra thân mật. Ông được biết tên cô là Tile, và khen cô trông như một diễn viên chính cống. Cô đáp, hy vọng trông cô giống một cô dâu, chứ cô có đóng vai diễn viên đâu? Ông tiến sĩ khoái câu trả lời đó, họ cười nói và làm quen cận kề hơn. Vâng, cô là người Berlin, cô nói, cô cũng biết ông tiến sĩ là ai, vì trước đây mấy tuần, ở hiệu sách nơi cô làm việc, cô đã bày một cuốn sách của ông ra cửa kính. Có vẻ cô không muốn tiết lộ hơn về bản thân, chùng nào Gerti còn ở cạnh, vì thế cô mời ông lên cầu bến đi dạo. Thì ra cô muốn thành nghệ sĩ múa, và đó chính là nỗi ưu phiền của cô, vì cha mẹ cô ra sức ngăn cản. Ông tiến sĩ không biết nên an ủi cô thế nào cho phải, cái nghề ấy rất hay mà cũng đòi hỏi rất nhiều, nhưng nếu có lòng tin thì một ngày nào đó cô sẽ được múa. Ông quả quyết có thể hình dung cô bay trên sân khấu, uốn người, cầu khẩn bằng động tác tay chân. Ông tiến sĩ im lặng hồi lâu, trong khi cô nhìn ông đầy háo hức, nửa vẫn còn trẻ con, nửa đã như đàn bà.

Ngày hôm sau họ cũng đi dạo, cả hôm sau nữa. Cô gái suy ngẫm rất kỹ về những lời của ông tiến sĩ, song cô không chắc cô có hiểu đúng ý ông hay không. Khi nhớ lại thì ông tiến sĩ không hài lòng với câu trả lời của mình, hình như động viên những mơ mộng nơi cô bé là sai lầm, có lẽ ông không có cái quyền đó. Ông kể về công việc của mình ở công ty bảo hiểm, về những lúc ông viết khi đêm đến, tuy nhiên, dạo này ông không viết gì. Ông cũng không làm việc ở công ty nữa, ông về hưu từ một năm nay, chính vì vậy mà ông ngồi đây trên cầu bến, cạnh một cô gái Berlin xinh đẹp sắp thành nghệ sĩ múa trong mấy năm tới. Giờ thì cô gái lại cười và mời ông ngày mai dùng bữa, tối thứ Sáu ở nhà nghỉ mát luôn có cuộc liên hoan nho nhỏ, lúc này cô đã xin phép bà phụ trách rồi. Ông đồng ý ngay lập tức,

cũng vì đó là ngày thứ Sáu, và thế là lần đầu tiên trong đời, ở tuổi bốn mươi, ông liên hoan vào tối thứ Sáu.

Đang buổi chiều, từ bao lơn ông được chứng kiến công việc chuẩn bị. Rồi ông lui vào phòng viết bưu thiếp, kể về biển và lũ ma quái mà dường như ông vừa tạm thời thoát khỏi. Ông kể nhiều về lũ trẻ trong thư gửi Robert và vợ chồng Bergmann, thi thoảng viết những câu giống hệt nhau. Tile cho ông biết nhà nghỉ mát tên là *Hạnh phúc trẻ thơ*, nên ông viết: Để kiểm tra khả năng di chuyển của mình, sau nhiều năm liệt giường và đau đầu tôi đã vùng dậy để làm cuộc du hành nho nhỏ tới Baltic. Dù thế nào thì tôi cũng gặp may lần này. Cách bao lơn của tôi năm chục mét là một nhà nghỉ dưỡng của Tổ chức Xã hội Do Thái Volksheim ở Berlin. Xuyên qua tán cây tôi có thể thấy lũ trẻ chơi đùa. Những đứa trẻ vui tươi, khỏe mạnh và hăng hái. Những người Do Thái miền Đông được dân Do Thái miền Tây cứu vớt trước mối hiểm họa Berlin. Phân nửa thời gian của ban ngày, cũng như của ban đêm, ngôi nhà, cánh rừng và bãi biển ngập tràn tiếng hát. Khi ở cạnh chúng, tôi không hạnh phúc, nhưng tôi đã đứng trước thềm hạnh phúc.

Còn đủ thì giờ để đi dạo một đoạn ngắn, sau đó ông thong thả chuẩn bị cho buổi tối, lấy bộ đồ lớn sẫm màu trong tủ, đứng trước gương chỉnh cà vạt. Ông tò mò muốn biết điều gì đợi mình ở bên đó, muốn biết chính xác buổi liên hoan diễn ra thế nào, những bài ca, khuôn mặt, chỉ thế thôi, ông không mong đợi gì cho bản thân.

2

Dora ngồi bên bàn bếp và đang mổ cá chuẩn bị bữa tối. Suốt mấy hôm nay cô nghĩ đến ông, rồi đột nhiên ông xuất hiện, mà lại do chính Tile dẫn đến, và ông đến một mình, không đi cùng người phụ nữ ở bãi biển. Ông đứng trong khung cửa, thoạt tiên ngắm nhìn mẻ cá, sau đó đến đôi tay cô, với đôi chút trách cứ, cô đoán vậy, rõ ràng không thể làm được, đó chính là người

đàn ông ở bãi biển. Cô sững sốt đến nỗi không nghe rõ ông nói gì, ông nói gì đó về tay cô, đôi tay mềm mại đến thế, ông nói, vậy mà phải làm cái công việc máu me. Vừa nói ông vừa nhìn cô đầy vẻ tò mò, ngạc nhiên về công việc mà cô, người nấu bếp, phải làm. Tiếc thay ông không nán lại lâu được, Tile muốn đưa ông tham quan tiếp trong nhà, ông chỉ dừng lại thêm một thoáng cạnh bàn rồi đi mất.

Mấy giây liền, cô như bị bỏ bùa khi nghe tiếng người nói bên ngoài, tiếng Tile cười, tiếng chân xa dần. Cô tự hỏi, chuyện gì sẽ xảy ra bây giờ, cô hình dung cảnh ông đứng trong phòng Tile mà không biết đó cũng là phòng cô. Liệu Tile có nói cho ông hay? Cô đoán, chắc là không. Cô nhớ lại lần đầu tiên ngoài bãi biển, khi cô phát hiện ra ông bên người phụ nữ nọ và ba đứa trẻ. Cô hầu như không để ý tới người phụ nữ, chỉ chăm chú dõi theo ông, cách ông bơi, cách ông đi lại, cách ông ngồi đọc trên ghế hộp. Thoạt tiên, vì nước da ngăm ngăm, cô đoán ông là người lai da đỏ. Ông ấy có gia đình rồi, mi mong đợi nỗi gì, cô tự nhủ, nhưng dù vậy cô cứ tiếp tục hy vọng. Một lần cô theo chân ông và gia đình về tận làng, cô nằm mơ thấy ông, mơ cả về Hans, nhưng bây giờ không nên nghĩ đến Hans nữa thì hơn, hoặc có nhớ thì cũng chỉ đại khái như một nghĩa vụ.

Hai tiếng sau, cô gặp lại ông tiến sĩ trong bữa tối. Ông ngồi xa cô, tận đầu bàn, cạnh Tile đang vênh vang như một con công, vì không có Tile thì ông đâu có mặt ở đây. Từ hai hôm nay, bất cứ có dịp nào cũng thấy Tile nhắc đến ông tiến sĩ, ông tiến sĩ, ông ấy là nhà văn đấy, thứ Sáu các cậu sẽ làm quen ông ấy, và giờ thì chẳng phải ai khác ngoài người đàn ông ở bãi biển. Tile giới thiệu ông, sau đó mọi người chúc tụng mấy lời, rót rượu vang, chia bánh mì. Ông tiến sĩ nom có vẻ như thấy gì cũng thực sự lạ lẫm, và liên tục nhìn về phía cô, suốt bữa ăn, với ánh mắt đầy quyến luyến mà cô cảm thấy đã quen. Sau đó, trước khi ra về, ông tiến sĩ đến hỏi tên cô; tên ông thì cô biết rồi, giờ cô phải nói tên mình cho ông hay. Ông nhìn cô bằng đôi mắt xanh lơ, gật đầu và ngẫm nghĩ về cái tên đó. Cô nói, quá hấp tấp: Tôi đã thấy ông ở bãi biển, cùng vợ ông, mặc dù cô quá biết đó không thể là vợ

ông được, nếu không thì vì sao cô lại phơi phới trong lòng từ khi ông vào bếp đứng cạnh cô? Ông tiến sĩ cười và xác nhận, đó là em gái ông. Bọn trẻ con cũng là con cô ấy, ông còn một em gái nữa, Valli, chồng là Josef, có thể cô đã nhìn thấy rồi. Ông hỏi bao giờ được phép gặp lại cô. Tôi rất muốn gặp lại cô, ông nói, hoặc: Tôi hy vọng chúng ta sẽ gặp lại nhau, và cô nói luôn: Vâng, có chứ ạ, vì cô cũng muốn gặp lại ông. Mai nhé? cô hỏi, thực tình cô muốn reo lên, khi ông ngủ dậy, bất cứ lúc nào ông muốn. Ông đề nghị ở bãi biển, sau giờ ăn sáng, cho dù cô muốn có ông cho riêng mình trong bếp hơn. Ông mời cả Tile. Cô quên băng rằng trên đời này còn có Tile, nhưng tiếc thay, Tile tồn tại, ai cũng thấy cô bé si mê ông tiến sĩ nhường nào, trong khi cô bé mới mười bảy và chắc chắn không có kinh nghiệm gì với đàn ông.

Dora mẫn cô bé ngay từ đầu, vì cô bé tựa tựa như cô, nghĩ gì trong đầu là phải tuôn ra miệng ngay. Tile không hẳn xinh, nhưng người ta nhận thấy trong cô tràn trề sinh lực, cô yêu cơ thể mình, yêu cặp đùi thon dài như một vũ nữ chính hiệu. Dora đã thấy cô múa, rồi thấy cô khóc, và chưa đầy một giây sau cô đã cười khanh khách, như thời tiết tháng Tư.

Đã quá nửa đêm từ lâu nhưng Tile vẫn say sưa thuật lại từng lời của ông khách, cụ thể ông đã nói gì về ngôi nhà, bữa ăn, không khí buổi lễ, và ai cũng phấn khởi. Dora im lặng, cô có những quan sát của riêng mình mà giờ đây cô đang ôn lại và gửi gắm mình vào bằng cách nào đó, tựa như người đàn ông và mấy khoảnh khắc ở gần ông là thứ gì đó mà người ta phải gửi gắm mình vào. Cả khi Tile đã thiếp đi từ lâu, trong cô có gì đó bắt đầu lan tỏa, một âm thanh hay mùi hương, một thứ gì đó, thoát tiên chỉ là hư vô nhưng sau đó ào ào chiếm lĩnh tâm trí cô.

Sáng hôm sau ở bãi biển, ông chìa tay cho cô khi chào nhau. Ông đã chờ cô và nhận thấy cô có vẻ mệt mỏi. Chuyện gì vậy? dường như ông muốn hỏi. Và vì Tile có mặt, và cả cháu gái Gerti của ông, nên cô chỉ mỉm cười vắn vơ với ông, nói gì đó về biển và ánh sáng xung quanh. Mặc dù hai người

chỉ nói vài câu với nhau, nhưng giờ đây cô phải sống với mấy câu nói và ánh nhìn đó. Xuống nước thì rõ ràng ông không muốn, nhưng Tile muốn, và thế là họ bơi vài phút. Cô để ý thấy người phụ nữ ở phía xa, tại sao mình lại tưởng đó là vợ ông nhỉ.

Còn bây giờ họ nói chuyện và quên là mình đang nói, vì chưa nói ra câu gì thì đã quên mất, họ ngồi ở bãi biển như dưới một cái lồng chụp khổng lồ nuốt hết ngay mọi âm thanh. Ông tiến sĩ hỏi cô hàng nghìn câu hỏi, cô từ đâu đến, sống ra sao, ông nhìn miệng cô, lúc nào cũng nhìn miệng cô, thì thầm gì đó về tóc cô, thân hình cô, về những gì mắt ông thấy, từ khi chưa cần một lời nào. Bây giờ cô kể về cha mình, về chuyện cô bỏ nhà ra đi, ban đầu tới Kraków, rồi đi tiếp đến Wrocław, tựa như cô bỏ đi chỉ để một ngày đẹp trời đến với người đàn ông này. Cô kể về những tuần đầu của cô ở Berlin mà cô vẫn nhớ, rồi tất cả đột ngột chấm dứt vì Tile đến; chỉ vì Tile đến và làm cô giật mình từ sau lưng với bàn tay ướt đẫm, cô chợt nhớ mình phải quay về nhà bếp. Ông tiến sĩ đứng bật dậy và hỏi, có được phép đi theo cô không, nhưng tiếc rằng Tile cũng muốn đi cùng, bù lại thì cô mời ông ăn tối một lần nữa.

Hôm nay không có món cá, lần này cô ngồi trước một chậu đậu. Cô hy vọng ông sẽ tới.Ồ, vui quá, ông đến sớm thế, ông ngồi xuống đi, tôi rất vui, cô nói. Ông tiến sĩ quan sát cô làm việc một lúc lâu, ông nói, ông thích ngắm cô, cô có nhận ra không? Nhất định ở Berlin cũng có rất nhiều người ngắm cô, và cô đáp hần người ta có lý do nào đó: vâng, liên tục, ngoài phố, trên tàu điện, và nếu có dịp thì cũng cả trong nhà hàng, cô không có ý rằng người ta ngắm cô những lúc đó cũng giống ông tiến sĩ ngắm cô bây giờ. Thế là họ chuyển qua đề tài Berlin. Ông tiến sĩ thích Berlin, thậm chí ông biết cả tổ chức Do Thái Volksheim và hỏi cô đã trở thành người nấu bếp ở đó ra sao, sau đó ông muốn nghe cô nói gì đó bằng tiếng Hebrew, ông đã theo học mấy năm nay ở một cô giáo tên là Puah, tiếc là không được giỏi lắm. Cô phải nghĩ một lúc mới đề nghị được ngồi cạnh ông trong bữa ăn, và ông đáp lại bằng thứ tiếng Hebrew sai bét, rằng ông đã nghĩ đến chuyện

đó cả đêm rồi, vừa nói ông vừa khom lưng, nắm lấy tay cô và còn hôn lên tay nữa, ra vẻ đùa cợt để cô không giật mình. Nhưng cô vẫn giật mình như thường. Cả khi cô gọt khoai tây sau đó và ông như vô tình chạm vào tay cô, cô giật mình, không hẳn vì ông mà vì chính mình nhiều hơn, vì cái cảm giác cuồng nhiệt và quy phục hoàn toàn, tựa như không cần tới một điều kiện nhỏ nhoi nào.

Sau bữa ăn tối Chủ nhật, họ đi dạo. Hai người hẹn nhau hăn hoi, trong một khoảnh khắc không bị ai quan sát ở bờ biển, vì họ không muốn làm phật lòng Tile vốn đang làm như ông tiến sĩ là của riêng mình. Chiều đến, khi tất cả mọi người xuống bơi, Dora chợt nhận ra cô đang tự so sánh với Tile. Tile vô tư sải cặp chân dài chạy ào ào qua quãng nước nông, làm nước bắn tung tóe, nhưng ông tiến sĩ không ngẩng lên nhìn, hôm nay cô thấy ông gầy gò và mảnh mai hơn mọi khi. Ông chỉ thoáng nhìn về phía Dora, nhưng cô tin đã cảm nhận được ánh mắt dò xét kỹ càng, tay, đùi, hông, ngực, đúng vậy, và cô hài lòng thấy ông ghi nhận tất cả để gộp lại thành một hình ảnh, không tìm tòi mà khẳng định, tựa như ông đã biết hết từ lâu. Nước ấm và lạnh, hai người ngập ngừng một lát mới lội xuống, Tile bắt đầu sốt ruột, hy vọng cô không theo dõi mọi diễn biến.

Cô em gái nặng về lịch sự hơn thân mật, khi ông tiến sĩ giới thiệu hai bên với nhau lúc sáng. Qua chuyện ông kể, họ cũng đã biết đôi chút về nhau rồi. Elli biết Dora làm nghề nấu bếp ở nhà nghỉ dưỡng bên kia, và nấu ngon nhất vùng Müritz, còn Dora biết, nếu không có Elli thì cô sẽ không có cơ hội làm quen ông tiến sĩ. Cô thích cách Elli nói về ông, đáng tiếc là anh tôi, Elli nói, khánh ăn lắm, phải thật kiên nhẫn và tình cảm thì đôi khi mới dỗ được.

Dora vận chiếc áo dài màu lục thắm khi đi dạo. Đã hơn chín giờ, trời còn hơi sáng, cô vui khi được đi cạnh ông và cảm thấy ông cũng vui sướng không kém. Lẽ ra họ có thể ra đầu cầu bến thứ nhất và ngồi xuống một trong các dãy ghế băng để quan sát mọi người đi lại, nhưng ông tiến sĩ

muốn đi tiếp đến cầu bến thứ hai. Dora cởi giày vì cô thích đi trên cát, ông tiến sĩ đưa tay cho cô vịn và họ lại nói về Berlin. Ông tiến sĩ biết Berlin từ những năm trước chiến tranh, cô ngạc nhiên vì ông biết nhiều thế, ông nhắc tên vài địa điểm quan trọng đối với mình, nói đến khách sạn Askanischer Hof là nơi ông từng trải nghiệm một buổi chiều khủng khiếp, dẫu vậy mấy năm nay ông vẫn muốn kiểm dịp đến Berlin. Thật ư? cô nói. Cô đến Berlin thực ra do ngẫu nhiên, cách đây đã ba năm rồi. Ông hỏi cô sống ở khu nào, ở đó ra sao, ông muốn biết toàn những chuyện kỳ cục như giá sữa và giá bánh mì, lò sưởi và không khí ngoài phố năm năm sau khi chiến tranh kết thúc. Berlin trần tục và hối hả, nhan nhản dân tị nạn từ miền Đông, cô kể, trong khu cô ở toàn người tị nạn, nhìn đâu cũng thấy các gia đình rách rưới thích hát hò, đến từ miền Đông kinh hãi.

Hết đoạn đi dạo ven bờ biển, họ ngồi xuống một cái ghế băng hẹp, gần đầu cầu bến thứ hai, trong quầng sáng đục của cột đèn. Họ vẫn nói tiếp về Berlin, ông tiến sĩ kể về ông bạn Max có người tình là Emmy ở đó. Giờ thì đáng tiếc là họ phải nói vài câu về Hans, ít nhất cô cũng phải nhắc đến anh ta, nhất là khi ông tiến sĩ nói đến một người đã đính hôn, nhưng đó là chuyện đã xảy ra cả nghìn năm trước. Ông tiến sĩ trở nên mơ màng, giả sử ông đến Berlin thì sẽ ra sao nhỉ, và cô đáp lại, thế thì rất thích, vì cô sẽ chỉ cho ông xem mọi thứ, nhà hát, sân khấu tạp kỹ, cảnh náo nhiệt trên quảng trường Alexander, mặc dù cũng có những góc yên bình, tận ngoài xa, ở Steglitz hoặc bên hồ Müggel, nơi đô thị tiếp giáp với làng quê. Ai mà biết được sự thế ra thế này, ông tiến sĩ nói, tôi đi ra biển Baltic nhưng phải trung chuyển ở Berlin. Thật may vì được ngồi đây với cô, ông nói. Cô cũng thấy may.

Trên cầu thưa dần bóng người, hẵn đã sắp nửa đêm, chỉ còn thấp thoáng bóng vài đôi tình nhân, mấy con hải âu ngủ trên phao định vị và ánh đèn hắt ra từ các khách sạn. Một làn gió nhẹ nổi lên, ông tiến sĩ hỏi cô có lạnh không, đã muốn đi khỏi đây chưa, nhưng cô muốn ngồi lại, ông hãy kể cho

cô nghe về người mà ông đính hôn hoặc về buổi chiều khủng khiếp nọ, nếu hai chuyện không phải là một, và ông tiến sĩ nói, thực ra là một.

Buổi đêm cô nằm chong chong mắt. Ông đưa cô về lúc một rưỡi, ngay sau đó sấm chớp ùng ùng nổi lên, cứ như ngay trên mái nhà, vì chớp và sấm chỉ cách nhau vài giây. Hình như nhiều người không ngủ, cả Tile cũng thao thức trên giường, cô hỏi ngay Dora vừa đi đâu về. Chị gặp ông ấy à? Dora trả lời, ừ, bọn tớ đi dạo một lát, sau đó sấm chớp ầm ầm. Họ yên lặng đợi cho cơn giông đi xa, và khi bên ngoài lạnh hẳn đi, Dora mở cửa sổ nhìn sang bao lơn nhà bên kia, nhưng bên đó tối om.

Trời mưa đến sáng sớm hôm sau, rồi tiếp tục đến tận tối, buổi chiều ông tiến sĩ mới tới, gần như đã trở thành một thói quen, ông ngồi hỏi cô đủ chuyện, cứ như chẳng bao giờ cạn câu hỏi cả. Cô ưa cách xưng *ông tôi* theo khuôn phép, nó cũng chỉ là cái vỏ ngoài, cô biết chứ, một thứ che chắn tạm thời mà một ngày nào đó cô sẽ gỡ bỏ. Cô có thể nói: Tôi có nhớ ông, trong bữa sáng hôm nay chúng tôi có nói về ông, ông còn nhớ Berlin đấy chứ? Cô liên tục nghĩ tới chuyện đó. Đôi khi cô phải tự cảnh báo, vì đó chỉ là những giấc mơ, thậm chí trong tâm tưởng cô đã đưa ông vào phòng mình ở phố Münze, cho dù cô không thích căn phòng ấy chút nào, trong đó không có vòi nước, thực ra chỉ là một phòng kho có tủ và giường, nhìn ra sân sau tối mò.

Cô đoán ông cỡ ba lăm, có nghĩa là ông phải hơn cô mười tuổi. Ông nói là ông không được khỏe, vùng đỉnh phổi của ông bị nhiễm lạnh, vì vậy ông tìm vùng biển và khách sạn trong rừng; chỉ vì mấy năm nay ông không khỏe mà cô gặp được ông.

Miệng ông, cách ông nói như một làn nước, cách ông xuyên thấu cô một cách nhẹ nhàng. Trước ông, chưa người đàn ông nào nhìn cô như thế, ông nhìn thấy nhục thể, thấy sự phập phồng dưới làn da, sự run rẩy, và mọi thứ làm cô hài lòng.

Có lần cô cảm giác rất hạnh phúc khi nghe ông thuật lại một giấc mơ. Ông mơ thấy đi tới Berlin, ông ngồi trên tàu đã được mấy tiếng, nhưng vì lý do nào đó mà nó không dịch chuyển được mấy, ông tuyệt vọng vì tàu liên tục dừng, ông sẽ không tới nơi đúng giờ, mà người ta thì đợi ông ở ga vào tám giờ tối, lúc này đã bảy giờ mà ông vẫn chưa qua biên giới. Giấc mơ như vậy. Cả Dora cũng đôi khi mơ như thế, và điều quan trọng nhất đối với cô là người ta đợi ông đến. Ở địa vị cô thì cô không ngại đợi, cô nói, ngồi nửa đêm trên ghế băng cũng chẳng sao. Ông tiến sĩ nói: Thật ư? Cho đến hôm qua ông gọi cô là cô, cô thích thế, nhưng giờ đây ông chỉ gọi mỗi “Dora”. “Dora” có nghĩa là tặng vật, ông chỉ việc đón nhận thôi, cô đang đợi.

3

Ông tiến sĩ hết sức ngạc nhiên thấy mình ngon giấc. Ông đang chuẩn bị lao vào một cuộc đời mới, thực ra phải sợ mới đúng, thực ra phải nghi kỵ, nhưng ông lại ngủ, lũ ma quái không xuất đầu lộ diện, dù ông vẫn luôn đợi chúng, đợi những trận chiến ngày xưa trong đầu. Nhưng lần này có vẻ như không có chiến trận nào, đúng là một phép màu, và có một kế hoạch tiếp sau phép màu ấy. Ông không nghĩ nhiều đến cô, ông hít cô vào rồi thở cô ra, những buổi chiều trong bếp, lúc họ đi dạo ở Berlin trong tưởng tượng, trong bữa ăn, khi một làn hương từ cô thoảng bay đến. Tối đến, lên giường, thỉnh thoảng ông nghĩ ngợi về một câu nói, một góc da thịt, diềm váy của cô, cách cô cầm nĩa khi ăn, hôm qua, lúc ông hỏi về cha cô, một người Do Thái sùng đạo và từ lâu nay xung khắc với con. Hiện tại cô không xuất hiện trong giấc mơ của ông. Nhưng ông không đánh mất cô lúc ngủ, vừa sáng sớm ông đã biết ngay cô đang ở đâu đó, dường như giữa ông và cô có một sợi dây mà cả hai cùng chậm chậm kéo để xích lại gần nhau. Cho đến nay hầu như ông chưa chạm vào cô, nhưng ông không chỉ lờ mờ phỏng đoán, rằng sẽ đến một ngày ông chạm vào cô, ông không ghét mình vì thế, ông

gần như coi đó là quyền của mình và nỗi lo sợ chỉ là một điều mê tín đã bị đê bẹp.

Từ một tuần nay họ gặp nhau hằng ngày. Ông gặp các em gái và lũ cháu chủ yếu chỉ vào bữa sáng. Vừa hôm qua thôi, ông buộc phải nghe than phiền rằng ông dành quá ít thì giờ cho họ. Elli nói thế, nhưng dường như thực tế cô rất thuận lòng với ông và cái cô Dora kia, vì nhờ vậy ông có việc mà làm ở cái xứ Müritz buồn thiu này, và đêm đêm không phải bận bịu với những chuyện ngớ ngẩn. Chưa bao giờ ông tiến sĩ ưa nói đến công việc của mình, nếu cô hỏi thì ông sẽ trả lời rằng, ông thậm chí không viết thư, kể cả cho Max, người mà ông có thể báo tin ông đang suy tính chuyện đi Berlin. Cơ may để thực hiện dự định đó quá mong manh, nó giống một hơi thở hơn là một ý nghĩ, khó có thể diễn tả thành lời, và ông sợ chỉ cần một câu nói sai nó sẽ tan biến.

Có thể Max sẽ hài lòng khi biết cô là người miền Đông. Từ khi các đô thị tràn ngập dân tị nạn, ai cũng nói đến miền Đông, Max cũng thế, ông là người hy vọng sự giải cứu cho dân Do Thái đến từ miền Đông, nhưng không hề có sự giải cứu nào, từ miền Đông cũng không.

Ai từ miền Đông tới, người ấy rũ bỏ cuộc sống cũ của mình trong nháy mắt, vì vậy Dora tự do hơn ông nhiều, tung cánh bay xa hơn, nhưng đồng thời bị ràng buộc hơn, cô là người biết cội rễ của mình ở đâu, cũng chính vì ông vừa chặt đứt nó. Trong mắt ông tiến sĩ, cô không hiện ra sâu muộn như Max có lẽ sẽ quả quyết, tựa như cô bước ra từ một tiểu thuyết của Dostoyevsky. Cả Emmy cũng đâu có sâu muộn, cô là người Berlin chính cống, tóc vàng mắt xanh, và bí mật duy nhất của cô là quan hệ giữa cô và Max, nhờ cô mà ông biết được thế nào là thỏa mãn xác thịt. Trước mặt ông tiến sĩ, Max đã nhiều bận nói bóng gió đến chuyện ấy, may mà không đi vào chi tiết, song Max là bạn ông, đã có vợ, và dường như phù thủy Emmy đã đẩy Max chệch một bước khỏi con đường sáng. May mà họ không sống cùng thành phố, nhưng tất nhiên cũng không may, ít nhất đối với Emmy.

Cô than phiền rằng hai người ít gặp nhau quá. Cô cũng than phiền với ông tiến sĩ. Giữa chạng tối đây, ông đã đến thăm cô tại căn phòng gần Sở Thú và đề nghị cô hãy tự đặt mình vào hoàn cảnh của Max.

Dora cười khi nghe mấy chuyện đó. Họ ngồi ở bãi biển và kể cho nhau nghe chuyện đợi chờ. Ông tiến sĩ cũng đã đợi nửa đời mình, ít nhất thì đó là cảm giác của ông khi mọi chuyện đã qua, người ta cứ đợi, không còn tin là sẽ có ai đến, và đột nhiên, có người đến.

Hôm sau trời mưa như thác đổ. Từ trên bao lơn, ông tiến sĩ quan sát đám người đi lại rầm rập bên khu nhà nghỉ mát, vì hôm nay là Chủ nhật và một nửa số trẻ con quay trở lại Berlin. Tile cũng phải về cùng. Gần mười một giờ cô quàng áo mưa đứng ở sảnh, cẩn rắng kìm nước mắt. Ông tiến sĩ đã mua tặng cô món quà chia tay, một cái đĩa màu ngọc đỏ mà hôm nọ cô phát hiện ra trong một tủ kính trưng bày. Cô vui sướng khôn tả vì trước đó cô vẫn hay nhắc đến nó. Chúng ta sẽ gặp nhau ở Berlin, ông tiến sĩ hứa, ý ông chỉ là trên đường về ông sẽ ghé thăm cô ở hiệu sách. Mặc dù vậy, lúc này cô vẫn khóc. Ô hay, sao vậy, ông hỏi, cô lắc đầu và quả quyết chỉ vì sung sướng. Ông đã có địa chỉ chưa? Ông tiến sĩ gật đầu, ông đã ghi lại cả rồi, ông sẽ viết ngay cho cô, chừng nào biết chính xác ngày giờ, vì nếu cứ mưa mãi thế này thì hai cô em gái ông sẽ muốn về nhà sớm. Đến đây thì phút chia tay cũng đã dài, Tile mân mê cái đĩa, ông tiến sĩ động viên cô, vì hôm trước cô không muốn nghĩ tới chuyện tiếp tục sống chung với cha mẹ nữa, nhưng ông tiến sĩ nói, cô phải sống ở đó, không nhớ chuyện đôi giày ba lê à, cô đã hứa rồi đấy.

Gần như ông thở phào khi Tile đi khỏi. Ông không muốn nói ra với Dora, nhưng chính Dora cũng nhẹ cả người, hai người nhận rõ sự vắng mặt của Tile ngay lập tức. Chừng nào Tile còn ở đây, họ sẽ cảm thấy bị soi mói, giờ thì họ cũng không hẳn tự do, nhưng nhẹ nhõm hơn.

Bất chấp thời tiết xấu, họ hẹn nhau đi dạo. Dora nói khoảng mười giờ sẽ đến đón ông tiến sĩ, ông ngồi trên phòng đọc sách, song cô đến sớm hơn

nửa tiếng. Cô đội mưa chạy qua, mái tóc dày nặng và cả khuôn mặt cô ướt đẫm. Trong một thoáng ông thấy cô lạ lắm, nhưng chỉ vì cô đứng trong phòng ông. Thì ra ông ở đây, cô nói còn chưa bước qua khung cửa; cô hy vọng không làm phiền ông. Cô chẳng hề nhìn căn phòng, cứ đứng đó mỉm cười, ngắm nhìn ông, ông tiến sĩ chỉ còn phải lấy áo choàng, nhưng thay vì thế, không hề báo trước, ông ôm cô. Đúng hơn là ông chỉ rướn người về phía trước, gần như lướt đến, ông hôn lên tóc và trán cô, vừa hôn vừa thì thầm, cả nụ hôn cũng tựa như lời thì thầm, ông vui vô cùng. Từ khi phát hiện được cô trong bếp, ông vui vô cùng. Vâng, cô nói. Cô vẫn dựa vào cửa, tựa như tiếp tục đợi đến lúc hai người lên đường, áo choàng của ông treo trong tủ đầu kia, ông chỉ còn phải đi lấy nó, nhưng ông không đi. Ông nói về Berlin; nếu cô muốn thì ngay hè này ông sẽ tới Berlin. Có đúng ông nói thế không? Cô gật đầu, cô hôn tay ông, hôn lên đầu các ngón tay, nhưng giờ thì cô phải cởi cái áo khoác ngớ ngẩn ra. Hình như cô run, căn phòng sưởi không được ấm lắm, cô khoác một chiếc áo dài mà ông chưa thấy bao giờ, và mặc cái áo dài đó thì run là phải. Đừng đi, cô nói khi ông định rời ra một thoáng để treo chiếc áo khoác của cô, rồi họ đứng đó hồi lâu, hơi nghiêng người, ôm nhau mà như không, hông kề hông, như một đôi tình nhân. Cô thấy nhớ ông ngay, cô nói, sau lần nhìn thấy nhau ở bờ biển, mặc dù cô đã không tin. Giờ thì cô tin. Có thể tin vào nụ hôn được không? Cô muốn biết ông nghĩ gì, bây giờ, ngay lúc này, liệu ông có nghĩ đến chuyện ấy không. Không, đừng nói ra, cô thì thầm, dù thực ra chẳng rõ vì sao lại thì thầm. Dora đi ra bao lơn và lắc đầu thất vọng vì thời tiết, riêng về chuyện thời tiết thì đúng là họ quá xúi quẩy. Cô ngồi xuống tràng kỷ cạnh cửa ra bao lơn, chỗ ông tiến sĩ thỉnh thoảng ngồi đọc sách, ông nhận xét chiếc áo dài, cô mua nó ở Berlin, đó là lý do để ông nhớ rằng Dora có một quãng thời gian trước mùa hè này và thực lòng ông muốn biết về quãng thời gian đó. Ông nhận ra cô trẻ trung xiết bao, cô còn cả cuộc đời trước mắt, ông thầm nghĩ, ông có quyền gì để vươn tay chạm vào?

Nỗi ngờ vực dấy lên về đêm. Không phải một cuộc giao chiến như ông hằng quen thuộc, dù vậy ông vẫn thức trắng đến sáng, thời gian trôi lê thê,

không cách nào ngủ nổi. Ý nghĩ chậm chạp xuyên thấu thân thể ông, ông có thể thản nhiên quan sát chúng mà không có cảm xúc gì đáng kể, như ông ngạc nhiên xác nhận, giống một kế toán viên làm quyết toán và không việc gì phải nghi ngờ những con số. Không đếm xỉa thứ tự, câu hỏi nào hiện ra là ông tiếp nhận, xử lý từng câu rồi lặp lại lần nữa. Ông có bệnh, ông hơn cô mười lăm tuổi, dù vậy ông có thể thử sống với cô, ở Berlin, may mà cô là người Berlin chứ một thành phố khác thì không bao giờ lôi kéo nổi ông. Đó là các điều kiện mà ông thấy tương đối thuận lợi, không kể đến những nụ hôn ban sáng. Những gì còn lại đều bất lợi: Trong mấy ngày ở bờ biển này, ông hầu như không tăng cân, ông thấy mình yếu ớt, ông không biết làm sao để giải thích với cha mẹ, rằng có một người, một thiếu nữ, đã thế còn là một người miền Đông, từ cái xứ vốn bị cha ông khinh thị. Liệu ông có nên bước đến trước mặt cha và nói, con làm quen cô ấy ở Müritz và sẽ đi Berlin với cô ấy? Ông sắp xếp các kiểu mở màn cho suôn sẻ, thoát tiên thử nói với mẹ, sau đó thử với cha. Ông tự hỏi, tại sao lại khó khăn nhường ấy, rồi cuối cùng ông gần như bình tĩnh làm lại từ đầu để không bỏ sót điều gì, tình hình ở Berlin, chuyện phòng ở, và lặp đi lặp lại: bệnh tật, tính thiếu cương quyết mà ông vẫn tự trách mình bấy lâu nay, nhưng hoàn toàn vô hiệu.

Ông kể cho Robert nghe về đêm đó, không hẳn chỉ vì ông coi trọng nó, mà vì giữa hai người từ lâu nay đã thành một kiểu tập tục là than phiền về buổi đêm của mình. Ở an dưỡng đường trước đây hai năm, từ khi quen nhau họ hay bàn chuyện chuyển tới một thành phố khác. Bây giờ ông tiến sĩ trở lại đề tài đó, có lẽ cả hai người phải chóng ra đi, chậm nhất là sang năm, đi đến cái khu Do Thái bản xứ của Berlin chẳng hạn, nơi Dora đang sống, mặc dù ông không hề nhắc đến cái tên Dora.

Họ hẹn gặp nhau vào buổi chiều để gỡ gạc lại buổi đi dạo bị lỡ. Lần này cô đợi ông, vẫn khoác chiếc áo choàng cũ, vẻ hơi ngập ngừng, tựa như cô nhận ra được ngay cái đêm không lành. Cô nhìn ông dò hỏi, nhưng ông làm ra vẻ không có gì, lần đầu tiên ông cầm tay cô, nhỏ và khô. Chưa đi được

mấy bước, họ đã trở lại tình cảnh giống như hôm qua trên phòng ông, vẫn giọng thì thầm ấy, trong khi quanh họ rì rào tiếng mưa đổ xuống rừng thông và bạch dương. Ông tiến sĩ gợi nhắc tâm trạng bối rối của mình từ hôm qua đến giờ, mọi thứ đều mới lạ một cách đáng sợ, mọi thứ đều điên đảo. Ông muốn cô không nhầm về ông, muốn cô đánh giá ông chính xác, đánh giá cả chính mình, để sau này cô không ân hận. Cô nói, cô không biết có gì để ân hận? Ông tiến sĩ không biết thể hiện ra sao. Ông đang có bệnh, ông nghỉ hưu từ một năm nay. Ông có những thói quen kỳ quặc. Để cô mừng rỡ ra tình cảnh của ông, ông kể về bệnh lao của mình, chỉ để cô hiểu ra cô đang đứng trước tình thế nào, vì hôm qua ông nắm được ý cô, bản thân ông hiểu tình thế này. Chuyện bệnh trạng của anh, em không quan tâm. Có chứ. Em chỉ muốn có mặt nơi anh có mặt, còn lại sẽ ổn thôi. Ông nghe rõ nhất hai chữ “chúng mình”, nghe âm hưởng của nó, nhẹ nhàng và quả quyết, cứ làm như chẳng có gì ghê gớm có thể xảy ra với họ nữa. Về chuyện phòng ở thì cô đã suy nghĩ rồi. Cô quen vài người có thể nhờ vả, nếu ông muốn thì ngay hôm nay cô sẽ viết thư về Berlin. Anh có muốn không? Trên đường ra bãi tắm, đoạn cuối trước khi ra khỏi rừng, cô nêu vài cái tên mà ông hoàn toàn không quen, cả hai lạnh run, mặc dù mưa đã ngớt hẳn. Đợi đã, cô nói. Em làm nhé? Cô ám chỉ vấn đề phòng ở, nhưng cũng có thể còn hơn thế nữa, ông tiến sĩ nói, ừ, em viết đi, và ông chỉ muốn biết, Thượng đế nhân từ nào đã đưa cô đến với ông.

Về phòng lúc trời tối, ông tiến sĩ cố hỏi tường những gì hai người đã nói, nhưng thực ra ông không chỉ nghe tiếng cô gái, mà nghe cả sự im lặng không dễ chịu trong khi họ cứ dần bước và nói tiếp. Ông không biết gì hơn nữa. Ông đã tương đối bình tâm, mọi thứ đều đi đúng đường, cứ như là ông chẳng phải làm gì. Ông chỉ còn phải viết cho Else Bergmann về chuyến đi Palestine nữa thôi, vì nhất định sẽ không có một chuyến đi như vậy. Chắc Else sẽ không ngạc nhiên lắm nếu ông không đi, tuy nhiên ông vẫn phải giải thích, ông phải cố vượt qua sự ngần ngại để viết thư và làm ra vẻ như rốt cuộc ông không muốn thế.

4

Phải một lát sau cô mới hiểu ông muốn gì. Vì sao ông ngập ngừng khi chạm vào cô, trong khi chính cô không muốn gì hơn thế những lúc ông đến đón cô đi dạo, vì giờ đây hầu như hôm nào họ cũng đi dạo. Trời vẫn tiếp tục hơi lạnh, nhưng đã hết mưa, thậm chí hửng nắng, họ có thời gian, họ có thể đi dạo thật lâu, tay trong tay, nhưng Dora vẫn còn cảm giác run rẩy, tựa như cô có thể đánh mất ông trong nháy mắt. Cô không hiểu một số điểm ở ông, chẳng hạn khi ông tự nói xấu mình trước mặt cô thì ông muốn biết, liệu cô có thấy đó là nghiêm túc. Hay chẳng hạn, ông có thể nói, em muốn biết sự thật không. Hoặc ông nói, ông chỉ có thể làm cô sợ ông, và sau đó cô cười nhạo ông và lắng nghe ông nói, tựa như ông đang nói về một người đàn ông mà cô không quen.

Họ ngồi trên chiếc ghế băng giữa rừng, và ông không ngớt tự làm khó mình. Ông hình dung ra hai người ở Berlin, dĩ nhiên khi đã có phòng ở, thì tình cảnh sẽ ra sao. Ông muốn cô ở gần ông nhiều như có thể, nhưng ông cũng phải ở một mình, nhất là khi ông viết. Ông hay đi dạo hàng giờ trong thành phố, vì trong khi đi các hình ảnh sẽ xuất hiện, từng câu một, sau đó ông chỉ việc viết chúng ra giấy. Ông chỉ viết về đêm. Khi viết ông là một người rất khó chịu. Nhưng bây giờ ông đang cười. Cô cho rằng lời tự thú đó không đáng sợ lắm. Nghe có vẻ lạ tai, nhưng không mang tính đe dọa. Vậy anh ấy sợ gì? Sợ mình à? Anh sợ em hay sao? Sợ em quấy rầy anh? Nếu em quấy anh thì em sẽ đi, cho đến khi anh ra hiệu cho phép em quay lại. Cô nửa đùa nửa thật, nhưng ông có vẻ yên tâm. Mấy tuần nay hầu như ông không viết được gì, có thể ông không viết được nữa chẳng, nhưng nghe giọng ông không có vẻ như ông tin điều mình nói. Thế đấy, em hiểu không? Cô không chắc có hiểu không, nhưng lúc đó ông hôn cô. Ông ước được ở nơi nhiều cây xanh, cô nói “vâng” và lại “vâng” lần nữa, trên ghế băng giữa rừng. Đôi khi anh không tin nổi mình đang có em, ông nói.

Ông vận bộ com lê mới, màu lam đậm, gần như đen, kẻ sọc trắng li ti, sơ mi trắng, gi lê, chiếc cà vạt thì cô đã quen.

Cô viết cho người bạn là Georg, rồi viết cho Hans. Hans đã gửi cô hai bưu thiếp, mấy thông điệp nguệch ngoạc mà cô không biết trả lời ra sao. Ẩn sau những dòng chữ là lời nhắn rằng anh nhớ cô, anh không trách cô, nhưng chính vì vậy mà cô ngại nhờ vả anh. Từ khi quen ông tiến sĩ, cô nhìn Hans bằng cặp mắt khác, tựa như anh nhỏ nhắn đi, như một người mà ta không cần phải chú tâm quá mức ở tư cách đàn ông, vì anh, giống cô, mới hai lăm tuổi. Mặc dù vậy cô phải viết cho anh, bố anh là kiến trúc sư, có nhiều quan hệ, và cô cần những quan hệ đó. Ông tiến sĩ là người cô làm quen ở bờ biển và cô muốn giúp ông. Cô cảm giác giọng mình hơi khách sáo. Tháng Chín cô sẽ về Berlin, cô thông báo, hy vọng anh khỏe, nghe gần giống như cô không quan tâm lắm đến việc anh có khỏe hay không. Nói cho đúng thì cô không nợ nần gì anh cả. Hai người có đôi ba lần đi xem phim, và chỉ có vậy, ít nhất là về phần cô. Cô vui mừng vì ông tiến sĩ không hỏi về Hans, vì nếu vậy sẽ làm cô lúng túng, cứ như người ta phải xấu hổ vì một người như Hans. Sau đó, vào buổi chiều, họ lại muốn đi dạo, ông tiến sĩ hứa mua kem cho bọn trẻ con trong làng, vì vậy có thể họ đi muộn hơn.

Hôm qua, trên đường về ông nói với cô, ông không thể sống một mình ở Berlin. Chỉ vì gặp cô mà ông nghĩ đến Berlin. Chẳng hạn ông không biết nấu nướng. Liệu ở Berlin cô có nấu ăn cho ông không? Ông hỏi như một gã học trò ngô nghê. Ông không thể ép buộc cô làm việc đó. Cô ôm ông, hôn ông và nói, ông khiến cô hạnh phúc xiết bao, mặc dù mấy hôm nay cô nhận thấy ông ít động vào thức ăn cô nấu. Ông sút cân từ khi cô quen ông, và bây giờ ông muốn được cô nấu ăn cho ở Berlin.

Elli cũng nói rằng ông anh trai không làm cô vui, ông không chỉ sút cân, mà hầu như sáng nào cũng sốt, một phần do thời tiết lạnh, thật đáng tiếc. Họ thoáng gặp nhau ở sảnh. Dora hiểu lời cô em gái là một câu trách ngăm, tựa như lâu nay nhiệm vụ của cô là chăm lo sức khỏe của ông tiến sĩ. Trong

bữa tối với lũ trẻ mới đến, ông bỏ bữa phần lớn và quả quyết đã ăn trước ở nhà. Đừng giận anh, ánh mắt ông nói, nhưng nếu cô nghĩ cho kỹ thì nghe như là: Em không hiểu chuyện đó, em còn không hiểu nhiều chuyện nữa, mặc dù vậy em rất đáng yêu trong mắt anh.

Em là cứu tinh của anh, ông nói. Vậy mà anh đã từng không tin vào cứu tinh nữa.

Nếu người ta có thể chết vì hạnh phúc thì nhất quyết điều đó phải xảy ra với anh, và nếu người ta có thể nhờ hạnh phúc mà sống sót thì anh sẽ sống sót.

Trước khi chìm vào giấc ngủ, nghĩ đến ông, cô vui sướng nhất vì được ông gọi *em*, vì ông luôn ân cần khuyên bảo cô, cứ làm như cô không tự biết mình là ai vậy. Anh đã nói gì về cái áo dài của em chưa nhỉ, ông nói, và vài phút sau: Nào, đọc cho anh nghe chút gì đi, vì nếu họ không đi dạo thì cô phải đọc cho ông nghe tiếng Hebrew. Cô đã đọc từ cuốn Jesaja, ông thích nhất các nhà tiên tri. Anh có thể ngồi hàng giờ nghe em đọc, ông nói. Hoặc ông bảo: Anh muốn gói đầu vào lòng em, khi nào đủ dũng cảm thì anh sẽ xin phép em.

Thời tiết tiếp tục là một thảm họa. Chừng nào cô vẫn còn được ngồi trong bếp với ông thì đó chỉ là chuyện vặt, nhưng bỗng dưng giờ đây ông và hai em gái lại có kế hoạch rời Müritz. Karl, chồng Elli, đã đến. Ngay trong bữa sáng đầu tiên họ bàn bạc kỹ chuyện ông tiến sĩ không ăn và xuống cân chưa từng thấy. Buổi chiều ông kể cho cô biết. Valli gợi ý nên ra đi, thậm chí bọn trẻ cũng chẳng phản đối nhiều; từ khi không được ra biển, chúng sinh hư. Dường như ông không mấy thích thú về triển vọng sắp tới, ông không hề khẳng định lịch xuất hành đã được quyết định, song sớm hay muộn thì tất nhiên họ cũng sẽ ra đi, và điều đó, tiếc thay, có nghĩa là ông cũng ra đi, vì ông không thể ở lại một mình nếu thiếu các cô em gái.

Thoạt tiên cô không muốn tin. Nhưng tại sao không, cô hỏi. Và thế nào là “một mình”? Anh mà “một mình” à? Cô muốn nói là cô chưa hề được nếm quả ngọt từ ông, thêm nữa, cho đến nay họ lúc nào cũng chỉ có vài tiếng đồng hồ với nhau, cô không thể bỏ đây mà đi được, nếu bỏ đi được, cô sẽ không ngần ngại đi theo ông. Ông tiến sĩ cố xoa dịu, thì đã có ai quyết định ra đi đâu, cho dù ông phải thừa nhận là ông xuống cân không ít, có thể họ sẽ tìm được một địa điểm thích hợp hơn trong mấy tuần tới.

Họ đứng trong phòng ông, giờ đây cô không thể nhìn vào mặt ông, khi đã hiểu ông chỉ còn ở đây vài hôm nữa. Cô nhận ra mình chưa bao giờ tin vào giờ phút ra đi. Cô cứ nghĩ, khi kỳ nghỉ hè chấm dứt hai người sẽ đi thẳng về Berlin. Bây giờ đến lượt cô phải tính toán lại kế hoạch. Ông tiến sĩ đứng áp sau lưng cô, cô cảm nhận hai bàn tay ông trên bụng cô, cách ông lùa ngón tay vào tóc cô, mũi ông hít mùi cô. Ông nói: Kế hoạch của chúng mình sẽ không thay đổi một li nào cả. Anh thậm chí không cần phải hứa với em điều đó, vì nếu anh hứa thì cũng có nghĩa là anh còn hoài nghi; càng sớm rời khỏi đây anh sẽ càng nhanh đến Berlin. Cô không chắc có nên tin không, hay đó chỉ đại loại như cái đĩa màu đỏ của Tile, một thứ cốt để người ta đem theo về nhà rồi mới không rõ nên làm gì với cái của nợ ấy. Mai cô Puah đến, ông kể, anh nghĩ là em sẽ mẫn cô ấy. Suốt từ nãy ông không buông cô ra, cả hai vẫn đứng trước bếp lò trong bếp, tay ông ấm áp, như một sự an ủi mơ hồ, nhưng cũng chỉ thế thôi.

Quả thật cô mẫn Puah ngay. Puah tới đây không chỉ vì ông tiến sĩ, nhưng người ngoài nhận thấy ngay là họ thân nhau. Ông học tiếng Hebrew ở chỗ Puah, ngoài ra Puah dạo này cũng sống ở Berlin, vậy có thể gọi đó là mối quan hệ kép. Trước mặt Puah ông không hề nhắc đến kế hoạch đi Berlin của hai người. Ông khen nhà nghỉ mát, rồi bọn trẻ con, tuy nếu phải nói thực lòng thì ông thấy chúng không còn đáng yêu nhiều như dạo trước, khi tối nào mọi người cũng vừa ăn vừa hát trong vườn. Nghe ông kể cứ như đó là chuyện ngày xưa ngày xưa. Đây là Dora, ông nói, và trong tai Dora ngân lên: nhìn này, đây là điều kỳ diệu đã xảy ra với anh đấy. Tiếc là ông sắp rời

khỏi đây, ông kể vào buổi tối, khi tất cả ngồi bên nhau. Không phải ai cũng đồng ý với quyết định ấy, ông phản đối quyết liệt nhất. Puah nói: Vậy thì mình gặp nhau ở Berlin chứ sao. Sau đó họ trò chuyện hồi lâu về Berlin, nghe như ở đó cái gì cũng tồi tệ, thật đấy, cứ như ở bất cứ đâu cũng đều hay hơn Berlin, nơi cảnh sát phải bảo vệ các quầy bán khoai tây và Ngân hàng Quốc gia mỗi ngày in mới hai triệu tờ bạc. Mọi người ở xá nhà quê này có nắm được tin tức không? Ông tiến sĩ cười và nói, ở đây cũng có báo, nhưng Dora không chú ý nghe, cô nhìn ánh mắt của người phụ nữ tên Puah. Cô ta thích ông tiến sĩ, cô ta lùa tay lên tóc khi nói chuyện với ông, châm chọc thứ tiếng Hebrew của ông và nói, ông là học trò thông minh nhất của mình. Nhìn xa người ta dễ tưởng Puah là chị gái của Tile, Dora gần như kiêu hãnh khi thấy Puah thích ông tiến sĩ, Dora không ghen, hay chỉ ghen chút xíu thôi, ngày đầu cô cũng từng ghen với Tile, nhưng rồi ông vào bếp đứng với cô và chỉ thích mình cô mà thôi.

5

Từ khi biết ông sắp ra đi, cô ngày càng kiệm lời. Ông tiến sĩ cam đoan với cô nhiều bận là mọi chuyện đã được quyết định, mặc dù vậy ông vẫn bồn chồn và đầy ngờ vực. Từ mấy hôm nay ông hầu như không ngủ, ông đau đầu, và chứng đau đầu càng không đỡ khi người ta thay đổi địa điểm, thời tiết cũng chẳng giúp gì, dù rốt cuộc thời tiết đã có vẻ khá hơn. Buổi chiều tất cả ra bãi biển. Vậy thì tại sao ông không ở lại đây? Ông nói với Dora: Cũng vì Berlin. Như trên đường tới đây, lúc quay về ông muốn ghé qua Berlin một chút để ngó nghiêng, đi dạo ở quận này quận kia, và vài tuần nữa, khi sức khỏe đã khá hơn, ông sẽ quay về đó mãi mãi. Còn ba hôm nữa. Ông mệt. Dora day trán và thái dương ông một lúc, ông cảm nhận được nỗi buồn của cô, ông đã từ chối bữa tối ở nhà nghỉ mát.

Ông sợ sẽ làm cô thất vọng. Ông bỏ cô đi, ông không thể nói tương lai ra sao, riêng đó đã là một nỗi thất vọng. Không, cô nói. Anh không cần nói nữa. Sau đó cô ngồi khoanh chân trên cát trước mặt ông, mỉm cười, vẻ hơi dò hỏi, vì đó là lần cuối cùng họ ngồi đây, trời ấm dễ chịu, Dora thấy mọi thứ tuyệt vời, gần như trong những ngày đầu tháng Bảy, trước khi ông phát hiện ra cô.

Mặc dù chưa gói đồ đạc, căn phòng đã trở nên xa lạ đối với ông. Hôm qua ông còn ngồi ở bàn này, viết cho Tile, và mấy hôm trước - một tấm bưu thiếp gửi cha mẹ, ngoài ra có thể nói ông chẳng viết gì trong cả tháng, đôi dòng nhật ký thì có, nhưng cũng chỉ hời hợt, mấy nét phác, không nhắc đến Dora. Thư của Robert nằm đó mấy hôm rồi. Anh than vãn về chuyện ốm đau hoặc tự tưởng tượng ra bệnh. Ông tiến sĩ không muốn tỏ ra thương hại quá mức, thay vì thế thì chính ông lại than vãn trong thư trả lời của mình, ông nhức đầu và mất ngủ, thứ Hai đi khỏi đây. Lẽ ra ông có thể nhắc tên Dora, thay vào đó ông kể chuyện về khu trại nghỉ hè và vị thế làm khách của mình, đáng tiếc là cái vị thế ấy chẳng rõ ràng, vì có sự chông chéo giữa quan hệ chung chung và một quan hệ cá nhân. Ít nhất thì bằng cách đó cô cũng được nhắc đến. Không chữ nào về các kế hoạch của ông. Biết nói với ai chuyện ấy? Với Max, người bật tin từ mấy tuần nay? Với Ottla thì có thể nói chuyện được, và đột nhiên đó là hy vọng của ông, gạt chuyện xuất hành sắp tới qua một bên, hôm nào về ông sẽ bàn bạc với Ottla. Ông ra ngồi ngoài bao lơn để lắng nghe những tiếng nói thân thuộc, không quá lâu, để không quá bịn rịn khi ra đi. Nhất định ông sẽ thấy thiếu những tiếng nói đó, ông nghĩ, biến thì có thể bỏ qua, ông sẽ nhớ cánh rừng, cho dù ở nơi khác cũng có rừng, có những căn phòng để ngồi viết.

Cuộc chia tay chóng vánh và nhẹ nhõm. Ông thấy cô rất cứng rắn, vẫn chiếc áo dài cũ mà trông thấy là ông có thể quỳ xuống, ngay tại đây, giữa căn bếp của cô. Hôm nay ông sẽ không ăn cùng cô, vì ông hứa sẽ ở với lũ trẻ tối cuối cùng, bù lại ông cùng cô ra bờ biển thêm một lần. Chẳng có gì nhiều để nói nữa. Ông xin cô tuyệt đối không tiễn ông ra ga. Vâng, được

thôi, cô nói, và ông tiếp lời: Hẹn chóng gặp lại, và đến lượt cô: Vâng, chóng gặp lại.

Lên phòng, ông thấy nhẹ nhõm vì cô đã để ông đi một cách nhẹ nhàng. Ông hứa sẽ đánh điện ngay khi còn ở Berlin, và cô nói: Xin anh đừng quên những gì đã qua, giờ thì đi đi, mọi chuyện sẽ đâu vào đấy cả thôi. Ông bắt đầu gói đồ, bên nhà nghỉ đang bữa tối. Sao cô lại có thể nghĩ ông quên được bất cứ thứ gì. Elli cũng gói xong đồ đạc rồi, các cháu không muốn để ông đi, mãi gần mười giờ ông mới về phòng. Bên nhà nghỉ hè im ắng hẳn, ông quan sát lũ trẻ ngồi dọc cái bàn dài, nhưng không thấy buồn, tựa như ông đã đi khỏi rồi, đang ở Berlin, trên đường tới khách sạn.

Thoạt tiên ông không nghe tiếng gõ cửa, tựa như không tin có ai đã gõ cửa, và đó chính là Dora. Lần này rõ ràng cô không chạy học tốc như bữa nọ, ngược lại, cô có vẻ trầm lặng, hơi nhợt nhạt. Cô không khóc, cô nói, nhưng cô đã nghĩ ngợi mất nửa buổi tối bên khu nhà nghỉ hè. Cô muốn cầu xin ông một điều, hãy hoãn chuyến đi vài hôm, vì sáng sớm mai ông không thể và không được phép ra đi. Em xin anh, cô nói, rồi lặp lại: Xin anh. Cô lại ngồi trên tràng kỷ, non nớt và nghiêm trang đến khó tin, tựa như chính cô thấy ngạc nhiên khi bước chân được tới đây. Cô lắc đầu, im lặng một hồi lâu, rồi: Cô không ngờ là nặng nề đến thế. Nhưng không phải vì vậy mà cô đến. Em chỉ luôn nghĩ, anh không thể cứ thế mà đi được. Anh có làm được thế không? Không, ông nói. Lẽ ra ông có thể, nhưng bây giờ không được nữa rồi.

Suốt chuyến đi ông giữ mùi hương của cô, vắng đâu đó một câu nói, một cử chỉ thoáng hiện, trong khi Felix và Gerti luôn miệng hỏi han, chỉ cho ông xem đủ loại thú vật bên ngoài, phong cảnh trôi qua bằng lặng mênh mênh, bầu trời quang mây. Thậm chí còn thấy chim én bay, nhưng bây giờ là đầu tháng Tám, chúng sẽ phải bay tiếp.

Mười hai giờ rưỡi. Họ không nói gì nhiều khi chia tay. Ý nghĩ duy nhất là người ta lầm lẫn biết chừng nào, nhất là lầm lẫn về chính mình, vì phép

nhiệm màu khiến họ choáng váng cho đến giây phút ấy vẫn chưa tan. Cho đến lúc ấy ông vẫn tràn ngập kiên nhẫn và sừng sốt về sự dịu dàng, thông hiểu của cô. Cô rời ông ra, gần như nhẹ nhàng, cô bối rối và hạnh phúc, tựa như giờ đây có một sự che chở, vì cô cũng nói đại ý như vậy. Giờ thì ngủ đi, hứa với em là anh sẽ ngủ. Và quả thật ông ngủ mấy tiếng liền, trong làn không khí có mùi hương của cô, ông ngủ không sâu lắm, tựa như còn dự tính khả năng cô sẽ quay lại, hoặc lần này cô ở bên ông hay ở trong phòng cô bên kia cũng chẳng có gì khác biệt. Thậm chí sáng dậy ông còn ăn được, sáu rưỡi ông tỉnh giấc và gói nốt mấy thứ cuối cùng, nghe ngóng xem có gì làm ông băn khoăn không, một sự phản bội nho nhỏ chẳng hạn, nhưng thay vào đó chỉ có nỗi ngạc nhiên.

Ông tiến sĩ không vội vã với thành phố này, nhất là khi ông đã quen những bước đầu tiên: quầy lễ tân trong Askaniischer Hof, nhân viên phục vụ vận đồng phục vác đồ lên phòng, tấm chăn đỏ vàng phủ giường, ghế bành và ghế đầu, bàn giấy đồ sộ kê trước cửa sổ. Tuy đã hứa với Elli nhưng ông không ra khỏi phòng để đi ăn nữa, và giờ đây, sau một đêm tương đối yên lành và bữa sáng quá thịnh soạn so với thường khi, ông bưng bưng khí thế. Ông làm quen với những đồng bạc tiền triệu mới nhất từ quầy đổi tiền cạnh ga, mua luôn ở đó tất cả các báo Berlin để lát sau, trong quán cà phê, đọc kỹ mục quảng cáo. Giá cả chóng mặt, ít nhất là khi nhìn vào con số. Dora đã cho ông biết nên tìm ở những khu nào, cô nhắc đến Friedenau, ông ưa cái tên đó và thế là ông đi đến Friedenau.

Sau hai tiếng, gần như quyết định của ông đã chín. Khu này rất nhiều cây xanh, yên tĩnh, giống cảnh làng quê, chỗ nào cũng thấy vườn tược và lối đi viền hàng cây, các bà mẹ trẻ đẩy xe nôi, cạnh tòa thị chính Steglitz gần đó có nhiều tuyến tàu điện để nếu cần thì mười lăm phút sau vào đến trung tâm. Ông đánh điện cho Dora, báo đã đến nơi yên ổn và ấn tượng ban đầu của mình. Em có muốn đến Friedenau cùng anh không?

Đến thăm Tile ở hiệu sách vào buổi chiều, ông cũng kể về Friedenau, gần như để bám vào đó mà lấy lại bình tĩnh sau khi chứng kiến những điều khủng khiếp dọc đường, những hình nhân xơ xác xin ăn giữa phố, thêm vào đó là tiếng âm ỉ vẳng tai, cảnh chen chúc xô bồ vì đâu đâu cũng ken đặc những người là người. Tile đã đợi ông, chỉ cho ông các tác phẩm của ông trong cửa kính, phía góc trái bên cạnh tiểu thuyết mới ra của Brenner. Cô vui sướng và nhớ ông, cái đĩa màu đỏ được cô giữ gìn như con người mất mình. Cô pha cho ông một tách trà. Ông ngồi trong căn buồng hẹp phía sau được dùng làm văn phòng, trong khi cô phục vụ người khách hàng cuối cùng bên ngoài và để ông một mình với sự mệt mỏi, hay gọi tình trạng đó là gì cũng được, một khoảng trống trải lơ mơ, nhưng cũng dễ chịu, một khoảnh khắc ngắn, khi thời gian cứ thế bình lặng trôi đi.

Hôm sau ông lại xuống phố, phát hiện ra hai công viên, ngồi một tiếng ở Vườn Bách Thảo, trên ghế băng trong bóng râm, vì hôm nay cũng rất nóng, giống hôm qua, khiến chẳng ai muốn đi một bước. Ông vui mừng mỗi khi nhận ra nét gì đó quen thuộc, chẳng hạn như một vườn thực quỳ giữa những phố im ắng quanh tòa thị chính, một cô bé tóc vàng cầm que chơi đánh vòng trên vỉa hè. Đầu giờ chiều ông gọi kem ở một quán nhà vườn, bắt đầu viết thư cho Max rồi lại để lửng giữa chừng, cảm giác như mình đã bị bỏ rơi. Về sau ông sẽ viết rằng ông cảm nhận ngày càng rõ rệt hơn tác động ác nghiệt của nỗi cô đơn mới kéo dài có một ngày, nhưng lúc này ông chỉ đơn giản ngồi đó, không có cảm xúc gì về địa điểm. Xung quanh ông là các gia đình với con cái, hôm nay thứ Tư, khu vườn không đông lắm, cô bồi bàn phục phịch đem lại quả bóng bay bị tuột dây cho thằng nhỏ đang khóc, khắp nơi có tiếng người lao xao, vài tràng cười, cách đó hai bàn có hai đôi đang trò chuyện về tiền, nói gì đó về va li mà dạo này người ta cần để đựng tiền. Chuyện mới đây ở nhà băng, cô tóc vàng kể, rồi tất cả cười, cứ như thời thế dữ dội này là một chuyện tiểu lâm nhất thời. Sự thành thối của họ an ủi ông tiến sĩ phần nào, ông cố tự nhắc nhở rằng mình đang cô đơn, nhưng chính ông đã muốn thế, vả lại ông không cô đơn, vừa tối qua ông còn đi nhà hát xem vở *Kẻ cướp* với Tile và hai bạn gái.

Chưa rời khỏi Berlin, ý chí của ông tiến sĩ đã nhụt. Thành phố đã tẻ, nhưng những gì đang chờ đón ông còn tẻ hơn. Ông ngồi trên tàu hỏa và phải cẩn trọng để không đánh mất cô, như khi cô đứng trong phòng ông, quy lụy và đồng thời kiêu hãnh, tựa như không ai làm tổn thương cô được.

Ông cố trang bị cho mình thứ vỏ bọc đó. Elli và Valli sẽ kể cho ở nhà biết ông bị xuống cân mất bao nhiêu, và chuyến đi thất bại; chuyến đi hồi mùa xuân cũng thất bại, song dù vậy, lần nào người ta cũng thất vọng. Họ sẽ ép ông ăn, sẽ không bỏ rơi ông, với cái lắc đầu nhẹ nhẹ, vào buổi trưa khi ông chưa ngủ dậy, tựa như ông không thể hiểu nổi phải sống sao cho đúng.

6

Cô thực sự không biết chuyện đó; cô hai lăm tuổi và chẳng biết gì ra hồn. Dora chỉ biết ngạc nhiên về chính mình, cô nhảy nhót cười nói, cô đại dột lăm, cho đến khi cô gặp ông, bây giờ cô mới khôn ra.

Cô không mấy bận tâm đến thời gian trước đó. Ngày ấy có chuyện nọ chuyện kia, chủ yếu không có gì đáng nói, lại càng chẳng đáng nói đến Hans, buổi chiều xa xưa với Albert trong khách sạn cũng là chuyện không cần nhắc đến nữa, vậy mà thoát tiên cô hy vọng một ngày nào đó sẽ sống cùng anh ta, chứ chẳng phải chỉ bị anh ta dắt mũi, như mãi đến lúc quá muộn cô mới hiểu ra và tin rằng mình sẽ vì thế mà không sống nổi. Sự thực là cô hầu như không nhớ gì về anh ta. Kể cả về chính mình, tựa như ông tiến sĩ đã xóa sạch cuộc đời ngày xưa của cô. Cô không biết vì sao lại có thể như thế. Máu chốt, cô nghĩ, không phải những nụ hôn và vòng tay ôm, không phải những câu ngu ngốc song có thể rất thật mà người ta thốt ra, vào lúc này, khi ông đã đi khỏi và cô có thể thốt lên tất cả: Em thuộc về anh, em không đi đâu cả, nếu anh không đuổi em đi thì em không đi đâu nữa. Việc ông ra đi đương nhiên cô không muốn, nhưng không phải quá sức chịu đựng. Nếu cô không tìm đến ông vào phút chốt thì điều đó sẽ là

quá sức chịu đựng, nhưng thà như vậy còn hơn, nó giằng xé cắn rứt như một nỗi đau, mà không hề là nỗi đau.

Tiếc rằng ngoài bức điện, cô không biết gì hơn. Một bưu tá trao cô bức điện hôm thứ Ba vừa rồi, khi ông đang ở Berlin.

Cô biết ông không thuộc về cô. Và nếu có, thì đôi bàn tay ông thuộc về cô nhiều nhất, cô nghĩ, và những lời ông nói với cô khi hoàng hôn buông xuống bên ngoài. Đó là những câu cô gần như đã thuộc lòng. Cô thuộc lòng cả buổi tối, tiếng nói của lũ trẻ văng lên chỗ họ, không khí im ắng, sự chần chừ của ông. Cô tin rằng ông ghi nhớ từng ngày với cô, từng lần đầu tiên. Vì với anh, em thấy mọi thứ đều là lần đầu.

Nét chữ của ông là một điều bất ngờ, mềm mại và bay bướm. Lá thư không dài, không gọi tên cô, khiến cô lần mò tìm tên mình, tìm đoạn ông nói về lúc hai người chia tay. Cô tìm được “D. thiên thần”, và ở đoạn dưới: “Em hãy đợi anh ở Müritz”, nghe cứ như vài hôm nữa ông sẽ trở lại.

Ông không thể kể nhiều về tình cảnh mình, gia đình thân mật đón nhận ông, nhưng mặc dù vậy, mặc dù vậy. Nếu không kiệt quệ đến mức ấy thì anh đã quay ngoắt ở sân ga và lên ngay chuyến tàu sớm nhất để đến với em. Ông kể đã đến thăm Tile, rồi kể rất chi tiết về việc thăm thú Friedenau. Hai buổi chiều liền, ông gần như rất hạnh phúc khi đi vòng vòng ở đó. Đâu đâu cũng là vương quốc Dora. Müritz là vương quốc Dora, và xứ Friedenau tuyệt diệu này cũng chẳng kém gì, vì vậy ngày và đêm anh đi lại giữa hai vương quốc đó. Ông không quên bất cứ điều gì. Một vài chi tiết đến tận bây giờ ông mới hiểu ra, cô thật dịu dàng và thông minh xiết bao, cứ như từ xưa nay cô đã biết ông đến từng chân tơ kẽ tóc.

Khoảng nửa đêm, cô đem thư trả lời của mình ra thùng thư, cho đến phút chót vẫn phân vân, vì rốt cuộc cô chỉ ấp úng được vài câu. Thì ra vương quốc Dora là Friedenau? Vậy chúng mình tìm nhà ở Friedenau xem sao. Tình cờ người quen của cô vừa viết rằng anh sẵn sàng giúp đỡ, nhưng anh

cần thông tin chính xác như số phòng, giá tiền. Đẳng nào thì cô cũng không biết gì nhiều để nói. Cô chỉ muốn ông tả cho cô căn phòng của ông, ông thấy gì khi nhìn ra cửa sổ. Hồi mới quen nhau đã có lần ông kể cho cô hay. Hình như ở đó có một nhà thờ? Tiếng nước ngoài, cô không nhớ nữa. Anh còn nhớ không, nhà tiên tri? Cô ước gì được đọc cho ông nghe, vì đọc cho bọn trẻ thì không giống thế, chẳng gì giống cả, từ khi ông đi khỏi, căn phòng đã có người ở, một bà lão, nhưng, bà ấy có quyền ở đó không?

Cô không đợi. Hễ có dịp là cô đọc những gì ông viết, cô nói chuyện với ông, cô xốn xang, nhưng không choáng váng, ngoài ra cô còn có bọn trẻ, mỗi ngày ba bữa ăn, cô ngồi trong bếp, nơi ông vẫn có mặt, buổi chiều cô ra bãi biển, lũ trẻ trêu chọc cô vì cô lơ đãng, vì đầu óc cô lúc nào cũng để tận đâu đâu.

Ông gửi tiền cho cô, mấy tờ ngoại tệ mà cô không biết để làm gì. Thoạt tiên cô cho rằng đó là tiền trả trước cho căn phòng, nhưng sau đó cô đọc những gì ông suy tính, thì ra tiền dành cho cô, phòng trường hợp ông không quay lại, vì vài tuần nữa cô sẽ không còn công việc ở Müritz. Cô không bắt buộc phải làm việc ở Müritz. Giọng ông có vẻ phẫn khích, tựa như ông tin chắc đã làm đúng việc cần làm, nhưng cô biết ngay là cô không muốn số tiền ấy. Đã gần trưa, cô phải lo bữa ăn đã, mặc dù vậy cô cứ nghĩ tiếp đến món tiền mà ngay hôm nay cô sẽ gửi trả lại, đây là một chuyện hiểu lầm, xin anh hiểu cho, nó hơi có chút xúc phạm, nhưng bảo là cần thiết thì nhất định không. Trong lúc đó cô không hề suy nghĩ, liệu sẽ có lúc cần tiền? Cô có giấy phép cư trú đến cuối tháng Tám, và nếu tới lúc đó ông vẫn chưa đến đây thì sao?

Paul, một trong những người phụ trách, hỏi cô có rắc rối gì. Chị có chuyện buồn à? Paul là sinh viên, anh mến cô, có lẽ cô nên thổ lộ với anh. Nhưng cô không thể. Nói “chuyện buồn” là sai. Từ kinh nghiệm bản thân, cô biết người ta dễ bị thương tổn ra sao. Nhưng hai chữ “thương tổn” cũng sai, vì có lẽ cô sẽ mừng rỡ nếu được ông làm thương tổn, thật, vậy giả sử ông

được gặp cô thì cô sẽ nói với ông, nhìn đây này, anh đã biến em thành con người thế nào, ngay việc đó em cũng cho phép anh.

Một cô bé cầm thư ra bãi biển cho cô. Cô vừa dưới nước lên và ngồi xuống cát, cạnh chiếc ghế hộp, nhìn thấy cô bé cầm lá thư, nhận ra từ xa nét chữ của ông, rồi thấy tên mình, theo cách viết của ông, chạy ngang đến nửa phong bì, đọc những dòng đầu cô yên lòng ngay, không phải vì ông xin thứ lỗi về món tiền ngu ngốc, xin lỗi một cách hơi nông cạn, không thuyết phục lắm, mà vì ông nhớ cô, với từng dòng chữ mà cô viết cho ông, vì thiếu cô thì ông không thể sống ra hồn được. Nghe không có vẻ là ông hạnh phúc, cô nghĩ bụng, nhưng bức thư viết hôm qua, ông vẫn chưa yên vị nơi đó. Ngày mai anh sẽ gặp Max, cô đọc, thế là một lát sau cô vẫn sống trong ngày mai, và khi cầm thư lên đọc tiếp thì cô mới ngộ ra rằng ngày mai nghĩa là hôm nay hoặc thậm chí hôm qua. Không một lời nào về căn phòng của ông, khi nào ông dậy, cha mẹ ông làm gì. Chỉ có Ottla xuất hiện ở một đoạn. Ông ngồi bên bàn, nhìn ra cửa sổ, không phải cô nhìn. Thay vì thế, ông viết: Anh vui, khi anh lùa tay vào tóc em trong ý nghĩ mỗi mọt của anh, nhưng dường như chuyện đó không thật. Cả cuộc sống hiện tại của anh không thật, nó cứ thế trôi qua như trong ảo giác, trong khi cuộc sống bên em không diễn ra, nhưng chắc chắn là thật.

7

Max ra về rất muộn, mười một giờ hơn. Họ trò chuyện đến ba tiếng, với cảm giác lạ lẫm ban đầu, trong nửa tiếng đầu tiên, khi đề tài duy nhất là ông tiến sĩ. Max kinh sợ ra mặt khi nhìn bạn mình, hỏi ông được bao nhiêu cân, đêm có ho không, có bị sốt không, và ông tiến sĩ lắc đầu, ít nhiều đúng sự thật. Ông thấy yếu trong người, vì vậy ông nằm nhiều, đôi khi đến tận trưa rồi còn thêm nửa buổi chiều, ông đọc, tìm cách ngủ, ra bưu điện, rồi lại lên giường, cố ăn, hầu như không viết được chút nào, tóm lại: Ông làm những

gì có thể làm được. Ông đã viết về chuyện Berlin rồi, về khu nhà nghỉ mát, vì từ khi biết khu đó thì ông tiến sĩ không còn như trước nữa.

Tôi đã quen một người, ông kể. Một cô gái miền Đông. Dora. Ông tin cậy cô ngay từ phút đầu. Cô rất trẻ, rất Do Thái, với những nét xa lạ, ông đặt toàn bộ hy vọng vào cô, vì cô sống ở Berlin. Khi nào đủ sức, tôi sẽ đến Berlin với cô ấy. Ông nói thế. Nghe rất điên rồ, ông phỏng đoán. Cậu có thấy tôi điên không? Như một điều kỳ diệu. Đặc biệt, người bạn của ông luôn tin vào những điều kỳ diệu, với Max thì nửa cuộc đời được cấu thành bởi những điều kỳ diệu, và người duy nhất ngờ vực lại là ông tiến sĩ.

Thì ra tình hình bạn mình là vậy. Cậu nghĩ sao? Max chỉ có thể nói là ông rất mừng, ông không mừng cho ai bằng cho ông tiến sĩ. Như để chứng minh điều đó, Max ôm ông. Và hỏi, ông có ảnh của cô không, hy vọng sớm được làm quen với cô. Ông tiến sĩ nói: Tôi không hề biết là trên đời này có một sinh thể như cô ấy. Cô ấy rất mỏng manh, không biết nói thế có đủ không, nói trôi chảy tiếng Do Thái và tiếng Hebrew. Tôi nặng 59 cân, ông nói. Max, ông hỏi, với 59 cân, tôi có thể đi Berlin không? Tất nhiên ông không thể đi được. Ông phải kiên nhẫn. Berlin có chạy mất đâu mà sợ, người bạn khuyên. Thành phố như đang trong cơn sốt, bạn gái Emmy của ông kể thế, có lẽ điều tồi tệ nhất ở đó còn chưa xảy ra.

Ông đứng đọc thư cô bên cửa sổ, yên lòng vì cô không giận, quả thật món tiền không hề được nhắc tới. Cô đang ở bãi biển. Ông gần như có thể hình dung cảnh cô ngồi viết thư, tựa như ông không ở xa. Mọi thứ gần gũi và quen thuộc. Khi cô viết, vừa có chiếc tàu hơi nước cập vào cầu bến, ông biết ngay cảnh tượng đó, đủ các loại mệnh phụ khoác ô sặc sỡ vịn tay các đấng ông chồng bận bịu, đi đầu là đám trẻ con ăn vận bánh bao, một vài con chó, trông cô thật trẻ trong y phục đoan trang, một thiếu nữ vui vẻ. Phần lớn cảnh trí hiện ra trước mắt ông: chân trời trắng mờ, bọt sóng bập bênh bên bờ nước, mặc dù vài thứ đã tan biến, như mùi nước lúc ban mai, màu sắc, chi tiết mà tiếc rằng ông đã không để tâm đúng mức, một cái tâm cũ

gài trên áo Dora, đôi giày, những ngón chân của cô với một điểm bất thường nào đó. Mắt cô xanh pha xám. Ông biết ánh mắt của cô, nhưng có lẽ không hẳn ánh nhìn mà là tác động của nó đánh trúng ông, ngay cả lúc này, khi ông đọc thư cô, một người phụ nữ miền Đông hai lăm tuổi.

M. ngày ấy cũng hai lăm, khi ông gặp cô. Trước M. là F., cũng ngần ấy tuổi, chỉ Julie nhỏ hơn vài năm. Rõ ràng từ mấy năm nay ông chỉ làm quen phụ nữ ở tầm tuổi ấy. Điều đó nói gì về ông, một người nay đã tứ tuần? Ông trẻ lâu chăng? Hay ông không chịu trưởng thành? Dễ nhận ra họ hầu hết đều là người Do Thái. Cô gái người Thụy Sĩ thì không, M. cũng không. Vì gặp M. ông đã xé nát trái tim Julie. Giờ đây, với khoảng cách nhiều năm, ông thấy khó tin nổi ngày xưa mình có thể làm được những việc ấy.

Dora viết, mọi thứ nhớ ông. Cát nhớ ông, nước, nhà nghỉ mát, bàn và ghế, bốn bức tường phòng em, khi đêm đến em không ngủ được và ở đâu cũng thấy thiếu anh.

Tối Chủ nhật, ông tiến sĩ nằm trên giường, lắng nghe tiếng ồn ào ngoài phố, tiếng mẹ bên kia phòng bếp, tiếng cha đi lại, tiếng chuông đồng hồ cây, và trong những khoảnh khắc im ắng ông nghe nhịp tim mình xa lắc xa lơ, tiếng mạch máu đập hai bên thái dương, như ông tưởng tượng ra, không mệt hẳn, ông ngủ lơ mơ, chẳng nghĩ gì rõ rệt. Ông chỉ thấy may mắn vì Dora không thấy ông trong tình trạng này. Nếu vậy thì ông sẽ nhảy phắt khỏi giường vì ngượng, nói cho cùng có khi như thế lại hay, vì không có Dora có thể ông sẽ không ra khỏi giường nữa. Ông nằm trên giường và đồng thời quan sát từ cửa vào, cách mình năm, ánh mắt mình nhìn mẹ luôn tay đem thứ gì đó vào, vừa rồi là một cốc sữa lên men, vì đến bữa ông không ăn được mấy.

Cho đến giờ không ai hỏi ông gì cả, từ chuyện ở Müritz đến tương lai sắp tới. Mẹ có bâng quơ hỏi ông, giọng hơi thương hại hoặc cũng có thể dằn dỗi. Bà biết ông không thích về nhà, và ông không thấy thoải mái, chỉ cần

rằng chịu đựng những ngày ở đây. Như mọi khi, ông đánh giá mẹ không đúng mức, chẳng hạn trong việc bà không muốn tin rằng chuyến đi thất bại. Bà nói: Mẹ hy vọng con đã có thêm một kinh nghiệm ở Đức để con vui, để con nhớ lại. Ông tiến sĩ bất ngờ, đồng tình với mẹ ngay, vâng, một vài thứ làm con rất vui. Mẹ: Thế thì tốt. Mẹ vui lắm. Và đến cửa bà còn ngoảnh lại lần nữa. Cha cũng lo lắng đấy. Mọi người trong nhà đều lo.

Mẹ đã gần bảy chục, trông mệt mỏi, hay thở dài, chủ yếu là với chính mình, sầu muộn bởi nhân tình thế thái.

Mấy hôm trước ông ký hợp đồng với nhà xuất bản rồi gửi đi Berlin. Ông chỉ việc viết tên mình ở cuối là xong, tựa như đó là bước đầu tiên mà tuy ông chỉ thuận tình một nửa, song cũng buộc phải làm để khỏi mất lòng tin.

Báo ngày nào cũng viết về đồng mark trượt dốc không phanh và điều đó xô người Đức ngày càng sâu vào nỗi bất hạnh do chính họ gây ra. Với một tốc độ ma quái: 7 vạn mark một lít sữa, 20 vạn một ổ bánh mì, đồng dollar chạm ngưỡng 4 triệu. Trời đất ạ, tiền thuê nhà sẽ là bao nhiêu, nếu tìm được một căn phòng?

Ottla gửi bưu thiếp, hỏi thăm sức khỏe ông và hỏi có thể làm gì giúp ông. Ông tiến sĩ không biết trả lời ra sao. mấy hôm trước ông bắt đầu một lá thư viết cho cô, nói bóng gió đến những gì xảy ra với ông ở Müritz và chuyện đó có ý nghĩa gì với ông. Lá thư không được gửi đi. Ottla còn nhiều mối lo lắng khác chứ không chỉ một ông anh ngần ngại ốm yếu. Ông không muốn cô nhận ra ông hy vọng được cô đón đi khỏi nơi này, vì đó chính là hy vọng của ông, chỉ mong thấy cô đứng trên ngưỡng cửa và nói: Vâng, ta đi thôi, bất cứ chỗ nào cũng tốt hơn căn phòng này.

Dora muốn biết ông thích nhà ở kiểu gì. Anh viết cho em đi, để người quen của em ở Berlin biết mà tìm cho hợp. Với cô mọi thứ vẫn như xưa, từ khi ông ra đi, cô trở nên trầm lặng hẳn ở khu nhà nghỉ mát. Tuần này và tuần sau nữa, xong là hết. Ngủ ghê thế nào? Anh có ngủ được không? Ra bờ

biển là em ngủ như chết, nhưng nói chung chẳng có thì giờ mà ngủ, lúc nào cũng có người cần em việc gì đó, lúc nào em cũng ngồi trong cái nhà bếp này, nó suốt ngày ta thán với em rằng lâu ngày quá nó chẳng thấy anh. Anh còn nhớ mình ở dưới nước thế nào không? Bao giờ anh mới đến? Đến đây nhanh lên. Anh có phòng mà, anh có thể đến được đấy.

Cô tin vào căn phòng, điều đó an ủi ông. Ông chỉ cần một cái giường, một cái bàn để viết. Ngoài ra chẳng cần gì nữa. Thêm một chiếc tràng kỷ thì tốt, lò sưởi khi trời rét, ánh sáng và nước. Một khoảnh khắc dài, ông tin. Làm được. Ông đã gặp cô. Vì vậy sẽ làm được.

Ottla rời bỏ mùa hè tươi vui một ngày. Thì ra chỉ vì ông. Elli và mẹ không hề giữ ý trong thư. Ottla nhìn ông một thoáng và quyết định ngay, ông phải đi khỏi đây, về nông thôn, về với không khí trong lành. Thoạt tiên ông còn ngại ngùng, mặc dù ông hàm ơn và nhẹ người, ngượng ngùng vì Ottla còn hai đứa con gái nhỏ mà vẫn nghĩ đến ông.

Lúc này cũng không có nhiều chuyện mà bàn. Ottla ở trong phòng ông để giúp gói đồ đạc, sờ trán ông, kể về phòng trọ ở nhà thương gia Schöbl, dọn gói cả đồ ấm, phòng khi trở trời hoặc ông phải ở lại lâu hơn. Họ có thể ở đó đến cuối tháng Chín. Ông giật mình, vì như vậy là còn những hơn bốn tuần nữa, nhưng ông mệt quá, ông bị sốt, vì vậy ông không cãi.

8

Thình thoảng cô thức dậy giữa đêm, lòng ngập tràn mối ngờ: liệu ông có tới không, vì sao từ bấy đến giờ cô tin tưởng đến thế, ngay đến cả phút này, khi bỗng dưng tất cả có vẻ đáng nghi, tựa như ông có thể sẽ nghĩ khác đi, vì ông trở bệnh nặng chẳng hạn, vì chính ông không tin nữa, vì ông bắt đầu quên cô?

Mấy hôm đầu cô vẫn nghĩ, cô có đủ cho mãi mãi, nhưng lúc này lượng dự trữ bất ngờ cạn đáy, mọi thứ mất hết ánh hào quang - tóc cô trong gương, ánh mắt, những dấu vết trên làn da kiệt quệ và nhạy cảm. Cô không biết rằng cơ thể cô biết hồi tưởng, mắt mũi miệng, đôi môi cô nay không có môi ông, phía bụng dưới luôn co thắt. Cô nhớ giọng nói của ông, nhớ cách ông ngăm cô ngày ấy ở bờ biển, khi chỉ bằng một ánh mắt là ông nhận ra cô là ai, một con bé miền Đông ngu ngốc si tình, nhưng đồng thời còn là một thứ khác, ít nhất là đối với ông, người nhìn thấy trong cô những gì người khác chưa bao giờ thấy được. Cô tự thấy mình không đặc biệt xinh đẹp, nhưng hôm đó ở bãi biển cô muốn mình đẹp trong mắt ông, cả sau này trên cầu bến nữa, khi cô cảm nhận được rằng ông khao khát mình xiết bao, rằng ông đồng thuận với lòng khao khát đó và không muốn ai ngoài cô.

Ở Sở Ngoại vụ người ta cho cô biết giấy phép lưu trú của cô không được gia hạn; không có triển vọng tìm việc mới, vậy thì cô phải trở về Berlin. Cô nói chuyện với Paul, chỉ bóng gió thôi, vì sao cô không muốn rời khỏi Müritz. Cô đã hứa với một người rằng sẽ đợi người ấy ở đây, liệu có thể tìm được việc gì tạm thời ở một khách sạn. Văn phòng môi giới việc làm không cho cô hy vọng nào hơn, cuối kỳ nghỉ sẽ có nhiều khách ra về, thực tế là không cần thêm nhân lực mới.

Paul lập tức đoán ngay, ai là người cô đợi. Cô không xác nhận cũng chẳng phủ nhận, nói cho cùng thì thế cũng là một câu trả lời. Rốt cuộc cô thú thực: Ừ, ông tiến sĩ. Lúc này, khi chuyện đã rồi, Paul cho rằng anh đã nhận thấy ngay từ đầu một dấu hiệu gì đó, một tia chớp, trong bữa ăn, khi ông tiến sĩ nói chuyện với cô, cách ông ngăm cô, không chỉ là ngăm nhìn bất kỳ một ai đó. Ông ấy có hơi già với chị không? Paul mới hơn hai mươi, đối với Paul ba mươi tuổi đã là một ông già. Nhưng bù lại anh nói rất tử tế về ông. Trong mắt anh, ông tiến sĩ là một người đàn ông khác thường, rất nhẹ nhàng và ân cần, một văn sĩ mà, biết nói thế nào nhỉ, đến nửa số người ở đây si mê ông ấy.

Ông ấy nói sẽ cùng cô đi Berlin, cô tiết lộ.

Ông tiến sĩ? Và vì thế chị đợi ông ấy? Chị đợi ông ấy ở Berlin thì hay hơn nhiều. Bao giờ ông ấy định tới?

Tiếc là cô cũng không biết, nhưng khi phải rời khỏi đây thì cô nhất quyết không đi Berlin, chỉ cùng ông thì cô mới quay về Berlin.

Ông đến chỗ em gái vào mùa hè tươi vui. Hôm qua, sau khi nói chuyện với Paul thì một bưu thiếp được chuyển đến, giờ thì cô tạm thời không biết sự thể tiếp diễn ra sao nữa. Em gái ông không thật hài lòng với ông, vì thế ông về chỗ cô ấy ở nông thôn vài hôm. Cô không biết tên địa phương ấy. Schelesen. Ottla rất cương quyết, thực tế cô không cho ông sự lựa chọn nào. Trông anh như hồn ma, cô ấy nói. Em có muốn sống với một hồn ma ở Berlin không? Hôm qua, lúc ở trong bếp, cô chỉ nghĩ: Không, em xin anh, anh yêu, anh đi sai hướng rồi, quay lại đi, em biết làm gì bây giờ.

Sáng sớm Paul hỏi cô ngay, có chuyện gì nghiêm trọng vậy. Tin dữ à? Cô không biết, liệu đó là tin dữ hay chỉ là tin, cô đọc đi rồi đọc lại tấm bưu thiếp, đoạn về hồn ma, và lúc này, dần dần, cô mới bắt đầu yên lòng. Xét về bản chất, nếu không có lựa chọn nào khác thì thế là tốt. Cô chỉ còn phải biết là trong thời gian tới sẽ ở đâu. Cô có thể đến chỗ bạn gái Judith, qua mùa hè ở một làng gần Rathenow, cũng có thể cô ở lại đó lâu hơn.

Paul nói: Người ngoài nhận ra ngay chị không ổn, nhưng cũng thấy chị vô cùng hạnh phúc. Anh giúp cô trong bếp, ngồi cạnh cô ngoài vườn, lấy cà phê và bánh, khen cô, nhưng luôn để cô thấy thoải mái, cứ như thể anh đang nói hộ ông tiến sĩ lúc này đang không thể nói ra mấy lời khen ấy được. Ông ấy sẽ đến, anh nói. Thật ngớ ngẩn nếu ông ấy không đến và bỏ mặc chị với những kẻ cha căng chú kiết nào đó, vậy là cô lại thấy có lòng tin. Cô thấy trong người hơi bất ổn, nhưng phấn khích, cho dù cô chỉ có mấy ngày ít ỏi ấy, chiếc cầu bến, cánh rừng, một lần lên phòng ông và sau đó là lần thứ hai. Song ngay cả khi không có lần thứ hai, nếu cô biết rằng

mình có ông, dành cho cô, cô chỉ cần có những lá thư, những bức điện, những dấu hiệu nào đó, để cô biết rằng ông hướng đến cô là đủ.

Hôm sau cô có chỗ ở. Hans đánh điện, lời lẽ không thân thiện, nhưng có vẻ như họ đã có chỗ ở, một phòng lớn có khoang cửa sổ trời ra ngoài ở Steglitz, tại một phố cô chưa từng nghe tên, có phòng tắm và bếp. Thoạt tiên cô không tin nổi, nhưng rồi cô tin, cô vui sướng nhảy tưng tưng và sau đó kể cho Paul nghe. Dành cho ông tiến sĩ nhà cô, Hans viết. Việc gấp. Cô phải quyết định trước ngày cuối tuần. Điện ghi kèm số điện thoại và tên chủ nhà (bà Hermann), nếu lấy nhà này thì bà ta đòi truy lĩnh nửa tiền nhà tháng Tám. Không một câu chào, chỉ ghi tên, để cô biết là anh đâu có ngu, hoặc vì sao cô lại hăng hái nhường ấy vì một người quen ở bãi biển.

Ông chưa biết gì về căn phòng của mình. Lá thư cuối của ông viết hôm kia, mặc dù vậy, cũng lạ là ông không hề mừng rỡ ra chuyện gì, vì nếu có thì nhất định ông sẽ vui mừng. Nhưng giọng ông nặng nề, tựa như ngày tháng của ông là những trận giao tranh mà không rõ ông có thắng hay không. Ông ngồi sưởi nắng ngoài bao lơn, đọc báo về tình hình ngày càng tồi tệ hơn ở Berlin, quyết định vứt hết báo đi, để rồi sáng nào cũng đọc và giật mình thêm lần nữa.

Anh đã kể về em với Ottla, ông viết, rằng có em trên đời này và em đã làm gì với anh. Cô ấy trở mắt nhìn anh rồi nói, Pepo chồng cô ấy cũng thế, và cô cũng trải qua tình cảnh tương tự. Em có thích đến Schelesen với bọn anh không? Đủ chỗ. Vùng này có lẽ em thích, thời tiết cho đến hôm nay rất tuyệt, hai cháu gái anh cực kỳ dễ thương. Đó là một nhà trọ nhỏ với cửa hàng tạp hóa ở tầng trệt. Họ ở tầng trên, nhìn ra đường làng. Làng này không lớn, theo ông tả thì tựa tựa như một thung lũng, nằm lọt giữa những quả đồi phủ rừng, đôi khi ông đến đó đi dạo. Ông nhắc đến một bể bơi, nhưng cho đến nay ông chưa tới đó. Cô thấy rõ nhất hình ảnh ông trong căn phòng mà cô hình dung cũng giống ở Müritz, nơi ông ngồi đọc ngoài bao lơn, tầm nhìn ra phong cảnh bên ngoài cũng tương tự, thấy đồi và rừng

nhưng không có biển, không như ở đây, lúc nào cũng có cát giữa kẽ ngón chân.

Anh yêu nhất đời, nhìn đi, cô viết, có thấy em không? Em ngồi bên chiếc bàn dài ngoài vườn và run rẩy vì chuyện Berlin. Một nửa em ngồi bên bàn này, nửa kia trong phòng mới của anh mà em nghĩ là rộng rãi và sáng sủa, hầu như lúc nào cũng có ánh mặt trời. Em không biết sẽ đi đâu, cô viết. Trời gió to, mọi thứ bay phần phật tung tóe, chẳng có gì trụ lại chỗ cũ, lá thư này cũng muốn lên đường thật nhanh, đem theo ngàn nụ hôn, Dora của anh.

Döberitz là tên cái làng ngày đó, cô nhớ lại. Mai cô có thể lên tàu ngay, Judith thông báo, phải chuyển tàu nhiều lần, đến vào bất cứ giờ nào Dora cũng được nhiệt liệt đón chào. Judith mới về nhà được một tuần, sẽ ở lại đó đến cuối tháng Chín để lao vào học ôn thi, trong cái mùa hè mưa dầm này thì biết làm gì khác. Tớ rất vui được đón cậu. Tiếc rằng ở đây không có đàn ông đâu, ít nhất tớ chưa phát hiện ra mống nào, chỉ có vài anh chàng nông dân choai choai nhìn tớ chòng chọc, rồi cậu sẽ thấy.

Paul tỏ vẻ thất vọng khi cô kể về lời mời của Judith. Anh đã thầm hy vọng sẽ được cùng cô trở về Berlin, nhưng bây giờ cô lại đi Döberitz, cô đã bắt đầu từ biệt mọi người ở bãi biển, cứ làm như không được phép quên mất chi tiết nào, trong khi hôm nay mới thứ Năm. Trông Paul buồn rầu thực sự, nhưng tối đến, khi họ cùng múa hát với lũ trẻ thì anh đã quên tuốt. Đã lâu lắm Dora không khiêu vũ, rủ được cả Paul, và thế là họ nhảy. Họ không hợp nhau lắm, nhưng họ nhảy.

9

Từ khi thuê căn phòng, ông tiến sĩ lại trở nên lạc quan hơn. Bà chủ nhà chỉ quan tâm đến tiền, thậm chí không cần biết bao giờ ông đến ở. Học vị tiến

sĩ của ông có lẽ đã gây ấn tượng cho bà, bà luôn gọi ông bằng chức danh đó và cũng nhanh chóng đồng ý nhận tiền nhà bằng ngoại tệ, ở Berlin lúc này mọi thứ rối tinh. Vậy là ông có phòng ở Berlin. Ông nghĩ mình nhớ đại khái được địa điểm, đánh điện cho Dora là mọi chuyện đã đâu vào đấy, trong tâm trạng tưng bừng nhất thời, chả gì thì cuộc sống mới đã trong tầm tay.

Cô viết rằng không thể ở lại Müritz lâu hơn và sẽ tạm đến ở nhà một bạn gái. Có thể như thế là tốt, có thể không. Phép màu đã nhạt đi trong mắt ông, ông có cảm giác chỉ còn nhận ra nó trong các lá thư của cô. Chưa bao giờ ông nghe thấy tên cái làng Döberitz. Ông biết trong tủ sách nhỏ của nhà trọ có tập bản đồ, ông không phải tìm lâu, làng này nằm cách Berlin chưa đầy một trăm cây số về phía Tây.

Những ngày đầu ở Schelesen quả không đơn giản đối với ông. Schelesen là dĩ vãng, mọi thứ quen thuộc với ông một cách ngán ngẫm, từ vẻ hiền hòa của phong cảnh, nhà cửa và dinh thự, nửa làng quê nửa kiểu khu du lịch, cho đến đường sá, rừng cây. Cái xóm nhà quê này, trước đây mấy năm, là nơi bắt đầu câu chuyện bất hạnh với Julie, ở biệt thự đầu làng, là nơi Max và Felix cũng đã từng đến ở. Trong biệt thự không còn phòng trống. Ông thấy may mắn là không phải đến đó ở, nhưng về sau, một buổi chiều, ông đã đến đó và đứng trên bậc tam cấp lên cửa, ông không thể hiểu được lý do tại sao, vì ông hầu như không còn nhớ ngày đó mình là ai. Các câu chuyện xóa nhòa lẫn nhau, ông nghĩ, những lá thư, niềm lâng lâng của những nụ hôn, vòng tay ôm, chúng nối tiếp nhau và không đọng lại, một bóng mờ cũng không.

Ở biệt thự này ông đã viết thư cho cha.

Ottla đủ nhạy cảm để không bắt ông đối đầu với điều gì khó chịu. Cô đi dạo ở đây như cả đời chưa làm gì khác, chỉ nhắc ông nhớ đến những cảnh liên quan đến cô và ông. Ví dụ có lần sau nửa đêm hai anh em trèo qua hàng rào bể bơi và vẫy nước dưới ánh trăng, hoặc bày trò nghịch dại trong

bữa ăn, hay những hình mặt người méo mó trên những tảng đá mà họ trèo lên trong mùa hè đầu tiên. Anh còn nhớ không, cô hỏi và chỉ vào ngôi nhà trên sườn đồi, ở cuối thung lũng nhỏ, có lần họ tìm thấy một con mèo cùng đàn con trên đồng cỏ. Ký ức nhạt nhòa. Con mèo và lũ con, ừ, nhưng chẳng còn nhớ chi tiết, màu sắc và ý nghĩa như Ottla cảm nhận trong lúc này.

Trước đây mấy năm ông nói với cô, nửa đùa nửa thật: Nếu ngày nào đó anh lấy vợ, anh sẽ cưới một người như em. Khó đấy, cô đáp, người như em không dễ tìm được đâu. Hôm đó họ cũng ở Schelesen, hay ở Zürau, hay nơi nào khác?

Ottla cũng đem lại cả thất vọng. Từ khi có con, đôi khi cô nhìn ông như từ nơi xa lắc. Buổi đêm không có gì đặc biệt, con bé Helene mới được bốn tháng, nhưng thật tuyệt vời khi quan sát Ottla cho con bú, lúc hai con người gần bó với nhau không cần lời nói.

Thình thoảng ông còn học được đôi chút. Ví dụ, ông không còn đánh giá cao ý nghĩa của thư từ nữa, không sốt ruột đợi thư trả lời. Có thư đến thì ông vô cùng sung sướng, đặt nó sang bên và nói: À, thư Müritz đây mà, chẳng phải hôm qua đã có một bức rồi hay sao? Nhưng khi bưu tá đến mà không có thư thì ông cũng chấp nhận, không thất vọng, không đổ tội cho bưu điện như ngày xưa vẫn quen làm, sau đó ông chẳng lên phòng ngay để lặp lại mọi việc, mà có thể nằm ngoài bãi cỏ gần bể bơi với Ottla và các cháu đến tận chiều.

Cho đến giờ ông không tăng cân. Ông cố gắng hết sức, đi dạo những quốc ngăn, tự quan sát mình. Ottla nói: Ít nhất anh hãy làm vì cô ấy, nếu anh yêu cô ấy, hãy làm vì cô ấy. Mà ông thì chưa nói cho Ottla các kế hoạch của mình. Ngày nào ông cũng định nói, song rồi lại nhụt chí, hoặc ông vừa qua một đêm khổ sở, hoặc Ottla rơi vào tình cảnh ấy, vì con khóc, vì nó bất cứ ngày đêm lúc nào cũng muốn bám lấy vú mẹ.

Ông mời cô đi dạo. Ottla vận chiếc áo dài mỏng, trời ấm, những bông hoa mùa hạ cuối cùng nở trong vườn; đây đó có người bổ củi, người ta uể oải phơi nắng, vài người chào. Họ không đi nhanh, về hướng Đông, ngang qua những ngôi nhà cuối cùng. Giờ nói chuyện kế hoạch. Ông không cần phải nhấn mạnh các khó khăn. Nhưng ông lạc quan, ông nói, ông quyết tâm sắt đá. Ottla gật đầu. Cô hỏi về chi tiết, ngoài ra không nói nhiều. Kế hoạch tốt đấy, cô lặp đi lặp lại. Em rất thích, cô nói, vâng, đúng thế. Tại sao không. Tất nhiên em sẽ giúp anh. Anh vẫn luôn luôn hơi điên, có thể chưa điên lắm, nếu không tại sao anh trụ được chừng ấy năm. Giống Max, cô muốn làm quen Dora càng sớm càng tốt. Cô thích thú khi nghe nói Dora biết nấu ăn, và anh cô thế nào thì Dora chấp nhận anh ấy như vậy.

Döberitz là một xóm chán ngắt, Dora viết, có một nhà thờ, khách nghỉ hè như cô và Judith, có nông dân, gia súc ngoài đồng cỏ, nhà cửa co ro, vài con phố, ngoài xa là sông Havel có thể tắm được. Giọng cô vui, thời tiết không tốt lắm, nhưng họ có nhiều chuyện để nói, tất nhiên cô kể về Müritz, về hạnh phúc lớn của mình. Judith ghen tị ra mặt, chủ yếu vì anh là văn sĩ, cô ấy nghe tên anh rồi, nhưng chưa đọc. Anh sẽ mến cô ấy. Judith đọc từ sáng đến đêm. Ottla có chú ý chăm sóc anh không? Cô nhờ ông chào Ottla. Qua lời ông kể về Ottla, cô đã mến cô ấy ngay. Anh có kể chuyện Berlin không? Anh vẫn là của em đấy chứ? Em đã mơ về anh đấy, ban này trên tràng kỷ, khi em thiếp đi một lát. Anh làm nhiều việc rất hay với em, nhưng em chỉ có thể thì thầm về chuyện ấy thôi, toàn những chuyện hay.

Ở Đức tỉ giá dollar trong ba ngày vọt từ dưới mười triệu lên ba mươi triệu mark, một cái bánh mì giá một triệu. Max viết thư thông báo sẽ đi Berlin, rõ ràng chuyện Emmy đã trở nên gay cấn, nhưng ông tiến sĩ biết cả rồi, chuyện này bắt đầu làm ông ngán, gần như thấy bức mình, và ông muốn viết như vậy cho Max biết trước khi họ tái ngộ vào tuần sau. Cha ông sắp có sinh nhật, vì vậy ông tiến sĩ cân nhắc có nên rời khỏi Schelesen hai hôm và đi một đoạn về hướng Dora, như ông tự huyền hoặc, vì xét về quan hệ với cha thì xưa nay ông toàn có lý do không vui. Cha ông có lẽ thậm chí

không nhận ra là ông chỉ vì cha mà về nhà. Ottla cười nhạt. Chẳng phải anh muốn đi Berlin hay sao? Anh tưởng cha sẽ đồng ý với kế hoạch của anh, chỉ vì trước đó anh đã ngoan ngoãn chúc mừng sinh nhật cha hay sao?

10

Ông viết cho cô hầu như mỗi ngày. Judith, vốn không ham học, nói rằng người duy nhất ở đây làm việc là Dora, vì cô vất vả không kịp viết thư trả lời. Ông liên tục đặt câu hỏi, cô đang mặc gì, áo dài nào, sơ mi nào, đêm qua ngủ ra sao, trong phòng ngủ bày biện thứ gì, hai cô ăn gì, nói chuyện gì, ông muốn thấy những giọt nước trên da cô và mái tóc ướt của cô khi hai người đi chơi từ sông Havel về. Thư ông thường nhẹ nhàng và tươi sáng. Cô thích ông viết về mắt cô, vóc dáng cô, về những lúc ông ở bên cô, khi ông hôn cô. Đêm đến thì ông nghi ngờ, liệu ông có khỏe lại, ông lo lắng vì tình hình căng thẳng ở Berlin, đôi khi quá sức chịu đựng của cô, và cô cần một chút xa cách để bình tâm.

Ngay sáng nay cô đã thử nghiệm chính mình. Có hai lá thư đến, nhưng cô không mở. Cô gạt chúng qua một bên và nói với chính mình hay với Judith, bây giờ thì chưa, lát nữa, quá sức em, anh yêu ạ, em như đang say rượu, giá anh biết những lá thư của anh tác động đến em ra sao. Cô cũng không cầm chúng theo khi dạo chơi hằng ngày. Không hẳn là cô thấy thoải mái khi làm thế, nhưng chính vì vậy mà cô không cầm thư theo, hai tiếng sau, trên đường về, đi được nửa đường cô bắt đầu rảo bước, rồi cô chạy, chạy hộc tốc, cô bay, về với hai lá thư, cô xé toang hai phong bì và bắt đầu đọc, nghe tiếng ông, tựa như đó là lần đầu, lần đầu được nghe tiếng ông sau trăm năm chờ đợi.

Mỗi khi Judith ngủ muộn, Dora thích nhất là đi qua các căn phòng trần thấp. Cô yêu ngôi nhà này ngay từ phút đầu. Ngôi nhà của một bà cô của Judith mới qua đời hồi tháng Hai. Nhà nhỏ và cổ lỗ, mọi đồ vật tỏa mùi gỗ

và mùi bà cô, hồi trẻ là diễn viên, qua ngưỡng năm mươi bà lui về chốn cô đơn này. Có ảnh của bà, chụp khi chưa đến hai mươi, trẻ măng, rất xinh, gần gần giống Judith, trong vai Ophelia, như dòng chữ đã mờ ở mặt sau tiết lộ. Khi về già, bà sờ sờ ra và bỏ lỡ thời điểm thích hợp để tính chuyện chồng con. Vào lúc chuyển giao thế kỷ bà trở thành một dạng nông dân ở Döberitz, chăn nuôi gia súc vài năm, có một chuồng gà, ngỗng, hai con dê, và cho đến khi qua đời bà có một tầng hầm đầy hoa quả đóng lọ, đùi lợn hong khói, rượu, một kho khoai tây.

Judith nói cô không vào bếp, ra đây cô chỉ ăn bánh mì, nhưng từ khi Dora cho cô biết ổ bánh mì ở cửa hiệu trong làng đất chừng nào thì họ toàn sống bằng đồ dự trữ. Họ ăn các món đơn giản làm từ khoai tây, bánh xèo khoai tây với táo xay, khoai tây nghiền với bơ hong khói, tối ăn canh đập trứng, vì Judith mua được trứng rẻ ở một nhà nông dân.

Cô tung tẩy mấy hôm liền. Cái gì cũng mới, cô có Judith, cô có tệp thư, những cuộc dạo chơi kéo dài trong mấy ngày không mưa hiếm hoi. Cô nhận ra là cô và Judith chưa từng hiểu tính nhau. Mấy tháng trước đó, khi Judith xuất hiện ở Volksheim, trông cô có vẻ khá ngạo mạn, nhưng bây giờ thì họ đã kết bạn tâm giao và kể cho nhau những chuyện bí mật nhất. Trước khi trốn về Döberitz, Judith quan hệ với một người đàn ông có gia đình. Ngay từ đầu cô đã biết là chuyện sẽ chẳng đi đến đâu, nhưng người ấy rất tận tình, dẫn cô đi ăn, đến nhà hát, người ấy nâng cô như nâng trứng, trong những tuần đầu, khi cô còn làm mình làm mẩy, vì cô nghĩ là phải làm như thế mới đúng.

Cô quen người ấy ở một khóa học do người ấy dạy. Người ấy bắt chuyện với cô, với ánh mắt khiến cô biết ngay người ấy muốn gì ở cô. Người ấy thích cái tên Judith của cô, mặc dù sau này người ấy nói không thích cái chất Do Thái trong cô. Cậu thấy tớ trông có vẻ Do Thái không? Tên của tớ là tên Do Thái. Có thể thôi! Mặc dù vậy người ấy vẫn khẳng khẳng giữ ý. Ban đầu tớ chỉ cười và hỏi, chính xác cái gì ở tớ mang chất Do Thái, và tất

nhiên người ấy không thể nghĩ ra chi tiết nào. Người ấy nói người ấy ngủi được. Toàn bộ phong cách của tớ là Do thái, kiểu tớ đi lại, nói năng, và tớ hoàn toàn không rụt rè. Trong đêm đầu của chúng tớ. Và ngày càng thường xuyên. Người Do Thái là nỗi bất hạnh của nước Đức, là nhà sử học người ấy biết mình nói gì. Nói ra tất cả trong đêm đầu. Judith thấy không dễ chịu. Cô ngốc quá, lẽ ra cô phải đoán được.

Dora không có nhiều kinh nghiệm với những người kỳ thị Do Thái. Đôi khi cô nghe một câu độc địa ngoài phố, hoặc nghe lỏm người ta nói chuyện trong quán ăn. Có lần một thằng bé nhỏ nước bọt trước mặt cô, trông nó chưa đầy mười tuổi. Cô đã đuổi theo nó và bắt nó giải thích. Tội nghiệp Judith. Nhưng Judith không thấy mình tội nghiệp. Cô đã tự rút ra được kết luận từ lâu sau những lần ấy, sau khi học xong cô muốn đi Palestine. Trước khi đi Palestine mà còn muốn học cho xong có lẽ cũng là ngốc, ai cần luật gia Đức ở Palestine, lại còn là phụ nữ nữa. Họ cần người biết cày bừa, thợ làm vườn và nông dân, họ cần những máy đẽ, đẽ ra trẻ con Do Thái tóc xoắn sẫm màu. Rồi cô cười vì cô không sao hình dung nổi. Còn cậu nữa? Cô hỏi Dora. Dora cũng không sao hình dung nổi, cô cũng chưa nghĩ ngợi gì về đề tài ấy, nhưng nếu nghĩ cho kỹ thì cô thấy vừa tuyệt diệu vừa khó hiểu.

Judith tự cho phép mình nghỉ ngơi một ngày. Đứng vào một ngày rất ấm, vì vậy ăn sáng xong họ ra sông Havel và xuống nước ngay. Judith kể hồi mùa hè năm trước cô bị một đám trai làng bao vây, cứ như cả đời chúng nó chưa thấy con gái cưới trường bao giờ. Nhưng lần này chỉ có mình họ, ngoài lũ chuồn chuồn và những con muỗi cuối cùng làm bạn, mấy giống chim khác nhau trên trời, một con diều hâu đỏ, dĩ nhiên Judith cũng biết tên các giống chim khác, và cô mơ có được một tấm chồng như ông tiến sĩ.

Cậu trúng số độc đắc đấy, Judith nói. Đã thế cậu còn đẹp nữa, hơi lẫn hơn tớ, không có góc cạnh. Dora không ngượng nghịu chút nào khi để Judith

ngắm, khi nghe cô nói, tứ thích chỗ này, chỗ này nữa, khi được cô chải tóc cho, tựa như họ là hai chị em.

Buổi tối cô cầm thư ông lên giường, cất dưới gối, toàn những điều tuyệt diệu trong ấy. Ông rất hay mơ mộng về căn phòng mới của mình, về buổi tối đầu tiên của hai người, khi ông nâng bổng cô lên và bế đi, điều mà ngoài đời ông không thể làm nổi, nhưng trong mơ thì dễ như bỡn. Thêm nữa, em rất nhỏ và nhẹ không ngờ, anh mang em bằng một tay, em rất nhỏ và nằm giữa lòng bàn tay anh, mắt nhắm tựa như đang ngủ, nhưng em không ngủ, mà ngược lại.

Cho đến nay ông không lộ ý khi nào sẽ rời cái chốn Schelesen ấy. Mới sáng nay, lúc tỉnh giấc cô nghĩ, vài hôm nữa thôi, có thể đếm được rồi, vậy mà gần trưa lại có thư đến, ông báo cho cô biết không thể tính đến chuyện đi lại được. Mãi đến lúc đó cô mới cảm nhận được tác động hủy hoại của sự chờ đợi, cô òa lên khóc, không khóc lâu, vì cô nhận thấy ngay là cô không tin vào nước mắt. Ông đang bệnh, ông liên tục sốt. Berlin hiện ra như một đích đến quá xa vời với ông, ông viết. Nếu có em ở đây thì chỉ nháy mắt là chúng mình sẽ đến Berlin, nhưng đối với riêng anh, đang trong tâm trạng sầu thảm của mấy ngày qua, thì chuyện đó còn khó vạn lần hải trình của Columbus. Tối thiểu một tuần, thông điệp là thế. Ông kể đã vật nài như một đứa trẻ, nhưng Ottla chỉ luôn nói: một tuần.

Giờ đây thỉnh thoảng cô sợ. Một ý nghĩ không dễ chịu, rằng cô hầu như không biết ông, và biết đâu hai người sẽ hiểu lầm về nhau trong những ngày, những tuần đầu tiên ở Berlin, nếu mọi thứ rốt cuộc chỉ là sự lầm lẫn tai hại. Nếu cô không chú ý, cô nghĩ trong tâm trạng phảng phất ngờ vực vì cô không thể nói được từ đâu sinh ra những ý nghĩ nhỏ nhen ấy, cứ như đó không phải là ý nghĩ của cô, mà là một cái gì đó dần dà len lỏi vào cô rồi lại từ từ biến mất.

Mùa hè lại bùng lên lần nữa, ngày cùng tháng tận nhuộm một ánh sáng khác, chiếc tàu thủy neo dưới bãi sáng lung linh, hàng bạch dương rì rào.

Họ cố giải thích cho nhau, đó là những ý nghĩ bình thường. Cả Judith cũng nói, đó là những ý nghĩ bình thường. Ông bốn mươi tuổi, ông đã sống nhiều hơn cô mười lăm năm. Ông là một người bất hạnh, ông đã nói vậy trên cầu bến. Cô nhớ rõ cô đã sững sốt ra sao, vì rõ ràng nom ông hạnh phúc, từ khoảnh khắc đầu tiên trở đi, khi cô thấy ông trong bếp.

11

Mấy ngày liền ông không tin nổi đó là sự thật, tựa như trước hết ông phải từ bỏ niềm tin, rồi điều đó mới có thể xảy đến. Ông viết thư cho Max, rồi cho Robert, ông hơi tăng cân, không nhắc một chữ đến Dora, cũng rất mập mờ về triển vọng đi Berlin, trong tâm trạng phấn khích ban đầu ở nhà nghỉ mát ông đã đánh giá triển vọng đó cao hơn thực tế.

Bây giờ niềm vui lớn nhất đối với ông là bọn trẻ con, là con bé Helene ngồi trong lòng khi ăn sáng, ngoài lúc công nó đi chơi trong vườn hay trò chuyện với nó, lúc nào cũng chừng ấy câu cũ, cháu là một cô bé tuyệt vời, nhưng con bé mệt, vì vậy nó phải đi ngủ sớm. Ottla trông kiệt quệ, thi thoảng cô mất kiên nhẫn khi con bé Vera hai tuổi đòi quyền của nó, do đó ông chăm sóc Vera ngày càng nhiều hơn. Nó đã biết nói, rất đột ngột trong mắt ông, tựa như câu chữ đã có sẵn trong nó và bây giờ, cuối hè, mới dần dần được nhả ra. Ông tiến sĩ không hiểu trẻ con mấy, ông quá ít dịp tiếp xúc với chúng, mặc dù Ottla quả quyết rằng lũ trẻ mẫn ông, có thể vì chính ông cũng là một dạng con nít chưa lớn.

Buổi trưa Ottla và bọn trẻ con đi bơi, trời nóng không chịu nổi, phải đến ba mươi độ. Lần đầu tiên từ mấy tuần nay ông không sốt, vì vậy ông xuống nước ngay và bơi thật lâu, quay đi quay lại hết mấy dọc bể, với ý thức rõ ràng, thế là hết, tựa như ông sẽ không bao giờ thấy lại bể bơi này nữa, tựa như đây là lần cuối đi bơi.

Pepo, chồng Ottla, ít khi đến. Thường anh chỉ đến vào cuối tuần, ngạc nhiên rằng cuộc đời này là cuộc đời mình, rằng anh có hai con gái, một cô vợ trẻ luôn thiếu ngủ và luôn cảm ơn trời đất về mỗi giờ đồng hồ có chồng ở cạnh. Lần này anh ở lại qua đêm, chửi bới văn phòng một hồi lâu, tuy người ta có thể nghe ra từ mớ từ ngữ cuồn cuộn ấy rằng chính văn phòng là nơi trú ẩn của anh. Anh chào lũ trẻ, ban cho Ottla một cái hôn hời hợt và cho ông tiến sĩ một cái gật đầu, xoa tóc Helene, hỏi tìm Vera - nó đã chạy biến khi anh mới về. Đây là cuộc đời của anh sao? Nhìn anh thì biết anh không tin. Ottla phần nào mờ mắt về điều này, cô cảm thương anh, chốc chốc lại nháy dựng lên, mang thứ này đem thứ nọ, cố kể với anh, Helene hôm qua mỉm cười mấy lần, để đến lúc bốn giờ sáng nó vô cớ gào lên suốt hai tiếng.

Khiếp nhĩ, Pepo nói. Đêm của anh cũng ngắn. Cho đến tận mười hai rưỡi anh còn bận giấy tờ. Anh không ở đây, anh nói khi Ottla đi ra quán tã cho trẻ con. Và lại anh ghét ở đây, nhà quê, sự im ắng, bày ong khốn nạn. Họ không có gì nhiều để nói chuyện với nhau, vì Pepo dự cảm là ông tiến sĩ quá hiểu rõ anh, không phải không có cảm tình, tựa như ông em rể gặp phải điều bất hạnh mà ở hoàn cảnh khác rất có thể nó đã giáng xuống đầu ông.

Ông tiến sĩ biết mình sẽ không bao giờ có con. Trong những năm sống với F. ông thường xuyên nghĩ ngợi chuyện có con và quyết định ngược lại. Hay cuộc đời đã quyết định hộ ông? Một là viết, hai là vợ con, ông nghĩ; ở vậy hay sống một cuộc đời như cha hoặc các em gái. Để sinh con thì ông đủ khả năng. Ông đã đến bác sĩ xác nhận điều ấy, đó không phải lý do, mà vì ông sợ không gặp được người phụ nữ đúng ý, ông quyến rũ phụ nữ rồi đẩy họ ra bằng cách khiến họ sợ trước nỗi sợ của ông, và ông nghi họ cản trở ngòi bút của ông. Nhưng đã từ lâu ông không viết, nhiều tuần rồi, trừ những lá thư gửi Dora và dăm ba tin tức cho những người bạn ngày càng xa xôi hơn.

Chữ cô có vẻ nhỏ đi. Đôi khi ông không đọc được, tựa như cô viết trên xe đang chạy hoặc viết vào buổi đêm không có đèn, khi đã mê muội vì nhớ nhung. Em hết sức rồi, cô viết. Lẽ ra em không nên nói ra, nhưng sự thật là em không còn chịu đựng lâu được nữa. Thiếu anh, em sẽ xấu xí đi. Em cãi nhau với Judith, cô ấy mất kiên nhẫn khi thấy em trở nên ngờ ngẩn vì thiếu anh. Em liên tục vấp chân, đứt tay vì dao, quên cả tên anh, sinh nhật anh, nụ hôn của anh. Xin anh hãy đến với em, cô viết.

Ông tiến sĩ ngồi một mình ngoài vườn và thấu hiểu lời ta thán của cô. Cô hoàn toàn có quyền đó, có lẽ không chỉ có quyền, mà cả nghĩa vụ. Nó cũng là một lời nhắc nhở, một tiếng gọi, khiến ông nhớ rằng phép màu không phải không bị tổn thương.

Hai ngày nữa ông muốn lên đường. Ottla cũng không muốn ở lại thêm. Pepo ra thành phố, anh muốn đón cô rồi tất cả cùng đi.

Ottla khuyên ông nên nói dối một chút, vì cha mẹ. Họ ngồi ngoài vườn, trời không ấm lắm, nhưng họ chỉ rảnh nửa tiếng trong khi bọn trẻ ngủ. Ông nên nói là đi vài hôm, đem ít hành lý, có thể cha mẹ sẽ tin. Anh có mừng không? Cô không nhận thấy ông mừng. Ông sợ. Ông mừng và sợ, chủ yếu sợ thành phố mà ông thấy mình không chống cự nổi trong cơn khủng hoảng này. Ông không còn nhớ rõ nét mặt và mũi Dora. Miệng cô thì ông đã thuộc, cả ánh mắt cô, ông nhớ mang máng giọng cô khi cô nói, em suýt phát điên, anh suýt giết em, trong khi em còn chưa biết chính xác cái xó Schelesen đáng nguyên rủa ấy ở đâu.

Lần thứ tư trong mùa hè này ông gói đồ đạc. Nếu không vì chuyến đi thì ông không ngại gói đồ. Bản thân chuyến đi không đáng nói, nhưng lần này không phải một chuyến đi bất kỳ, lần này quyết định đời ông.

Ông tiến sĩ biết, cho đến giây phút cuối cùng ông sẽ vẫn còn phân vân, trong đêm, trước khi lên tàu hỏa, hơi trì độn vì hầu như không chớp mắt trước đó và cho đến sáng, ông ngồi thảo bức điện từ chối để gửi đến bà chủ

nhà, cứ viết xong lại vứt đi. Ông có thể hình dung ra tất cả, ánh nhìn của mẹ, cái lắc đầu của cha. Dù vậy ông sẽ dậy lúc sáng sớm và bỏ họ lại. Ông sẽ mang hành lý của mình và ra đi, không trả lời mọi câu hỏi và can gián, cứ thế ra ga. Rốt cuộc chỉ khi nhìn thấy chiến trường, ông mới hy vọng chiến thắng.

12

Đã thấy lạnh như vào thu dưới rặng cây ven sông. Thiếu áo khoác thì rét, nhưng cô vẫn bị cuốn hút tới đó lần nữa, một mình, không có Judith đang cầm đầu học ôn từ sáng đến tối và mơ màng nghĩ đến mùa hè năm sau, hy vọng mọi người sẽ họp mặt ở đây, Dora cùng ông tiến sĩ và Judith cùng ai thì có trời mà biết được, có thể đến lúc đó Judith sẽ có một người đàn ông để cô trụ lại.

Dora cứ thế đứng đó một hồi lâu và nghĩ đến ông, mân mê lá thư sau cùng của ông trong túi váy, bức điện quả thật mang tin là ông sẽ đến. Gần trưa, có lẽ ông đã lên tàu từ lâu, ngồi một mình trong khoang ghế, mặc dù ông viết là Ottla đi cùng. Cô không nghĩ gì hơn. Quan trọng nhất là ông đã lên đường. Cô thấy mình bắt đầu vui, vui theo một cách mới, vui mà vẫn suy tư, như vừa qua một kỳ thi với điểm số suýt soát. Mấy ngày qua cô hầu như không cảm thấy ông, nhưng giờ đây ông lại sát gần. Đêm qua cô mơ thấy ông bị tai nạn tàu hỏa. Cô tìm ông bên sườn dốc, giữa đám hình hài bất động phủ dưới tấm chăn như bị rét công, nhưng không thấy ông trong đó.

Cô ngồi bên cửa sổ bếp và tưởng tượng cách ông thổ lộ chuyện đó với họ, cách họ hỏi han, cách họ thăm soi quan sát ông. Cô nghĩ, nếu họ yêu ông thì họ phải đoán được rằng ông sẽ rời bỏ họ, ngay từ buổi tối, khi họ đang ngồi quanh bàn và ông bắt đầu nói dối họ. Nếu cô có mặt bên ông mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn nhiều, cô nghĩ. Hay trái lại, càng khó khăn hơn?

Judith nói: Trời ơi, ông ấy bốn chục tuổi rồi, họ sẽ không chết vì lo âu. Có đúng cậu nói ông ấy bốn chục rồi không?

Hôm nay là buổi tối áp chót của họ, Judith đã kiếm được một chai vang, trông cô có vẻ tiêu tụy. Cô đã đánh giá quá thấp lượng bài vở, thêm nữa, cô ước gì có thể ngăn cản Dora ra đi, rồi cô tiếp tục bàn về mùa hè tới, họ cũng phải gặp nhau ở Berlin nữa, nếu ông tiến sĩ cho phép Dora. Cậu sẽ chung sống với ông ấy? Ngay từ đầu chứ?

Kỳ lạ, cho đến nay họ chưa nói tới chuyện ấy, Dora không biết, họ chỉ có một phòng, ngoài ra có thể sẽ phức tạp khi người ta cùng ai đó ở trong một không gian chật hẹp, mặc dù cô không ước gì hơn thế.

Đêm rạng ngày Chủ nhật cô hầu như không chớp mắt. Lúc thì cô nhìn thấy bức điện báo tin ông không đến, lúc thì cô không mảy may nghi ngờ. Đáng buồn là cô còn vấp phải vấn đề tiền nong. Judith đã nói dĩ nhiên sẽ bao vé tàu, đừng nghĩ vớ vẩn, tiền có là gì, bố mẹ cô có cả núi.

Lúc ăn sáng, cô tin là ông đang trên đường tới Berlin. Ông hẹn khi nào đến nơi sẽ báo, khoảng chập tối. Judith cứ phải nhắc nhở liên tục. Đùng sốt ruột, cô nói. Gần đến chiều tối, trời đã chập choạng, vẫn chẳng có tin gì. Sao cậu không gọi điện cho ông ấy? Dora quên bẵng. Cô có thể gọi điện, cô biết số điện, Hans đã gửi cho cô trước đó mấy tuần. Chỉ cần vài câu là cô yên tâm.

Chỉ ngại rằng đã có lần ông nói, ông ghét cay ghét đắng điện thoại.

Không quan trọng mấy chuyện vặt, cô chỉ cần nghe tiếng ông thôi, nghe hơi thở ông, xa xăm, tận đầu kia đường dây, âm thanh lạo xạo gì đó, báo cho cô biết là họ đã kết nối với nhau, chỉ cần mỗi thực tế đó thôi.

Hôm áp chót, Hans chợt hiện ra trước cửa. Đúng lúc Dora đang phơi quần áo trong mảnh vườn sau nhà, do đó cô không thấy anh ngay, chỉ khi cô cúi xuống và thấy bóng người trên thảm cỏ. Đúng là Hans thật. Mấy hôm trước

anh đã định viết thư báo tin muốn đến đón cô, nhưng vì cô chẳng bao giờ hồi âm nên anh cứ thế đến. Hans à? Không sao, cô nói. Đợi đã. Em xong ngay. Mặt anh râu rĩ. Anh quan sát cô phơi đôi tất cuối cùng lên. Hans mặc chiếc quần nhem nhuộm và áo sơ mi không được sạch lắm.

Dora biết ngay bây giờ cô phải giải trình. Anh đến đón cô để họ bàn mấy chuyện cũ hời ở Berlin, nhưng cô không muốn bắt đầu chuyện đó ngoài vườn. Cô đề nghị cùng đi dạo một đoạn, đưa anh vòng qua nhà thờ đi về phía sông, đến một khu mà cô cũng chưa đặt chân. Hans kiệm lời. Anh lùi thúi đi cạnh cô, hỏi cô có khỏe không, cũng không phản đối khi cô gợi ý kiếm chỗ ngồi, cạnh bờ sông, trên một gốc cây cụt, ở đó rốt cuộc họ nói chuyện, không lâu, gần như còn là một đôi, tựa như cô nợ anh điều ấy. Cô cảm ơn anh đã kiếm hộ phòng, ông tiến sĩ cũng rất biết ơn anh, ông đã đến Berlin từ hôm qua. Cô giải thích sơ sơ những gì đã diễn ra, rằng cô lấy làm tiếc, kế hoạch của cô là thế này thế kia, nhưng chắc anh cũng đã đoán ra gần hết. Em muốn sống cùng ông ấy, Hans nói, và cô đáp: Em ước được như thế. Vì người ấy rất quan trọng với em.

Khi họ quay về thì trời đã tối. Hans kể một hồi lâu cho cô nghe về công việc của anh ở cảng, cũng chỉ là việc tạm thời, nhưng có còn hơn không. Anh phụ việc bốc dỡ hàng, vác hòm, thùng tô nô và bao tải nặng. Tối đến, khi nhận lương anh phải khẩn trương chi ngay vì sáng hôm sau tiền chỉ còn là giấy lộn. Trong bữa tối họ cũng chuyện trò lâu về Berlin, Judith mua đủ thứ cho bữa chia tay, họ ngồi đến quá hai giờ.

Mùa hè của bọn mình thế là đã qua, Judith nói và tổng kết lại những gì cần nói về gã Hans ngu ngơ đáng thương, lúc này đang ngủ trên tràng kỷ dưới nhà và đã ngà ngà say từ cuối bữa. Ừ, tiếc thật đấy, Judith nói, tớ nghĩ là bây giờ tớ đã thấy thiếu cậu, dù chiều mai tàu mới chạy. Giờ khởi hành và giờ đến ghi trong bức điện gửi tới lúc trưa. Anh đi gặp Max, trong điện viết thế, và ra đón em lúc 18 giờ 42. Thoạt tiên cô nghĩ, sao lại muộn thế, nhưng

bây giờ cô thấy họ gặp nhau buổi tối cũng hay, họ sẽ giật mình, họ sẽ tự hỏi, liệu họ vẫn còn là những người của ngày xưa, hồi ở Müritz.

Khi tàu vào ga thì cô đã quên Hans. Tốc độ còn khá cao, không nhận ra được gì nhiều, nhưng lúc tàu phanh thì cô nhìn ra những bóng mờ mờ đầu tiên, vài ba xe chở hành lý, các cặp đôi, đàn ông khuân va li, một chú nhóc trên vai bố. Họ ngồi cuối tàu, chả trách cô không thấy ông ngay, cô cũng hoàn toàn bình tĩnh khi đứng bên cửa tàu, đợi những người trước mình xuống hết, rồi cuộc xuống đến sân ga rồi mà vẫn chẳng thấy ông đâu. Cô vẫn tiếp tục không chú ý đến Hans. Cô quẹo trái ra cửa ga, mãi lúc ấy mới phát hiện ra ông, ông đứng khá xa, thoạt trông có vẻ khảng khiu hơn trước, không hẳn lạ lẫm. Cô vẫy tay, rồi ông vẫy đáp lại, mỉm cười, sững lại, tiến mấy bước về phía cô. Ông sững bước thật sao? Không, một lúc sau cơ, nhưng gần như đồng thời với lúc cô đứng trước mặt ông và không biết nên chào ông ra sao, không chạm hẳn vào ông, chỉ khẽ ngả đầu đụng vai ông. Anh đợi lâu chưa? Ông lắc đầu, tàu đến chính xác từng phút, và trong khoảnh khắc ấy ông nhận ra có người đi cùng cô. Hans đã đặt hành lý xuống sân ga. Đây là Hans, cô nói mà không nhìn Hans và chỉ ước có thể nói thêm rằng điều đó chẳng có ý nghĩa gì. Hans là một gã Hans vu vơ nào đó, một người bạn, cũng không hẳn là bạn, một người đi cùng thôi mà. Chào ông tiến sĩ, Hans nói, rất hân hạnh. Anh chìa tay cho ông, để chào cũng như để chia tay, vì chào chưa dứt tiếng thì anh đã quay đi, biến về hướng tàu điện.

Cô không thể thốt lên nổi rằng cô đã mong đợi những gì. Franz, cô nói. Cho anh ngắm em nào, ông đáp, và gật đầu, thế là mình đã gặp nhau. Cô hơi lão đảo, nhưng bây giờ ông ôm cô, ngay trên sân ga, giữa đám hành khách cuối cùng đang chen nhau bên phải bên trái họ để ra cửa ga. Đợi mãi, ông nói, mình lấy xe đi. Trên xe ông nhắc lại, đợi mãi, cho anh ngắm em nào, cứ như ông vừa đột ngột nhớ ra, ông cũng nói gì đó về căn phòng, đẹp lắm, nhưng ông chỉ sợ sẽ phá hỏng nó.

Dora không nhớ lần cuối cô đi ô tô là khi nào. Họ phải đợi mấy phút, nhưng sau đó xe chạy ngay, tài xế lái bà tự chải rửa mình đã chọn phải đường đi qua quảng trường Potsdam, chải cả nửa phố Potsdam, cho đến khi xe cô thừa dần. Những biệt thự đầu tiên có vườn xuất hiện, họ đã đến Friedenau, trước mặt là tòa thị chính Steglitz, rồi đến nhà. Suốt buổi Dora nắm tay ông. Cô không nói được gì nhiều, vả lại còn những thứ khác đến lượt, như bàn tay cô, như mạch máu cô khe khẽ đập, như ngón tay cô lên tiếng. Chúng mày từ từ nào. Hạnh phúc lớn nhất là rốt cuộc chúng có thì giờ, còn cô, lúc này cô chỉ cần bàn tay ông. Đến nơi chưa nhỉ? Cô không để ý ông đã mở khóa cửa lớn, hầu như cô cũng chẳng nhìn đường, và giờ đây họ đứng trước cánh cửa này.

Ông mở khóa cửa cho cô, thứ đầu tiên cô nhìn thấy là đoạn hành lang ngắn tối om. Nhưng cô đâu cần gì hơn quãng hành lang này, đã bao lần cô mơ đến khoảnh khắc này. Ta đã đến nơi, cô thì thào. Anh, cô gọi. Hầu như đã từng có lúc quá sức chịu đựng, nhưng giờ thì không.

Để làm quen, trước tiên cô chạm tay vào mọi thứ: tấm màn cửa xấu xí, gối trên tràng kỷ, đồ gỗ, cô áp tay lâu lên chiếc dương cầm mà, rùi thay, người ta sẽ chở đi trong vài ngày tới. Cô ngắm nghía bếp lò và tủ, ngồi xuống bên bàn viết của ông. Cô vào bếp, mở rồi khóa vòi nước lại. Hôm qua mình không để ý, cô nói, đây này, xem này, có cả kẹp hạt dẻ nữa này, nôi, chảo, đúng là thích gì có nấy.

Hôm qua họ đứng rất lâu trong cái khúc hành lang kỳ quái, cứ như đó là mục đích của họ từ nhiều tuần nay, cô và ông vận áo choàng dài, đứng trên mấy thước vuông sàn. Cả buổi tối cô nghĩ: anh ấy sẽ đẩy mình đi, sau bữa ăn, khi mình không dự tính đến khả năng ấy nữa.

Lúc cô đi thì đã rất muộn, nhưng giờ đây, sớm hôm sau, cô đã trở lại. Họ ăn sáng, rồi cùng nhau đi mua bán, hân hoan, tung tẩy một cách dè dặt. Họ buồn cười vì hàng mới số 0 trên tờ bạc, nhớ thứ nợ thì quên thứ kia, lại phải về lấy rồi đi tiếp. Ông kể cho cô nghe về những gì diễn ra ở nhà cha mẹ, về

đêm cuối trước khi ra đi, quả là một đêm kinh hoàng, và cho đến phút chót ông vẫn không biết có đi Berlin hay không.

Nói chung ông rất cẩn trọng. Với chính mình hơn là với cô, cô cảm thấy thế, vì chính ra ông không việc gì phải cẩn trọng với cô. Cô vẫn chưa trấn tĩnh, nhưng cô thích thế, cô cố tin những gì đang diễn ra, cô nhìn ông bên bàn giấy, ngay sát cô, và vẫn không tin nổi.

Buổi chiều thứ hai, Emmy đến thăm. Dora không chắc chắn mình có cảm tình với người phụ nữ hút ha hút hải ấy, cô ta hẹn đến lúc năm giờ, nhưng lại đến trễ hơn nửa tiếng, thở không ra hơi, cứ như phải chạy bộ cả quãng đường. Cô vừa xong giờ tập, luôn luôn bị muộn giờ, Max đã quá quen chuyện ấy. Sau đó họ trò chuyện lâu về Max, về mọi nỗi vui buồn của họ, thật kinh khủng mỗi khi Max ra đi, đơn giản là cô không thể nào làm quen được tình huống đó, mỗi lần như vậy, thế giới của cô sụp đổ. Tất nhiên Max gửi lời chào hai người, cô nói, mới đây Max và ông tiến sĩ đã trò chuyện rất lâu ở quán cà phê Josty. Chị biết quán Josty không? Dora chỉ nghe tên. Anh ấy đâu nhỉ? Emmy hỏi. Giờ thì chính Dora cũng ngạc nhiên. Lúc này ông còn đang viết. Nhưng khi họ sang phòng bên thì thấy ông ngủ trên tràng kỷ, mặt quay vào tường, chân hơi co lên cho đủ chỗ, không cựa quậy.

(1) Ngôn ngữ nghi thức của Do Thái giáo. (Tất cả chú thích trong sách là của người dịch.)

II Ở

1

Những ngày đầu giống giấc ngủ gà gật buổi chiều trên tràng kỷ, khi ông không rõ những tiếng động đến từ đâu, từ dưới phố lên, từ trong bếp ra, hay từ nơi nào đó sâu thẳm, như tiếng gõ mơ hồ, một giọng nói như giọng Dora nhưng cũng có thể do ông tưởng tượng, một thứ gì đó trong ông mà ông có thể gọi ra, vì ông đã có lần nghe nó.

Khi tỉnh dậy, ông thấy mọi thứ lạ lẫm một cách dễ chịu, những âm thanh xô bồ bị nén xuống của xóm ngoại ô ngoài cửa sổ, sự im ắng trong công viên lúc họ cùng đi dạo. Tất cả hầu như đều mới mẻ và bất ngờ, khuôn mặt cô buổi ban mai, mùi hương cô tỏa ra khi ngồi xếp bằng tròn trên tràng kỷ và đọc *Torah*⁽¹⁾. Gì cơ? Em muốn thế à? Ở đây với anh như thế, em thấy được không? Những ngày đầu, khi câu hỏi không là câu hỏi.

Ông ở Berlin, và ông có cô gái trẻ ấy. Lúc nào ông cũng có thể đưa tay chạm tới cô, nhưng ông thường chỉ ngắm cô, bàng hoàng xúc động bởi một chi tiết, cổ cô vút cong, hông cô đưa đẩy khi cô đi qua phòng. Mọi thứ dành cho ông, dường như cô nói vậy, những gì ông thấy ở cô, hãy cứ chiếm lấy.

Họ sống một thời gian dài như dưới một quả chuông úp kín, gần như bàng quan với mọi thứ bên ngoài, với giá cả tăng chóng mặt mà họ cũng phải gánh chịu, với tình hình chung nhộn nhạo, với sự băng hoại tinh thần. Chỉ mình bà chủ nhà khiến ông phải lo ngại. Khi trao chìa khóa hôm thứ Tư, ông không hề nhắc tên Dora, song họ đã chạm trán nhau vài lần, có lần còn bắt chuyện vài phút, thân mật tự giới thiệu, nhưng ông linh cảm tình hình có thể đảo ngược bất cứ lúc nào.

Mấy ngày đầu ông nói với Emmy: Anh chưa thực sự đến nơi. Ví dụ, hôm nay anh mới đánh liều ra thành phố lần thứ hai. Họ hẹn nhau ở trước phòng đổi tiền trong ga Sở thú, người ngợm chen lấn, trông số tiền đem vào đổi mà ghê, ngay cả khi tính ra chưa đầy hai chục dollar. Emmy nói: Hai người chọn đúng thời điểm dở nhất để tới đây, khó có thể tệ hơn được nữa. Nhưng trông cô hân hoan, cô nói mấy câu về Dora khiến ông vui vẻ, chuyển sang kể chuyện Max, mới hôm qua cô vừa gọi điện cho Max. Không khí ngột ngạt làm ông tiến sĩ mệt. Vừa vào đến trung tâm ông bắt đầu ho. Emmy nhìn ông đầy lo âu rồi kéo ông về phía bể hải dương học là nơi yên tĩnh và tối một cách dễ chịu, gần như trong rạp phim. Những con cá bơi xa xa sau tấm kính. Người ta nhìn thấy cá to nhỏ đủ màu sắc, những con sứa phát quang làm Emmy lợm giọng, xa nữa là cá mập. Emmy hoảng sợ hoặc chỉ làm ra vẻ. Ông tiến sĩ quàng tay ôm cô, tựa như phải bảo vệ cô, cũng được, tại sao không? Cô thơm phức, ông thoáng nghĩ khi ôm cô, và lẽ ra cô phải cuốn hút ông lắm, ở một kiếp khác, dù rằng cho đến giờ ông chỉ biết cô sơ sơ.

Ông viết thư cho cha mẹ. Thư trả lời do Elli viết. Cô lo lắng từ xa, vì nhìn từ xa thì nhiều chuyện nhanh chóng mang vẻ nguy hiểm, trong khi ở cạnh thì chúng gần như là thói quen. Tuy nhiên suy ngược lại cũng đúng. Người ta chỉ cần mở mắt ra hoặc đọc báo địa phương, độ này hầu như hôm nào ông cũng đọc *Thông cáo Steglitz* trên bảng tin treo ở tòa thị chính. Nhưng chính ông muốn đến Berlin bằng được kia mà. Nói chung ông chỉ đảo mắt lướt qua các trang. Sáng nay ông phát điên vì những con số, tiếc rằng như vậy chưa hết, bài học thực sự còn đang đợi ông. Ở Vườn Bách Thảo, ông ngồi xuống chiếc ghế băng trong ánh nắng tương bừng. Một nhóm thiếu nữ đi ngang qua. Khởi đầu như một cú phiêu lưu tình ái. Một con bé dong dỏng, xinh xắn, tóc vàng, dáng như con trai, mỉm cười điệu đà với ông, chu mỏ lên và gọi gì đó về hướng ông. Ông cười đáp lại một cách thân thiện quá mức, cả tới lúc con bé và đám bạn gái quay lại nhìn ông mấy lần, ông vẫn mỉm cười, cho đến khi từ từ hiểu ra nó nói gì. Nó nói: *Do Thái*.

Bức ảnh ông đi chụp tại cửa hàng bách hóa Wertheim dạo đầu tháng Mười là để gửi cho cha mẹ. Xem giá tiền mà phát hoảng, nhưng dù đã gạt hẳn chuyện đó qua một bên, ông vẫn không thể nào hài lòng. Cổ áo bên phải có một nếp gấp xấu xí, giờ thì không thể sửa được nữa rồi, cà vạt, gi lê và bộ com lê có vẻ ớn. Hiếm khi người ta thấy ảnh chụp giống mình, dù vậy ông vẫn buộc phải thú nhận bức ảnh làm ông sốc. Trông ông như một học sinh cuối bậc trung học già sọm. Tai vênh, mắt to, cổ nhìn ra vẻ đạo mạo. Chẳng có chút gì của Dora. Tại sao ông không cười? Ừ, một tí xiu nụ cười, có vẻ thế, một thoáng qua, một tẹo bóng bẩy, có thể nói thế nếu ông cố tỏ ra thiện chí khi ngồi trên tàu điện quay về chốn Steglitz yên tĩnh.

Ottla gửi một bưu phẩm kèm bơ và muốn biết tình hình sức khỏe của ông, cô đang tưởng tượng những ngày đầu tiên của ông với người phụ nữ kia. Có thể nhận ra nỗi nghi ngại lờ mờ của cô, ông tiến sĩ vốn không ưa đông người ở gần, thêm vào đó, ông và Dora mới chỉ quen nhau một thời gian ngắn. Cô ấy đang ở chỗ anh à? Anh có đối xử tốt với cô ấy không? Nghe cứ như thể cô phải ra tay che chở Dora. Nhưng thật là thừa, ở đây hoàn toàn không có gì phải giữ ý. Đúng, cô ấy đang ở chỗ ông, không phải cả ngày, nhưng thường xuyên đến mức ông quen có cô bên cạnh. Đã hình thành một nhịp điệu nhất định, gần như tự nhiên xảy ra và dường như chưa bao giờ khác cả.

Elli viết thư trách ông. Cô gọi chuyến đi Berlin là một chủ định gàn bướng, cô nghi ngờ tính kiên định và chân thật của ông, và như mọi khi, lấy lý do là vấn đề cân nặng. Có vài ý ông thấy hoàn toàn đúng. Ở Müritz ông không béo lên, ở Schelesen thoát tiên ông có lên cân rồi lại sút, và đúng thời điểm trước khi mọi cố gắng sẽ mãi mãi quá muộn thì ông lại lên tàu đi Berlin và khẳng khẳng không bao giờ hối hận. Sao cô không hiểu điều đó nhỉ? Chẳng phải cô đã làm quen với Dora rồi sao? Ông không hứng thú viết thư cho cô. Không thích viết như một dạng nghĩa vụ giải trình, mà lại là giải trình cho Elli vốn là người trong cuộc từ giờ phút đầu tiên, và chứng kiến ông tìm được xiết bao hạnh phúc với Dora.

Ông đề nghị gửi tiền, gửi theo thư thường, mỗi lần một ít thôi, để tạm thời không thể cắt phăng sợi dây rốn.

Không may, thời tiết thay đổi xoành xoạch. Mấy ngày qua hầu như mưa không ngớt, không hẳn ông bị nhiễm lạnh, nhưng ông cảm nhận được tác động không hề thuận lợi của chốn đô thị, ông đã làm quá sức, hồi hận đã đến nhà Puah ở phố Steinmetz, đặc biệt vì không rũ bỏ được ấn tượng rằng sự hiện diện của ông không làm cô vui. Tiếng Hebrew của ông từ mấy tháng nay chẳng khá lên đáng kể. Cách cô chào ông gần như khuôn phép, cô hỏi thăm Dora cho lịch sự chứ chẳng vì quan tâm. Dora giỏi tiếng Hebrew đúng không? Ông nhớ lại phút chia tay thăm thiết ở Müritz, thất vọng vì không có gì nhiều nhận còn đọng lại từ dịp đó, hồi đầu tháng Tám. Trên đường về, trên tàu điện ông thấy mệt mỏi lạ lùng, rồi ông lên giường sớm, cơn ho bật lên, như đặt trước, lúc gần mười giờ đêm, về chất lượng không có gì đáng nói, như ông viết cho Max sau này, về số lượng thì đáng ngại.

Ngày hôm sau ông gần như nằm liệt giường. Như mọi khi, ông dậy lúc bảy giờ hơn, hai tiếng sau lại nằm, nửa tỉnh nửa mê ăn vài thứ lặt vặt cho bữa sáng và bữa trưa để cuối cùng cắn răng ra khỏi giường lúc năm giờ. Dora chăm sóc rất tận tình, nhưng không liên tục hiện diện để hạn chế cảm giác ngượng ngùng của ông. Cô cấm ông ra phố lúc trời mưa, cô nhận luôn việc đi chợ, nói gì cũng với giọng đùa cợt mà ông đã quen. Đôi khi Ottla cũng nói như vậy với ông khi cô lo âu, như một biểu hiện của sự gắn kết.

Em không quan tâm anh đúng mức, Dora nói, em hay vắng mặt quá. Trong khi họ gặp nhau hầu như mỗi ngày. Ông cảm giác cô luôn có mặt hoặc chỉ đi khỏi những lúc hợp lý, suốt ba tiếng đồng hồ ông ngồi tiếp bác sĩ Weiss, cho đến khi ông ta đột ngột cáo từ, sau cả buổi lúng túng, hồ hởi trong tuyệt vọng, trừ nửa tiếng với Dora.

Ông vẫn chưa có một thời gian biểu ổn định. Ngày lại ngày trôi qua hờ hững và vô dụng, ông viết thư, xong là hết. Ông liên tục phải đi đổi tiền.

Họ ăn uống, có chuyện để nói, làm quen nhau. Không có gì khó khăn. Không phải sự tìm hiểu nào cũng thành công ngay. Có những điều nhạy cảm, những rào cản mà người ta phải dẹp đi trong chính mình, và nhất định không nguyên nhân nào xuất phát từ con người kỳ diệu kia. Đôi khi lòng ông ngập tràn kiêu hãnh, lúc đó ông muốn khoe cô khắp nơi, nhìn đây, nhìn tôi có gì đây này, cứ như cô là chiến lợi phẩm của ông. Hôm qua, lúc bác sĩ Weiss đến thăm, cảm giác đó hết sức mãnh liệt, mỗi khi cô đến và mang theo thứ gì đó, mỗi khi cô ngồi xuống cạnh họ chốc lát.

Vậy là ít nhiều họ đã sống như một đôi. Căn phòng không rộng lắm. Nếu mọi chuyện tiếp tục tiến triển dễ chịu như hiện nay thì họ phải tìm một căn hộ, nhưng tạm thời ông hoàn toàn hài lòng với hoàn cảnh này. Tối đến, khi cô đi khỏi, ông không nhẹ người mà cũng chẳng phiền lòng. Cô thường để lại chỗ ông vài thứ, khăn quàng, cái khăn tháo ra lúc rửa chén bát, sợi tóc vương trên gối trang ký, một thoáng hương thơm kiểu Dora ngoài hành lang, một chút phảng phất từ giọng nói, khi ông thả mình vào bầu không khí yên tĩnh của bóng đêm.

Ông muốn trụ lại đây tối thiểu đến cuối năm.

Khi thời tiết cho phép, ông vẫn hay đi dạo, ông thường đến Vườn Bách Thảo là nơi người ta có thể nghiên cứu các loài cây và hoa cực hiếm trong nhà kính. Trời mưa, nhưng đến lúc này vẫn chưa quá rét, người ta có thể mặc áo vest là đủ, song có lẽ không còn được bao lâu nữa. Ông cần vài món đồ mùa đông, áo choàng, quần áo hằng ngày, đồ lót, áo ngủ, có lẽ cả một túi ủ chân. Max có thể đem vài thứ đến, hoặc ông đi tàu hỏa đến lấy. Lúc ra đi, ông nói với cha mẹ sẽ chỉ ở lại dăm hôm, đến giờ đã được mấy tuần, ông áy náy, nhưng không quá mức, vả lại nếu về thăm nhà thì lập tức ông lại biến thành đứa con trai, và đó là điều ông không bao giờ muốn.

Đối với Dora, khởi đầu thế là ổn. Sau cái đêm cả hai thức trắng ấy, ông không bị ho lại, song cô sẽ chú ý chăm sóc ông hơn. Trời vẫn tiếp tục lạnh và mưa, nắng hừng lên được vài giờ đồng hồ đã lại mưa tiếp. Tỷ giá dollar đã đến ngưỡng bốn triệu mark, họ phải căn cơ, nhưng cô cảm thấy mình tràn đầy sinh lực, cô sống với người đàn ông vừa quen được ba tháng, là người cho cô bất cứ sự tự do nào như ý. Cô có quyền đến và đi khi nào cô muốn, làm theo giờ để lấy vài xu ở Volksheim, chuyện trò với Paul, gặp Judith. Cả hai đều khen cô xinh, hỏi thăm sự tình ra sao. Có đúng như cậu vẫn hằng mơ ước không? Dĩ nhiên cô có thể trả lời vài câu, nhưng cô chỉ thích gật đầu thôi, cô rạng rỡ như vừa nhớ ra một chuyện gì đó, một chi tiết mà trước đây cô không chú trọng, nhưng trời ạ, thực ra điều đó liên quan gì đến người khác cơ chứ.

Một thời gian dài cô thực sự tin rằng khi họ cùng nhau ra khỏi nhà, người ta nhìn họ là đoán ra hết, tựa như khắp nơi đọng lại dấu vết, một ánh sáng gì đó, một mùi hương chưa phai, một dấu ấn trên da, một vết trên cổ, mấy tiếng sau khi ông hôn vẫn còn in dấu.

Vài thứ cô thấy lạ. Từ nhiều năm nay ông không ăn thịt, trừ thịt gia cầm, ông nhai rất lâu theo phương pháp của một bác sĩ, giờ ngủ và thức của ông rất kỳ quặc. Trông ông mệt mỏi, mắt quầng thâm sau những đêm khó ngủ, và cô tự hỏi, những đêm ấy ông ngồi viết hay không ngủ được, hay trước tiên viết rồi sau đó không ngủ. Đêm đến, ở phòng mình cô nghĩ khá lâu về mỗi ngày vừa trôi qua, những cuộc chuyện trò về Palestine, những chuyện đùa khi họ đi chợ, cách ông đứng dậy giữa bữa ăn và ôm cô từ phía sau. Cô mau quên những gì hai người nói. Cả những cử chỉ âu yếm của ông cũng chỉ để lại đường nét lờ mờ, một làn sóng dập dềnh lên xuống, những tiếng thở dài, thi thoảng một câu thì thào, không theo thứ tự chính xác nào. Trước đây cô vẫn chưa biết rõ chính mình. Cô nói với ông mỗi khi có dịp, rằng cô chỉ biết rõ chính mình từ khi ở bên ông. Mọi thứ vẫn dành cho anh, có điều khi ấy em chưa biết anh. Hay đúng hơn: Em đã biết anh, chỉ đáng tiếc là em chưa biết đi tìm anh ở đâu, rồi em đã phát hiện ra anh ở bãi biển.

Nếu bố cô biết chuyện, ông ấy sẽ nói, anh không phải người Do Thái. Anh không tuân thủ ngày Sabbath[(2)][7], anh không thuộc các bài cầu nguyện, vậy mà anh muốn có phúc lành từ em ư?

Bà chủ nhà cũng có vẻ không hài lòng với họ. Dễ thấy bà ta nhăn trán khi họ gặp nhau lúc tối muộn, đã đến giờ đi ngủ từ lâu, hoặc sáng sớm là lúc không thể không đặt câu hỏi: cô gái xinh đẹp kia qua đêm ở đây hay sao?

Có lần bà đến với hai người khuân vác để chở chiếc dương cầm đi như đã báo trước. Chín rưỡi, họ đang ăn sáng lần hai, và chuyện đáng xấu hổ duy nhất là bà Hermann làm như trong chuyện này có gì đáng xấu hổ, thậm chí còn buông lời nhận xét: Chắc bà chưa nói rõ hẳn cho ông tiến sĩ hiểu, hoặc từ sau chiến tranh mọi chuyện chẳng còn như xưa, đại khái toàn những lời bóng gió kiểu ấy. May mà hai người khuân vác chỉ quan tâm đến chiếc dương cầm. Họ trạc ba mươi, người Berlin, quen nói tục, nhưng người ta thấy rõ sức lực và sự nhẹ nhàng khi họ đưa cây đàn ra cửa. Franz phục sát đất. Khi họ đã xuống đến dưới đường, ông vẫn đứng bên cửa sổ quan sát họ di chuyển, cười nói rồi đi khỏi, vù va chạm với bà chủ nhà nhanh chóng rơi vào quên lãng.

Mặc dù tiêu pha chật vật, họ vẫn cố mua một chiếc đèn dầu lớn. Chiếc đèn nhỏ kém sáng, và dạo này họ đã thường phải ngồi cả buổi trong bóng tối, ngày ngắn dần, sau năm giờ đã tối om. Dora yêu mùa tối trời này, yêu những buổi tối dài sau giờ làm việc ở Volksheim. Họ có nhiều thì giờ. Tuy nhiên cái đèn mới cũng sinh chuyện. Nó đắt cắt cổ nhưng không cháy tử tế, ít nhất đối với Franz, ông thấy nó chỉ được cái lăm muội và hôi. Đúng là ông vụng không để đâu cho hết, nhưng chính vì vậy mà họ có lý do để vui, ông khen cái đèn để chiếm được tình cảm của nó, ngợi ca ánh sáng của nó, nhưng tiếc rằng làm thế chỉ vô ích. Rõ ràng cái đèn không thích ông. Ông ra khỏi phòng, bảo Dora nói với cái đèn ông không có nhà, có khi vì thế mà nó cháy. Có trời biết cái đèn nghĩ gì, vì quả thật, cứ hễ ông đi khỏi là nói gì nó cũng nghe.

Đến tận lúc này cô vẫn hầu như chưa nhận ra ông là nhà văn. Ông viết thư và bưu thiếp. Đó là công việc của nhà văn sao? Một lần có bức thư làm ông bận tâm, ông nói, đó là bản thống kê sách đã bán. Trông ông bức bối, bài hoài thì đúng hơn, mất nửa ngày, nhưng không lâu hơn. Cô để ông yên cả buổi chiều, phiền muộn vì một sự phiền muộn không phải của mình, tựa như cô phải chờ đợi khoảnh khắc ông nhận ra sự hiện diện của cô, đợi câu nói đầu tiên, nụ cười đầu tiên trong bữa ăn.

Có lần họ định đi xem phim. Trước nay họ vẫn ở nhà buổi tối, nhưng vì buổi sáng thứ tới kèm 50 curon nên họ được hưởng ngoại lệ, tiền bạc không phải là vấn đề, nhất là khi góc phố nào cũng có rạp phim, cả ở Steglitz, những tấm quảng cáo với cảnh giết gân, hình nam thanh nữ tú, hứa hẹn đủ thứ trên trời dưới bể. Nhưng vì lý do nào đó mà họ chưa có dịp. Họ ra đường rồi bắt đầu suy tính, họ đã đứng xếp hàng ở quầy vé rồi vào phút cuối cùng lại bỏ. Không hề thất vọng. Dora nói, cô muốn đi tiếp, cô chỉ cần ngắm các cửa hiệu trong khu Steglitz hơi tối tăm một chút là đủ. Được không, Franz, rạp phim có chạy đâu mất mà sợ? Dora nói vậy. Lần khác cũng được, cô nói, hôm sau, khi chuyện này qua đi đã, và không may may biết hôm sau là bao giờ.

Nếu phải viết cuộc đời mình ra giấy, cô sẽ chỉ viết toàn chuyện lật vạt, vì niềm hạnh phúc, theo cô, sẽ là lớn nhất khi nó nhỏ xíu, đó là lúc ông buộc giày, lúc ông ngủ, lúc ông vuốt tóc cô. Lúc nào ông cũng làm gì đó với tóc cô. Ông chải đầu cho cô, gội đầu cho cô, rất thích và cũng rất lạ. Tóc cô, ông nói, có mùi khói và lưu huỳnh, mùi cỏ, đôi khi mùi biển. Ông nói ông chưa biết cô ngọn ngành. Nếu một ngày nào đó biết hết thì ông sẽ lăn ra chết tại chỗ, và do đó ông bất tử.

Thành phố đã có những vụ lộn xộn đầu tiên vì thực phẩm. Đặc biệt là ở các cửa hàng bánh mì, người mua xếp hàng dài dằng dặc ra tận ngoài đường. Buổi chiều Tile cùng một họa sĩ trẻ tới thăm, cô kể đã chính mắt nhìn thấy cảnh đó, thực ra nghe nhiều hơn nhìn, tiếng gầm gừ của lũ người như tê đại

vì đói, vài tiếng la hét khi đằng sau cánh cửa hiệu bánh bị chốt chặt có gì đó chuyển động, tất cả đòi đem bánh ra.

Trông Tile không được mãn nguyện khi đến thăm. Rõ ràng cô mong được gặp một mình Franz, mãi đến khi qua cửa và nhìn thấy Dora, cô mới nhận ra họ là một đôi, chồng và vợ, trong khi cô chỉ là một thiếu nữ, một mối quen biết trong mùa hè, và suốt ba tiếng đồng hồ cô hầu như không hé miệng. Dường như cô chỉ dặt anh họa sĩ theo cho ra vẻ đứng đắn, hai bên không có gì nhiều để nói với nhau, à, có chứ: Anh họa sĩ đang có triển lãm ở Lützowufer, những bức tranh màu nước vẽ biển, cảnh nước và đụn cát, mây cuộn tầng tầng lớp lớp, dưới những ánh sáng khác nhau. Còn Tile? Vâng, cô kể mình vẫn múa, mặc dù xung đột với bố mẹ vẫn đang tiếp diễn. Franz nói, ông tin tưởng cô, nhân tiện cô hỏi về công việc của ông. Ông đang viết cuốn sách mới? Dường như Franz phải nghĩ ngợi một lát, rồi ông nói, không, sách mới thì không.

Viết lách chưa bao giờ là nghề của ông. Ông từng đi làm cho một công ty, dính dáng gì đó đến bảo hiểm, bây giờ đã về hưu, ông có vài quyển sách mà cô không biết và cũng chẳng cần chúng cho tình yêu của mình. Nếu họ đi Palestine, ông nói, chuyện viết lách nào có giúp được gì, ông sẽ phải học nghề gì đó, một công việc tay chân, thực sự đem lại lợi ích cho con người.

Khi viết, tôi là một người khó gần.

Những ngày tiếp theo, họ chơi trò Palestine. Liệu sẽ ra sao khi ông và cô ở một đất nước toàn người Do Thái. Riêng thời tiết thì tuyệt vời, họ có thể mở một quán ăn ở Haifa hay Tel Aviv, họ mơ mộng đại khái như vậy. Mình làm nhé? Em nghĩ sao? Nấu ăn tất nhiên là việc của cô, còn ông sẽ là một bồi bàn như thế giới này chưa từng thấy, riêng viễn cảnh đó đã đủ làm họ cười phá lên, vì ông nổi tiếng hậu đậu. Một nhà hàng nho nhỏ ở sát vỉa hè để khách có thể ngồi cả ở bên ngoài. Vài cái bàn thôi, họ tưởng tượng, không có nghĩa là họ tin vào khả năng ấy.

Họ cũng chỉ thoáng tin vào trường dạy làm vườn ở Dahlem. Franz kể, trước đó mấy năm ông đã thử nghề làm vườn, nhưng dạo ấy ông chưa yếu sức như bây giờ. Một người bạn biết rõ trường ấy đã can ngăn quyết liệt, công việc rất nặng, chắc gì người ta nhận một người ở tuổi ông, khó lắm, có khối người đang tìm việc. Franz có vẻ hơi tinh ngộ, nhất là khi nổi thất vọng luôn là chính ông. Hai người đàn ông hôm trước đến lấy chiếc dương cầm đã một lần nữa cho ông thấy rõ điều đó.

Có lần ra công viên, họ làm quen với một con bé. Nó đứng trơ trọi trên bãi cỏ và khóc, vì thế họ bắt chuyện. Nó khóc nức nở, nói không ra lời, nó bị mất con búp bê, ở đây, đâu đó trong công viên. Thoạt tiên họ chẳng hiểu gì, con bé hấp tấp chỉ khắp các hướng, rõ ràng nó đã tìm con búp bê khắp nơi. Tội nghiệp con búp bê, mới sáu, bảy tuổi, không không không bao giờ có lại một con búp bê xinh như thế. Chiều qua còn thấy nó. Hình như con búp bê tên là Mia, hay đó là tên con bé?

Dần dần con bé đã bình tĩnh lại. Cháu nghe đây. Bác biết búp bê của cháu ở đâu, Franz nói. Ông cúi xuống nói với con bé, quỳ hẳn lên cỏ và ngẫu hứng bịa ra một câu chuyện. Nó đã viết thư cho bác, nếu cháu muốn thì mai bác đem cho xem. Con bé nhìn ông ngờ vực. Thư? Sao lại thế được? Thực ra thì không thể. Em búp bê của cháu viết thư á? Búp bê của cháu tên gì? Con bé nói, nó tên là Mia. Đúng là thư của một búp bê tên là Mia, bác vừa nhận được sáng nay. Chữ nó không dễ đọc, nhưng không sao, rõ ràng Mia là người viết thư. Franz để con bé đủ thì giờ nghĩ, mỉm cười động viên, cảnh tượng rất cảm động. Sau một hồi nghi ngại ban đầu, hình như con bé nghĩ chuyện đó có thể xảy ra. Nó bắt đầu tin. Hai bên thống nhất và hẹn chiều mai gặp lại. Franz vẫn quỳ trên cỏ, hỏi, liệu con bé có nhất định đến không, nghiêm chỉnh đến khó tin, gần như trịnh trọng, tựa như cả cuộc đời của ông phụ thuộc vào việc này, giống ngày nào ở Müritz.

Sau bốn tuần, dần dần ông đã đến nơi. Không viết lách gì mấy mà ông bận bù đầu, ông tận tình lo lắng cho Emmy, hầu như ngày nào cũng gọi điện cho cô, khi tiếp cô trong phòng mình ông cố hết sức khiến cô cười, để cô đừng đau đầu nghĩ đến Max đang muốn đi dự đám cưới của em trai thay vì đến Berlin với cô, và đó là một thất vọng khủng khiếp cho Emmy tội nghiệp.

Lúc nào ông cũng phải dàn xếp hoặc ai ủi ai hoặc phân bua chuyện gì đó. Ông viết cho Max khi thấy bạn than phiền vì bất tin, viết cho giám đốc công ty để ngăn ông ta vì Berlin mà cắt xén tiền hưu. Tuần trước ông mời Dora đến một tiệm ăn chay ở phố Friedrich. Ông vẫn thích đi xem phim, đi nhà hát, nhưng giờ đây thay vào đó là con bé gặp ở công viên. Ông tự thấy ngạc nhiên, vì sao chuyện này lại quan trọng như vậy đối với mình, gì thì gì, ông dành nhiều thì giờ đến khó tin, bàn bạc với Dora và đọc luôn cho cô nghe các cuộc phiêu lưu của búp bê.

Một thời gian dài, có thể coi như họ có con. Búp bê đi từ công viên ra ga rồi đã tới biển. Tiếc rằng nó không có tiền, vì vậy nó cực kỳ may mắn khi gặp được một cậu bé bỏ tiền mua vé tàu cho. Búp bê ở biển vài hôm thì chán, nó muốn qua bờ bên kia đại dương, một đêm nó lên chuyến tàu thủy mà nó nghĩ sẽ sang Mỹ, không ngờ tàu lại đi châu Phi. Đó là tình hình sau ba lá thư.

Buổi chiều ở công viên, con bé luôn sốt ruột đứng chờ. Nó mới đến trường được ít hôm nên chưa biết đọc, và nó cũng có tên, là Katja, nó giải thích đó là từ tên Katharina mà ra. Thời tiết tốt, họ ngồi xuống cỏ để đọc lá thư mới nhất, trong đó viết là đừng lo lắng gì cả, búp bê thì cũng phải có lúc hứng thú du lịch chứ, búp bê sẽ quay lại chậm nhất vào dịp Giáng sinh.

Ngoài mấy lá thư kể trên, mấy tuần nay ông không viết được dòng nào, nói đúng ra là cả năm 1923 ông không làm được việc gì ra hồn, mặc dù: tất nhiên người ta luôn viết cái gì đó, ông có nhiều cuốn vở, nhật ký, mảnh giấy rời ghi lại những điều cần nhớ. Trong một bức thư viết cho Max ông

đã huênh hoang nhắc đến *công việc* của mình đang được tiến triển tiếp ở Berlin, trong khi đó chỉ là những thử nghiệm, phác thảo cho một tiểu thuyết, khởi đầu, mảnh vụn, đôi khi một chi tiết vặt mà ông vừa hoàn tất, để rồi có dịp thì tốt hơn hết là quẳng vào thùng rác.

Katja hỏi: Nếu nó thích ở lại châu Phi hơn thì sao? Cho đến nay thực khó tin được rằng búp bê muốn quay về, vì ở châu Phi xa xôi nó đã yêu, đã mê đắm một hoàng tử, nếu người ta hiểu đúng những câu bóng gió của búp bê viết, thôi được, tại sao không, Katja hỏi: Nó thích hoàng tử hơn cháu à? Một mặt nó không muốn tin hẳn chuyện đó, nước mắt đã ầng ậng, song mặt khác nó đã bắt đầu buông xuôi, nó từng nghe nói trong truyện cổ tích có hoàng tử, nhưng ở châu Phi cũng có à?

Cũng là một chuyện dễ thương, như đã nói, mấy hôm đầu, khi con bé vui sướng và không quên chi tiết nào, chuẩn bị tinh thần cho trường hợp xấu nhất, là một ngày nào đó búp bê thú nhận sẽ không sớm quay về. Chị có tin không, hoàng tử đã cầu hôn em! Búp bê có hai tư tiếng để cân nhắc, nhưng nó không cần, nó muốn kết hôn với hoàng tử. Dora muốn chọn một kết thúc khác. Có thể mua một con búp bê mới và nói, đó chính là con búp bê ngày xưa, trên đường đi Mia đã đổi khác, nhưng vẫn là Mia ngày xưa. Không được sao? Ông tiến sĩ không nghĩ thế. Cần phải có một bài học. Trong lá thư cuối ông sẽ viết, búp bê rất hạnh phúc. Nếu như con bé chú ý trông nom búp bê tử tế hơn thì búp bê đã không bao giờ có dịp làm quen hoàng tử. Vậy chị không trông em tử tế là tốt, hay không tốt? Ông cũng có thể nói tương tự như vậy: Nếu trước đây mấy năm bệnh lao không phát ra ở anh thì anh đã lấy vợ và bây giờ không ở Berlin với em. Vậy bệnh lao phát ra là tốt, hay không tốt?

Ngoài ra họ chẳng thiếu gì. Họ ở bên nhau, họ có thời gian, đó là điều duy nhất có ý nghĩa. Chỉ có tiền thuê nhà cao là đáng lo, quá cao đối với một phòng, đây là một vùng rất đẹp, đã dành, nhưng vẫn chỉ là một căn phòng. Vài hôm bà chủ nhà lại đứng trước cửa và báo một số tiền mới. Cuối tháng

Tám còn là bốn triệu, hôm nay giá đã ngất ngưỡng lên đến nửa tỷ. Có vấn đề vì hóa đơn tiền điện, có vấn đề vì Dora. Thực ra ông không muốn chuyển chỗ, nhưng ông đã bắt đầu xem các quảng cáo cho thuê nhà để cắt hợp đồng ở đây. Một buổi tối họ quyết định, đến giữa tháng Mười một họ cần nhà mới, nếu được thì ở ngay gần đây. Ông nói, ông muốn có hai phòng, phòng khi buổi tối em không muốn đi, nếu em quá mệt, nếu anh không cho em đi, tối nào cũng đi xuyên thành phố, vào cái thời buổi này. Dora thích thời buổi này. Nói cho cùng, cô không quan tâm chuyện phòng ở, kể cả các bà Hermann trên thế giới này, thậm chí có lẽ cả cái thành phố này. Giờ thì cô vui, vì ông đã nói: hai phòng. Cô rạn rở, bên bàn viết, nơi cô vẫn thỉnh thoảng đứng, như cuộc sống từng bừng nở hoa.

Dường như được quyết định chuyển nhà đem lại sinh khí mới, hôm sau họ vào thành phố, đến Đại học Do Thái ở khu Vựa Cỏ. Nếu cuộc sống giữa muôn vàn cây xanh của họ có một điểm yếu, thì đó là vì họ ở xa những người Do Thái. Ông tiến sĩ muốn học hỏi, ông biết quá ít về phong tục, lễ thói, kinh cầu. Cả Dora cũng muốn học, dù từ bé cô đã biết hết, cô cũng không ngại nói cho ông biết buổi tối cô vẫn cầu nguyện tại phòng mình, cô tuân thủ ngày Sabbath và các quy định, cô thuộc văn bản mà ông chỉ coi là bộ sưu tập các mẫu chuyện, với một thông điệp không có hiệu lực với ông.

Ông vẫn cố gắng tiếp tục đi nhà hát, nhưng vợ *Kẻ thù của nhân dân* với Klöpfer⁽³⁾^[8] đã cháy vé trước hàng tuần, còn nhà hát Schiller thì quá đắt, thế là thay vì đi xem Kortner diễn ông phải nhìn bộ mặt khóc sừng húp của Emmy, cô đi theo ông và các yêu cầu cô đặt ra cho Max ngày càng tăng, y như giá cả. Cô đòi Max rốt cuộc phải quyết định, ý cô là Max phải bỏ vợ, đơn giản vì bốn tuần một lần Berlin quá ít đối với cô. Một lần cô nổi đóa khi nghe nói đến nghĩa vụ, còn lại cô ít khi to tiếng. Cô thuật lại cuộc điện thoại cuối cùng làm cô rất hạnh phúc, kể về các buổi tập, về triển vọng được hát trong một buổi hòa nhạc nhà thờ. Ông không hứng thú gì lắm, song trước sau ông vẫn thích ngắm cô, ông thích loại nước hoa của cô, thích những cơn núp mình đòi che chở của cô, lúc cô cầm tay ông rồi không

buông ra nữa, cách cô nhìn ông, tựa như đó là một Emmy thứ hai đang nuôi các chủ ý khác hẳn trong khi Emmy thứ nhất vẫn than vãn. Dường như ông khá lúng túng khi cô hôn tạm biệt ông, nhưng rồi ông tự nhủ, có gì đâu, cô là diễn viên, đối với diễn viên thì đó chẳng là gì khác ngoài thói quen.

Thực ra, cô không phải kiểu người ông thích.

Ông luôn bị hấp dẫn bởi phụ nữ tóc sẫm, phụ nữ nói giọng cổ, trầm, không hề giống Emmy. Dora có giọng nói ấy, cả M. nữa, mặc dù người ta biết rằng khó ghi nhớ được giọng nói.

Thật lạ, vì ông không cảm thấy sợ khi ở bên cô gái ấy, dù giá cả leo thang chóng mặt, riêng tuần qua đã tăng gấp sáu lần, mọi thứ đắt đỏ gần gấp trăm lần so với trước chiến tranh. Nhưng họ có chỗ ở. Ông gặp may, vì mục đăng trên tờ Thông cáo Steglitz dễ bị lọt khỏi tầm mắt, nhưng sau đó rất nhanh, ông gọi điện ngăn gọn hẹn đến xem nhà, và hai bên nhất trí ngay.

Căn hộ gần như ngay sát nơi ở cũ, cách đó hai phố, trong một biệt thự có mảnh vườn xinh xắn như ông viết thư tả cho cha mẹ, gồm hai phòng bài trí đẹp trên lầu một, phòng khách đón nhiều nắng như căn phòng của ông hiện nay, phòng nhỏ hơn chỉ nhìn thấy mặt trời lúc sáng sớm. Còn có một phòng thứ ba khá lớn mà bà chủ nhà sử dụng. Nhưng ông hy vọng sẽ quen dần với sự bất tiện ấy. Thậm chí ông còn nhắc đến Dora, hay ít nhất cũng không giấu giếm rằng hiện nay đang ít nhiều chung sống với một phụ nữ. Để xem tình hình tiến triển ra sao. Nghe nói căn phòng ấy chỉ để ngủ, vì bà Rethmann là bác sĩ và làm việc từ sáng đến tối ở phòng khám của bà tại Rheineck.

Đây là căn hộ đẹp nhất ông từng có.

Dora rất thích nhà mới có ánh sáng điện và lò sưởi hoạt động tốt, vì ở phố Miquel thì mùa đông tới họ sẽ chết lạnh, cửa đóng không kín, bếp ga phập phù, chưa kể đến chuyện va chạm liên tục với bà Hermann. Họ thấy mình

thật may mắn. Dora sắp phải đi, cô đã hẹn gặp Judith, nhưng trước khi đi cô phải nói là cô khắp khởi mong đợi gì nhất. Vâng, anh có muốn nghe em nói không? Cô đã làm tóc, vậy ông nhận xét gì về tóc cô, ông chần chừ một thoáng không muốn cho cô đi, rồi lại thôi, có thể tối nay ông sẽ viết được gì đó.

4

Vị khách cuối cùng đến phố Miquel là Max. Ông đưa đến một va li chất đầy đồ mùa đông. Rất thân quen và rất lạ. Cô không chắc cô có cảm tình với Max không. Có thể cô đã nghe quá nhiều chuyện về ông, cũng có thể cô ngả về phe Emmy hơn.

Hai người ngồi ở bàn, khi cô đi vào họ đang nói chuyện chính trị, về những sự kiện mới đây. Cô nghe họ kể về vụ âm mưu đảo chính ở Munich, may mà đập tan được. Họ nói về người cầm đầu cuộc đảo chính, đó là một kẻ kỳ thị Do Thái thậm tệ, và hậu quả ra sao đối với người Do Thái khi có một kẻ như vậy. Cô đứng ở cửa hai, ba phút và lắng nghe, thoáng chút ghen tuông, nhưng sau đó mọi chuyện lại đơn giản đến ngạc nhiên, Franz cực kỳ kiêu hãnh khi rốt cuộc có dịp khoe cô với bạn, Max ngoan ngoãn chìa tay và nói: Thì ra chị là Dora.

Ông hơn tuổi Franz nhiều, đó là cảm giác của cô, một người đàn ông từ đầu đến chân, bất kể người ta hiểu chữ đó ra sao, rất khả kính, có gia đình, hơi tẻ nhạt trong mắt cô, Max là người quảng giao, biết mọi chốn, biết đàn bà, đã thấy và thử tất thảy, không hiếm khi lương tâm cắn rứt, và có vẻ như có năng khiếu về sân khấu. Điều này cô nghe từ Franz, vì đã có lần ông nhận xét một cách nghiêm túc theo ý đó. Họ ngồi với nhau một lát, nói chuyện giá cả, nhà hát, đôi khi đã động đến Emmy, nhưng rõ ràng họ đã hoàn tất đề tài Emmy rồi. Sau đó có chút điểm tâm nho nhỏ, họ trò chuyện, nhắc đến Müritz và chuyện hai người làm quen ra sao, mãi không dứt.

Buổi tối cứ thế trôi qua. Gần mười một giờ Max ra về, xuống dưới đường ông còn khuyên cô. Tôi vui thay cho hai người, ông nói. Chị chăm sóc Franz rất tận tình, xin chị đừng buông tay, đôi khi Franz là một người khó chiều, nhưng cũng là người tuyệt diệu nhất mà ông biết. Vâng, tôi biết, cô nói, nhưng ý nghĩ thật của cô là: Mình biết sao hết được; và nữa: Ông thì biết gì, ông biết gì về đôi tay Franz, miệng Franz, ông chẳng biết gì cả.

Ông là bạn thân nhất của Franz.

Ông không nói nhiều về căn hộ mới. Liệu có đắt quá không? Franz cũng muốn cho ông xem nhà nhưng không đủ thì giờ, thậm chí Dora cũng mấy hôm sau mới được xem nhà, và cô thấy nó đẹp hơn Franz miêu tả. Bà chủ nhà có vẻ thân thiện, khoảng bốn mươi tuổi, hơi khô khan trong bộ đồ xám, thái độ khiêm nhường một cách sang trọng. Tuy vậy bà đòi trả trước tiền lò sưởi. Số tiền khiến họ choáng váng, số tiền than bà đòi cao gần bằng tiền thuê nhà. Nét mặt Franz thoáng như đang nghĩ, bà làm vậy chỉ vì tôi là người ngoại quốc, nhưng sau đó bà cho xem hóa đơn, chính bà cũng thấy số tiền đó thật điên rồ, bà nói vài lời thân mật với Dora mà bà nghĩ là hôn thê của Franz, không ai cải chính.

Giờ thì sao đây? Sắp hết buổi chiều. Họ có thể đi dạo một lát và vui sướng vì trên thế gian này không chỉ có những bà Hermann, cô nói đại khái thế, nhận xét về áo sơ mi của ông mà cô chưa thấy bao giờ, trông ông đẹp trai vô cùng. Một buổi tối tuyệt vời, chi nhiều tiền, nhưng tiền có là gì, quan trọng là thoát được bà Hermann. Có thể ông sẽ viết về cô, Franz nói. Thật à? Cô bất ngờ, vì cho đến lúc ấy ông chưa bao giờ buông một lời về kế hoạch của mình. Cô thường tự hỏi, ông viết đề tài gì, giờ thì té ra ông viết về cuộc sống của họ ở Berlin.

Mặc dù vậy họ vẫn bất ngờ khi bị bà Hermann cắt hợp đồng. Bà viện cớ có người phàn nàn, trong nhà, bên hàng xóm, bà xin đừng hỏi chi tiết, bà không ra vẻ tiết hạnh, nhưng chuyện này thì thậm chí ở Berlin cũng không xuôi. Bà chỉ nói với Franz và coi Dora như không có mặt, giống tối qua,

không chào hỏi, chỉ phì một hơi để người ta hiểu ngay rằng bà bực bội nhường nào. Giờ này mà còn chưa về nhà? Trên đường về rồi Dora vẫn còn thấy cáu, và bây giờ, trong lúc điểm tâm sáng sớm hôm sau, bà cứ thế xộc thẳng vào la lối. Giọng bà the thé, rõ ràng bà tính đến sự đối đầu, nhưng thấy Franz không nói năng gì bà quay ngoắt trở về phòng mình.

Franz nổi khùng mất một lúc, ông không nhớ nổi đã có lần nào bị đối xử như vậy, mặc dù ông đã gặp rắc rối với một số chủ thuê nhà. Họ nhận ra là đã quen chuyện nhà cửa, Franz đã qua trải qua hàng chục vụ, khách sạn, nhà nghỉ, chưa kể các an dưỡng đường. Cả Dora cũng hay chuyển nhà, riêng ở Berlin là năm lần trong ba năm qua. Cô không nhớ rõ nhà bố mẹ ở Pabianice, nhưng cô mừng tượng rõ căn phòng lớn ở Bedzin sau khi mẹ qua đời. Ở Kraków, sau khi chạy trốn bố, cô sống dưới tầng hầm và nhìn qua lỗ thông hơi thấy mọi người đi trên vỉa hè; ở Breslau cô có một phòng gần lò mổ và sau đó cạnh ga. Franz không tin ngay một số chuyện cô kể, mùa đông đầu tiên trong một nhà vườn ở Pankow, căn phòng bé xíu trên một quán nháy, và một phòng bé hơn nữa cạnh tuyến tàu điện trên cao. Cũng khá phiêu bạt, cô nhận xét, dù hai người không thuộc dạng xê dịch nhiều lắm, Franz còn ít hơn cô tưởng nhiều, thực ra ông từng ở Ý, đã ghé Thụy Sĩ, Đức và Áo. Cô muốn đi London hoặc Paris. Anh đi Paris với em nhé? Cô quên mất ông từng ở đó với Max, trước đó cả trăm năm, nhưng vô nghĩa, nếu có thể được, ông nói, ông sẽ bật dậy đi ngay với cô.

Buổi tối, cô ngồi trong phòng mình và cố hình dung ra ông ở tuổi hai mươi. Ngày đó cô vẫn là một cô nhóc, đang đi học, nhưng dù vậy: Mọi chuyện sẽ vẫn diễn ra như ở Müritz. Bất kể cô phát hiện ra ông ở đâu, trong quán cà phê hay giữa đám bạn bè, cô vẫn sẽ run rẩy, và hy vọng, và không bao giờ quên ông. Franz thì nói: Nếu như anh gặp em sớm hơn, một số chuyện sẽ khác đi, nhưng anh không thể gặp em sớm hơn. Thời điểm sớm nhất là Müritz, trước đó có lẽ anh chưa sẵn sàng. Mọi việc phải diễn ra như đã diễn ra, chỉ như vậy anh mới có được em, rồi đi Berlin, và sống như ta đang sống.

Hôm sau họ chuyển nhà. Gọi là đi dạo thì đúng hơn, chỉ giống như chuyển qua phòng khác trong cùng khách sạn, từ bên này qua bên kia hành lang. Dora đến từ sáng sớm và giúp gói đồ đạc, cô xua ông ra phố ăn để cô rảnh tay chở đồ đi. Cô phải chạy đi chạy lại hai lần. Bên ngoài khá lạnh, nhưng vẫn hơi có nắng, một đám trẻ con nhìn theo cô, chúng muốn biết cô đi đâu.

Trong căn hộ mới, thoát tiên cô phải đi từ phòng lớn sang phòng nhỏ là nơi đặt tràng kỷ. Rồi cô xếp quần áo và đồ lót theo từng loại vào tủ, treo các bộ com lê lên mắc, mua đồ ăn tối. Cô thay quần áo, dùng thử phòng tắm, sau đó, trong áo dài mới, cô bắt đầu đợi ông. Quá sáu giờ khá lâu cô mới nghe tiếng ông về trước cửa. Ông gặp một người quen và được người ấy mời ghé thăm nhà, nên mới về muộn thế này. Ông ngượng vì chẳng giúp cô được việc gì, nhìn thấy ngay lọ hoa, hai tủ xếp ngăn nắp, và chiếc áo dài. Trông cô rất tươi trẻ, mới mẻ mà không rõ vì sao, ông nhận xét, hay do khung cảnh mới lạ, do ánh điện mà ông còn lạ lẫm. Phải làm quen với em, ông nói. Hay không phải nhỉ? Trời ạ, ở Müritz cô nghĩ ngợi mấy hôm liền, làm sao để quên ông, hy vọng ông không có gia đình, làm sao gặp lại ông được đây. Và lúc này cô đứng trong căn hộ mới của ông và rối trí, không hẳn rối trí, nhưng hồi hộp, như một thiếu nữ. Trong chuyện yêu đương, ông vẫn phức tạp, nhưng bao giờ có ông cũng thích, cô thấy thoải mái, không vội vàng. Có lần, mới đây thôi, cô nói với ông: Anh không cần phải cẩn trọng đến thế với em, và ông sừng sốt đáp lại: Nhưng anh phải cẩn trọng với chính anh, những gì có vẻ như chiều ý em thì chỉ là chiều ý anh.

Qua tuổi hai mươi, thỉnh thoảng ông đến với gái làm tiền. Cô không rõ vì sao ông thú nhận với cô, liệu cô có thấy thế là tồi tệ không, thực tế, nó có động chạm đến cô không. Một cô gần như còn là trẻ con và vì thế tạo ra một ảo tưởng nhất định về sự trong trắng; cô ta đi tất thủng lỗ chỗ và cười suốt buổi, nên ông vẫn còn nhớ. Các cô khác chỉ đọng lại như một nỗi sợ. Vài năm, ông nói, rồi thôi. Trời đã tối, ông nằm trên tràng kỷ, mắt nhắm như đã ngủ. Cô không có cảm giác lời thú tội ấy làm thay đổi được gì, thật

kỳ dị, vì cô thấy xúc động, tựa như cảm nhận được cái tuổi hoa niên non nớt của ông, như chính cô, trước khi cô gặp ông, trẻ và ngốc nghếch.

Cô lấy vài đồ đạc từ phòng mình ở phố Münze, quần áo, khăn, giày. Cô đem cả mỹ phẩm đi, son môi đỏ, một hộp phấn dùng dở, sách để đọc buổi tối, khi ông ngồi viết ở bàn. Đạo này đêm nào ông cũng viết, đến tận sáng bạch. Khi ông chui vào giường với cô, cô thoáng thức giấc và hạnh phúc, đó là những hôm đầu, hồi ông còn ngủ bên cạnh cô trên chiếc giường nhỏ, nơi cô cho rằng đã cứu được ông.

Hồi ở Müritz ông đã kể với cô ông ngủ rất kém, mấy năm nay rồi, và chuyện những bóng ma mà có lẽ cô không hiểu hoặc không coi trọng. Cô cứ nghĩ rằng khi cô ở bên ông thì chúng sẽ không hiện ra, nhưng giờ đây cô buộc phải công nhận đối thủ mạnh hơn. Lũ ma quỷ đó là nỗi lo của ông? Ban đầu cô tin thế. Họ hầu như không có xu nào, họ sống nhằm thời; trong thành phố có biểu tình, mới đây vừa xảy ra xung đột đẫm máu giữa cảnh sát và người thất nghiệp, có người bị thương. Nhưng không phải thế. Và hình như cũng không phải vì bệnh trạng của ông. Hai người đều biết căn bệnh chỉ đang ngủ, nó có thể bùng phát bất cứ lúc nào, nhưng lũ ma quỷ thì ông biết từ trước đó đã lâu. Thịnh thoảng chúng biến mất, để cho ông yên một lát, rồi chúng lại đổi ý. Cô nói cô không thích ma quỷ. Tại sao chính ông lại bị chúng ám? Cô muốn làm gì đó cho ông, cô vào bếp pha trà, mặc dù ông bảo chỉ phí thì giờ, cô nên đi ngủ, song rồi ông vẫn cho cô ở cạnh, trên tràng kỷ, cho đến khi ông dứt cơn.

Chưa bao giờ cô hình dung một ngày nào đó sẽ sống như thế này. Tuổi xuân của cô đầy ắp hàng ngàn kế hoạch, thưở mới mười bảy, mười tám, khi người ta dần dà tự hỏi, tương lai sẽ ra sao, mình sẽ gặp người đàn ông nào, sẽ có con không. Mười sáu tuổi cô đi theo Zionism^{[(4)][9]}. Cô bắt đầu đến với nhà hát, cô đấu tranh cùng đội ngũ với bố. Ông khôn nguôi nỗi đau mất vợ. Hai mươi tuổi, cô chia tay bố trong giận dữ, và năm hai một lập lại lần thứ hai. Mới trước đây bốn năm thôi ư? Từ xưa đến nay cô vẫn muốn đến

với sân khấu, muốn thành diễn viên như Emmy, lạy Chúa, không như Emmy, tuy nhiên vẫn được hóa thân vào những vai lạ, vào lời thoại lạ, nhất là khi kịch bản viết bằng tiếng Do Thái hoặc Hebrew, ngoài ra còn thêm các vở kinh điển, như của Kleist là người Franz tôn kính, vài vở của Schiller. Cô mơ mộng như thế. Giấc mơ nay ít nhiều đã nhạt bớt, đã thành một ký ức để ngày nào đó cô sẽ phải nhớ lại, nếu nó vẫn còn quan trọng, bởi lúc này bên cạnh Franz nó không quan trọng.

Cô kể cho Judith nghe cảm nhận của mình khi Franz viết. Thực ra cô muốn nói đó là cảm xúc rất đẹp, hơi lạ lùng, thiêng liêng một cách khó hiểu, cô không rõ. Có lần cô quan sát ông qua khe cửa khép hờ. Có vẻ là một việc khó khăn, không hẳn vì đợi chờ, dù rằng đợi chờ là một phần của công việc, nhưng tối hôm đó ông viết mãi, viết mãi, thực sự dùng búa dùng đục, cảm giác của cô là thế, tựa như giấy làm bằng đá, là một thứ bất kham, nhưng rồi vẫn phải quy phục, sau đó gần như nhẹ nhàng, không còn như sự hành hạ nữa, cứ như ông đang bơi, xa tận ngoài khơi, cô nghĩ, và cứ thế ra mãi tận đại dương vô biên.

Đôi khi ông cũng nổi giận. Lúc đó ông im phắc, bình tĩnh một cách đáng sợ, càng giận càng im lặng hơn. Cho tới nay cô vẫn cho rằng chuyện đó không xảy ra ở ông, nhưng từ sáng sớm nay ông phát điên. Cha mẹ ông gửi 31 tỷ mark qua ngân phiếu, tiếc rằng như thế đồng nghĩa với việc phải đợi ít lâu mới nhận được tiền, và trong thời gian ấy tiền sẽ mất giá một phần ba. Ngay buổi tối ông đã chửi rủa. Ông viết một thư dài cho Ottla. Cô đang dự định lên thăm Berlin. Nhưng có vẻ ông bình tĩnh lại, rồi lại nổi giận, ăn cũng mất ngon, biết nói gì bây giờ. Cha mẹ có ý tốt, cô nói, họ không thạo tình hình. Nhưng nếu chẳng may thạo tình hình thì cũng vỡ tim mà chết.

Sau mười giờ ông còn làm việc lâu, chuyện bà chủ nhà ngày nọ, nhưng bây giờ ông lại có hứng đùa cợt. Tốt nhất đừng bắt một người như bà Hermann phải đợi, ông nói, bà ấy giục giã như đứa trẻ đòi kẹo. Sau đó cô không nghe

gì nữa. Cô vẫn thức, cô đọc, nửa đợi nửa không đợi tiếng ông gọi mình, nhưng ông không gọi, cô đơn độc, như đã bị ông bỏ quên.

5

Lâu lắm rồi mới có một truyện đầu tiên mà ông tin và biết chắc sẽ hoàn tất, và thực tế là ông đã viết gần như xong hẳn. Truyện không quá dài, vài trang thôi, nhưng có vẻ ông đủ sức, thậm chí ông còn nghĩ đến việc đọc nó lên, xưa nay đó vẫn là một dấu hiệu tốt ở ông. Ông làm việc, ông cảm thấy mạnh mẽ, thậm chí cuối cùng ông còn viết được cho M., về một lá thư bị đốt của cô và một của ông, xảy ra từ hồi tháng Bảy. Ông sa ngay vào giọng ngày xưa, và tiếc thay, hậu quả là ông diễn tả không chính xác lắm ý mình. Một chuyện quan trọng đã xảy ra với ông, ông mở đầu như thế, rồi kể về khu nghỉ mát, về triển vọng ban đầu còn tù mù, đi Berlin thay vì đi Palestine, vẫn như từ xưa ông không thể sống một mình ở đâu đó, song bù lại thì ở Müritz đã xuất hiện một cứu tinh có thể nói là khó tin. Và thế là hiện nay ông đang ở Berlin, từ cuối tháng Chín, dễ hiểu là không ở một mình, nhưng nghe trong thư lại có vẻ như thế. Ông sống gần như ở thôn quê, trong một biệt thự có vườn, đây là căn hộ đẹp nhất mà ông từng có. Ông kể chuyện đồ ăn thức uống, còn sức khỏe thì, hừm, và cuối thư còn vội khom lưng trước lũ ma quỷ vô hình, thậm chí ông còn dùng chữ “sợ” ở một chỗ khá nổi bật, đó là điều phải nói ra, vì “sợ” là chữ cuối cùng của bức thư, tựa như ông vừa đóng vĩnh viễn một cánh cửa sau lưng mình. Ông làm việc này mất hai tối. Ông mừng vì M. không biết cuộc sống mới của ông, vì cô sống ở Vienna, hình như mới đây cô có đi Ý, rất xa Steglitz, nói đúng hơn là xa vô tận.

Mấy hôm nay có hàng loạt bưu phẩm to nhỏ gửi đến, được đánh số nghiêm chỉnh để dễ nhận ra có bị thất lạc gói nào hay không, và đáng tiếc cũng có gói bị mất. Mẹ ông gửi một chai vang chát, một đôi giày, bốn cái đĩa, một

lọ nước ép quả mâm xôi to bà tự làm, ngoài ra còn có bơ như mọi khi, thậm chí một ổ bánh mì gối, mặc dù dạo này ông ưa bánh mì Berlin hơn. Mai Ottla đến. Ông đã gửi cô một danh sách các đồ cần thiết, ba khăn lau bát (nếu được), hai khăn trải bàn, túi ủ chân (đã nhắc nhiều lần) mà ông rất mong, vì khi viết ông hay lạnh chân.

Khác Max, ông không hề nghi ngờ thành công của chuyến thăm, và quả thực Dora và Ottla hiểu nhau ngay, cho dù họ chỉ có vài tiếng đồng hồ ở bên nhau, vì em gái ông phải về ngay tối nay. Nếu Ottla từng nghi ngại về cuộc sống của ông ở Berlin, thì bây giờ cô đã có thể yên tâm. Cô hết lời khen ngợi căn hộ, phong cảnh làng quê xung quanh, và thể trạng hiện tại của anh cô có vẻ không làm ai phải lo lắng, cô nói, người ta thấy ngay là anh chị ổn thỏa, dù hoàn cảnh bên ngoài rất khó khăn. Những thứ cô mang đến khiến họ rất vui, cô thậm chí không quên cái bếp cồn mà Dora thích nhất, cả bản thân Ottla cũng vậy, cô phụ Dora trong bếp, và ông nghe họ chuyện trò thân mật rất lâu trong đó.

Chiều muộn, trên đường ra ga Ottla nói, cô rất hiểu anh mình. Dora khác nhà mình, nhưng chính điều đó là hấp lực đối với anh, đúng thế không? Chuyện rõ ràng nhất và không phải tránh né: Chị ấy là người miền Đông, nhưng vẫn có những điểm chung, ông nói, đó là tính thực tiễn mà cả hai đều có. Có lẽ cha chỉ nhìn vào cái xuất xứ miền Đông đó. Đây hình như là lần đầu tiên họ không nói về cha, đúng thế, họ không hề nói một lời về ông, trong cả bốn tiếng, khi cả hai anh em đều đã có cuộc đời riêng theo ý mình, cô em gái với Josef và các con gái, ông với Dora ở căn hộ Steglitz này.

Ông cũng tự thấy ngạc nhiên khi có thể viết liên tục. Ngay trong đêm sau khi Ottla ra về, ông bắt đầu một truyện mới, không biết nó sẽ dẫn ông đến đâu, chắc chắn không đến Berlin, vì câu chuyện xảy ra dưới hang ngầm của một con thú. Mấy hôm nay ông ngủ tạm được, và ông viết, ông đang sống với người đàn bà này, trong cùng căn hộ, điều đó không cản trở ông viết. Truyện bà Hermann ông đã đọc cho Dora nghe rồi, có mấy chỗ khiến cô

phì cười, tuy đó thực ra không phải câu chuyện kể về bà Hermann, nhưng cô đâu biết.

Ông có ấn tượng rằng ông không chỉ nhìn vào nội tâm mình nữa, như sau một cú khê xoay đầu và tựa như vì thế mà có gì đó biến đổi thực sự, thật ngạc nhiên. Tựa như xưa nay ông luôn phải xoay đầu, và đột nhiên ông nhìn thấy Dora, và thấy cả những điểm chung mà ông đã cùng cô tạo ra.

Ông đã nhiều lần viết về thú vật, về những sinh vật hạ đẳng, về một con gián, con khỉ, con chuột chũi khổng lồ, con điều hâu. Ông cũng từng viết về chó nhà và chó rừng, nhắc sơ sơ đến báo, đến con mèo ăn chuột.

Truyện mới bắt đầu thế này: Tôi đã đắp xong hang, trông có vẻ ổn thỏa. Đứng ra, từ bên ngoài chỉ nhìn thấy một cái lỗ, nhưng thực tế cái lỗ ấy không dẫn đến đâu cả, được vài bước là vấp ngay vào đá cứng.

Còn gì nữa? Tuyết đầu mùa đã rơi, rất lạnh, hầu như hết nắng, chỉ đôi khi lóe lên, từ mấy hôm nay ông không ra khỏi nhà.

Dân Berlin đói, khắp châu Âu quyên góp thực phẩm gửi đến, ông chỉ lơ đãng theo dõi tình hình, thỉnh thoảng Dora kể loáng thoáng vài chi tiết khi cô đi chợ hoặc đi gặp bạn bè trở về. Người ta đã quen hình ảnh những người ăn mày ngoài phố, khốn khổ thay, lúc này đến nửa thành phố là ăn mày, dân tình bài hoại và tuyệt vọng một cách nhẫn nhục, hoàn cảnh ở khu Vừa Cỏ thâm trầm nhất, mặc dù những vụ tàn sát như hồi tháng Mười một không lặp lại. Dora nói tổ chức Do Thái Volksheim đã cùng đường, họ muốn làm gì đó, không chỉ nấu cháo cho những người nghèo nhất trong đám nghèo, mà phải tạo ra chuyển biến.

Người ta nên viết về thế giới hay chuyển biến nó?

Ông trả lời thư gần đây nhất của Robert và giải thích vì sao ông hầu như không kể gì về mình, thực ra ông không giải thích mà xác nhận tình hình. Ông không viết thư cho gia đình, cũng không viết cho Max và những người

bạn đã bị lãng quên ít nhiều, không áy náy, nhất là khi ông đã dự cảm mình không còn nhiều thời gian nữa.

Ông bị áp lực và không rõ có chịu nổi áp lực đó không, đồng thời chưa bao giờ ông có nhiều thì giờ như độ này. Có thể đó là may mắn, ông nghĩ, một dạng phung phí, tối đến họ đọc cho nhau nghe trong căn phòng leo lét sáng, Dora đọc *Torah* tiếng Hebrew, hoặc ông đọc trong truyện cổ Grimm hoặc *Hộp châu báu của Hebel*[(5)][10], truyện về người thợ mỏ mà ông thích nhất. Trong những khoảnh khắc ấy ông nảy sinh cảm giác mình có miên man thời gian trên đời này, có nghĩa là thời gian ấy không bị phí phạm, khi ông biết vài phút nữa ông lại ra bàn viết, và sẽ ngồi lì ở đó, dù đối với ông tình trạng bấp bênh ấy vẫn tiếp tục phức tạp vô cùng, khi cô dựa vào ông hay gác chân lên nhau, một sự pha trộn giữa mong đợi và sợ hãi.

Ông đào bới mấy ngày mấy đêm liền trong cái hang của mình và ngạc nhiên thấy mọi sự sao đơn giản đến vậy.

Sáng sớm, khi mặc sơ mi và đeo cà vạt trước gương trong phòng tắm hẹp, khi tắm rửa và cạo râu và mặc bộ com lê sẫm màu, lúc nào ông cũng bảnh như sắp hẹn gặp cô đi ăn sáng ở quán cà phê, trong khi cô đã ở bên ông từ lâu, trong chiếc áo dài và sơ mi quen thuộc.

Ông tự hỏi mình đã học được chuyện đó khi nào. Hay người ta vẫn biết cách làm mọi chuyện thành thạo đúng lúc cần thiết?

Các buổi tối vẫn luôn gây ngạc nhiên, vì một lúc nào đó người ta phải trút đồ ra, chuẩn bị đi ngủ, phòng là phòng chung, không ai một mình, nhưng chẳng có gì phiền cả, mà ngược lại, vì ông nghĩ, một ngày nào đó họ sẽ sống đúng như thế.

Niềm hạnh phúc của cô không gợn tí vết, trong mấy tuần liền. Cô ngạc nhiên về vài chi tiết, như những buổi chiều ông nằm trên giường, những truyện kỳ dị ông viết, khi ông kể đã nhớ đến cô ở nơi này nơi kia, nơi con vật tích trữ mồi, quảng trường trong thành, chính em đó, mặc dù cô có là thánh cũng không thể nhận ra có mối liên quan nào. Nhưng điều đó không đụng chạm gì tới hạnh phúc của cô. Mùa đông lạnh buốt, nạn đói trong thành phố, đó là đề tài họ hay nhắc đến, và họ may mắn xiết bao khi có được những gì đang có. Cô không nghĩ sâu xa hơn, cũng vì phần nhiều không được phép nghĩ, chẳng hạn chuyện con cái, chuyện tương lai của cô trong căn hộ này, nơi cô ước gì không bao giờ phải rời xa nữa.

Ottla kể, cuộc sống sẽ thay đổi ra sao khi có trẻ con. Ottla hỏi thẳng khi chỉ có hai người trong bếp, thế nào, chị nghĩ sao? Vì Dora không hề đợi câu hỏi như vậy nên cô ấp úng, thực ra thì, ừ, cô nói, mọi thứ còn mới quá, ở thời buổi này, cô không rõ. Ottla nhìn cô đầy lo ngại, vì rõ ràng cả hai đều biết chuyện này liên quan đến Franz, tiếc rằng anh ấy đang có bệnh, nếu không bị bệnh, có lẽ anh ấy sẽ muốn có con với chị. Hai người đã nói đến chuyện đó chưa? Dora chỉ có thể lắc đầu, rồi kể về đứa bé có con búp bê, vì tất nhiên họ chưa bao giờ động đến đề tài ấy, nhưng xét về mặt nào đó thì có chứ, mấy ngày liền, hồi ở ngoài công viên. Ottla rất thích câu chuyện đó, dễ thương quá, cô muốn an ủi Dora, có trời biết sẽ còn gì xảy ra với hai người, chị còn trẻ, có thể anh ấy sẽ khỏe lại hoặc người ta phát kiến ra một loại thuốc, sao biết được. Ottla ôm cô thật chặt, như một người em gái, cô cảm thấy thế, lờ mờ cảm giác được an ủi, ngạc nhiên tại sao mình cần sự an ủi ấy, tại sao người ta nhìn nhận cô như vậy.

Đầu tháng Ba cô tròn hai sáu.

Cô nói chuyện với Franz về căn phòng mà cô đang thuê, và họ nhất trí là không nên giữ, một món chi vô ích, giữa tháng cô sẽ cắt hợp đồng. Chưa bao giờ cô thích nó, cái giường cũ, nơi cô nức nở khi Albert bỏ cô, mùi thắm ẩm mốc, đồ gỗ tàn tạ. Có lần cô đưa Hans đến, một sai lầm tai hại.

Mọi thứ rối rắm, họ không biết nói chuyện gì, mà Hans thì không đến để nói chuyện, rồi anh đứng dậy và không bao giờ quay lại.

Bỏ thuê nhà sẽ không đụng chạm gì đến chuyện đi lại của cô, cứ hai ngày một lần cô vẫn đến Volksheim, tình cảnh ở đó ngày càng xấu đi, vì thực tế là thiếu đủ mọi thứ, tiền, thực phẩm, dân Do Thái nghèo ở khu này không biết xoay xở ra sao. Franz động viên cô. Phải có người nào đứng ra xoay xở chứ, ông nói, và không ai giỏi hơn em. Dù vậy cô vẫn nghi ngại, thấy mình nhu nhược, bị giằng xé, nên ở bên Franz hay đến với lũ trẻ hơn.

Ông vẫn chưa viết xong truyện. Nhưng có tiến triển, đều đặn sau mười giờ hay mười rưỡi ông ra bàn, và đôi khi cô ở lại với ông mà không cần giao hẹn trước. Cô đọc sách hoặc cứ ngồi đó quan sát nhịp điệu của ông, những lúc giải lao, trước khi ông lại bắt vào mạch truyện. Có lần cô thiếp đi, lúc cô tỉnh dậy thì ông ngồi bên cô, trông ông khác hẳn, kiệt lực như vừa làm việc gì nặng nhọc. Khuôn mặt ông thoáng bừng sáng, nó làm cô hơi đau đớn trong chốc lát, rồi hết. Bên ngoài đã sẩm tối. Anh vẫn thức? Ừ, ông nói, và anh vừa tìm thấy em ở đây. Rõ ràng ông chưa bao giờ có trải nghiệm đó, ông xúc động lạ lùng, thì thào như đang chứng kiến một chuyện không tưởng, ở đây, với cô, trong cùng phòng.

Từ khi biết em, anh là một con người khác.

Vài hôm một lần, ông đọc cho cô nghe, họ không rời nhau. Thậm chí đôi khi họ cùng cầu nguyện, và nhờ vậy mà cô ngạc nhiên, tại sao ông biết ít thế. Nhưng có lẽ chính vậy lại hay, khi ông đọc lời kinh cầu cạnh cô, tín cẩn một cách vụng về, như một học trò lăm nhăm những chữ đầu tiên trong bảng chữ cái nhưng tâm trí lại để tận đâu đâu. Ông áy náy, có cảm giác mình làm sai mọi chuyện, nhưng biết thế nào là đúng hay sai, người ta cứ phải cầu nguyện thôi. Người ta tạo cho mình một không gian, cô nói. Tất cả yên lặng. Chỉ trong yên lặng tuyệt đối cô mới thỉnh thoảng nghe được một tiếng nói, xa xăm, nhiều âm cao hơn âm trầm, trẻ trung kỳ lạ, do đó chẳng

khó gì để cầu xin Chúa. Người có nghe con nói không? Hãy nhận lấy lời con. Chỉ cần Chúa biết cô đang đứng đây và không đòi hỏi gì quá đáng.

Một dạo cô mẫn cảm đến khó hiểu, cô trào lệ cảm động vì Ottla gửi hai khăn trải bàn và mấy khăn lau bát, rồi cô đột nhiên sợ mùa đông. Trong khi đó tuyết đầu mùa đã tan từ lâu, trời mưa, trong phòng ấm áp sáng sủa, đâu có lý do gì. Franz rất đáng yêu. Ông viết, dù không phải mỗi ngày, ông ôm cô, khen cô nấu ăn ngon, ngồi cạnh cô trong bếp, giống như ngày nào ở Müritz.

Không phải linh cảm. Mấy hôm nay lòng dạ cô không yên, suốt ngày cô đi đi lại lại, lờ mờ ý thức rằng họ có thể bị tổn thương, ông và cô, rồi nỗi sợ đó từ từ nhạt đi.

Franz viết từ mấy ngày nay, trông ông mệt mỏi, nhưng hài lòng. Ông chưa xong, còn vướng phần kết, dù vậy ông vẫn muốn đọc cho cô nghe những gì đã viết ra. Lại lần nữa cô phải nghĩ, ông nói hay xiết bao, cô ưa nghe giọng ông hơn là theo dõi câu chuyện mà trước sau cô vẫn thấy lạ lẫm. Con thú đó là Franz? Đôi khi cô chỉ thấy con thú, rồi cô cho rằng đã hiểu ra ông viết về cuộc sống của mình ở Steglitz này, mọi thứ rối mù, nhưng không ghé gớm đến mức khiến cô không nắm được mấu chốt. Ông nói, cô là quảng trường trong thành. Con thú sợ hãi, nó hì hục cả ngày cả đêm, giữa chừng nó đói, và quả thực kho dự trữ đã mênh mông khôn xiết, cả cái hang thơm mùi thịt, và cô giật mình nghĩ, thịt chính là cô, rồi đến đoạn con thú ăn thịt, sợ vô cùng.

Mãi mấy hôm sau cô vẫn ngơ ngác. Trời nổi gió bão đã mấy tiếng, Franz đã đi nằm, do vậy cô có thì giờ suy nghĩ tiếp. Cô cảm thấy mình trần trụi, như bị hắt hủi không rõ nguyên do, tổn thương nữa, nhưng kỳ lạ là cô thích thú. Cô là thịt, nhưng không giống lúc Albert thờ ơ vứt cô đi. Cô không thể hiểu tường tận. Bản thân câu chuyện thật đáng sợ. Có đúng là ông luôn sợ hãi? Vì đây là một câu chuyện chủ yếu về nỗi sợ. Thú vật có biết sợ không? Ở

một vài đoạn cô bật cười và hy vọng Franz không giận cô. Ông phủ nhận ngay, ngược lại, ông còn thấy vui, mặc dù đó là những đoạn ghê rợn nhất.

Chúng ho, Franz nói, tất nhiên luôn thường trực. Về mặt này chúng ho cũng giống lũ ma quỷ, lạy Chúa, người ta không được đánh thức nó, thậm chí có lẽ không được nhắc đến nữa, vì như vậy là người ta sẽ như nó rời nơi ẩn nấp và không dễ gì tránh chạm trán.

Họ cùng nhau ăn sáng, Dora mặc áo khoác trong nhà của ông và ngồi trong lòng ông. Cô mặc chiếc áo này là chuyện mới. Cô được phép viết lời chào hỏi cuối những lá thư ông viết, ai cũng biết cô và hỏi thăm cô, Max và Ottla đã tới đây, bây giờ thêm cả Robert mà cô chỉ biết là đã từng cùng Franz ở an dưỡng đường trước đây mấy năm. Riêng cha mẹ ông không biết gì về cô. Franz viết thư về cho cha mẹ, luôn giống như ông chỉ sống một mình ở Berlin. Ông không muốn họ phải lo lắng, ông nói. Chỉ chừng nào không phải lo lắng, họ mới để ông sống yên lành ở đây, nên ông than phiền tiền giặt ở Berlin rất đắt, ông kể chuyện thời tiết đến nay không tệ lắm, khô và không quá rét, ít sương mù, hôm nay tuy mưa nhưng mọi thứ không đến nỗi tệ.

7

Câu chuyện vẫn chưa có hồi kết, tạm chấm dứt với tỉ số hòa: có thịt và hang, có tiếng động của kẻ thù mà không gì và không ai cản nổi. Giả sử có ai đó nói với ông rằng ngày hôm này hôm này ông sẽ ốm, và ông ngã bệnh thật, thì ông cũng không bất ngờ. Bất ngờ có lẽ chỉ là trường hợp ngược lại, nhưng trường hợp ngược lại cũng từng xảy ra, người ta có thể vượt qua được bệnh lao, trong một số ít trường hợp, biết nói thế nào nhỉ, căn bệnh ấy tự dừng biến mất. Ít nhất thì ông vẫn được nghe kể như thế, hồi ở an dưỡng đường ngày xưa, khi ông chưa mắc căn bệnh phổi hay nói chính xác là không bị bệnh gì.

Trong vòng tay cô, đôi khi ông tin vào điều đó. Hay đúng hơn: Ông quên đi điều mà thực ra ông không tin, vì sự thực là ông không ngừng lo lắng, ông lắng tai, thậm chí đang trong vòng tay cô ông vẫn nghe ngóng trong mình, nơi đó may mắn thay còn có những tiếng động khác.

Chỉ qua một đêm mà mùa đông đã ập đến rét buốt. Ngoài đường tuyết phủ ngập mắt cá, lạnh lẽo và xám xịt, và giữa lúc ấy, lần đầu tiên từ vài tuần nay ông sốt lại, không cao, nhưng đúng là sốt. Dora bắt ông lên giường ngay, cảm hứng viết lách của mấy tuần vừa qua tắt ngấm, ông rơi vào trạng thái ngu ngơ và trống rỗng, ông thờ ơ giờ tờ báo Dora mang về, cả ngày bất bình, khiến cô bắt đầu lo, nhưng không, vẫn không thấy chứng ho. Ông cảm thấy kiệt lực, phần nào cũng là thích hợp với thời tiết cuối năm, khi vạn vật bên ngoài bắt đầu sa vào trạng thái cứng ngắc như xác chết.

Đêm trôi qua, không có sự cố đặc biệt. Ngày 24 bắt đầu như ngày 23 chấm dứt, ông sốt, nhưng không ho, ông nằm trên tràng kỷ gần lò sưởi, trong khi Dora đi kiểm nốt những thứ cuối cùng cho mấy ngày lễ. Cô vừa đi khỏi thì ông lên cơn sốt. Ông bắt đầu run, bốc hỏa và đồng thời thấy lạnh. Dora phát hoảng khi quay về, cô gọi điện cho bác sĩ, một ông giáo sư quen qua nhiều tầng giới thiệu, ông này cử trợ lý đến, một người tầm ba mươi, không tìm ra nguyên nhân. Phải đợi, ông phán, và nói luôn tiền công, một con số điên rồ.

Vì chỉ bị sốt, ông không muốn nằm, nhưng vì chiều ý Dora nên ông không ra khỏi giường, và viết một lá thư nữa cho M., giọng thâm hại hơn cảm giác thực, nhưng đó là chuyện quen thuộc giữa hai người. Mặc dù hiện tại không ốm đau, ông vẫn viết về những cơn bệnh cũ đã chộp được và quật ngã ông ở Berlin, làm việc gì cũng vất vả, kể cả đưa từng nét bút, do vậy ông không viết lách gì, chỉ chờ đợi thời buổi khấm khá hơn, hoặc còn tệ hại hơn, ngoài ra ông được chăm sóc tử tế và dịu dàng - cách ông ám chỉ Dora - trong mức độ có thể có được trên thế giới này. Cũng chẳng có gì nhiều

hơn để kể. Bên ngoài đang có tuyết, những bông tuyết nhảy nhót ngoài cửa sổ từ mấy tiếng rồi, nhìn rất đáng yêu, cứ như được trở về tuổi thơ.

Ngày thứ tư cơn sốt chấm dứt. Dora muốn ông nằm yên tại giường, mặc dù ông cho rằng cô cường điệu. Cô vẫn có vẻ thất thần, khi cô mỉm cười, khi cô đem đồ ăn đến, hoặc khi ngồi vào giường và cho biết trông ông tồi tệ ra sao. Như thần Chết, ông nói, khiến cô lắc đầu quầy quậy, lạy Chúa, không, rồi cô khóc òa, vì cô vừa nghĩ đúng như thế.

Trời giá buốt, những bông hoa tuyết lan tỏa trên cửa kính, nhưng có vẻ như ông đã ổn trở lại. Đã sang ngày thứ hai ông không sốt, Dora có thể thú thực cho ông biết cô gọi điện cho Elli lúc ông sốt, gọi từ phòng khách bên cạnh, trong lúc ông nằm rối loạn đầu óc và ngạc nhiên không hiểu cô đi đâu mà lâu thế. Dora cắn rứt vì đã không xin phép, nói cho cùng thì cô không được gọi điện cho gia đình ông, song trong cơn hoạn nạn cô không biết cách nào khác. Anh đừng giận, cô nói, trong khi ông không giận nổi một giây, mà còn nhẹ người, vì ông ghét gọi điện thoại. Dora có muốn gọi điện hộ ông từ nay về sau? Chỉ nghe tiếng chuông điện thoại, ông đã ngán, lần nào cũng giật bản mình, thường chẳng biết phải nói gì, hoặc mọi thứ sẽ bắt nháo lên như mới đây với Elli, hai người tranh nhau nói, nhảy cóc chuyện nọ xọ chuyện kia, hỏi những chuyện hoàn toàn vô bổ như thời tiết, anh ngủ ra sao, có ho không, toàn những chuyện mà nếu ngồi đối diện nhau thì người ta mới có thể bình thản giải thích được.

Bức thư đã đến lúc cần gửi cho Elli được ông mở đầu như sau: Anh nghĩ ngay tới cái tệ hại nhất, chẳng hạn cô ấy đã mua nửa con bồ câu hay đại loại như vậy. Nếu là thư cho Ottla thì có lẽ ông sẽ viết khác hẳn, nhưng với Elli ông luôn có cảm giác phải đón đầu những trách cứ của cô, ngoài ra cô cũng không được nhận ra rằng ông đang lo lắng vì giá cả tăng vùn vụt và thậm chí đã tính chuyện nên rời Berlin. Tạm thời mới chỉ là một trò chơi, ông quả quyết, nêu những lựa chọn như Schelesen, Vienna hay Hồ Garda, rồi lại gạt đi. Sang năm mới nhất định sẽ khá hơn, ông viết, nghe nói giá cả

sẽ hạ, hạ xuống một nửa, người ta nói thế, mọi thứ thậm chí sẽ như cho không, cứ năm ườn xác cũng kiếm ra tiền, ông pha trò nhưng không quên nói thêm Dora đã mặc cả thành công qua điện thoại để hạ một nửa tiền công bác sĩ.

Liệu có phải ông ghét gọi điện vì người ta không thể nói dối bằng giọng nói? Trong thư người ta có thể giả tạo, mập mờ, nhưng trong điện thoại mọi thứ lập tức bị phơi bày trần trụi. Ví dụ như hỏi xin cái ống nhổ, ông không thể nói khi gọi điện. Chuyện khá phức tạp, liên quan đến một cô gái muốn tặng ông món quà Giáng sinh. Giáng sinh qua từ lâu, tuy nhiên ông nhờ Elli bảo cô gái ấy ra hiệu Waldeck & Wagner mua cái nắp mới, ống và gioăng cao su vẫn còn nhưng lâu nay ông không dùng, đề phòng nếu cần.

Bỗng dưng khan hiếm cồn. Dora tìm mua ở nhiều cửa hiệu khác nhau, nhưng vô vọng, nên bây giờ cô đun bằng nến vụn, vất vả và khá kỳ khôi, nhưng rốt cuộc cô cũng đã xoay sở được. Đồ ăn vẫn nóng bỏng lưỡi, tuy nhiên đó vẫn là một nấc thụt lùi. Không biết từ bao giờ, họ chẳng làm được gì, thậm chí tem thư cũng không dám mua, nói gì đến những khoản ngoại lệ.

Ước nguyện cho năm mới không thiếu, nhưng người ta hầu như không dám nghĩ đến. Dora ước không bao giờ phải hoảng hồn như trước đây một tuần; đêm giao thừa cô muốn nằm trên giường cạnh ông, đã quá nửa đêm từ lâu, Dora không mở nổi mắt vì mệt, chân cô lạnh ngắt, nhưng thân mình ấm áp dưới lớp chăn, ông lơ đãng ôm cô. Gần hai giờ cô ngủ thiếp đi, lạ thật, bất chấp ngoài cửa sổ có tiếng ồn ào vẳng tai kéo dài hàng giờ liền, như ông tả trong lá thư gửi về nhà sau đó, bất kể trời băng tuyết, bầu trời ngang dọc pháo thăng thiên, tiếng nhạc và tiếng hò reo rợp đất.

Họ sẽ không mãi mãi bên nhau. Đôi khi ông hình dung cô đang cô đơn, vắng ông, mười năm nữa, ở tuổi ba lăm, khi sắc đẹp đã phai nhạt nhưng đồng thời được định hình rõ nét, và xét theo một nghĩa nào đó thì đã trở thành bất biến. Cô sẽ không thon thả mãi, sẽ đầy đặn hơn, nếu ông không

đoán sai, nhưng ánh mắt cô sẽ vẫn thế, bản tính dịu dàng, sự sống động, niềm tin thánh thiện sẽ vẫn thế.

Có lần ông mơ thấy F. Từ nhiều tuần nay, lần đầu tiên ông nhớ đến cô, chỉ vì cuộc gặp trong mơ. Ông biết cô đã có gia đình và con cái, như người ta kể lại, vì ít lâu sau khi hủy hôn họ không viết cho nhau nữa. Ông cũng chẳng biết viết chuyện gì. Rằng ông rốt cuộc đã sống được cuộc sống mà cô không sẵn sàng chia sẻ cùng ông? Ông chỉ còn nhớ rằng giấc mơ xoay quanh các món đồ gỗ và việc trang bị cho một phòng khách mênh mông, vì đó là đề tài khiến hai người hay cãi vã.

Ông viết cho Ottla rằng Meran không đến nổi dở. Mặc dù vậy, trước hết ông vẫn trụ lại Berlin, giá cả sẽ hạ chút ít trong năm mới như thông báo, đi tàu điện ra quảng trường Potsdam rẻ đi một phần ba, một lít cồn chỉ còn nửa giá. Mặc dù Dora ngần ngại, họ đã đi ra thành phố, thời tiết không còn quá xấu, và quả thật rất hay, khi lại có dịp đi lẫn vào dòng người, có thể nhận ra là mọi thứ vẫn ở nguyên vị trí quen thuộc, giá cả, như đã nói, khá hấp dẫn, ví dụ một suất thịt rán kiểu Vienna với măng tây trong một nhà hàng góc phố chỉ vền vền 20 curon. Đúng, trời lạnh lắm, ông viết lúc tối, nhưng dưới tấm chăn chần lông vũ thì ấm, thỉnh thoảng ngoài công viên hé chút nắng ấm, và tựa lưng vào lò sưởi cũng rất thú, nhất là khi sục chân vào bao ủ chân nữa thì còn gì bằng.

8

Cô vui nhất vì bây giờ cả cha mẹ ông cũng biết đến cô, biết một cách chính thức rằng hai người sống với nhau. Cô từng tổn thương đôi chút, khi Franz do dự không muốn cho cha mẹ biết chuyện, nhưng giờ thì họ biết rồi, cô thoáng xuất hiện trong những bức thư đi thư lại, cô có một cái tên, cô là người phụ nữ bên cạnh Franz, một người phụ nữ mà người ta thậm chí còn

hàm ơn; trong bức thư gần nhất, cha mẹ ông gọi cô là nàng tiên tốt bụng, gần như trong cổ tích.

Có tin dữ, chuyện căn hộ. Họ đến nói chuyện với bà chủ nhà, kỳ thực chỉ vì họ cân nhắc, liệu có nên vì lý do phí tổn mà trả lại phòng thứ hai, nhưng lúc này mới vỡ lẽ họ nên thuê thêm phòng thứ ba, vì bà Rethmann cần tiền, mà số tiền bà dự tính thì họ không kham nổi. Phải, thật đáng tiếc, bà nói, và Franz hỏi bao giờ, bà đáp, không phải ngay lập tức, bà dự tính đến ngày mùng Một tháng Hai, ngoài ra có chỗ thay thế, một bà bạn quen đang tìm khách thuê nhà mới sau khi người cũ qua đời, bà sẽ nói chuyện với bà ấy.

Khác với hồi tháng Mười một, vụ bị tống ra khỏi nhà lần này như sét đánh giữa trời quang. Franz rất bức, cảm thấy mình bị xua đuổi và không còn thích căn hộ nữa. Ông ngờ vực Berlin, ngờ vực cuộc sống của hai người, có lẽ nên đi khỏi đây. Nhưng đi đâu? Ông kể cho cô nghe về Meran, trước đây nhiều năm ông đã ở đó, nhưng cô không hình dung nổi, thêm nữa ông mới chỉ đến đó thăm người quen, một mình, ít nhiều như một chuyến đi nghỉ. Vậy có lẽ Hồ Garda còn tốt hơn, ông cũng đã từng đến đó. Hồ Garda, ông nói, rộng gần như biển, nhưng ở Ý, với những xóm làng sặc sỡ, phía xa xa nhìn thấy núi. Nhưng Meran cũng có núi non khắp nơi, cô sợ núi, chưa bao giờ cô nghĩ cuộc đời mình phút chốc trở nên rối rắm như vậy.

Cô bàn bạc với Judith. Bạn gái cô đã mấy lần gọi điện và nói, họ phải gặp nhau, có chuyện mới. Không, không có đàn ông nào cả, vì Dora hỏi: Chuyện đàn ông hả? Hừm, có thể, Judith nói, nhưng không phải như cậu nghĩ. Họ hẹn nhau tại một tiệm cà phê ở Moabit mà chủ tiệm là chú của Judith, và trong khi họ gọi đồ uống thì đã rõ cả: Judith sẽ đi Palestine, cuối tháng Năm, chậm nhất là trong hè. Người đàn ông mà cô nhắc đến tên Fritz, không nhiều tuổi lắm, ba mươi sáu, bác sĩ, đã theo Zionism từ lâu. Cô định cùng ông ta đến một kibbutz^[(6)]^[11] ở vùng biển. Ngoài ra hai người không có quan hệ gì hơn. Nhưng ông ta hỏi Judith còn quen ai muốn đi cùng. Cậu có muốn không? Dora kể về Meran, cô không biết có đi Meran

không. Judith cho rằng, nếu hai người đi Meran được thì đi Palestine cũng thế. Nhưng làm sao được, họ sống bằng gì ở đó, chưa kể đến thể trạng của ông, trời đất ơi, họ đi đâu bây giờ.

Tuyết rơi liên miên, cô nghĩ đến bạn, Judith sẽ đi Palestine, trong khi cô suốt ngày tưởng tượng đi lên núi. Franz trầm lặng, ông muốn biết chuyện ăn ở rốt cuộc thế nào, nhưng người quen của bà Rethmann đang du lịch. Họ gặp nhau ngoài hành lang, chào hỏi rồi ai đi đường nấy. Có lần, vào buổi chiều, bà đứng trước cửa cùng một người đàn ông, nghe nói ông ta đến xem nhà, nhưng không có vẻ hài lòng lắm. Ông ta ngán ngẩm liếc Franz đang nằm trên tràng kỷ, trong khi bà Rethmann khen lợi thế của ba căn phòng và làm ra vẻ vô cùng phiền muộn khi phải để những người thuê nhà tuyết vùi này phải ra đi.

Họ đang lâm vào tình thế lưỡng lự. Khi thì họ chắc chắn được ở lại, khi thì họ đã sẵn sàng đi ở nhờ bạn bè. Hay họ nên rời Berlin? Lại phải nói đến Meran, họ xác định tinh thần, Meran, tại sao không, sau đó Franz nhắc đến Vienna, khiến Dora thú thực cô rất ngạc nhiên, vì hồi ở Müritz ông tuyệt đối không bỏ lỡ dịp nào để nói xấu Vienna, theo ông thì Vienna không chấp nhận được về bất cứ mặt nào, mặc dù đó ít nhất cũng là một thành phố.

Từ khi bị sốt hầu như ông không viết gì. Buổi tối ông ngồi vào bàn, nhưng dễ nhận thấy ông không hài lòng, công việc làm ông mệt mỏi, cướp đi sức lực của ông, thay vì đem lại cho ông sức khỏe mới. Đôi lúc cô muốn can ông, cảnh báo và xin ông đừng thức lâu như hôm qua, vì ông đi ra ngoài cả nửa đêm qua. Cô nghe tiếng ông quay về, chỉ muốn hỏi ông mà không dám, trong bữa sáng, khi cô vận áo choàng trong nhà của ông và ngồi trong lòng ông, không ai biết cuộc đời họ sẽ tiếp diễn ra sao.

Cô chưa bao giờ hiểu rõ chuyện với M., qua những điều quá ít ỏi ông kể. Họ không đem lại hạnh phúc cho nhau, hình như ông nói “hủy hoại nhau”, dù sao đi nữa, ông đã đợi chờ cô ấy rất lâu, đã hy vọng từ lá thư này đến lá thư sau, tan nát cõi lòng, và tất cả chỉ còn là vấn đề thời gian, cho đến lúc

họ kiệt sức buông nhau ra. Một, hai lần, cô thấy một bức thư nằm đó, với nét chữ của ông trên phong bì, và cô thoáng nghĩ ngợi, trước đây mấy tuần rồi.

Nếu chẳng may bệnh ông tái phát, cả lần này cô cũng không lường lự khi gọi bác sĩ. Tối qua, trong bữa ăn, đột ngột cô lại có linh cảm như vậy, trông ông mệt mỏi và như bị sốt, và quả thật nhiệt độ của ông tăng cao. Kể từ hôm đó họ lại thường xuyên đo nhiệt độ. Ngay sáng sớm đã có nhiệt độ, lên xuống cho đến trưa, luôn quanh mức 37,5.

Cứ như chưa đủ, bà Rethmann cho biết mọi việc đã được thu xếp, đến ngày đầu tháng Hai họ phải ra khỏi nhà, và tiếc thay, căn hộ dự trù cũng không còn, đã có người thuê mất. Thôi được, họ đã ngầm tính đến khả năng đó, thậm chí Franz còn nói đùa, rằng ít nhất nhờ đó mà họ được làm quen Berlin, nhưng giọng ông hơi gằn, cứ như ông đột nhiên không quan tâm bất cứ chuyện gì nữa, thậm chí không nhắc đến Meran và Vienna.

Dịp để vui mừng vẫn tiếp tục là các bưu phẩm, khi một miếng bơ khi vài vật dụng trong nhà được gửi đến, thường là của Ottla hay mẹ, và một lần của Hội Phụ nữ, một tổ chức thường gửi đồ cứu trợ cho ngoại kiều sa vào hoàn cảnh khó khăn ở Đức, theo đề nghị của Max. Franz ước ao một thanh sô cô la, những thứ không tìm đâu ra ở Berlin, nhưng thay vào đó họ nhận được bột tấm, gạo, bột, đường, trà và cà phê đến phát chán, khiến họ cũng chỉ phấn khởi có chừng mực. Có thể nướng bánh ngọt. Và quả thật cô có ngay ý tưởng: cho trẻ con ở cô nhi viện Do Thái, năm trước cô có làm thợ may ở đó. Người ta đón tiếp cô như một thiên sứ, cái bánh biến mất trong nháy mắt, sau đó lũ trẻ còn dùng dằng không muốn cho cô đi. Những khuôn mặt đói và buồn, mắt đen to. Thế là em cất tiếng hát, cô kể cho Franz nghe vào buổi tối. Mọi người cùng hát, họ cầu nguyện, những giọt lệ khi chia tay thật nặng nề, dường như ai cũng rõ rằng rất lâu nữa, đây là cuộc viếng thăm cuối cùng.

Những chuyến đi ra ngoài như vậy hoàn toàn là không tương đối với Franz. Anh là một gia súc từ đầu đến chân, ông pha trò. Liệu ngày ở Müritz cô có tin vào chuyện đó không? Ở bãi biển chắc chắn trông anh gần như một vận động viên. Anh bơi, anh thoăn thoắt chạy từ ghế hộp xuống nước và quay lại, rồi anh đi với em đến tận cầu bến, dạo chơi xuyên rừng với em, hai lần chỉ cách nhau mấy ngày, giờ thì nhìn xem anh đã ra sao. Ông muốn cô đi gặp mọi người, cô không nên cho rằng không thể để ông một mình, chẳng hạn như khi ngủ thì ông tuyệt đối không cần cô. Em hiểu chưa? Khi cầu xin cô, trông ông như một cậu bé, cô gật đầu, lắc đầu, sẽ nghĩ lại.

Cô không bao giờ muốn ngủ thiếu ông nữa.

Để tiết kiệm, bây giờ họ chỉ đốt lò sưởi trong buồng ngủ. Gần giống hồi ở phố Miquel. Người ta cần ít không gian đến kinh ngạc, vì thực ra họ chỉ có giường, cái bàn con, ghế và tủ, mà thậm chí chỉ cần cái giường, họ ăn luôn ở đó, mặc cho mấy hôm sau vẫn còn thấy vụn thức ăn khắp nơi.

9

Khó có thể diễn tả thể trạng của ông, tạm bỏ qua nhiệt độ cao và chuyện ông áy náy vì chẳng có sức ngăn cản Emmy làm âm ỉ mọi chuyện. Không có cơ gì để vui cả. Ông ngủ, ông có đồ ăn, ông có Dora, đã đành, nhưng nhìn chung ông cảm thấy yếu nhược, công việc đình trệ, ngoài vài dòng nguệch ngoạc ban đêm thì mấy tuần qua ông không làm được gì hơn. Ông sợ bệnh tái phát, ông có thể đọc tên được nỗi sợ ấy trong một bức thư dài gửi Max mà ông làm ra vẻ đó chỉ là chuyện vặt: phải nện nện đất dưới chân ông cho chắc, phải lấp đầy vực thăm trước mặt ông, xua lũ cú điều đang lượn quanh ông, xoa dịu cơn bão trên đầu ông, thế thôi, xong rồi thì, ông viết, tình hình sẽ khá hơn một chút.

Dạo này ông thường tiếp khách bên giường. Vợ chồng Kaznelson đến hồi đầu tháng Ba và ở lại nửa buổi chiều, trong khi bạn gái Judith của Dora mới đây chỉ được ông tiếp nửa tiếng. Thế cũng đã quá nhiều, nhưng có lúc ông lại thấy phẫn chẫn, chỉ muốn ra khỏi nhà để khỏi tiếp tục bỏ lỡ mọi dịp, chẳng hạn như tối nay có buổi giới thiệu *Anh em nhà Karamazov*[(7)][12]. Bà Bugsch và nữ nghệ sĩ trình diễn Midia Pines đã mời, họ có mặt từ đầu giờ chiều, và từ đó trở đi không hề có một giây tẻ nhạt. Đặc biệt, cô Midia tóc đen đã làm ông phẫn chẫn, họ trò chuyện về các nhân vật vĩ đại của Nga, sự khác biệt giữa Tolstoy và Dostoyevsky, kỹ năng đọc, thậm chí còn có kế hoạch sau buổi đọc sách sẽ đi vào thành phố, nhưng rồi cuộc chính kế hoạch đó lại khiến ông ngộ ra rằng nên ở nhà thì hơn. Ai cũng bất ngờ, thậm chí sững sốt, năn nỉ thuyết phục ông, trong khi ông cũng cố đứng dậy và thế là dứt điểm sự việc.

Kết quả hình như ông đã bỏ lỡ một dịp tốt. Dora rất ấn tượng khi quay về và từ lúc đó không ngớt nhắc đến cô Midia nọ. Đã quá bảy giờ, bữa sáng thứ nhất bày trên bàn cạnh giường và ông lắng nghe cô kể, được chẳng hay chớ, vì đôi khi ý nghĩ của ông trôi đi nơi khác, hầu như ông ghen tị với đám người phẫn khích quanh Dora hôm qua, trong quán rượu những lời ngợi ca Midia vang lên không dứt. Thật tiếc là không làm sao kể cho chính xác được, Dora nói, nhưng cô rạn vỡ, cô luôn nhớ đến ông, suốt buổi tối, trong khi ông nằm trên giường ở nhà và bực mình bởi cú điện thoại của Elli, vì họ vừa đi khỏi thì có chuông, đầu dây kia là Elli với những nỗi lo vĩ đại của mình.

Họ vẫn chưa có nơi ở mới.

Dora đăng báo: Đàn ông đứng tuổi, tìm hai phòng, ưu tiên ở Steglitz, nhưng lần này cô mở rộng thêm đến Zehlendorf và qua đó ngày càng ra xa thành phố. Đôi khi ông cảm thấy như bị cầm tù. Từ mấy tuần nay ông không đến Đại học Do Thái, không gặp cả Emmy, chỉ nói chuyện ngắn qua điện thoại, nhưng thế còn tệ hơn đi gặp cô ta, vì cô rất thờ ơ, gần như lạnh lùng khi

nhắc đến những giọt lệ của mình, rằng cô đã khóc biết bao lần và biết bao nước mắt vì Max, nhưng giờ đây, trong nháy mắt, chuyện đã qua rồi.

Cứ ngồi vào bàn là ông tự hỏi, mình còn có việc gì nữa mà làm, và ông tự an ủi bằng cách nghĩ đến căn hộ mới. Ông không hiểu rõ lý do khiến ông chỉ muốn đem đốt hết bản thảo, vì không còn sức chắng, hay vì sự tĩnh lặng quá lớn có muốn lờ đi cũng không được?

Dạo này tuyết bắt đầu tan. Tuyết tháng Giêng hầu như không còn, dĩ nhiên không chắc có còn rét lại không, nhưng ít nhất cũng có sự thay đổi khi mặt trời hiện ra. Ông ra công viên, ngồi ghế băng, chỗ ngày xưa có đứa con gái gọi ông là Do Thái. Ông chóng mệt, vì vậy ông lại nghỉ tiếp ở chiếc ghế băng gần nhất, và đến chiếc sát đó lại nghỉ. Trên bảng dán báo cạnh tòa thị chính ông phát hiện trên trang nhất tin Lenin qua đời, rõ ràng đã trước đó mấy hôm rồi. Ông giật mình nhận ra, họ biết quá ít những sự kiện như vậy, một thoáng thôi, vì ông thấy thế là đúng, có thể chưa bao giờ đúng như hôm nay.

Chưa bao giờ ông phải suy nghĩ chuyện tiền nong.

Sau khi đăng báo tìm nhà, điện thoại réo liên hồi, nhưng đa số những lời mời chào đều có vẻ đáng ngờ hoặc giá thuê quá đắt, hơn nữa ông vẫn sốt nên hầu như không thể đi xem nhà. Thật trái khoáy, họ thích một căn hộ có giá thuê ngốn đến ba phần tư tiền hưu của ông, họ đi hai bên tàu điện tới đó và hy vọng có thể mặc cả giảm giá, nhưng tất nhiên hy vọng không thành. Tuy nhiên, căn hộ đẹp lung linh, hơn xa căn hộ hiện tại, có hai phòng và một chái nhỏ, ở tầng trệt một biệt thự ngoài Zehlendorf, lọt giữa cây xanh um tùm, ông kể cho gia đình biết, có vườn, hiên kèm chỗ nằm, đèn điện, lò sưởi trung tâm. Mình điên thật, Dora nói. Nhưng chính họ thích thế, nhất là khi điện thoại vẫn không ngừng đổ chuông. Cuộc gọi gần nhất lúc mười giờ hơn, một giọng thân thiện, cởi mở với mọi điều kiện và đề nghị họ đến xem vào sáng mai, đó là bà bác sĩ Busse. Busse à? Ông nghe tên quen quen.

Ông mở danh bạ điện thoại xem lại, ông chồng là nhà văn, theo trí nhớ của ông, là người kỳ thị Do Thái.

Khi đến xem nhà, họ được biết bà chủ là một góa phụ. Chồng bà, đúng ông nhà văn mà ông biết, đã mất mấy năm trước vì bệnh cúm Tây Ban Nha. Bà thoáng ngơ ngác khi thấy ông tiến sĩ không biết tin đó, vì tất cả các báo đều đăng, không chỉ ở Berlin. Không sao. Hai phòng có lò sưởi khá ổn, ông nhận xét, có ánh nắng khi mặt trời lên. Căn hộ trên lầu một, nên họ và chủ nhà hầu như không chạm mặt nhau, khung cảnh xung quanh còn giống làng quê hơn ở Steglitz. Giá thuê không quá bất hợp lý, nhưng họ không kham nổi. Số 25-25 phố Heide. Nhìn ra cửa sổ rất đẹp. Họ cũng được phép sử dụng vườn trong mùa xuân sắp đến, hy vọng lúc đó đã qua cơn bão.

Tính đến nay, họ chưa ở nhà nào quá mười tuần.

Tâm trạng mấy hôm nay chao đảo giữa kiệt quệ và mong đợi. Hai lần đi xem nhà có hơi quá sức, nhưng ngoài ra thì ông lạc quan, không ho, thân nhiệt ổn định, mọi thứ xung quanh rất yên bình, trong ông cũng vậy, không có ý tưởng nào sắc nét, không câu chữ nào mạch lạc, không ý tưởng nào về bất cứ chủ đề gì.

Họ đi qua cả khu một lần nữa khi chuẩn bị ra về, cứ như thể đây là lần cuối, mặc dù nếu muốn thì họ có thể quay lại nơi này bất kỳ lúc nào. Ở Vườn Bách Thảo họ gặp một con cáo già, nó đứng trong vạt thông và kiên nhẫn ngó qua chỗ họ, không sợ hãi, tựa như nó muốn chào. Đó là Steglitz, ông tiến sĩ nói, và Dora bảo, cô rất thích ở Steglitz, đó là thời kỳ hạnh phúc nhất trong đời cô.

Max gọi điện và nói, ông đang ở ngoài thành phố để nói chuyện với Emmy. Chiều ông sẽ ghé qua một lát. Emmy và ông vẫn đang nhùng nhằng, họ hầu như không nói được gì nhiều với nhau, có gì đó vẫn tồn tại nhưng đã bị hủy hoại, ông nghĩ Franz và Dora sẽ khiến ông nghĩ đến chuyện khác. Không ai có lời khuyên. Dora đã gói găn xong đồ đạc, nhưng bây giờ tạm ngừng tay,

họ uống trà ăn bánh, sau đó đọc khá lâu hai truyện ngắn gần đây nhất. Dora muốn thế, cô vui vì đã thuộc lòng mọi truyện, trong khi Max ngồi im phăng phắc trên ghế gần đến những phút chót, rồi lại im lặng hồi lâu nữa, trước khi nhận xét rất hay về hang thú dưới đất.

10

Hôm chuyển nhà thì ông mệt. Ông sốt, người nóng hầm hập, nhưng không đau chỗ nào, giống hồi tháng Mười hai. Ông tươi tỉnh lạ lùng, không hề ngạc nhiên, mà bực mình vì lại không giúp đỡ được gì, chỉ nằm trên giường và tự hỏi ở đâu ra lắm đồ đạc phải chuyên chở như vậy, rõ ràng từ tháng Chín tới nay đồ đạc trong nhà họ đã nhiều lên kha khá.

Thời tiết bất tiện cho việc chuyển nhà. Trời mưa, lại gió mạnh, nhưng cô không than phiền, hơn nữa cô không chỉ có một mình. Reha, một cô gái người Müritz, sẵn sàng đến giúp, mới đây họ gặp nhau và tán chuyện ngày xưa, nên ngỏ lời nhờ vả không khó lắm. Chặng đường từ ga khá xa, mười lăm phút đi bộ, đồ đạc nặng, thỉnh thoảng họ dừng chân thở, nhưng Dora luôn giục vì cô lo ông sốt lại, vì ông mỉm cười khó hiểu khiến cô lo lắng, tựa như ông biết những điều mà cô không dự cảm được. Họ đi hai chuyến, đến đầu giờ chiều chỉ còn sót lại mấy thứ lặt vặt. Vì Franz không thể ra đường trong thời tiết này, chuyến cuối đi ô tô, vui nhưng đăt chóng mặt, tuy nhiên mọi việc đã hoàn tất. Đây là lần chót, Franz nói, và Dora tin đây là lần chót, sẽ không còn căn hộ nào khác ở Berlin này nữa.

Lại những giờ phút trôi đi giữa hy vọng và sợ hãi. Nhưng cô yêu cảm giác được liên tục ngắm xem ông đã ngủ chưa, vì đôi lúc ông ngủ, và lúc đó cô hôn lên vầng trán nóng của ông, hoặc cô chỉ đứng lặng yên quan sát ông thở nhẹ, lồng ngực dâng lên hạ xuống. Ông tuyệt đối không được phép và không thể ra khỏi nhà nữa. Họ nhận được giấy mời dự tối thuyết trình của Ludwig Hardt[(8)][13], sẽ có cả phần đọc tác phẩm của Franz nên họ

rất muốn đi, nhưng bây giờ chuyện đó là không tưởng. Franz cáo lỗi, ông viết một bức thư ngắn, và lại phải nhờ Reha chuyển hộ, vì Hardt ở một khách sạn nằm sâu giữa thành phố, và Dora không muốn để ông một mình lâu thế.

Tiếc là việc không xong. Rất có thể thư không đến tay người nhận, không có phúc đáp, buộc Franz phải viết bức thư thứ hai. Lần này Dora đưa thư, cô đã đến đó buổi tối và nghe bài thuyết trình của nhân vật nổi tiếng. Sau khi kết thúc, vất vả lắm cô mới tiếp cận được ông, vì rất đông người vây quanh ông, họ hỏi han, ca tụng cách ông đọc, khen những câu chuyện về con khi biến thành người. Cô tự giới thiệu là Dora, và có tin cho ông. Đáng tiếc là Franz bị ốm, cô sơ ý chỉ nói tên riêng, và cô rất thích buổi tối hôm nay. Hồi lâu ông mới biết cô ám chỉ ai, ông đọc thư và phân ưu với việc Franz không được khỏe, nói ông cũng muốn đến thăm, đáng tiếc sáng sớm mai ông khởi hành trên chuyến tàu đầu tiên.

Franz thất vọng, nhưng không nhiều, từ mấy năm nay ông không gặp và cũng không nghe gì về Hardt. Dora không biết nói gì nhiều về con khi. Cô thương nó, cô nói. Nó phải biến thành người như mình, có khiếm không? Cô tự hỏi, làm sao có thể nghĩ ra những câu chuyện như thế. Riêng cái tên Rotpeter. Cha mẹ ông nghĩ gì về con khi đó? Họ cũng nghe thuyết trình, họ kể trong thư như vậy, nhưng khác với thính phòng đặc kín người ở Berlin, hình như ở Praha chỉ có họ là thính giả.

Franz sợ nhất nếu mẹ tới thăm. Cơn sốt đến rồi đi, ông chấp nhận được, nhưng lạy trời, nếu mẹ ông đứng trong phòng này. Rủi thay, hình như ở nhà đã có kế hoạch từ lâu, cả một ông chú cũng muốn đến xem tình hình ra sao. Ông ấy đã gửi một khoản tiền lớn cho các khoản chi đột xuất, riêng đó đã là lý do để họ không thể từ chối đón tiếp. Franz thở dài, quả là ác mộng, vì một khi đã đến Berlin, họ sẽ tìm cách đưa ông khỏi đây, trong khi Dora thấy trong cuộc viếng thăm ấy cũng có mặt dễ chịu. Nói cho cùng, đó là mẹ ông, và rốt cuộc họ sẽ có dịp làm quen nhau và bàn bạc nên làm gì thì hơn.

Anh nghe này, cô nói. Vài hôm một lần, nói đi nói lại. Buổi tối trên giường, khi ông ngủ, khi cô tự tin vào chính mình. Anh nghe này. Không sao cả, bất kể chuyện gì xảy ra, bất kể những lời ngu ngốc mà tiếc thay, cô chỉ có thể thì thào. Tất cả đều đã được quyết định, ngay từ đầu, ít nhất là trong lòng cô, bất kể chuyện gì xảy ra với anh.

Sát ngày chuyển nhà, ông viết thư cho một bà bác, bà này sống ở một địa phương tên là Leitmeritz và bây giờ mới hồi âm bằng giọng không lấy gì vui vẻ cho lắm, chắc vì bà cho rằng ông và Dora ngó ý đến ở nhờ. Trong khi ông chỉ xin bà nghe ngóng xem ở vùng đó có nhà nào cho thuê không, hai đến ba phòng có đồ gỗ, tốt nhất là những phòng riêng biệt trong một dinh thự.

Ngoài ra không có gì nhiều.

Ông nằm sười nắng trên ghế đu, bên cửa sổ mở, và viết cho cha mẹ rằng hy vọng sắp tới ông có thể liêu đi ra hàng hiên.

Ông nằm trên giường, giở vở xem, lắc đầu thất vọng về kết quả quá ư nghèo nàn của mấy tuần qua. Cô không an ủi được ông nhiều. Ông tự trách mình đã ít gắng sức vì cứ nằm mãi trên giường. Nhưng anh đang ốm, cô nói. Anh ốm từ tháng Mười hai, anh quên rồi sao? Nhưng ông không đổi ý. Ông rong chơi đã nửa cuộc đời. Vì sao ông chưa bao giờ nghĩ ngợi? Như một đứa trẻ, ông nói. Nhưng trẻ con đi ra thế giới, rời khỏi giường, trong khi hoàn cảnh anh ngược lại: Thay vì đi ra thế giới, anh càng ngày càng chui vào giường đắp chăn nhiều hơn.

Ông gửi cho gia đình số điện thoại mới, với điều kiện ông không phải bắt máy.

Ông gầy đi, mỗi lần đứng dậy là thấy yếu đến mức nào. Cô hầu như không nấu nướng gì nữa. Cô mua trái cây, đem cho ông sửa chua, đôi môi của cô, thỉnh thoảng một tờ báo.

Dần dần mọi người đều đã gọi điện đến, đầu tiên là Elli, rồi đến Ottla, và mẹ. Điện thoại ở tầng dưới, giữa sảnh, vì vậy không tiện nói chuyện. Cô lạnh, run cầm cập khi phải nói chuyện lâu. Nói chuyện với Elli vẫn đơn giản nhất. Họ không thân nhau lắm, do vậy cô dễ kể lại mọi thứ cho đẹp hơn lên, căn hộ mới không hẳn lý tưởng, tương đối ổn, không dễ chịu bằng nhà cũ. Trời lạnh, họ ít rời nhà, cô thú thực, còn Franz thì ổn, tuy nhiên đang nằm, hơi nóng, mặc dù thực tế ông bị sốt cao. Với Ottla thì cô thú thực Franz sốt. Ông sút cân, người yếu, cô đang cố hết sức. Ottla đáp: Thương quá, hai người hạnh phúc như vậy cơ mà. Cô cố an ủi, hồi tháng Mười hai hết sốt, tuy nhiên ai cũng rất lo, Berlin không lợi cho ông, đó không phải là lời trách, không được coi đó là lỗi của Dora, mà ngược lại, ngay từ đầu Dora là niềm hạnh phúc của ông.

Tối đến, khi cô ngồi bên giường ông khâu vá hoặc trông giấc ngủ của ông, cô tự hỏi, ông là ai. Phải chăng ông là người cô đang thấy trước mắt, một người đàn ông sốt mà cô chung sống, người cô hôn, người đọc cho cô nghe câu chuyện buồn cười về con khỉ, đôi khi đọc cả một bức thư, khi ông viết cho cha mẹ và làm như chẳng có gì xảy ra. Ông quay mặt vào tường nên cô không thấy mặt ông, nhưng cô biết rằng từ vài hôm nay trên khuôn mặt ấy có một nét gì đó mà cô không biết, một vầng sáng, cảm giác của cô là thế, nhưng khác với ngày xưa, khi ông đánh thức cô giữa đêm. Lần này là chứng bệnh, cô tin vậy. Mà cho đến nay ít khi cô nghĩ ngợi về bệnh ấy, tựa như đó là một người tình ngày xưa, là một thứ gì đó thuộc về ông mà cô không ghen tuông. Cô không hiểu nổi ý nghĩ đó, thậm chí không thể nói được là cô sợ, cô chỉ nhận biết nó và cố kiềm chế không đưa ra kết luận quá vội vàng.

Tất nhiên ông thiếu thốn một vài thứ, nhưng không thiếu đến quận lòng như ông từng nghĩ, những cuộc dạo chơi khi trời tuyết ngập này cũng giống như các chuyến thám hiểm. Từ nhiều tuần nay, thành phố xa xôi như mặt trăng. Nhưng để thay đổi, ông cũng nhóm dậy, vì Rudolf Keyser của tờ *Neue Rundschau* đã lặn lội đến phố Heide ngập tuyết và không tin vào mắt mình. Giờ đây ông tiến sĩ đã quen với việc người ta giật mình khi thấy ông. Ông nằm trên tràng kỷ, bắt tay ông Keyser đang bàng hoàng ra mặt, nhận xét rằng đêm qua không có gì khác thường, mấy hôm vừa rồi cũng chẳng khác thường. Ông gắng gượng, mỉm cười, và thấy trong người thực sự dễ chịu, xung quanh đều có thiện chí với ông. Như mọi khi, Dora đã chuẩn bị bữa điểm tâm, ông thú thực thiếu Dora thì ông không sót được ở Berlin, thậm chí có thể coi như ông nói lời tỏ tình trước mặt người lạ, một người đàn ông không khác gì sứ giả đến từ một cuộc sống đã lùi xa trong mắt ông. Họ tranh luận sôi nổi, nói chuyện sách vở, sân khấu, nhắc đến những người quen chung, nhưng với hàm ý như tất cả đã chôn chặt trong quá khứ, và hồi lâu sau ông tiến sĩ thấy không thoải mái. Ông đã lệt bệt đến thế sao? Dora kể lại những biến động trong mấy tuần qua, nhắc đến giai thoại với vụn nến. Cô nghĩ, trong khung cảnh này không nhất thiết nói chuyện công việc, nhưng không, Keyser cứ muốn biết, ông tiến sĩ lảng đi, có gì đáng nói đâu, nhưng như thế chỉ càng làm mọi thứ tệ thêm, vì Keyser bắt đầu khen ngợi ông, nhắc đến các bài viết đã được xuất bản, tỏ ra thông thạo đến kinh ngạc, ông đi đi lại lại và đọc to trích đoạn người thợ lò sưởi nói về chàng Rossmann nhìn thấy bức tượng Nữ thần Tự do, sau đó ông chia tay với những lời chúc tốt đẹp nhất.

Như mọi khi, cứ sau một lần tiếp khách kéo dài, hôm sau ông không ra khỏi giường, tuy nhiên không có nghĩa là sáng sớm ông không dậy để vào nhà tắm cạo râu trước gương, đó cũng là lúc ông soi kỹ khuôn mặt mình thật lâu. Dạo này trông ông gần như đứa trẻ, thật khó diễn tả, ông ốm, nhưng nét nổi bật là sự biểu cảm, tựa như ông đã cố gắng cả đời để nom như một học sinh trung học, vậy mà vừa đạt ngưỡng ấy ông đã phát triển thụt lùi thành một đứa trẻ.

Dora nghĩ gì, ông không rõ. Cô không nói cho ông hay, cô nhìn thấy gì ở ông, có lẽ vì mọi điều đã quá rõ, vì cô nghĩ không được phép khiến ông lo lắng, cứ như thế điều gì không nói ra thì không tồn tại vậy. Chẳng hạn mấy bộ com lê của ông không vừa nữa, các góc đều lỏng lẻo xộc xệch, cả đồ lót cũng trở nên rộng rinh. Giày có lẽ còn vừa. Nhưng ông xỏ giày ra đường lần cuối khi nào nhỉ? Thậm chí đầu ông dường như cũng co lại. Ông biết tai người ta phát triển cho đến tận tuổi già. Nhưng ông không già. Ông vẫn nghĩ thế từ khi biết nghĩ. Ông sẽ chết trẻ, đại khái trong tình trạng như bây giờ, chết mà không đạt được chút thông thái nào.

Không phải lần đầu tiên ông tự hỏi, sẽ còn gì để lại. Ông đã viết ba cuốn tiểu thuyết thất bại, vài chục truyện, và cả đời viết thư từ, chủ yếu gửi đến những phụ nữ không ở gần ông, thư rồi lại thư, trong đó chỉ giải bày vì sao ông không ở bên họ và không chung sống cùng họ.

Ông cảm thấy yếu nhược và bại hoại, đồng thời đầy quyết tâm. Ông đã suy nghĩ, liệu có nên nhờ Dora hủy đi thứ này thứ nọ, những dòng nguệch ngoạc của mấy tháng qua, tất cả, trừ hai truyện cuối cùng. Có thể ông chưa viết được những truyện thực sự, có thể tất cả còn ở phía trước, khi mùa đông khủng khiếp này qua đi, khi ông hồi sức, bất kể ở đâu.

Ít nhất thì thời tiết ổn định. Ông có thể ngồi ngoài hiên nắng và để Dora chiều chuộng. Cô luôn chú ý quán chần kín cho ông. Cô đem thư từ, đồ ăn, một cốc sữa hay nước quả, lúc đó ông nhìn cô một cách vui vẻ, gần như thư thái, cho đến bốn giờ chiều, lúc cô đưa bưu thiếp của người chú báo sẽ đến thăm. Gì thế? cô hỏi, và ông, vì ông hiểu ngay gia đình cử người chú đến, biết hồi kết đã đến. Ngay tối đó ông viết thư phàn nàn với cha mẹ, tỏ ra ngạc nhiên, mặc dù ông giận dữ và tìm cách phản kháng; mọi lo lắng đều vô căn cứ, Zehlendorf hoàn toàn chẳng hay ho gì đối với người chú, và do đó chẳng bỏ công đi xa như vậy.

Hôm sau người chú đến nơi. Nếu trong khi chuyển nhà họ không đánh mất số điện thoại của ông ấy thì đã có thể ngăn chuyển đi vào phút chót, nhưng

giờ đây chuyện đã rồi. Đầu giờ chiều chuông cửa reo, và chưa đầy năm phút sau người chú đã có kết luận chắc như đinh đóng cột. Franz cần đi dưỡng bệnh ngay, Berlin rất có hại, Franz phải đến một nơi khác càng nhanh càng tốt, đi Davos, lên núi, chỉ cốt sao rời khỏi Berlin. Dora mời ông ngồi, nhưng ông từ chối, khăng khăng nhắc đi nhắc lại những lời khuyên. Làm như vô tình, ông sẫm soi căn hộ, tạm hài lòng, mặc dù sau đó ông nói, ở đây rất ấm cúng, hơi nghèo nàn nhưng không đến mức như cha mẹ Franz lo ngại.

Sau đó họ bỏ hẳn đề tài an dưỡng đường. Người chú bực mình về giá cả, nhưng ông hết lời khen thành phố, nhiều lần ông dạo chơi rất lâu, từ quảng trường Potsdam hoành tráng xuyên qua phố Leipzig đến quảng trường Alexander, đồng tai nghe hai gã bài trừ Do Thái nhìn mặt đã thấy ngu xuẩn trong quán cà phê Josty. Ấn tượng ban đầu như thế. Ông hình dung tình cảnh ở đây tồi tệ hơn nhiều. Quả thật ông thích Berlin, thích cả phố Heide, đã mấy lần ông cố thuyết phục Dora cùng ông đi nhà hát, một phụ nữ trẻ như cô phải giao tiếp với nhiều người. Ông hỏi về gia đình cô, vì sao cô đến Berlin, thời kỳ trước Franz như thế nào. Một lần, lúc cô có việc ra ngoài chốc lát, ông vỗ vai Franz vẽ thán phục, cô gái của cháu thực sự tuyệt vời, rất biết lo toan, rất gan dạ, rất giản dị.

Ông chú Franz ngủ đêm ở một nhà trọ có ăn sáng bên hồ Wannsee, nên không đến trước mười một giờ sau bữa sáng thứ hai. Ngày thứ ba, cũng là ngày cuối, không khí vui vẻ nhất, họ viết chung một bưu thiếp cho mẹ Franz, ý kiến chốt lại của người chú không quá tệ, theo ông, Franz sống ở Zehlendorf rất tốt. Nhưng vẫn cần cân nhắc chuyện ra đi. Buổi tối Dora đưa ông đi nghe đọc sách của Karl Kraus, người mà ông tiến sĩ không đánh giá cao, nhưng chẳng hề gì, Dora rất phấn khích, cô cực kỳ vui vẻ, cả trên đường về, đến tận nửa đêm trong một nhà hàng vắng người, ở đó cô và người chú duyệt lại lần nữa các phương án.

Khi chia tay, ông chú nói: Cháu biết là cháu không thể ở lại đây. Chú rất hiểu ý cháu không muốn, nhưng tiếc rằng không thể khác được. Cháu tự nhìn mình đi, ông nói, nhìn Dora đi, cô ấy không nghĩ khác chú. Nói cho cùng, đây là khoảnh khắc nặng nề, ông chú đẩy vế phiến muộn, trong lúc Dora chỉ gật đầu, thất vọng, kiệt quệ, nhưng cũng nhẹ lòng, như Franz cảm nhận, tựa như cô vừa phát hiện ra mình đang chịu gánh nặng gì với Franz.

Ở phút cuối cùng ông tiến sĩ đã hứa. Ông sẽ rời bỏ Berlin, đầy luyến tiếc, với một hy vọng còn con. Có thể họ chỉ phải đợi. Phải kiên nhẫn, em kiên nhẫn vô hạn, Dora nói, rồi giải thích ngay, tại sao không thể đợi thêm nữa, tại sao cô không nề hà đi bất cứ đâu. Trước đó cô vừa gọi điện cho Judith. Lần nào cũng thế, mỗi lần gọi điện cho Judith cô lại thêm dũng cảm, cô nói, ở đâu cũng thế, Judith cũng bảo vậy, và gửi lời chào Franz thăm thiết.

Robert viết thư và gửi một thanh sô cô la. Lẽ ra phải trả lời ngay và cảm ơn, nhưng trong tình trạng bấp bênh này, ông chẳng đầu óc đâu mà trả lời. Gần trưa tuyết rơi nhẹ, sau đó mặt trời ló dạng, ông liền đi ra hiên, không lâu, ngơ ngẩn hơn là phiến não, cảm giác vô dụng ngày càng tăng.

Sáng sớm hôm sau ông thu xếp giấy tờ. Ông nằm trên giường, chưa tỉnh hẳn, và ông hỏi cô, nói chính xác những thứ ông cần, vở ghi chép, thư từ, các tờ rời... Dễ chịu, cô cứ lảng lạng thực hiện. Cô hơi ngạc nhiên vì bỗng dưng có việc này, nhưng cô vẫn làm. Ông có thể nghe tiếng cô lục tìm, tiếng giấy loạt soạt, tiếng ngăn kéo đóng mở cách nhau vài phút. Ông có hai truyện trên giường, đã kiểm tra lại, mọi thứ khác vứt đi cũng được. Toàn thứ vớ vẩn, ông nói, thỉnh thoảng người ta phải vứt bớt vài bao cát cho nhẹ khinh khí cầu. Khi đồn thành một đồng mới thấy nhiều hơn có thể tưởng tượng, mất thì giờ đến khó tin. Dora quỳ trước lò sưởi đỏ hồng, ném từng tờ, cô luôn phải dừng đợi chốc lát để không làm tắt lửa, trong khi ông ngắm lưng cô uốn cong, đôi chân trần, lòng bàn chân của cô. Mãi đến khi đốt xong cô mới hỏi lý do. Như thế có tốt không, ý em là như thế có tốt cho anh không? Và ông nói, có, anh nghĩ đó là một kiểu tẩy trần, nhẹ cả người,

cho dù phần lớn những thứ cần đốt không có ở đây, những quyển nhật ký ngày xưa để ở chỗ M., và phần còn lại trong phòng ông, ở nhà cha mẹ.

Đêm đến họ trò chuyện, Dora sẽ làm gì khi ông vào an dưỡng đường. Cô sẽ ở gần ông, thuê một phòng, đến thăm ông, ở một vùng nhiều rừng, nơi người ta có thể dạo chơi và tận hưởng ánh nắng xuân trên một chiếc ghế băng. Cô nói, cô đã thấy vui vui, ông chú rất ủng hộ đi Davos nhưng cô không quan tâm, cô sẽ vui từng ngày. Lúc này, trong bữa sáng, ông muốn nói rằng ông đang suy ngẫm một truyện mới, chưa cụ thể lắm, giống như đêm qua, khi cô đã thiếp đi từ lâu, một dạng tổng kết, lại một truyện về thú vật, về âm nhạc, hát ca, và mọi thứ liên quan với nhau ra sao. Có thể cô sẽ coi đó là một dấu hiệu tốt, ông nghĩ, và quả thật cô rất vui khi thấy ông đã có kế hoạch, cuộc sống tiếp diễn, thậm chí có thể ở Praha, là một cái tên khó chịu nhưng cứ nói ra cho có chút thay đổi, và nếu đến mức cùng cực thì ông cũng cùng cô đi Praha.

12

Hầu như đã chắc chắn họ phải sẽ rời Berlin, dẫu vậy họ vẫn tiếp tục có những khoảnh khắc đẹp, chiều chiều, khi cô vào giường với ông, khi ông ăn, ánh mắt ông nhìn, sự hàm ơn của ông, mà lẽ ra cô mới là người hàm ơn, đối với bàn tay, đôi chân ông, thật vậy, vì chúng luôn tìm đến với cô, ở Müritz, trong những buổi chiều đầu tiên. Cô không muốn coi nhẹ những ngày này chỉ vì Franz và cô có thể phải đi khỏi đây, vì đó là những ngày bên ông, là cuộc sống chung. Cô không thích ra khỏi nhà, nhưng gần chỗ họ chẳng có gì nhiều, cô phải đi xa, lần nào cũng sợ không may xảy ra chuyện gì, sau một tiếng, cô quay về, và nghe tiếng ông, âm hưởng giọng ông, cô biết có chuyện gì không.

Từ vài hôm nay ông ho khủng khiếp, chưa bao giờ như vậy. Quả thật cô vẫn chưa quen chứng ho của ông, và bây giờ cô phải làm quen, đó là những

cơ ho thực sự, đôi khi kéo dài hàng tiếng, sáng sớm hoặc chiều tối. Franz luôn xua cô đi vì ông dùng ống nhổ, không muốn cô nhìn thấy lúc đó, và hình như ống nhổ lúc nào cũng đầy. Có lần cô hỏi và cũng đã nhìn thấy một chút, và ông gần như nổi cơn thịnh nộ. Nhiệt độ liên tục quanh mức 38 độ, nhưng không vì thế mà ông sợ, ông nói, ông nằm ngoài hiên sưởi nắng và lo sẽ vào an dưỡng đường.

Họ vẫn chuẩn bị tinh thần có thể đi Davos. Franz hỏi liệu họ có nên cùng đi Praha. Họ cũng thoáng tính đến một an dưỡng đường ở Wienerwald. Gia đình cố gắng hết sức để tìm cho ông một nơi thích hợp. Franz, như mọi khi, bản khoản chuyện giá cả, nhưng cô gạt đi. Anh không xứng đáng được như thế sao? Đối với em, anh xứng đáng được tất cả. Mỗi sáng, khi thức dậy, cô suy nghĩ lâu, hôm nay mặc gì cho ông nhìn, cô đứng trong phòng tắm, thoa chút son, chỉ vừa đủ để ông không nhận ra.

Franz hỏi cô ước gì nhân dịp sinh nhật. Ông ho đến nổi hàng mấy phút không nói được, ngay cả khi đang đi lại, vì khi trầm trọng thì ông đứng dậy và cố đi lại, chậm chạp, từng bước nhỏ, trong khi vẫn ho quần quai. Ông phẩy tay, họ sẽ bàn tiếp vào lúc khác, tỏ ý đây chỉ là chuyện nhỏ, cố mỉm cười, nhưng chỉ tạo ra nét mặt méo xệch.

Ông ho đến tận nửa đêm, do đó họ mệt rũ suốt hôm sinh nhật. Nhưng cô mặc chiếc áo dài xanh lục đậm vì ông luôn nói, đó là Müritz. Ông nói, trong chiếc áo dài này cô hấp dẫn xiết bao, khiến ông nghĩ đến mẹ cô, vì không có mẹ thì không có cô. Ông chiều cô khi cố ăn, muốn cô tự đi mua hoa cho mình, và buổi trưa cô đã ra khỏi nhà để mua một bó lan chuông. Khi cô quay về, ông mệt nặng. Ông ngủ, cô ngồi bên giường, đặt tay lên vầng trán nóng bỏng, ông bắt đầu mê sảng, nhưng trông không có vẻ thực sự đau đớn, rồi tỉnh một lát, mỉm cười, sau đó lại lịm đi.

Họ cần gặp một thầy thuốc. Cô sức nhớ ra cách đây mấy năm từng quen một bác sĩ ở Breslau, cũng như cô, người ấy đến Berlin và làm tại Bệnh viện Do Thái. Bác sĩ Nelken. Không gặp được ông bác sĩ, cô nhắn để ông

ta gọi lại. Hai tiếng sau, không thấy gọi lại, cô thử lần nữa và gặp may, à, Breslau, ông bác sĩ hứa sẽ khẩn trương.

Trông Franz thật đáng sợ. Ông nhóm dậy mặc com lê để tiếp bác sĩ, kể bệnh trạng, và được thăm khám. Không làm được gì nhiều. Ông bác sĩ nhỏ người, xương xương, những điều ông ta nói họ đã biết từ lâu. Họ phải đi khỏi đây. Tôi cũng nghĩ thế, Franz đáp. Lúc này, nom ông thật xa cách với cô, ông đứng tựa bậu cửa sổ với nụ cười như thể muốn nói với bác sĩ Nelken, xin lỗi, bác sĩ đến đây chỉ phí thì giờ.

Bác sĩ Nelken không chịu nhận tiền công, vì vậy hôm sau Franz gửi tặng ông một cuốn sách về Rembrandt. Cô đem sách ra bưu điện, đứng xếp hàng lâu, tư lự và buồn bã. Franz không hằn trách móc vì cô lại gọi bác sĩ, nhưng cô thấy rõ rằng ông không hài lòng. Cả khi cô kể chuyện với Elli qua điện thoại, hình như ông cũng không hài lòng, cô đứng dưới sảnh và chỉ nói những gì mọi người đều biết, hỏi chuyện tìm an dưỡng đường đến đâu, gia đình gõ cửa khắp nơi, nhưng đáng tiếc họ chưa tìm ra giải pháp.

Mình có thực sự cùng nhau đi Praha? Về phần Franz, ông hầu như đã quyết định xong, sẽ đến đó vài hôm, trước khi đi tiếp Davos, kế hoạch vẫn thế. Không có cô ông sẽ không đi đâu nữa bước, ông nói, mặc kệ gia đình muốn hiểu sao thì hiểu, mặc cho trước đây mấy tuần ông còn phản đối. Họ nói chuyện nhiều về thành phố, về những gì ông muốn chỉ cho cô xem, nếu ông đủ sức. Ông lạc quan, nhà xuất bản đã gửi hợp đồng cho cuốn sách mới, có cả tiền tạm ứng trước khi có sách, một số tiền không thể tin nổi, ông quá quyết, và niềm vui ấy của ông kéo dài mấy tiếng liền.

Chuyện Praha, cô không chắc lắm.

Lần đầu tiên Judith đến phố Heide, cô đem theo kẹo sô cô la mừng sinh nhật muộn, và cố gắng khích lệ hai người. Franz nằm ngoài hiên, phàn nàn vì mọi người biết nhau quá ít. Dora và ông đã không tận dụng thời gian, và bây giờ họ sắp ra đi, mỗi người một phương trời. Judith không đi vào tháng

Năm, mà sẽ đi ngay cuối tháng này. Franz đưa cô địa chỉ vợ chồng Bergmann, phòng khi cô cần giúp đỡ hoặc muốn nói chuyện bằng ngôn ngữ cũ[(9)][14]. Ông hy vọng nhận được thư của Judith. Giống nhiều người khác, ông chỉ mơ về Palestine. Còn chị thì được đến đó thực sự, xin chị đừng quên chúng tôi. Giọng ông buồn bã và nghiêm trang, rồi thì ông lại đùa, sắp tới ông sẽ giàu to, sẽ khá nổi tiếng, nếu ông không làm, ít ra cũng phải nổi tiếng ngang Brenner.

Nhà xuất bản chưa gửi tiền đến, nhưng ông đã bắt đầu chi từ đó. Ông viết cho Elli nói sẽ trang trải nợ với gia đình, nhắc đến một món quà lớn cho mẹ. Ông cần một ít cho người giúp việc và Dora. Ở Praha họ sẽ cùng nhau mua sắm, ông hứa, một chiếc ví cầm tay mới, một cây bút máy mới để viết, cô muốn gì được nấy.

Cô ước không bao giờ phải viết cho ông nữa.

Thời gian đầu cô sẽ không đi Praha. Họ đã bàn chuyện đó, ở nhà cha mẹ ông không sẵn chỗ, buộc cô phải ra khách sạn, chưa biết bao giờ ông nhận được chỗ tại an dưỡng đường, khi nào biết thì cô sẽ đến với ông. Chưa bao giờ cô thấy ông u ám như hôm nay. Càng ngày ông càng thấy nặng nề hơn, rời bỏ Berlin, cuộc chia ly sắp tới, hết tự do. Anh sẽ là gì khi thiếu em? Em có thể giải thích cho anh biết không? Ông nói, đã lâu ông không thổ lộ rằng cô có ý nghĩa gì đối với ông, mặc dù đâu phải thế. Họ ngồi ở tràng kỷ. Cô nghĩ: một lần này nữa thôi, cô dựa đầu vào vai ông, ôi, đồ ngốc, đồ ngốc của em.

Max sẽ đến trong ngày mai. Họ đã nói chuyện điện thoại với nhau, chưa hẹn chính xác ngày giờ, nhưng Max luôn sẵn sàng đón Franz. Mọi thứ vẫn còn nguyên vị như khi người ta đặt chúng ở đó, trên tràng kỷ một cuốn sách mở, kim chỉ của cô, áo vest của ông trên lưng ghế, quần áo trong tủ, các vở ghi chép của Franz. Buổi tối bên ngoài trời vẫn còn sáng, người ta cảm thấy mùa đông đang lui bước, họ mơ đến tiết xuân, đến những chuyến đi đâu đó mà có khả năng ông sẽ không bao giờ thực hiện được nữa, kể cả khi thời

tiết thuận lợi, nếu như hiện tại đang chưa phải lúc thuận lợi, nhưng thực ra, lúc này chắc chắn vẫn đang thuận lợi.

[7]: note: "2. Ngày nghỉ theo lịch Do Thái, bắt đầu từ lúc mặt trời lặn hôm thứ Sáu và kết thúc lúc bắt đầu tối trong ngày thứ Bảy, tuyệt đối không được làm việc. .sup"

[8]: note: "3. Kẻ thù của nhân dân (En Folkefiende) là tên một vở kịch phê phán xã hội của kịch gia Na Uy Henrik Ibsen (1828-1906), khi diễn ở Đức do Eugen Klöpfer thủ vai chính. .sup"

[9]: note: "4. Zionism hay Chủ nghĩa Phục quốc Do Thái là tên gọi một hệ tư tưởng hoặc cũng là phong trào gắn liền với tư tưởng đó, ra đời cuối thế kỷ 19 với mục đích kiến thiết, biện minh và bảo toàn một nhà nước dân tộc độc lập của người Do Thái (Israel) trên đất Palestine. .sup"

[10]: note: "5. Schatzkästlein des Rheinischen Hausfreundes là sách sưu tập của nhà thơ Johann Peter Hebel (1760-1826), gồm các truyện ngắn và giai thoại trong bộ lịch 1803-1811. .sup"

[11]: note: "6. Khu dân cư Do Thái với tài sản công cộng và cấu trúc dân chủ cơ sở, xuất hiện lần đầu tiên năm 1910. Hiện nay có chưa đến 2% dân Israel sống trong các kibbutz. .sup"

[12]: note: "7. Tác phẩm cuối cùng của nhà văn Nga Fyodor Dostoyevsky (1821-1881). .sup"

[13]: note: "8. Ludwig Hard (1886-1947): một nghệ sĩ trình diễn Đức, nổi tiếng bởi những chương trình văn chương do ông ghép lại từ các tác phẩm của Heine với các thi sĩ kinh điển và hiện đại khác. .sup"

[14]: note: "9. Tiếng Hebrew. .sup"

III ĐI

1

Max hẹn đến vào buổi chiều muộn, do vậy ông vẫn còn thời gian để làm việc. Ông không khỏe, nhưng mấy hôm nay ông làm việc không ngơi, một câu chuyện về tiếng hát, hay đúng hơn là về tiếng kêu chút chút, vì ông đang viết *Dân chuột*. Gần như lại là một dịp may nữa, trong căn phòng này, bên cạnh Dora đang ngồi trên tràng kỷ và để ông làm việc, có lẽ là lần chót, vì hiện tại tất cả dường như chỉ chấp nhận những lần chót. Dora nói cô thích cái tên đó. Josephine. Đó là anh? Một ca sĩ chuột. Bởi tới lúc này thì cô đã ngộ ra, người ta viết về thú vật và chỉ về thú vật, vì chúng chỉ là ví dụ, giống như cái Tôi cũng chỉ là một ví dụ, vì xét về nghĩa nào đó thì lần này ông viết về chính mình. Không phải chuyện một nữ ca sĩ. Ông quan tâm đến cái nhìn của đám đông, của khán giả đang bị hút hồn bởi nghệ thuật của nữ ca sĩ ấy trong khi mỗi người biết rằng nghệ thuật ấy chẳng có ý nghĩa gì to lớn, ngay cả sau khi ca sĩ đã chết đi, vì một ngày nào đó giọng ca của Josephine sẽ tắt ngấm. Ông muốn hoàn thành trước khi đi Davos. Không nghĩ gì xa xôi hơn, vì cho đến nay Davos chỉ là một cái tên, và chỉ nghĩ đến lúc phải đi Praha ông đã đủ sợ rồi. Dora ước gì được đi theo ông, cô ghen tị, hơi bực với Max, nhưng họ cũng chỉ đi với nhau vài hôm thôi. Hơn nữa, cũng phải có người trông nhà, Dora có nhiệm vụ ở Volksheim, còn với Max đó chỉ là một chuyến đi bình thường.

Buổi tối họ không nói chuyện nhiều nữa. Max mệt vì đi đường, phải đến ngay một nơi hẹn gặp, không phải Emmy, mấy tuần qua ông không nghe tin gì từ cô nữa. Ông đem đến hai va li to, chuyển lời chào và nỗi lo âu quen thuộc, có thể còn nhiều hơn thế nữa, Max có vẻ sững sốt và rất thương cảm với Dora vì sự việc kết thúc như vậy. Tôi rất lấy làm tiếc cho hai

người. Dora òa khóc trước mặt Max. Tính ông vốn vẫn hay động lòng như mọi khi, và hai ngày sau đó hầu như ông không xuất hiện nữa. Dora bắt đầu gói ghém, trong khi ông tiến sĩ viết thư trấn an cha mẹ, cảm ơn về gói quà. Bà giúp việc đã sẵn sàng nhường phòng cho ông, ông phải cảm ơn, không, tối thứ Hai, người hầu của ông chú không phải ra ga đón ông, và nhớ nhắc Robert ở lại Praha, rõ ràng là gia đình đã làm cho tất cả mọi người điên đầu. Cứ vài phút Dora lại hỏi phải làm gì với thứ nọ thứ kia, cô đóng đồng thời một lúc ba va li, lấy đồ này ra, gói thứ khác vào, quần áo, giấy tờ, những bộ đồ lớn mà ông mặc khi mới đến Berlin, găng tay, túi ủ ấm chân. Một lần ông nhắc cô nghỉ giải lao. Ở đây này, ông nói, cứ như cô không biết ông đang ở đâu, cô quay sang nhìn ông, với ánh mắt mà ông yêu mê mết, chỉ thiếu điều vỡ tim.

Tối thứ Bảy trôi qua, rồi sáng Chủ nhật, ông viết vất vả nhưng cũng được đến hai trang. Những bữa ăn cuối cùng, những vòng tay ôm cuối cùng, cho dù hai người tỏ vẻ như cuộc sống của họ không hề thay đổi. Thậm chí Dora còn đi hẳn hai tiếng đến Volksheim, đón một nhóm trẻ con mới tới, rồi vội về, lao vào vòng tay ông, chưa bỏ áo choàng, hết như ngày nào ở Müritz. Sau đó Max đến. Họ trò chuyện về Davos, nhân tiện nói đến truyện ngắn mới mà ông sẽ đọc cho nghe ngay khi có dịp, vấn đề chỉ là ở đâu và bao giờ. Mọi người vẫn dự tính chắc chắn đến Davos, và theo những suy tính mới nhất thì ông chú sẽ đưa Franz đến đó, và thế là họ chia tay để đi Davos, khi mùa xuân bắt đầu, chính là thời điểm đẹp nhất trên núi, theo lời Max là người duy nhất từng ở Davos, và Dora nói, ôi bao giờ cho đến mùa xuân, vì bên ngoài tuy có nắng nhưng lắm gió và lạnh.

Cuộc chia tay nặng nề và khó khăn, mãi không dứt, trong bữa sáng, trên xe ra ga rồi một lần nữa cho đến khi tàu hỏa chuyển bánh. Họ thức gần như trắng đêm nên Dora xám ngoét, cô nằm trong vòng tay ông, cảm lạnh, khiến ông tưởng cô đã ngủ, nhưng cô không ngủ, lo lắng đủ điều về chuyến đi, nói đến lần thứ một trăm là chỉ vài ngày thôi, rằng cô hạnh phúc xiết bao với ông, hạnh phúc từ giây phút đầu tiên. Lên đến sân ga Anhalt cô còn

nhắc lại điều đó, rồi bỗng dừng cô chạy mất và quay lại với tờ báo và hai chai nước, đột nhiên ngơ ngẩn vì quên mất điều quan trọng nhất, làm sao em lại có thể quên nói với anh điều quan trọng nhất. Nhưng bây giờ thì quá muộn. Max và ông phải vào khoang ghế ngồi, đã có hai hồi chuông, cô đứng trên sân ga và vẫy, cho đến khi ông không còn thấy cô nữa.

Giờ đầu tiên, ông chập chờn nửa mơ nửa tỉnh, nghe Max nói một vài câu về Dora như sau một tấm màn, không an ủi, không trí trá về khả năng cải thiện thể trạng của ông, mà về niềm hạnh phúc Max đã được chứng kiến, không chỉ ban này ở ga, khi cô quẫn quại vì đau khổ. Rốt cuộc khi tàu sắp đến Dresden thì ông thiếp đi, không sâu, cái gì cũng nông choèn và rỗng tuếch. Những lúc thoáng tỉnh dậy, ông bắt gặp ánh mắt của Max đang lo ngại sờ trán ông và hứa giúp ông đủ mọi chuyện, ngay khi Praha đáng ghét hiện ra sau khúc ngoặt cuối chặng.

Tất cả mọi người tụ họp khi Max đưa ông về, Ottla, Elli, Valli, cha mẹ, bà giúp việc và ông chú. Ông cảm nhận được, phần nhiều từ phía cha, rằng ông là nỗi thất vọng lớn của gia đình, người ta lo lắng và đồng thời cũng ngao ngán, Berlin chỉ tồn thì giờ và tiền của, và bây giờ người ta có thể mục sở thị mọi hậu quả. May mà ông có Max bên cạnh, vì từ xưa đến nay Max vẫn có tác động trấn an đối với cha mẹ, thực tế họ chỉ nói chuyện với Max, hỏi han về chuyến đi, mời ông ở lại ăn cùng, và Max dài dòng từ chối. Max muốn đi cho xong, đã muộn rồi, ông nói, Franz phải đi nghỉ, và mãi đến lúc đó, tựa như được hóa giải khỏi tình trạng đông cứng, người ta mới bắt đầu chú ý đến Franz. Ông chú khuân đồ đạc lên phòng mới, bà giúp việc xin thứ lỗi vì sự bất tiện, còn Ottla âu yếm vuốt tay ông và hỏi thăm Dora.

Chưa bao giờ ông nghĩ đến chuyện phải về Praha lần nữa. Ông luôn sợ điều đó, nhưng không phải trong khung cảnh này. Ông chỉ mừng rằng Dora không nhìn thấy ông, trong cái buồng quá chật chội của bà giúp việc, ngồi bên chiếc bàn hẹp và viết cho cô, trong không gian im ắng, vì mọi thứ đều

im ắng đến khó hiểu, như bị bóp nghẹt thế nào đó, tựa như cả nhà chỉ đợi ông rời khỏi đây đi Davos mà thôi.

Tiếc rằng ông không chịu nổi quá vài tiếng. Đầu giờ chiều, trước khi đi ngủ, thường thường ông đã khá kiệt lực vì cơn sốt cướp đi của ông mọi sức mạnh cường tráng nhất. Hằng ngày Max qua thăm, vừa làm ông phấn khích vừa làm kiệt quệ, họ trò chuyện về Emmy nay đã bỏ Max, về tình cảnh vợ chồng Max. Ông viết thư báo cho giám đốc an dưỡng đường Davos và ông chú sẽ đưa ông tới đó, rằng ông lấy làm tiếc không thể đi được, cơn sốt không cho phép ông ra khỏi giường. Ông viết cho Dora: Anh vẫn ra khỏi giường, dù chỉ được vài tiếng, như em đã biết từ hồi ở Berlin. Người ngoài nhìn thoáng qua thì có thể coi cuộc sống ấy giống hệt như ở Berlin, nhưng nếu quan sát kỹ, vắng em, thì hoàn toàn trái lại. Berlin là thiên đường, ông viết. Làm sao anh lại có thể để người ta đuổi anh khỏi chốn đó? Dora cũng viết một bưu thiếp vội vã, trên chiếc ghế băng ở ga, và cho đến tối còn thêm hai bưu thiếp nữa, cô bình tĩnh một cách bất ngờ, nhưng cũng không hẳn thế, mà giữa hai dòng chữ, cô tựa như vừa nói vừa cầu nguyện.

Hôm sau ông viết mấy câu kết, dường như chúng đã có sẵn từ lâu, như khi người ta nghe được gì đó rồi chép lại dần, như một giai điệu ngoài ngõ, khi có ai đó huýt sáo và cho những người đi qua quyền mặc nhiên được huýt theo trên đường về nhà. Truyện này là một trong những truyện dài nhất của ông. Ông quá hiểu rằng nó là một dạng lời bạt về chính ông và công việc của ông, về nỗ lực trở thành nhà văn nhìn chung là thất bại của ông, về sự phù phiếm của nghệ thuật, vốn song hành cùng sự phù phiếm của cuộc đời. Tối đến, ông mất tiếng. Thực ra ông chỉ khản giọng, nhưng cũng có thể tệ hơn, ông chỉ còn phát ra tiếng chút chút như Josefina, và không rõ lý do gì mà ông thấy thế cũng hợp lý. Đến bữa, chẳng mấy chốc mọi người đã nhận ra, mẹ ông hỏi lý do, nhưng ông không có lý do gì, và quả thực, sáng hôm sau giọng ông có vẻ lại bình thường như cũ.

2

Từ khi ông đi khỏi, Dora gần như chỉ ở Volksheim, chăm sóc lũ trẻ mới đến, cùng Paul kê lại bàn ghế phòng ăn và quay về phố Heide trước khi quá muộn. Paul thấy cô đổi khác. Cô già đi, trầm lặng hơn, đó là ấn tượng của anh, mặc dù từ Müritz đến nay mới qua nửa năm. Một buổi tối của những hôm đầu, trong một quán hàng, cô kể nhiều, về Davos, cô lo lắng và nhớ ông xiết bao. Trước đó Paul không biết cô sẽ đi Davos. Cô cũng chưa tìm hiểu chính xác Davos nằm đâu, cô thú nhận đã sợ hãi khi thấy bộ dạng thảm hại của Franz lúc khởi hành. Cũng có những chuyện cô không kể hết với Paul. Chẳng hạn như ban đầu cô hy vọng Franz bỏ quên thứ gì đó và cô lục tung mọi thứ lên, tìm đi tìm lại khắp các phòng. Chẳng lẽ lại kể cô đã hôn những lá thư của ông? Sáng sớm sau hôm chia tay khủng khiếp, cô chạy ngay ra hòm thư, vì có thể ông đã viết thư ngay khi ở trên tàu, nhưng không phải thế. Cái gì cũng nặng nề, khi cô thức giấc, khi cô bày đồ ăn sáng, cho ông và cho mình, hai đĩa, dao, nĩa, khi cô không biết giọng ông như thế nào nữa, rồi cô nhớ lại được, nếu thật cố gắng thì cô cũng lơ mơ nhớ được tiếng ông cười. Hồi mùa hè, sau khi ông rời đi, hàng tuần liền cô còn nhớ rõ từng chi tiết nhỏ nhất về ông, nhưng lần này cô hoàn toàn rối trí, cô quên ví tiền, cô giật mình khi chuông điện thoại réo dưới sảnh, và chạy ra hòm thư vào những thời điểm vô cùng phi lý.

Lá thư đầu tiên còn tương đối dài. Ông viết về chuyến đi, những giờ phút nửa mơ nửa tỉnh, lúc về đến nhà cha mẹ, ban đầu còn vui sướng nhưng rồi ông than vãn họ chẳng có gì để nói với nhau. Cô có thể hình dung ra mọi chuyện. Có thể hình dung ra cô em gái Ottla tốt bụng, Elli và bà mẹ, và hy vọng là họ tôn trọng nhu cầu được yên tĩnh của ông. Max đến hằng ngày, Robert cũng ghé qua một hôm và gửi lời chào cô. Truyện ông đã viết xong, nhưng cơn sốt không hạ, giọng ông khản đặc, chắc cô sẽ mất thì giờ để làm quen. Ông viết rằng ông mơ thấy cô, hầu như hằng đêm, cho dù sáng dậy chỉ còn nhớ lơ mơ. Nhưng cô hiện diện, nâng giấc ngủ cho ông, nếu ông

chợ mắt được, vì thường thường ông thức chong chong đến sáng. Cũng sắp đến mùa xuân, ở Praha không khác gì Berlin. Sáng nào em gái cũng đọc cho ông nghe tin tức báo đăng về Berlin. Ottla gửi lời chào thân tình. Sắp rồi, ông viết. Anh hy vọng em không giết mình khi thấy anh. Em hỏi bà Busse xem có gửi lại một số đồ đạc được không, nếu không tìm được chỗ nào khác?

Cho đến lúc ấy cô không nhớ đến bà Busse. Ban đầu họ không để ý đến nhau, nhưng bây giờ cô nhận ra bà rất thân mật và đồng cảm. Mới hôm qua, bà đến trước cửa và hỏi thăm Franz. Tiền nhà đã trả đến hết tháng Ba, nhưng theo bà Busse thì Dora chẳng việc gì phải lo, lại càng không vì mấy thứ đồ đạc, ở đây có một tầng hầm, nhà thì rộng và có khối chỗ, cô thậm chí còn chưa thông thuộc hết. Dora mời bà vào phòng một lát, hai người uống trà và trò chuyện về những người đàn ông vắng mặt của họ, về bệnh cúm Tây Ban Nha khủng khiếp cướp đi hàng triệu mạng sống, vào những tuần cuối của chiến tranh và mùa đông tiếp theo. Ồm đến ngày thứ năm, tám giờ sáng, thì ông nhà tôi ra đi, bà Busse kể, và Dora nhắc đến Franz cũng bị cúm, một thời gian dài không ai dám chắc ông có qua khỏi hay không. Thế nào đó mà họ nói qua chuyện viết lách, vì đó cũng là một điểm chung của hai người đàn ông, mặc dù Dora chưa đọc dòng nào của ông Busse và bà Busse cũng chưa đọc Franz bao giờ. Có một lúc bà Busse gọi Dora là cô bé tội nghiệp, rồi bà lại muốn biết tại sao cô và Franz chưa thành hôn; chừng nào hai người còn sống thì chẳng sao, nhưng một quả phụ sẽ suy tính khác. Hay cô phản đối hôn nhân? Chồng tôi rất nghiêm khắc về mặt này, may mà ông ấy không biết thời thế đã đảo điên ra sao. Cháu có nét gì đó rất Do Thái, bà nói, ừ, cái mũi, bà nghĩ vậy, vì Dora rất xinh, nói chung phụ nữ Do Thái rất xinh.

Cô đến gặp Judith. Judith cho rằng bà Busse kỳ thị Do Thái, và người ta không nên nhận trợ giúp từ một người như thế. Nhưng tiếc thay, bàn chuyện đó cũng vô ích, vì Franz đã viết thư báo chuyện đi Davos không thành, người ta không cho phép ông nhập cảnh. Ông không nói rõ lý do,

nhưng tạm thời không thể rời khỏi Praha, bây giờ phải tìm một trại điều dưỡng từ đầu, họ sẽ không sớm gặp lại nhau. Dora nói, chờ đợi làm cô phát điên, dù ông mới xa cô chỉ một tuần, còn hồi mùa hè ông vắng mặt tận hơn sáu tuần. Judith luôn miệng kể về anh bác sĩ, và dĩ nhiên anh này muốn quyến rũ cô hoặc đã quyến rũ cô từ lâu rồi, song cô không tiết lộ gì cụ thể. Cô đã mừng tượng cảnh mình là nông dân, cầm xẻng đứng trên sa mạc, bên cạnh anh Fritz kia. Cô đùa giỡn với hai cái tên, F và R, tên như vậy rõ ràng là may mắn, dù chuyển đi Palestine chưa hề chắc chắn, vì xin giấy phép không hề dễ, và tiếc thay Fritz đang có gia đình. Phải đợi thôi, Judith nói, giọng rất trầm tư, có lẽ mình sống lầm cuộc đời, không giống cậu, ngay cả khi cậu đang có nỗi lo lớn, nhưng cũng chính điều đó khiến tớ ghen tị với cậu.

Các buổi tối hết sức nặng nề. Khi cô viết thư cho ông và cảm thấy không được gần ông, không có mặt nơi mình cần có mặt, không được an ủi ông. Có lần ông kể về giấc mơ. Một lũ cướp đường bắt cóc ông ra khỏi nhà ở phố Heide và nhốt vào nhà kho ở một sân sau, và cứ như chưa đủ tệ, chúng trói tay và nhét giẻ vào mồm ông, bỏ ông một mình trong một góc tối của nhà kho, khiến ông tin mình đã hết đời, nhưng cũng có thể không, vì đột nhiên ông nghe tiếng cô nói, giọng nói tuyệt diệu của cô ngay gần đó. Ông hấp tấp tìm cách cởi trói, thậm chí còn lôi được giẻ trong mồm ra, nhưng đúng lúc đó thì bị bọn cướp phát hiện và chúng lại bịt mồm ông lần nữa. Có đúng là một giấc mơ tuyệt vọng không, chính bởi vì nó như thật? Ông ước gì được mơ khác về cô. Xét về khía cạnh nào đó thì ông liên tục mơ về cô, khi nằm trên giường buổi chiều, khi ngồi cạnh cha mẹ buổi tối, khi ông đi dạo. Hôm qua ông đi được nửa đường lên Thành Cổ Praha, một mình, mà cũng không một mình, vì ông liên tục chỉ cho cô xem gì đó, trong tâm trí thôi, tựa như cô đang ở Praha trong vài tiếng để cùng ông đi qua những ngõ nhỏ thân quen.

Cứ thế, cô khắc khoải sống từ thư này đến thư sau. Sáng sớm cô đợi thư của tối qua và chiều về thì nhận được thư của sáng sớm. Thường thường cô

đứng đọc ngay, không cởi áo choàng, để không phí phạm giây nào. Cô đọc thư trên đường ra tàu, vì vậy để lỡ vài chi tiết và rốt cuộc cô có hai bức thư, bức thư đầu như một điệu nhạc, và bức thư sau bằng câu chữ. Vẫn chưa tìm ra trại điều dưỡng mới, và rồi lại tìm được, gần Vienna, đi mất chừng một tiếng, theo lời ông chú thì trại đó mức tiếng không kém gì Davos. Gần như đã có quyết định rồi, hộ chiếu của ông đang ở chỗ nhà chức trách, Dora cũng nên xin giấy phép, ông thoáng nhắc đến hy vọng rằng cô sắp đến bên ông. Vâng, Vienna, hay quá, cô trả lời, như thể xưa nay cô chỉ mơ ước đến Vienna. Sự thực thì họ có thể sẽ không được thấy Vienna, nhà chức trách Áo vẫn có thể từ chối giấy phép. Em biết nói gì đây, cô viết, vì đó không hẳn là có để vui mừng. Những điều làm cô vui đã diễn ra ở ba căn hộ cũ của họ rồi, và cô lại kể cho ông nghe, đêm giao thừa trên giường, cô bé với con búp bê, lạy Chúa, những lần chuyển nhà, vâng, đồ đạc, những chiếc bàn làm việc của ông. Trong kẽ tròng kính cô tìm được cây bút mà hẳn ông đã phải mất công tìm. Cô dùng nó để viết thư cho ông. Nét chữ cô đổi khác, cô nghĩ vậy, ngày càng giống chữ ông hơn, những nét uốn lượn, nghịch ngợm, nghĩ thế cô thấy trong lòng nhẹ nhõm, tựa như đó là minh chứng cho sự gắn kết giữa hai người, cho tinh thần sẵn sàng vô điều kiện của họ.

Cô nửa như còn đợi, nửa như đã sẵn sàng. Cô xin nhập cảnh Áo, chuẩn bị gói ghém, đồ mùa hè, hầu hết chỗ sách, tất cả những gì mà cô cho là không cần nữa. Có lẽ cô phải đến chỗ Judith ở vài hôm, tháng Ba đã sắp hết, nhưng cũng có thể mọi chuyện diễn ra nhanh hơn cô tưởng. Cô bắt đầu chia tay, đi gặp Paul, nói với mọi người ở Volksheim rằng cô không biết bao giờ hoặc liệu có quay lại hay không. Paul gợi ý cô để đồ ở tầng hầm nhà anh, nhưng cô lịch sự từ chối. Ngay cả khi Franz hồi phục phần nào thì cũng không chắc họ có quay về Berlin không. Kể cả khi ông khỏe như hồi mùa thu thì cũng phải cân nhắc, liệu Praha có tiện hơn, ở gần gia đình, hay về nông thôn, đi Schelesen hay những chốn nào đó mà ông từng đặt chân.

Ông chú đem về các tài liệu quảng cáo của an dưỡng đường mới. Nó nằm phía trên làng Ortmann, giữa vùng đồi núi, trải dài trên sườn dốc, nhìn bên ngoài là một khách sạn chẵn chu, bên trong rất hiện đại, có một phòng ăn lớn, phòng khách, phòng hòa nhạc. Mới cách đây vài năm, công trình này bị cháy trụi tận móng, nên không rõ các bức ảnh có phản ánh đúng tình trạng hiện tại như ông chú quả quyết hay không. Vì những lý do nào đó không rõ, ông chú khen trại này không tiếc lời và có vẻ giận khi ông tiến sĩ không phấn khởi về triển vọng mới ấy. Sáng nay ông đã viết ủy quyền cho mẹ đi lấy hộ chiếu, nhưng chắc chưa có tin trước cuối tuần, và điều đó khiến bà mẹ khá lo. Bà vui khi con trai ở nhà, nhưng ở đây quá chật chội, mọi thứ lộn xộn. Đã thế, đúng những lúc bất tiện nhất thì có khách, hầu như ngày nào Max cũng đến, lần khác thì Ottla với lũ con, buồn tẻ không có việc gì nên chúng làm náo loạn cả nhà; Robert cũng ghé qua, Elli đến cùng Valli, và Ottla lại đến lần nữa.

Như mọi khi, với Ottla mọi chuyện dễ xử nhất. Họ tìm được ngay tiếng nói chung, cùng mơ về nông thôn, hỏi Ottla thử làm nông nghiệp ở Zürau và ông đến chỗ cô ở vài tháng. Anh còn nhớ chuyện chuột? Em đã đuổi chuột bằng mèo, nhưng biết đuổi mèo bằng gì? Thực tế, hồi đó Ottla và những người làm của cô bị đói, năm thứ tư sau chiến tranh, nhưng họ thường xuyên và thích nhớ lại thời ấy, ước gì được về chốn xưa khi ông khỏe lên, vào tháng Năm, khi ông rời an dưỡng đường, cùng với Dora, lúc ấy trời đã ấm lắm rồi. Anh đừng lo nghĩ gì cả, cô nói. Mặc dù chính cô lại có vẻ lo nghĩ, cuộc hôn nhân với Josef gặp rắc rối, anh hay đi xa, sống thu mình, thậm chí đối với Vera và Helene, khiến hai đứa nhỏ kêu ca. Đến thăm Franz, cô nằm cả vào giường ông và nhắm mắt, cho rằng như vậy dễ tư duy hơn, rồi cô chợt đứng bật dậy và đi, không quên hôn chia tay anh trai.

Mỗi lần Max đến, ông sẽ lập tức nghe thấy tiếng bạn mình nói chuyện với cha mẹ từ tiền sảnh. Từ nhiều năm nay, Max được coi như người nhà, ông được kính trọng vì nổi tiếng, có gia đình và sống một cuộc sống như cha Franz ưa thích. Ít nhất ông là người thành đạt, ông chu du, xuất hiện tại các

buổi họp mặt, có thứ để khoe, hiệu sách lớn nào cũng có dăm bảy tác phẩm của ông, trong khi ông tiến sĩ liên tục ốm đau thì không đọc được. Max ngưỡng ngùng khi nghe so sánh kiểu ấy, ông thường có lời khuyên với cha mẹ Franz khi có chuyện này chuyện nọ, chẳng hạn sau vụ hủy đính hôn hoặc trong mùa thu vừa qua, khi Franz vờ viện cớ này nọ để đi Berlin, lại còn để đến với một phụ nữ Do Thái miền Đông. Họ sẽ quen dần thôi, Max nói. Một khi đã làm quen Dora, các định kiến của họ sẽ nhanh chóng bị xóa bỏ.

Họ chỉ nhắc qua chuyện bệnh tật, hoặc theo cung cách quen thuộc xưa nay, cứ coi như nó là khách, chỉ thỉnh thoảng ghé qua rồi lịch sự biến thẳng, nhưng bây giờ họ cùng nghi ngờ điều đó. Ông tiến sĩ đọc truyện *Dân chuột*, giọng khác hẳn, và luôn nghỉ giữa chừng, nhưng phản ứng đầu tiên của Max khiến ông sung sướng, Max khen nhiều, *Dân chuột* là một trong những thứ hay nhất Franz từng viết.

Trong thư gửi Dora ông nói chẳng có gì để kể về cuộc sống của mình trên giường, thỉnh thoảng có ai đó ghé thăm, hôm trước ông đã nhòm dậy rồi lập tức phải từ bỏ ý định, dạo này ông viết ít, ông nhớ cô, ông đi lại trong những căn phòng ngày xưa, qua những lối quen ở Steglitz. Dora đang chuẩn bị rời căn hộ, cô đến chỗ Judith và thư nào cũng giục, vì cô muốn đi Praha, mỗi giờ trôi qua là một giờ phí hoài. Cô đã quay lại thăm phố Miquel và phố Grunewald, ngơ ngẩn đứng quần quanh ở đó một hồi lâu, cứ như chưa bao giờ từng sống ở Berlin. Cô đồn rằng bà Hermann nhìn thấy cô, sau rèm cửa lay động, và cô vội bỏ đi. Em xin anh, hãy để em đến với anh. Chẳng lẽ mọi chuyện ngày xưa chỉ là giấc mơ của em? Khi nào anh có đủ giấy tờ em sẽ lên tàu. Cha mẹ anh không nhất thiết phải thấy mặt em. Mình gặp nhau ở ga, anh đi xe đến đó, và em lao vào vòng tay anh. Ông hy vọng cuối tuần này sẽ nhận được giấy phép. Trông anh không ra gì đâu, ông viết. Nhưng ông muốn tin, rất lâu, vào khung cảnh đó trên sân ga, tin vào khoảnh khắc khi cô trên tàu leo xuống, một môi vì chuyển đi, hơi nhỏ nhắn hơn so với ký ức của ông, với nụ cười nhếch mép mê hồn.

Sau một đêm thức trắng, ông hủy kế hoạch. Với thể trạng này ông không thể một mình ra ga, nên Dora phải đến đón ông tại nhà cha mẹ, và điều đó bất khả thi vì lý do ai cũng biết, vậy thì chỉ còn khả năng ông đi cùng ông chú đến trại điều dưỡng và ở đó mới gặp được Dora. Ông thoáng nhắc tới nỗi kinh hãi, dù dĩ nhiên phải đến tận nơi mới biết cụ thể. Ở một số an dưỡng đường kiểu này, không lúc nào người ta quên được mình bị bệnh, các trại khác thì lại giống khách sạn, nhưng dù thế nào thì cuối cùng cũng có một dạng mệnh lệnh, người ta bị ép ăn, vốn là điều làm ông sợ nhất xưa nay, ở đó có bác sĩ, có những buổi thăm vấn rầy rà khi mới đến, bệnh nặng nữa thì phải uống thuốc, thụt, tiêm bạc hà và những biện pháp tương tự. Đa số những trò ấy ông đã làm quen ở dạng này hay dạng khác, song không vì thế mà đỡ ngán hơn, thêm nữa những lần đi điều dưỡng trước ông khỏe hơn so với bây giờ, lần này sự việc đã có vẻ trầm trọng. Đứng trước gương người ta dễ ảo tưởng, vì nói cho cùng thì mọi đổi thay diễn ra từ từ và người ta quen dần, tiếc rằng điều đó cũng đồng nghĩa với việc mất đi cái nhìn khách quan. Mặt mình đây sao? Thôi được, vậy đó là mặt mình, nhưng cái giọng khản đặc không giấu đi đâu được, ngay cả khi Elli không nhận ra mà chỉ chú ý đến cân nặng, tính lười ăn của ông, thể trạng đáng thương của ông, và cô khẳng khẳng cho rằng nguyên nhân chính là Berlin.

Mọi người mong chờ lúc ông đi. Bản thân ông mong nhất. Mẹ ông, mỗi ngày vài lần đi lấy thư cho ông, bà giúp việc muốn trở lại phòng mình, ngay cả Max, không lúc nào bỏ lỡ dịp để ta thán về thói lề mề của nhà chức trách, mà không nhận ra như thế chỉ tổ làm ông tiến sĩ phát ón. Đã đến lúc ông không muốn là gánh nặng của họ nữa, bệnh nhân nào cũng phiền toái cả, điều đó thì chẳng phải bàn. Ông khó chịu khi phải tắm rửa và mặc quần áo, ghét tiếng ồn liên miên, không dứt cả khi ông buồn ngủ, và thường thì ông cũng ngủ được, đôi khi ông ghi chép vài dòng, về cảnh hấp hối ở nông thôn mà ông từng mơ thấy, về lý do vì sao không cần sợ hãi cái chết. Lúc này đang là chiều muộn, một ngoại lệ hiếm hoi khi ông một mình trong phòng. Ông nằm trên giường, xung quanh yên tĩnh dễ chịu, cha mẹ ông đã đi ra ngoài hoặc đang đọc báo ở đâu đó. Ông biết đây là những ngày hoặc

giờ cuối cùng, nhưng không cảm nhận được gì ngoài một cảm giác nhẹ lòng mù mờ được báo trước, và quả thật, sáng hôm sau ông nhận được thị thực nhập cảnh, hôm sau nữa ông rời thành phố.

Người chú không thể đưa ông đi vì đã có kế hoạch đến Venice từ lâu, Ottla đi thay, đó cũng là phương án ông cho là hay nhất. Mọi người bàn tính về những đồ đạc ông sẽ cần ở trại điều dưỡng, họ lấy va li ra, Ottla và mẹ ông gói ghém, khiến ông không được yên chút nào suốt mấy tiếng sau đó. Buổi tối ông gọi điện cho Dora, cô đang ở chỗ Judith và làm đồ ăn. Nhất định ông làm cô giật mình, cô phải cố nghe ra giọng ông, nhưng rồi cô sung sướng, rốt cuộc không phải chờ đợi nữa rồi. Lạy Chúa, không sao tin nổi. Có thật anh đó không? Một cảm giác rất lạ khi nói chuyện điện thoại với cô, tựa như cô không ở đâu xa, mà ngay bên cạnh, khiến ông tạm quên ác cảm ngày xưa của mình đối với điện thoại. Dora định ngay sáng mai mua vé đi Vienna, cô cũng cần phòng ở, tốt nhất là gần ga, vài hôm nữa thôi, anh yêu nhất đời của em, anh nghĩ mà xem, vài hôm nữa thôi. Thoạt đầu cô còn hơi rụt rè, nhưng bây giờ giọng cô rất phấn khích, cô cười, đôi lúc cô quay ra nói với Judith. Judith gửi lời chào ông. Cô nhắc lại cô đã ngạc nhiên chừng nào, giọng anh trong điện thoại, ai có thể ngờ được. Em ước gì không bao giờ gác máy nữa, mà cứ thế tán chuyện với anh mãi, trên giường, dưới chăn, với giọng anh.

4

Những ngày trước khi xuất hành cô như sống trong màn sương mù. Mọi thứ nhanh chóng trở nên lạ lẫm với cô, những khuôn mặt ngoài phố, xe cộ, tâm trạng bức xúc. Franz khăng khăng muốn cô chỉ đến với ông vài ngày thôi, nhưng linh cảm nhắc nhủ rằng cô sẽ ở lại mãi mãi. Nặng nề nhất là cuộc chia tay với Volksheim, với Paul, người luôn miệng năn nỉ: Ông tiến sĩ sẽ khỏe lại, chắc chắn thế, và khi ông khỏe rồi thì hai người hãy lại về

Berlin sống. Anh muốn cô hứa, nhưng cô không hứa được, cô còn phải ra với lũ trẻ, chúng đã chép đầy một vở bài hát Hebrew cho cô; mọi người cầu nguyện và hát, rồi cô phải lần lượt ôm từng đứa một, quá sáu giờ cô mới vùng ra được.

Cũng chẳng còn nhiều việc để làm nữa. Judith tự hỏi, sao Dora có thể cần ít hành lý như vậy, để đi Palestine Judith cần tối thiểu gấp đôi, có lẽ cô không cần đồ mùa đông, thay vào đó là cả núi sách cho những buổi tối nóng bức mà cô hy vọng sẽ có dịp để đọc. Hiện tại Judith thấy mình như một y tá thì đúng hơn, bên cạnh Fritz, hai người rõ ràng có tình ý với nhau, vì lúc nào cô cũng nói “bọn mình” đã suy tính ra sao, anh và cô. Judith đã nấu nướng xong, lần này cô bỏ rất nhiều công sức, cô ôm Dora, cố động viên bạn. Cậu là người mạnh mẽ, cô nói, cậu yêu Franz, hai người sẽ thành công. Thức dậy lúc sáng sớm, Dora đã mừng rỡ tưởng ông đang ngồi trên tàu với Ottla, và ước đoán họ còn đi bao lâu nữa. Bây giờ trời đã sẫm tối, chắc chắn ông đã đến an dưỡng đường rồi. Cô tưởng tượng ông mệt mỏi lăn ra giường, thật may vì có Ottla bên cạnh. Cô kể vài chuyện về Ottla và lại nhắc đến Franz, còn Judith thú thực cô không biết liệu Fritz có phải là lựa chọn đúng đắn không, song chuyện đó chẳng có gì mới, làm sao người ta nhận ra được ai là lựa chọn đúng? Hồi ở Döberitz họ đã bàn luận về chuyện này, khi cả hai đều đang hết sức mù mờ về tương lai. Judith nói: Tớ ước gì được đem cậu đi theo. Họ lặng đi một thoáng, trong một thoáng đó, cô cũng ước ao điều ấy thành hiện thực.

Mãi đến khi đã trên đường ra ga cô mới bình tâm và tỉnh táo trở lại. Judith muốn tiễn bạn, họ ra khỏi nhà muện, nên có nhiều thì giờ cho cuộc chia tay. Dora phải hứa sẽ viết thư ngay khi có dịp, và vội yên vị để lên đường đến với Franz. Cô đem theo các thư của ông, tất cả những thứ mà cô giữ lại được hồi tháng Giêng, một chồng vở không phải của cô nhưng được cô cứu thoát mà ông không biết. Cô mơ mơ màng màng, liên tục lật giở những trang báo, đợi thời gian trôi đi. Người soát vé đến. Một lúc nào đó tàu qua biên giới, cô trình hộ chiếu, chỉ vào hành lý trên giá. Franz đã qua ngày thứ

hai ở trại điều dưỡng. Một bà người Hungary mà cô bắt chuyện đã giới thiệu khách sạn Bellevue, ngay cạnh ga. Cô đã đến Vienna thật sao? Cảnh trí ở đây dường như không khác gì Berlin, nhân viên đổi tiền ở ga cũng không thân thiện, nhưng người ta tìm được cho cô một phòng bé xíu áp mái, từ đó cô phóng tầm mắt nhìn ra các con ngõ nhỏ, nghe tiếng động từ nhà ga, nơi Franz đặt chân trước đó mấy hôm.

Sáng hôm sau cô gọi điện về Praha. May thay, Elli nhắc máy, vì cô đã có lần nói chuyện với Elli trước lễ Giáng sinh, và chắc hồi đó giọng cô cũng hớt hải tương tự. Cô không biết thêm được nhiều tin tức. Franz đã đến nơi yên ổn và muốn có địa chỉ của cô ở Vienna, cô không nên đi khỏi đây trước khi nhận được điện trả lời của ông. Cô ghi lại địa chỉ an dưỡng đường, gửi đi một bức điện đăt chóng mặt chỉ để báo đã sẵn sàng, kèm theo tên khách sạn, địa chỉ và số điện thoại, và cô đang khao khát đợi. Ngay chiều nay cô có thể đến bên ông rồi. Rồi cô chờ, với chút xíu bất bình mà cô không chịu tự thú với mình, vì cô không hiểu tại sao Franz lại phức tạp hóa mọi chuyện đến nhường ấy. Những giờ đầu tiên trôi qua, trả lời thì cần thời gian, phải kiên nhẫn, cô tự nhủ, nhưng từ chiều trở đi việc chờ đợi trở thành một cực hình. Ông hoàn toàn có thể gọi điện hoặc nhờ gọi điện cho cô được chứ? Em xin anh, hãy gọi em đi. Hay ông mệt đến mức ấy? Đồng hồ chỉ chín giờ đã lâu mà cô vẫn ngồi ở sảnh khách sạn, giữa chừng cô vào nhà hàng ăn, tuyệt vọng đến căm lạng. Đến mai, cô tự trấn an, một đêm nữa thôi. Giọng ông trong bức thư gần nhất dịu dàng và đầy nhớ nhung, vì vậy cô đọc bức thư ấy như một sự an ủi, chốc chốc lại ngóng về phía quầy lễ tân, nơi đặt điện thoại, nhìn những ô nhỏ đựng thư, hầu hết trống trơn, nhìn lên hàng trên cùng có ô thư của mình.

Hôm sau cô như chỉ biết chạy. Ông viết rằng đang mong cô đến, và từ đó trở đi dường như cô mọc cánh bay, cô lao ra ga, leo lên chuyển tàu đầu tiên đi Pernitz. Cả khi đã trên tàu cô vẫn đứng ngồi không yên, cô chạy đi chạy lại dọc toa, ngắm nhìn phong cảnh mới lạ ngoài cửa sổ và đọc lại bức điện cả trăm lần. Khi đến Pernitz, thoát tiên cô không biết đường nên phải hỏi

một bác nông dân già, nghe nói có xe buýt nhưng rất ít chuyến, do đó cô đi bộ, đường quanh co, nắng vàng rực rỡ. Thung lũng ban đầu rất hẹp, nhưng cứ trải rộng dần ra, thỉnh thoảng cô thấy vài nông trại, và rất lâu sau, hiện ra một tòa nhà cao, bề thế, với hai ngọn tháp, to hơn khách sạn ở Vienna nhiều, gần như một tòa lâu đài. Trời không ấm lắm, lại gần có thể thấy những bệnh nhân mặc áo choàng trong nhà ở khắp mọi chỗ, các y tá mặc áo trắng đẩy xe lăn hoặc dìu người bệnh tập đi trong công viên. Cô đã hình dung nơi này buồn thảm hơn nhiều. Tuy nhiên cô vẫn hơi ngần ngại, ở quỳ lễ tân, khi người ta hỏi tên cô và không cho cô đến chỗ ông, nhưng rồi lại cho, lên lầu một rồi rẽ trái là đến phòng ông. Mấy bước cuối cùng, cô như muốn đứng tim vì hồi hộp. Cô gõ cửa, và cứ thế bước vào khi không nghe trả lời, đứng bên giường và hầu như không nhận ra ông. Cô không dám hôn ông, chỉ đứng ngây ra ở chốn khi ho cò gáy này và nói: Em đây. Thế là em đã đến với anh, cô nói. Ông mỉm cười, hất đầu về hướng chiếc ghế, hơi ngái ngủ, chắc cô vừa đánh thức ông. Ông thì thào, nhưng không như cô vẫn quen, cô hỏi, lạ Chúa, giọng anh bị sao vậy, và lúc này cô mới ngồi xuống mép giường, cầm tay ông, khẽ nắm chặt, và ông phản ứng ngay. Nhìn thoáng thì không thấy ông thay đổi. Ông yếu, gầy hơn hồi ở Berlin, nhưng đúng là Franz. Trong đầu cô chỉ có duy nhất một ý nghĩ: Em đã đến đây với anh, không còn thứ gì khác đáng bận tâm nữa. Cô không chăm chú lắng nghe lời ông, tên các loại thuốc hay ông đau ở đâu. Cả tiếng thì thào của ông cũng không có gì đáng chú ý. Nhưng bệnh đã lan đến thanh quản, bác sĩ nói ông bị phù nề, nhưng may mắn vì hình như không phải ác tính. Ông hỏi thăm chuyện đi lại, nơi cô trọ, vì cô không được phép ở lại trong nhà này. Một tiếng sau cô phải rời phòng, và đến lúc này, ngoài hành lang, cô mới nhận ra mình đang ở đâu. Sau cửa phòng bên có tiếng người ho, dằng dặc hàng phút liền, ở mấy phòng tiếp theo cũng vậy, có tiếng ai đó than thở, một người khác cười, mặc dù nghe giống tiếng khóc hơn. Cô được phép quay lại chỗ Franz sau khi kiểm được nơi trọ, và ngồi cạnh giường ông, lúc này tinh thần đã được chuẩn bị tốt hơn, cô tin vậy. Tối qua ở Vienna cô đã tưởng tượng ra hàng trăm thứ, cô muốn chết vì thương nhớ, rồi giờ đây, ông nằm trong phòng này, xa xôi một cách khó hiểu, tựa như cô

không với tay tới được, làm sao có thể tin nổi cô đang có ông như những ngày ở Berlin.

Cô kể với gia đình nông dân cho ở trọ là cô đến thăm chồng, ông ốm, dĩ nhiên họ biết điều đó. Họ nói một thứ phương ngữ rất khó hiểu, họ đem cho cô sữa và bánh mì, gậy đầu động viên mỗi khi cô ăn được một miếng, như vẫn quen làm với mỗi khách trọ giống Dora. Phòng ở đơn giản và sạch sẽ, mọi thứ đều bằng gỗ, kể cả tường và trần. Một chậu và bình để rửa ráy, bữa sáng có sữa và bánh mì. Cô dậy sớm và lên an dưỡng đường trước tám giờ, tuy nhiên người ta chiếu theo nội quy giờ thăm không cho cô vào. Cô phản đối nhưng vẫn bị xua đi, cô không tưởng tượng ra sẽ làm gì trong mấy tiếng tới, vẫn vợ ra công viên một lát, trở về phòng mình rồi lại leo lên an dưỡng đường. Ven đường có một tòa nhà chạy dài, ở đó người ta chơi bowling, bệnh nhân mặc đồ ngủ và một, hai hộ lý hò hét vui nhộn. Một giờ kém mười lăm cô đến với Franz, ông vui trông thấy, vui hơn cả hôm qua. Cô đã quen giọng thều thào của ông, dĩ nhiên cô thấy nhớ tiếng ông nhưng vẫn vui vì được trò chuyện với nhau. Như mọi khi, ông lo lắng chuyện tiền nong. Một ngày ở trại điều dưỡng tốn cả núi tiền, chưa kể các loại thuốc men mà cô dần dần thuộc tên: thuốc nước Pyramidon chống sốt, ngày ba lần, Atropin là thuốc ho, thêm mấy loại kẹo gì đó. Chẳng loại thuốc nào công hiệu. Vì phù thanh quản nên mấy hôm nay Franz không ăn được. Bác sĩ đến và nói phải tiêm vào dây thần kinh, cũng phải cân nhắc có nên phẫu thuật cắt bỏ, nhưng việc đó phải do các chuyên gia ở một bệnh viện Vienna làm. Thoạt tiên cô chẳng hiểu gì. Bác sĩ đã bắt đầu sốt ruột. Franz lắc đầu, nhưng thực ra có gì là khó hiểu đâu, ở an dưỡng đường này người ta không thể làm gì hơn cho ông được nữa, họ phải đi khỏi đây, đến bệnh viện của giáo sư Hajek ở Vienna, càng nhanh càng tốt.

Gia đình nông dân chủ nhà trọ đang ăn sáng khi cô đến chia tay. Franz cũng đã dậy từ lâu, ông không đến nỗi yếu quá như cô lo ngại. Giấy xuất viện đã ký, không còn nhiều thì giờ để ngẫm nghĩ, nhưng có thể như thế lại hay, mọi việc cứ thế tuần tự nhi tiến. Họ đặt xe và cô gói đồ đạc trong khi Franz

viết thư cho cha mẹ. Chuyển đi trong mưa gió thật khủng khiếp. Vì lý do kỳ quái nào đó mà không thể kiếm được xe có mui, và thế là họ đi một đoạn dài dằng dặc mà không hề được che chắn, Dora phanh mǎng tồ đứng chắn cho ông, người tồ dại, như trong mộng. Ở bệnh viện người ta chở ông đi ngay, mãi một lúc lâu sau cô mới được vào phòng ông. Không khác gì bước vào một xà lim, ông nằm sát giường hai bệnh nhân khác, ở yết hầu gǎn những máy móc gì đó trông phát sợ. Franz vội xua cô đi, thế là cô lại quay về khách sạn Bellevue và viết tiếp tấm thiệp dở dang của Franz gửi Robert trong tâm trạng bức xúc từ bệnh viện về. Chẳng còn gì để mất nữa, cô viết, Franz đã mất hẳn tiếng. Và quả thực đến giờ phút này cô mới ý thức được là Franz không nói được câu nào, từ sáng sớm rồi, thậm chí cả nói thầm cũng không, dù vậy cô vẫn luôn có cảm giác như ông nói với cô, ngay cả khi ông không hiện diện, như dạo nào ở Müritz, trong máu thịt cô, tựa như họ vẫn luôn ở bên nhau và luôn trò chuyện với nhau.

5

Hôm đầu tiên họ không đả động đến ông tiến sĩ. Khi làm giấy vào viện, các bác sĩ còn hỏi vài câu sơ sơ về diễn biến của bệnh, ho lúc nào và có thường xuyên không, đờm, máu, đêm đầu tiên bị sốt ở Berlin, lần mất giọng ở Praha. Họ cho biết sẽ xử lý ra sao, nói về tác dụng của bạc hà, phương pháp tốt nhất hiện nay là phun bạc hà vào thanh quản bị phù nề, và cuối cùng là ông phải ăn, thể trọng đã xuống dưới năm mươi cân, không thể để xuống tiếp được nữa. Họ nói với ông như thế, không hẳn cởi mở, cứ như họ đã thống nhất chỉ tiết lộ những gì cần thiết nhất, nhưng có lẽ ông cũng chẳng muốn biết rõ hơn. Ông đã làm quen những người ở giường bên. Họ gật đầu chào nhau hoặc vẫy tay, vì muốn làm gì đó hơn cũng chẳng đủ sức. So với họ, ông cảm thấy mình còn khỏe. Họng đau như xé, nhưng ít nhất ông còn nói được, còn dề dặt uống từng ngụm nhỏ, nửa tiếng một lần, chia đều trong buổi sáng. Thể trạng của ông không có gì đáng lạc quan, nhưng ông

cẩn rằng chịu đựng, nhất là trước mặt Dora. Cô đến nhà thờ xứ Stephansdom với nét mặt buồn bã. Ông viết mấy dòng cho cha mẹ, vẫn mấy câu nói dối thường khi, chẳng hạn chỗ ở tử tế, bác sĩ chăm sóc lý tưởng, nhưng không rõ sẽ kéo dài bao lâu. Dora luôn quấy ông bằng những câu hỏi, cô thấm khăn ướt lên trán và môi ông, cô hôn ông khi đến và lại hôn lần nữa, khi giờ vào thăm đã qua từ lâu và bà hộ lý bắt đầu lờm nguýt.

Bác sĩ phun dịch cho ông đợt đầu mới về đây làm việc, lúc đầu lúng túng đến khó chịu, khiến mọi việc kéo dài mãi không xong. Ống phun dịch có cây kim dài uốn cong, mới trông đã thấy khiếp, nhưng kinh hãi nhất là các thủ tục chuẩn bị, lật giờ giấy tờ, hút dịch vào ống phun, trong khi bệnh nhân run rẩy nằm trên một thứ phản gỗ, không ra cái giường cũng chẳng phải ghế. Tôi chưa tự giới thiệu, bác sĩ nói, xưng một cái tên không ai thèm nhớ, rồi thọc thứ dụng cụ kim loại đó sâu vào họng, ngó ngoáy hồi lâu mới đặt đúng chỗ, rồi phun một chất lỏng sánh như dầu. Đã vào chưa hay lại chảy ra? Lúc đầu không dễ nhận ra, ông chỉ thấy hơi xót, dễ chịu vì mọi việc chấm dứt, buổi trưa ông tin trong người hơi khá lên, mặc dù vẫn không nuốt nổi. Ông thấy mình khỏe hơn. Dora đến sau một giờ chiều, ông tỉnh táo và thoải mái, thậm chí còn vui mừng lúc ông em rể Karl bất ngờ xuất hiện. Không rõ Karl tình cờ đến hay do Elli bảo. Karl nhả lại muôn vàn lời chúc và đem đến một bức tranh của Gerti, có thể nhận ra bãi biển Müritz, một bức tường thành, chiếc ghế hộp với một hình người màu đen và mũi tên có chữ *bác Franz*.

Ngày hôm sau ông em rể cũng tới thăm, nhưng lần này không khí nặng trĩu vì ban đêm có một người chết, Dora không chịu tin, trong khi Karl ít nhiều trấn tĩnh được ngay. Một ông già, ông tiến sĩ đoán là nông dân ở địa phương. Khoảng ba rưỡi, bốn giờ ông ta đột nhiên ngạt thở. Bác sĩ và hộ lý xuất hiện, nhưng họ không làm gì được nữa. Franz nhìn thấy họ lúi húi bên giường trong bóng tối nhập nhoạng, rồi lắc đầu và cuối cùng đẩy giường khỏi phòng. Chẳng có gì để kể thêm. Mọi người bàn luận về tác dụng của mũi tiêm thứ hai, bây giờ nuốt sẽ không đau lắm nữa, thậm chí tối nay ông

có thể ăn được, vài thìa khoai tây nghiền thôi, nhưng còn hơn không. Lúc chia tay Karl hứa sẽ không thuật lại tình hình một cách quá đen tối, kéo mọi người ở Vienna lại phát điên lên và cử ông chú đến, mà giờ này thì ông đang mắc kẹt trong mưa dầm Venice. Một bức điện đã được đánh đi đến địa chỉ ông, hy vọng nó không đến nơi. Karl là sứ giả của gia đình mà không đủ sao? Thay vì đón thêm khách, ông cần một chiếc chăn lông vũ và nệm, vì khác với trại điều dưỡng, hình như ở đây chỉ có những gì tối cần thiết, cảm giác cứ như ở trong một xưởng máy, các bác sĩ lại không tận tình lắm, họ lười đến mức không đem theo gương soi thanh quản khi đến thăm bệnh, hoặc chỉ khuyên nhai kẹo cao su, nhưng kẹo có làm giảm đau được đâu.

Chỉ khi Dora đến ông mới quên được mình đang ở đâu, ông nhắm mắt lắng nghe cô kể về mọi thứ xung quanh đang nở rộ, cây cối và hoa đầu xuân trong công viên, hoa hồng trong vườn hồng. Thường thì thời gian trôi vùn vụt, nhưng đôi lúc nó bị gián đoạn bởi những cơn ho, hoặc ông mất giọng. Ông vẫn hầu như không nuốt nổi thức ăn, hết sức cố gắng cũng chỉ được vài miếng. Y tá lại vừa dọn đi khay thức ăn gần như còn nguyên, khiến Dora đành phải liệu hỏi có được phép tự nấu lấy, cô quen khẩu vị của ông tiến sĩ hơn, biết ông có thể ăn gì hoặc không ăn gì. Lúc đầu cô y tá dường như muốn phản đối, cần phải xin ý kiến, một lát sau cô quay lại và dắt Dora ra xem bếp của khoa. Bình thường họ chỉ nấu trà ở đó, nhưng vật dụng thì đầy đủ: nồi, dao, nĩa, bếp lò. Cô hỏi ông muốn gì, đề nghị nấu xúp với gà hầm, bánh ngọt tráng miệng. Anh thích không? Thế thì mười một giờ ngày mai em đã đến với anh. Có thể thấy rõ cô vui đến chừng nào. Cô mới phát hiện ra một cửa hàng thực phẩm trên đường từ khách sạn về, cô sẽ mua thức ăn ở đó.

Hôm sau thì mọi chuyện được thu xếp xong. Đi tàu đến Kierling chỉ chốc lát, Dora được đón tiếp thịnh tình, ngôi nhà không lớn lắm, như một quán trọ thì đúng hơn, chỉ có mười hai buồng, tận cuối làng. Do ông bà Hoffmann cai quản. Giá cả phải chăng, ưu điểm lớn nhất là có phòng cho người nhà. Dora nhột nhột khi quay về, có vẻ như ở Kierling có gì đó khiến

cô sợ, dường như cô hiểu rằng sau Kierling sẽ không còn trại điều dưỡng nào nữa. Lại một lần nữa cô đến trước giờ vào thăm hai tiếng để nấu ăn, mặc dù hôm nay không bơm thuốc và thời tiết tốt nhưng ông rất mệt và khát nước, tuần trước ông uống quá ít và bác sĩ không cho phép uống bù. Dora đã thông báo cho bác sĩ biết kế hoạch của mình, cha mẹ Franz cũng sẽ được biết, việc đó ông để Dora làm. Ngày thứ Bảy sẽ bắt đầu ở nơi mới, cô viết, họ chuyển đến một vùng rừng tuyệt đẹp. Không hẳn là chia tay. Ông cảm thấy có chút nặng nề, cũng có thể chỉ uể oải vì lần nữa phải chuyển chỗ, tiếc thay điều này cũng có nghĩa rằng ở đây người ta đã bó tay với trường hợp ông, nếu không phải thế thì tại sao mấy hôm nay không thấy bóng dáng bác sĩ nào xuất hiện?

Ngoài khát nước, thể trạng ông tạm ổn, mặc dù sức lực sa sút. Hễ động chân động tay là ông nhận ra, khi tắm rửa lúc sáng sớm, ông cảm thấy như mình có một lỗ rò, và chất lỏng cứ chậm rãi và liên tục chảy khỏi cơ thể ông. Trong khi Dora kiểm đủ mọi thứ tăng lực, bữa sáng có sữa béo và ca cao, sau đó có trứng, trưa ăn gà và sườn bê, cà chua rán nghiền nhỏ, trộn với bơ và trứng, súp lơ hoặc đậu non, tráng miệng bằng bánh kem với váng sữa, đôi khi có chuối và táo, bữa trà lại có thêm ca cao hoặc sữa béo, đến bữa tối lại ăn trứng. Hay vì ăn nhiều quá mà ông mệt? Ngay mấy tiếng đồng hồ bên cạnh Dora ông cũng khó giữ được tình trạng tỉnh táo, thậm chí cả khi Felix bất ngờ xuất hiện, nhưng nhìn chung chỉ một giờ thôi thì ông vẫn chịu nổi. Felix không để lộ ấn tượng của mình về tình trạng của ông tiến sĩ, vui mừng được làm quen Dora, thân thiện kể về Josef trước khi chuyển lời chào của Max và Oskar nhớ đến ông từ Praha xa xôi. Với Dora, khách đến thăm là một dịp đổi gió, họ rất ổn, nếu thời tiết cho phép thì sắp được dạo chơi bên ngoài. Thậm chí cô còn dám nói đến chữ “bình phục”, và sẽ vui xiết bao khi sắp rời khỏi chốn này. Trước đây hai tuần, ông nhớ lại, họ còn gửi gắm mọi hy vọng vào an dưỡng đường, một tuần sau là Vienna, và giờ đây là Kierling. Như mọi khi, Felix bận rộn với tờ *Selbstwehr*⁽¹⁾ mà ông tiến sĩ vẫn đọc thường xuyên. Cha mẹ ông vừa gửi đến số mới nhất, nhưng ông thích tự mua để ra bao lơn đọc, vì Dora kể ngời

nhà ở Kierling có bao lơn trông về hướng Nam, mùa này đã có thể có vài giờ nắng, thoáng nghe gần như một lời hứa hẹn.

6

Chưa đầy hai tuần sau, hy vọng của Dora đã gần như tiêu tan. Chưa bao giờ cô nghĩ sẽ có ngày cuộc đời mình ra thế này, tuy nhiên cô vẫn sống như thế, bằng cách nào đó, như kẻ đắm tàu bị ném lên hoang đảo căn cỗi, được chằng hay chớ, và không phải lúc nào cũng được. Tối đến, ở khách sạn, cô thường bị vất cạn sức, kiệt quệ nhưng đồng thời đầy kích động, vì luôn có những bức xúc vật vãnh, như bức điện của Robert đến sáng nay, không thống nhất trước mà cứ khăng khăng đòi đến thăm, phải hết lời từ chối. Franz đếm từng giờ, ông chỉ muốn đi khỏi nơi này, vì đây là ngày cuối cùng của họ ở Vienna. Cô ăn một chút trong nhà hàng, ở đó chẳng ai chú ý đến cô, khách cũng thưa nên mấy người bồi bàn chẳng có gì làm, lúc nào cũng có người đứng cạnh bàn và hỏi cô cần gì. Cô hỏi xin giấy bút, vì cô muốn viết thư cho cha mẹ Franz. Một mình cô viết, hơi ngượng ngùng, và không vì thế mà dễ nói dối hơn. Cô thông báo sắp chuyển chỗ, mọi việc đều được bác sĩ chấp thuận, sự thật thì ngược lại vì các bác sĩ ngăn cản cho đến phút cuối, và đành chấp nhận tùy hai người, Franz tỉnh táo và hoạt bát, và cô sẽ gửi kèm cả tờ quảng cáo của trại điều dưỡng mới.

Hôm ra đi, không khí cực kỳ âm đạm, vì Josef chết lúc đêm, mặc dù tối hôm trước còn vui vẻ chạy đi chạy lại. Lần đầu tiên cô thấy Franz khóc, đầy căm giận, tựa như không hiểu nổi một người như Josef tại sao phải chết. Hay các bác sĩ không tận tình chăm sóc Josef? Trong mắt Dora thì trước tiên đó là lời cảnh báo: một người đi lại được và ăn uống tốt, không có nghĩa là sống sót. Lại gửi đi những tin tức cuối cùng. Max đã bán được truyện *Dân chuột* và muốn biết gửi tiền đến địa chỉ nào. May sao, thời tiết quá đẹp. Buổi trưa họ lên đường, gọi xe ra ga và đến vừa kịp chuyển tàu đi

thăng tới Klosterneuburg không đỗ giữa chặng. Felix theo tiễn. Mọi người đều thở phào vì đã bỏ lại bệnh viện đằng sau và bàn kế hoạch cho mấy ngày tới, vì vùng này rất đẹp, bao lơn trang trí hoa, phòng ngập nắng. Tất cả trắng tinh, tường, giường, tủ và bồn rửa, có cả một bàn viết không rõ tại sao tìm được chỗ giữa căn phòng khá chật chội, thôi được, không đến nỗi vô duyên. Bà Hoffmann cùng chồng đến chào đón, bà nói, bà rất hân hạnh và muốn mọi người đi xem một vòng, trong khi Franz chỉ quan tâm đến căn phòng. Họ ở trên lầu hai, nhìn ra mảnh vườn đang nở những đóa hồng đầu tiên. Ba, bốn bệnh nhân ngồi ngoài hiên, cuối vườn hình như có một dòng suối, xung quanh bạt ngàn rừng và những đồi nho.

Những ngày đầu tựa như một kỳ nghỉ mát ở thôn quê. Họ ngồi ngoài bao lơn tận hưởng nắng ấm, Franz đã lâu mới vận com lê, hăng say vận động, do đó ăn sáng xong họ ra vườn, giờ này chỉ có một phụ nữ khá trẻ đang nằm, một nam tước phu nhân mà sau này họ được biết là ăn rất khỏe. Cuối khu đất có một cửa sắt rên, dẫn ra một thung lũng nhỏ đầy ắp tiếng suối reo, tiếng chim hót trong bầu không khí ấm sức xuân. Họ rẽ sang trái, đi dọc suối, vài phút sau vào đến làng. Mặc dù quãng đường không dài, họ vẫn ngồi nghỉ trên một chiếc ghế băng, lòng vui phơi phới. Đông người đi dạo, nhiều gia đình dẫn con cái mặc đồ Chủ nhật, đến một trong hai quán hàng để ăn trưa. Franz muốn đi một vòng xe ngựa. Ông xà ích béo quay khoe chiếc xe độc mã và chở họ đến Klosterneuburg gần đó với giá rẻ, ở đó đường phố còn tấp nập hơn. Franz cười, ông vui vẻ và phấn khích giống như dạo nào ở bãi biển, ông liên tục ôm và hôn cô, hôn lên tay, trán và mũi, tựa như vẫn chưa tin nổi là cô đang hiện diện và sẽ ở lại bên ông. Ngoài truyện *Dân chuột* Max còn bán được cả truyện ngắn về bà chủ nhà đầu tiên của họ ở Berlin, và truyện mới được đăng hôm nay trên một tờ báo Praha. Tất nhiên họ không có tờ báo ấy trong tay, nhưng dù sao cũng là một dịp để vui và nhớ lại. Berlin đã lùi xa trong dĩ vãng, có trời biết, liệu họ có ngày trở lại không, nhưng, lúc này họ trò chuyện về Berlin. Tận tối hôm qua cô mới có thì giờ viết cho Judith, cũng không dễ dàng gì, vì cô không tìm ra lời để tả cuộc sống hiện nay của mình, một cuộc sống đang trôi qua như

không phải của cô, trong những giờ phút cô không ở bên ông, trong căn phòng mới của cô, thực ra chỉ là một căn phòng nào đó, một cái vỏ bọc tạm thời mà người ta sẽ rời bỏ vào dịp gần nhất.

Ngày thứ Hai Phục sinh họ cũng đi qua thung lũng có suối, song lần này rẽ phải rồi đi tiếp về phía rừng, trèo một đoạn dốc ngược lên một đỉnh cao, từ đó có thể nhìn xuống các đồi nho và rừng mênh mông. Franz mệt hụt hơi, nhưng vẫn hăng hái đi. Ông định đến quán rượu, ngồi sưởi nắng và uống vang, tại sao không; thậm chí nếu có dịp họ có thể đến tận Vienna, nếu cuộc sống làng quê quá tẻ nhạt. Họ chỉ đi dạo một đoạn, nhưng vừa về đến nhà thì buộc phải thừa nhận rằng đáng lẽ họ không nên đi. Franz kiệt sức và lạnh run, ông muốn lên giường ngay, chỉ kịp nhận ra Felix từ biệt. Dora cũng không quen Felix lắm. Anh làm thủ thư ở trường đại học. Cô mến thái độ điềm đạm của anh, mến sự an ủi thầm lặng và cách anh kể chuyện về con gái Ruth. Họ vào phòng đọc sách ngồi. Cả buổi họ nói về Franz, về ước vọng được đi Palestine của ông, cũng là ước vọng của Felix. Cô tiễn anh ra cửa, bất ngờ khi anh vụng về ôm cô và nói, anh chẳng muốn rời họ đi chút nào. Đơn độc ở đây cũng buồn. Không đâu, cô nói, hai chúng tôi hợp nhau, cần nhau, ở Berlin chúng tôi đã đủ thì giờ chiêm nghiệm.

May mà mấy ngày lễ rồi cũng qua đi. Franz muốn ăn hoa quả tươi, họ lại được đi chợ và nấu ăn, ít nhất Dora đã có việc để làm, cô bàn bạc với bà đầu bếp vui tính người Silesia về giờ giấc để họ không vướng căng nhau, việc này khá dễ dàng. Trong ngôi nhà đậm đặc bầu không khí gia đình, mọi người luôn chào hỏi nhau ở cầu thang và hành lang, Dora đã quen mặt đa số khách - bốn đàn ông và hai phụ nữ. Có lần cô bắt chuyện khá lâu với nam tước phu nhân, một ca đờ coi là hết cách điều trị, nhưng bác sĩ Hoffmann không bó tay, ông động viên bà cứ ăn nhiều như có thể. Bà nhồi thức ăn vào bụng như người ta nhồi vịt. Hôm nào có nộm dưa chuột, bà không lấy một mà lấy bốn suất, và hy vọng nhờ vậy mà chữa được tật ăn nhiều. Bà vừa kể vừa cười. Bà cho biết đã đính hôn với một luật gia và chuẩn bị cưới. Franz vẫn tiếp tục sốt, đặc biệt vào buổi tối. Ông sinh trầm

cảm vì không được ra ngoài. Nhưng ông ăn ngon miệng, hàm ơn mỗi khi cô đến và thấy cô vất vả vì ông. Em còn nhớ nhà hàng ăn chay ở phố Friedrich không?

Cho đến nay cô chưa có ấn tượng rõ rệt về bác sĩ Hoffmann. Ông đã cứng tuổi, dễ gần, nhưng có những quan điểm cứng nhắc, ví dụ như từ chối mọi trị liệu pháp không chính thống. Đối thủ của ông chính là Dora, từ khi cô gọi được một bác sĩ người Vienna chuyên dùng dược chất thiên nhiên, nhưng ông này không được phép. Bác sĩ Hoffmann hiểu tình cảnh có bệnh thì vái tứ phương. Nhưng người chịu trách nhiệm về các bệnh nhân của ông lại là chính ông. Dường như Franz khá hài lòng, vì mỗi bác sĩ là cả đồng tiền, từ phí điều dưỡng, phòng của Dora cho đến mỗi lần đi chợ. Cả ngày ông cau có và than phiền không có gì đọc, vì cha mẹ ông không gửi báo. Buổi tối cô gọi điện cho bà mẹ, tất nhiên mọi thứ đã gửi đi từ lâu, kể cả chăn lông vũ. Ngay cả khi đã xem tờ quảng cáo, bà mẹ không thể hình dung ra cuộc sống ở trại điều dưỡng ra sao. Mẹ hy vọng các con có thì giờ cho nhau, sau nhiều chìm nổi vừa qua, nhất định các con cần khung cảnh đó. Dora rất xúc động, cô ưa chữ “các con”, vì như vậy là gia đình ở Praha hiểu rằng cô thuộc về Franz, thậm chí ở trại điều dưỡng này, dù sao chẳng nữa cũng là một dạng cuộc sống.

Judith gửi hai bưu kiện lớn từ Berlin, toàn quần áo mà Dora nhờ gửi, vì bây giờ không ai tính đến khả năng cô quay về Berlin nữa. Dora đã gói những đồ ấy trước đây mấy tuần. Hôm nay cô ngạc nhiên vì tìm được lắm thứ trong đó, hai áo dài cho lúc giao mùa, bộ áo váy, một ít sách, đồ trang sức. Cô thay đồ ngay, mặc chiếc áo dài sặc sỡ vì Franz, dù có thể ông không nhận ra, song ông nhận ra ngay, còn nhớ cô đã mặc nó khi nào, trong mấy hôm đầu ở Berlin, ông nói: Ở Vườn Bách Thảo. Cô mua nó ngay trước khi đi Müritz. Cô ưa cổ áo gấp li, họa tiết hoa, dù hơi có vẻ thiếu nữ quá, nhưng chính ông lại thích thế. Cô phải đi đi lại lại mấy lần trước gương, như đang khiêu vũ. Cô chưa bao giờ khiêu vũ cùng ông, cũng không hề biết là ông có khiêu vũ không, ngày xưa, hồi còn là sinh viên, cô tin là ông biết,

nhưng ông vừa cười vừa nói, không, không bao giờ, song nếu cô muốn thì ông sẽ học. Cả buổi tối gần giống hết hồi xưa. Họ cùng ăn trứng đúc, cùng mơ mộng lần nữa về một mùa hè ở Müritz, và nếu được thì họ sẽ làm gì khác trước. Không nhiều, như họ nhận ra, vì nói cho cùng thì cái gì họ cũng thấy đúng. Dĩ nhiên Dora không muốn đi làm, và họ sẽ ở chung phòng, sát bờ cát hơn, vì đường ra biển hồi đó khá xa, tuy nhiên Franz lại ưa nhà nghỉ. Em còn nhớ căn phòng ấy không? Cô vẫn nhớ trận mưa khủng khiếp, nhớ bị ướt ra sao, nhớ từng động thái nhỏ nhất. Ông đến chỗ cô ra sao. Cô nhớ hết. Những nụ hôn. Cô hồi hộp đến mức nào. Lâu quá rồi. Nhưng cảm xúc vẫn còn đó, âm vang của nó, nỗi sợ hãi ngay từ phút đầu, có gì đó rình rập mà cô cố hết sức lờ đi.

7

Chuyện viết lách có lẽ đã chấm dứt hoàn toàn. Bây giờ thư từ ông còn không viết nổi, nói gì đến sáng tác. Nhưng kinh ngạc nhất là ông không mấy bận tâm vì thế. Ông chỉ quan tâm đến đêm nay, đến những việc phải làm trong lúc này và lát nữa, giờ thăm bệnh sắp diễn ra, buổi điều trị, bữa ăn sắp tới. Ông suy nghĩ, liệu hôm nay có ra khỏi giường được không, ngó xem thời tiết sáng sớm để ra bao lơn, đợi Dora như sự cứu rỗi duy nhất của đời mình, chờ bác sĩ khám phổi ngày mai sẽ đến theo hẹn và khiến ông khá sợ. Ngoài ra ông thấy trong người khoan khoái lạ lùng. Ông không phải rời khỏi đây, ít nhất chừng nào còn đủ tiền, họ được cùng nhau ngồi ngoài bao lơn và hồi tưởng. Thường thì ông không nhớ gì xa hơn Berlin. Những niềm hy vọng trong ông không lớn lao gì, nhưng ông có quyền mơ đến một chuyến dạo chơi xa hơn hoặc vui sướng đón những tin tức nho nhỏ mà Dora đem lại. Lời chào từ Praha, hay từ Berlin, vì từ Berlin có thư của Judith, người đem lại cho ông niềm vui với những chiếc áo dài của Dora. Dora viết thư và gọi điện, đôi khi ông sửng sốt vì sức lực của cô, chỉ tiếc rằng ông không phải là người tiếp chuyện mặn mà, vì giọng ông ngày càng

khản thêm, không nói được, ông còn mệt vào những lúc bất ngờ nhất và ăn quá ít so với lượng cần thiết, khiến cô thất vọng.

Người ta kể có một chuyên gia ở Vienna từng định điều trị cho một bệnh nhân, nhưng vì tiền công ba triệu nên vào phút cuối cùng đã không đến, đó là hồi mùa thu năm ngoái, đúng lúc giá cả ở đây tăng nhanh đến chóng mặt. Họ đợi ông ta cả buổi sáng, và rốt cuộc khi ông ta xuất hiện, mọi chuyện diễn ra chỉ trong chưa đầy nửa tiếng. Trong mắt vị chuyên gia, Franz chỉ mắc một bệnh lao nào đó, một trong hàng ngàn trường hợp tương tự, tuy nhiên vì đã đến đây rồi nên ông cũng soi qua loa thanh quản, sờ nắn chỗ này chỗ nọ và cuối cùng quay về Vienna sau khi để lại một vài dòng ghi chép. Nghe con số tiền thù lao Dora tái mặt, nhưng cô không nói gì, sau đó bỏ ra ngoài một lát. Cuộc thăm bệnh tác động đến cô rõ rệt. Ông giáo sư không nói toạc ra, song Franz đúng là một ca vô vọng, như mọi người trong trại này, ít nhất thì tất cả cũng có một điểm chung, trong khi Dora làm ra vẻ như đó chỉ là một câu đùa ngớ ngẩn. Nhưng cô cần trợ giúp. Chẳng lẽ Franz không nhận ra điều đó sớm hơn? Có lần cô hé lộ hình như đã trò chuyện với Robert về đề tài này, vì đột nhiên cô liên tục nhắc đến Robert, rằng ước gì Franz có người để nói chuyện trong lúc cô nấu ăn hoặc vào xóm đi chợ. Thêm nữa, Robert cũng bị lao như Franz, may mà mới ở giai đoạn đầu, nhưng Robert thông thạo tình hình và chắc chắn sẽ trợ giúp được họ trong chuyện này. Được thôi, ông tiến sĩ nói, mặc dù lâu nay ông không khoái Robert, ngay từ đầu đã có gì đó ở Robert khiến ông không thích, thái độ đòi hỏi, tinh thần sẵn sàng nín nhịn của anh ta.

Tạm thời Robert chỉ ghé qua thăm. Dora ra ga đón, trong khi ông tiến sĩ nằm trong bóng râm ngoài bao lơn, cởi trần, với tờ báo hôm qua gửi kèm trong bưu kiện từ Praha. Họ quen nhau trước đây ba năm ở trại điều dưỡng. Chiến tranh đã lùi xa, nhưng họ luôn nhắc đến nó, vì Robert đã ở mặt trận phía Đông và sau đó qua Ý, trong những năm ấy anh bị nhiễm lao. Bất cứ khi nào họ gặp nhau, Robert luôn tươi trẻ, hơi có chút yếu mềm, nhất là trong nét mặt, phảng phất vẻ đấng cay, vì anh phải bỏ học y do mắc bệnh.

Đúng như họ nghĩ, trông anh không khác mấy. Anh mặc áo vest và gi lê, tóc rẽ ngôi lệch như mọi khi, một người điển trai ở tuổi hai lăm. Anh và Dora đã nói chuyện với nhau từ trước, vì vậy anh không hỏi gì thêm. Nhưng anh sẵn sàng giúp đỡ, anh nói mình rất vui, như thể phải chờ đợi mãi mới có một dịp như hôm nay. Sự hiện diện của anh khiến Dora vui. Cô chỉ cho anh xem phong cảnh nhìn từ bao lơn, họ đứng nói chuyện hồi lâu trong phòng, thậm chí còn đi tham quan phòng ăn, nhà bếp, nơi cô nấu ăn, gang sơn nho nhỏ của cô. Anh sẽ ở lại vài hôm, trong nhà này, may mắn vẫn còn mấy phòng trống, và thế là mọi người đều hài lòng, dù có cuộc sống thường nhật vẫn tiếp tục khó khăn, kể cả việc đọc sách, trước đó vài hôm ông nhận được sách mới của Werfel⁽²⁾, thỉnh thoảng ông đọc đều đặn vài trang, chậm không tả nổi.

Một dạng bình yên mới xuất hiện, chủ yếu trong tâm trí ông, ông nghĩ vậy, vì bên ngoài vẫn đủ chuyện diễn ra, ông phải quán khăn và xông hơi, đó là cách điều trị duy nhất hiện thời vì ông đang sốt. Ông không chịu để tiêm thạch tín theo chỉ định của bác sĩ Hoffmann, và từ hôm qua có vẻ ông bắt đầu hạ sốt. Lúc này, sáng sớm, ông chỉ hơi sốt, cổ họng không tiến triển, giọng khản, đôi khi khó phát âm. Chủ yếu ông vui thay cho Dora. Cô như biến thành một người khác từ khi Robert đến. Họ thay nhau ở bên Franz, đôi lúc cả ba người ngồi cùng nhau, bàn tán về những chuyện đồn thổi mới nhất ở Praha sau khi nhận được thư từ đó. Cha mẹ ông nằng nặc đề nghị từ giờ trở đi Dora viết thư trả lời, khiến cô rất kiêu hãnh. Cô thận trọng hỏi về chần lôn vũ, nói cô đang suy tính có nên mua ở Vienna hay không, nhưng Franz dọa sẽ vứt đi. Ông tiến sĩ cười khi đọc những dòng ấy, ông ưa cách cô viết thư, yêu cách diễn đạt khác lạ của cô, cô nói rằng ông sẽ cần nhẫn khi cô không chứa đủ chỗ cho ông viết, trong khi thực ra ông không phàn nàn gì. Ông thích nét chữ mà cô vẫn quả quyết là ngày càng giống chữ ông hơn. Ông thích sự nghiêm túc của cô khi cảm ơn đã được phép đảm nhiệm việc viết thư. Đôi khi giống ở văn phòng ngày xưa, hầu như hôm nào cũng có thư để phúc đáp, trên bàn có hàng chõng phong bì. Cô cúi rạp trên tờ

giấy khi viết, hơi còng lưng, như phải vác nặng nhưng cô hài lòng, tựa như viết thư là một hành vi thiêng liêng.

Buổi tối trên giường, ông tự hỏi, rồi cô sẽ ra sao. Khi ông không còn nữa. Đời cô sẽ đi tới phương nào. Thật buồn và lạ lẫm khi hình dung ra cô trong tình trạng cô đơn, không có ông, mặc dù mấy năm đầu tiên cô cũng đã sống ở Berlin không có ông bên cạnh. Ông nhắm mắt, cố tin rằng cô sẽ không suy sụp, cô mong manh nhưng đồng thời cũng cứng rắn, ít nhất là ông quen thấy cô như vậy. Lẽ ra ông có thể cưới cô, thật thế, ông vẫn còn có thể làm được điều này. Vì sao ông không cưới cô? Ý nghĩ ấy đến khá muộn, như ông buộc phải tự thú với một cảm giác thanh thản, ở giờ phút này, khi ông hầu như không hiểu nổi vì sao đã không hỏi cô ở Berlin. Ông không hề nghĩ đến câu trả lời của cô. Ông nhớ đến F., vì sao ngay từ đầu không thể lấy làm vợ, mơ màng nhớ đến M., không thấy nhói đau, tựa như M. là câu trả lời tất yếu cho sự lẫm lặc khi đính hôn. Tâm trạng ông phơi phới đến tận tối. Trên bàn ngủ là tờ *Báo Praha* in truyện “Josefine” của ông. Đó cũng là một cơ để vui, thêm nữa Dora đang mặc một tấm váy dài mới, ông vui vẻ thậm chí cả vào giờ ăn. Ông không nhớ lần cuối cùng ăn ngon miệng như vậy là từ bao giờ.

Cả đêm ông nghĩ ngợi, không phải có nên làm hay không, mà là làm thế nào, vì ông không muốn phạm sai lầm; có những luật chơi mà ông muốn tuân thủ, ngoài ra còn những nghi ngại thường lệ về phía cha mẹ, dù ông không bận tâm đến họ. Ông không được hành động vì cần rút lương tâm, lương tâm ông đã nhiều lần cắn rứt bởi đã lôi cô vào cuộc đời này, từ ngày ở Müritz, khi lẽ ra ông phải hình dung được mọi hậu quả. Lại càng không được phép cưới cô vì hàm ơn. Không phải ông không biết ơn, nhưng chỉ biết ơn thôi thì chưa phải là lý do chính đáng. Đột nhiên ông thấy phải được bố cô đồng thuận, vì có thể đó sẽ là khởi đầu mới cho một người Do Thái. Sáng hôm sau ông xin được cưới cô. Ông không phải nói gì nhiều, vì cô đồng ý ngay. Đúng lúc cô vừa bưng đồ ăn sáng ra. Nhưng vì sao, cô hỏi, như thế không bao giờ tưởng tượng nổi. Người ta có nhất thiết cần phải có

lý do để thành hôn? Để em đừng phí công trao cho anh tuổi trẻ, và những nụ hôn, những lời ấp úng, tất cả những đêm dài và những lời thú tội. Không đâu, cô nói, và nhắc lại: có, mặc dù cô không thể hình dung nổi sẽ được bố chấp thuận. Em có mơ không nhỉ, cô nói. Anh vừa hỏi em thật đấy ư? Nhưng còn bố? Tiếc rằng ông không biết bố cô. Trước đây mấy tuần đã có lần anh nghĩ đến chuyện viết cho bố về chúng mình, những gì xảy ra với chúng mình, và chúng mình đang sống ra sao. Nhưng sao lại phải phí công? Anh yêu, cô nói, đúng lúc Robert gõ cửa. Cô gắng trấn tĩnh, ông vò tóc cô cả trăm bận nên trông cô bây giờ hơi xộc xệch. Thật may vì Robert không nhận ra, tuy nhiên có vẻ như anh giật mình ngỡ ngàng, có chuyện gì mới phải không, và Dora tiết lộ chuyện mới đó là gì.

Ông viết đến tận sáng hôm sau mới xong thư. Thư không dài, ngắn hai trang. Ông tự giới thiệu tên tuổi, kể về công việc, những năm ở công ty bảo hiểm, về hưu từ một năm nay, rồi kể đôi chút về gia đình, bố mẹ, anh chị em, quan hệ của ông với văn hóa Do Thái. Ông không tìm cách giấu giếm rằng mỗi ràng buộc đó chẳng sâu sắc lắm, tuy nhiên ông đã học hỏi được ít nhiều từ khi quen Dora. Ông nói đến những buổi học ở trường đại học và vì sao ông tin đã chọn hướng đi đúng, có vẻ hơi quy lụy quá mức. Chuyện bệnh tật ông chỉ nhắc sơ qua, đại khái ông hiện đang được điều trị tại một an dưỡng đường gần Vienna. Dora đang ở chỗ ông, cô biết mọi chuyện, và nay ông xin được cưới cô, tin tưởng sắt đá sẽ làm một người chồng tốt. Do chưa thấy hình bố Dora bao giờ nên ông khó tìm được cách giải bày thích hợp, người ta không rõ đang nói chuyện với ai, nhưng Dora bằng lòng với những gì ông viết ra, cô chỉ chú tâm một chuyện duy nhất là ông muốn cưới cô. Cô chưa dự một đám cưới nào trong đời, cô kể, đám cưới đầu tiên mà cô sắp đi dự lại là đám cưới của chính mình, trong tháng Năm, cô hy vọng, khi họ được ra ngoài trời, xuống vườn. Tất nhiên phải có mặt Ottla. Elli, lũ trẻ, bố mẹ - nếu đường đi không quá xa, rồi Judith và Max nữa, hoặc có thể chỉ Max và Ottla. Đại khái thế. Được không ạ? Thư chưa đem ra bưu điện, lát nữa cô sẽ đi gửi, bì thư để xong rồi, phải đợi thôi.

8

Từ khi được ông ngỏ lời, Dora cảm thấy mình như biến thành một người khác. Như nhận ra trong mình những nguồn lực hoàn toàn mới mẻ. Cô không được phép ngơi tay để giành được ông và lo cho ông được săn sóc tử tế. Họ cần một thầy thuốc giỏi, một người không xếp ông vào những ca vô vọng mà động não tìm cách điều trị mới. Max đã gọi điện cho cô biết phải tìm đến ai, và thế là đầu tháng Năm cô kiếm có đi Vienna, đến bệnh viện và đặt một bác sĩ nữa, hẹn chiều đến gặp. Trên tàu về nhà, cô viết cho Elli. Cô thú thực hết những gì mình đã làm, Franz hoàn toàn không được biết, nhất là vào lúc này, vì cô rất cần tiền, chỉ lần này thôi, sau khi bác sĩ đến khám cho Franz thì nhất định sẽ chỉ thị những gì cần thiết. Giáo sư Neumann. Tiếc rằng ông không tự đến khám được, mà cử một bác sĩ khác. Bác sĩ Beck đến đúng giờ, dáng vạm vỡ, cử chỉ thông thả. Ông tiêm một dung dịch còn phức tạp để giảm đau. Nhưng không thể làm gì hơn. Thanh quản và một phần vòm họng đã bị hủy hoại nặng, và tiếc thay, nỗ lực cắt dây thần kinh thất bại. Nghe thật đáng ngại, nhưng cụ thể nghĩa là gì? Dora đưa bác sĩ Beck sang phòng đọc đúng lúc có mặt ai đó, và ông cho cô biết sự thật. Ba tháng nữa, bác sĩ Beck nói. Ông khuyên nên họ về Praha nhưng cô từ chối ngay, vì nếu cô đưa Franz về Praha thì ông sẽ biết ngay mọi hy vọng đã tiêu tan. Dĩ nhiên ông để cô tự quyết định một mình, bác sĩ Beck nói. Ông nghĩ cô là vợ Franz. Ba tháng là tối thiểu hay tối đa? Cô tiễn bác sĩ Beck ra cửa, chúc ông trở lại Vienna bình yên, dỗi theo ông một hồi lâu, như tê dại, lả người vào khung cửa, cho đến khi chậm chậm hiểu ra.

Có vẻ như đó là kết cục mà Robert đã dự tính từ lâu. Robert cố an ủi cô qua điện thoại, khuyên cô nên ra ngoài đi dạo, vì Franz không được thấy cô trong trạng thái này. Đi lại làm cô thoải mái, cô lên tận đồi nho, ngồi một lát bên rìa đồng cỏ và ngẫm nghĩ về cuộc đời, về thời gian còn lại bên Franz, uất ức và tuyệt vọng, nhưng rồi lại thanh thản đến khó tin, sẵn sàng bướng bỉnh chấp nhận số phận. Mọi thứ thật kinh hoàng, nhưng trong cô lờ

mờ lan tỏa một cảm giác bình an. Cô khóc và cầu nguyện suốt dọc đường về, suýt ngã mấy lần, rồi tiếp tục đến tận sớm mai, khi cô làm bữa sáng cho Franz như thường lệ. Từ miệng cô, Franz sẽ không biết gì về thể trạng của mình. Họ sẽ thành hôn và chung sống ở đây. Chẳng phải cô đã biết ngay từ đầu rằng nên cảm ơn mỗi ngày? Mũi tiêm hôm qua có tác dụng đôi chút, tuy vậy Franz có vẻ bức bối, tựa như linh cảm được điều gì, và đã có vài phút không vui, vào buổi tối, trong phòng cô, lúc cô lại nhen nhóm hy vọng và nghĩ đến nam tước phu nhân, lúc cô cố không muốn tin rằng tấm gương của nam tước phu nhân không có giá trị với Franz. Cô gọi điện cho Robert và không cần cầu khẩn gì nhiều, vài hôm nữa Robert sẽ quay về và giúp cô chăm người bệnh. Cô gọi điện cả cho Max, nói thẳng cho ông biết không còn phương cứu chữa nữa, điều mà cho đến lúc đó cô không lộ ra cho Elli và bà mẹ biết, cũng bởi họ chưa bao giờ gặng hỏi, theo thói quen xưa nay, tựa như bệnh tật là một chuyện chìm nổi bất tận. Franz không ngờ vực gì khi có bác sĩ đến khám, không hỏi ông ta từ đâu đến và tại sao, thậm chí nỗi lo tiền bạc cũng không khiến ông bận tâm. Ông rất yếu, nhưng ông mỉm cười khi cô đến, ông đau, có thể nhận ra trong mỗi miếng ăn, cho dù ông gắng giấu không cho cô nhận thấy. Buổi tối ông uống vang, hỏi có thư không, bao giờ Robert quay về, muốn biết Max gọi điện nói gì. Mấy hôm nữa Max sẽ đến thăm họ. Thôi được, nếu là Max thì không sao, vì ngoài ra ông không muốn thấy ai bên cạnh.

Cô ngồi đợi Robert. Biết đâu anh chàng Robert này làm được gì đó, hay chính Franz, vì nói cho cùng thì cứu tinh luôn tiềm ẩn trong chính mình. Không có gì thay đổi từ sau lần bác sĩ Beck đến khám. Nhờ mũi tiêm ông ngủ tốt, song cô sợ, có thể thuốc này có hại và cướp đi khả năng đánh thức sức đề kháng cuối cùng. Cô không chắc. Khi thì cô chỉ có ước vọng duy nhất là ông không bị đau, lúc khác cô tự an ủi bằng cách cầu nguyện, Franz phải sống, và phép màu đâu phải đã mất hẳn. Ban nãy cô hứa với Elli trong điện thoại sẽ viết thư hằng ngày, thật ra vì cô hầu như không có sức gọi điện, cô cảm thấy trống trải và trì trệ, mong được cảm thông. Cho tôi xin, tôi sẽ không viết thư hằng ngày đâu, cô tự bào chữa, tôi không chịu nổi

nữa, hãy thương tôi. Hôm qua cô được mấy giờ hạnh phúc. Franz lại muốn uống vang cùng cô, trong niềm vui chỉ riêng mình ông biết, ông không thấy đau. Cô chỉ viết thư tiết lộ riêng cho Elli. Hồi ở Müritz, ngỡ Elli là vợ Franz nên cô không mặn mà lắm, song giờ đây cô coi Elli gần như là bạn tâm giao, từ khi cô kêu cứu ở Vienna và được đáp lại tức thì, bằng những lời nồng nàn trù mến.

Cô thích nhất được ngồi viết trong phòng ông, vài dòng gửi đến cha mẹ ông, trong khi có Franz nằm trên giường. Đây là lá thư đầu tiên từ ngày bác sĩ đến khám, song cô chỉ kể về thời tiết lạnh lẽo kéo dài, không khí trong trẻo, những đồ ăn thức uống đôi khi cô tự tay làm. Cô đã nhận được tấm chăn lông vũ có vỏ bọc và nệm lông ngựa, tiếc là cái gối không đến, có lẽ nó mắc ở bưu điện Vienna, sắp tới về đó cô sẽ hỏi. Cô cẩn thận hỏi thăm cha, không phải vì Franz muốn thế, chủ yếu vì cô nghĩ đến bố mình cho đến nay chưa viết thư trả lời. Có thể thư đang trên đường đến, nhưng câu trả lời rốt cuộc sẽ thế nào, khi mà bố cô chỉ nghe lời giáo sĩ của ông. Trước đây mấy năm Franz cũng làm quen với một giáo sĩ Do Thái mà theo ông kể lại thì thật buồn cười, một ông râu ria xồm xoàm dữ tợn vận áo choàng lụa, nhìn thấu cả quần lót bên trong. Riêng hình ảnh đó khiến cả hai phì cười. Có vẻ như Franz lại lạc quan hơn, ông muốn cô mặc tấm váy dài màu xanh lá trong dịp sắp tới, và đến lượt chính cô cũng nghĩ dịp đó sẽ diễn ra, cưỡng lại thực tế, giống như hầu hết mọi giấc mơ đều phản lại thực tế.

Sự hiện diện của Robert đã tiếp sức mạnh mới cho cô, hơi thở như thông suốt hơn, vài tuần nay lúc nào cô cũng học tốt. Cô lo việc thư từ và điện thoại qua lại, mà không được phép nói dối, cũng chẳng thể nói sự thật, đi chợ, nấu ăn, mất vài giờ đồng hồ cho một bữa ăn đưa từ nhà bếp lên cho ông rồi lại đem trả. Mấy hôm nay hiếm khi Franz ra khỏi giường, cô thêm việc lau người cho ông, một công việc vừa thích thú vừa kinh hãi, vì người ông chỉ còn da bọc xương, cô hôn lên khắp làn da sốt nóng hầm hực, áy náy bởi cảm giác đang làm một điều cấm kỵ, cứ như cô không được phép thấy ông trong trạng thái ấy. Ông lại bắt đầu thều thào, đôi khi không hiểu

nỗi ông muốn trở mình hay uống nước. Đừng bực mình, ông nói, và cô đáp: Em bực mình với anh? Làm sao em có thể bực với anh được? Ottla viết thư sau một thời gian cách quãng, cô trả lời ngay. Ottla xinh đẹp yêu quý, cô viết, dù trong khi viết cô không nghĩ nổi điều gì nên hồn, cô cảm thấy mình như cầm điếu, và mừng vì còn có Robert thay cô làm việc này việc nọ.

Tối qua tại phòng đọc sách họ kể cho nhau nghe đã làm quen Franz ra sao. Họ trò chuyện lâu về gia đình ông, về khoản tiền cô xin Ottla và hy vọng sắp được chuyển. Robert chỉ văng mặt vài bữa, nhưng rõ ràng anh không tin có thể kéo dài ba tháng, vì Franz mỗi ngày một xuống dốc. Anh đề nghị được thay cô viết thư cho gia đình, để cô có nhiều thời gian hơn cho Franz, và cho chính cô nghỉ ngơi đôi chút. Người ngoài hầu như không biết chính Robert cũng ốm đau, anh nhọt nhạt, khăng khiu, tuy còn đầy đặn hơn Franz hồi ở Müritz. Mỗi lần nhắc đến Müritz Dora lại thấy dạt dào trong tim, nhưng đôi lúc cô nhận thấy những hình ảnh xưa cũ có chiều biến đổi, nó không làm cô xúc động, và ngày càng xa xăm, không còn quan hệ mật thiết với những gì diễn ra hằng ngày ở đây và hôm nay. Dường như những tuần đầu với Franz đã đông cứng lại thành một vật thể mà người ta nắm được trong tay, vì nó từng có ý nghĩa vô cùng sâu xa, một bình hoa, một viên sỏi ngũ sắc, một vỏ sò, một vật không may mắn làm sống lại ý nghĩa của chính nó ngày nào. Buổi chiều cô ngồi bên Franz hồi lâu ngoài bao lơn. Bình thường ông vẫn thức dậy khi cô ở cạnh, lần này thì không, ông ngủ li bì, ngậm miệng, buộc cô so sánh ông với một vị vua, với một người không cho ta dễ đoán ra họ đang nghĩ gì, tựa như ông đã vô cùng xa cách với tất cả, ông bận bịu với đủ mọi ý nghĩ, giống hệt ngày xưa, lúc ông ngồi bên bàn viết.

Mấy hôm nay Franz hầu như không nói. Bác sĩ Hoffmann chỉ định một chu kỳ cấm khẩu và Franz tuân thủ khá tốt. Ông nói bằng những mẫu giấy nhỏ, viết lên đó những ý nghĩ hay câu hỏi, ban đầu hơi có vẻ miễn cưỡng, dường như ông không mấy coi trọng việc này, chỉ nghĩ đó là một trò đùa thoáng

qua, và ông, một cựu công chức, hoàn toàn thông cảm được. Những lần đầu ông viết như đang ký nhận hồ sơ hoặc tài liệu quan trọng nào đó. Còn Dora phải cố làm quen với tình trạng mới, ít lâu sau cô thấy thú vị, cô có trong tay nét chữ của ông, cuộc trò chuyện không hẳn vì thế mà quan trọng hơn, nhưng có thể chính xác hơn, cô cũng đồng thời nhận ra rằng lời nói không hề cần thiết; người ta có thể nắm tay nhau, nhìn mắt nhau, người ta có thể gật đầu, nhíu mày, và cảm nhận về sự tồn tại của một sợi dây liên hệ trong lúc ấy. Tiếc rằng ông chẳng chịu ăn gì nữa. Ông đã cố gắng hết sức, nhưng không thể, không phải vì cổ họng, bởi nó hầu như không đau, mà vì ông không ngon miệng. Dora cố dỗ dành ông, cô nài nỉ, nhưng ông luôn lắc đầu, cảm thấy được khen rồi lại bị chê một cách bất công, gọi đó là trò nhọc công vô tích sự, mất hết niềm tin. Anh làm khổ mọi người, thật là điên rồ, ông viết. Và một lần khác: Em chịu đựng được chuyện này mấy năm nữa? Anh sẽ chịu đựng được mấy năm nữa tình cảnh em phải chịu đựng này? Khi ấy cô ngộ ra rằng ông tính thời gian bằng đơn vị năm, và sẽ không tin vào thời hạn ba tháng theo lời ông bác sĩ, cái tay Beck ấy có lẽ không nhận ra những sức mạnh vĩ đại. Cô hình dung ra một ngọn lửa nội tâm, một cái gì đó tự tái tạo, có thể không hẳn chỉ là nó, nhưng nó là mạch nguồn chính yếu nhất, vì ông biết yêu và được yêu đáp lại, từ trái tim lớn của mình, dành cho từng người và cho tất cả.

9

Từ ngày Robert đến nhà điều dưỡng, Dora có vẻ bình tâm hơn. Cô không phải hốt hải liên tục, thỉnh thoảng có thể đọc sách, may vá hoặc ngồi bên bàn kể những chuyện kỳ khôi về đám bệnh nhân suốt ngày tụ tập ở các phòng sinh hoạt chung, về nam tước phu nhân tiếng tăm mà Franz vẫn ưa lấy làm ví dụ. Song tình trạng kém ăn ngày càng tệ của Franz không cách nào xoay chuyển. Mỗi khi Dora bước vào với mùi đồ ăn thoang thoang, ông đều biết phải cố ép mình để chiều lòng cô. Ông đã tương đối quen việc

trò chuyện bằng giấy. Họ hơi bị áp lực vì phải tiết kiệm, ông không lạ, có một số điều không được phép nói ra, những đêm dài sợ hãi, nỗi thất vọng khi chưa nhận được thư của bố Dora. Ông nghĩ, có thể vị giáo sĩ bất ngờ đồng ý cho cưới, nhưng ông bố không nghe lời, hoặc ngược lại, giáo sĩ phản đối nhưng ông bố vì quá gắn bó với con gái mà tìm lối thoát khác. Nhà xuất bản đáng lẽ đã phải gửi bản thảo đã biên tập của cuốn truyện ngắn mới, nhưng vẫn chưa thấy đâu, riêng một chuyện này đã làm ông khá sốt ruột. Nhưng, ông nghĩ, chừng nào người ta vẫn còn có thể đợi, thì hy vọng chưa hẳn đã tắt lụi. Ước gì ông khỏe lên chút ít, và chuyện ăn uống đừng quá nặng nhọc như thế, ông sẽ nghĩ vài ý tưởng, sẽ về sống ở nông thôn, gần nhà Ottla, nếu được phép gọi đó là ý tưởng, vì từ nhiều tuần nay tư duy của ông chỉ quẩn quanh không có gì mới. Những buổi khám của bác sĩ lặp đi lặp lại. Giáo sư Hajek từ Vienna đã tới và thất bại khi thử tiêm thứ dung dịch còn chữa viêm thanh quản. Một bác sĩ khác, ông Glas, cũng báo sẽ đến. Có mấy loại thuốc và phương pháp mới. Bệnh nhân cần tắm ngâm hai ngày một lần, yêu cầu này thoát tiên có vẻ bất khả thi, nhưng nhờ có Dora mà rồi cũng ổn thỏa.

Hôm sau Ottla tới thăm. Cô đã giục từ lâu, họ gọi điện nhiều lần, cả cậu em rể Karl cũng nhất định đòi đi cùng. Họ đến nơi lúc gần trưa. Tình cảnh hơi buồn, nhưng mọi người đều cố gắng, có trời biết bao giờ lại gặp nhau lần nữa, hơn nữa trời nắng rực rỡ, nên mọi người đều có chút hưng phấn. Ông vẫn chưa được nói, nên rất vất vả với các mảnh giấy. Mọi người trò chuyện về hồi ở Praha, những căn phòng kỳ quái mà Franz từng có, chuyện ông bố trước đây mấy năm trị lũ bọ ra sao, một loại côn trùng kinh khủng, vài giai thoại ở Zürau. Hai giờ chiều, Dora và Karl đi ăn. Riêng Ottla không biết làm gì cho phải, cô đứng trong khung cửa, xúc động ngẫm nghĩ, rồi cô ở lại. Cô rất nhớ anh trai, cô nói, và rất mừng vì có Dora ở đây. Dễ nhận thấy cô định nói gì khác nữa mà khó quá, cô dậm gọng mấy lần, nhưng cô không nói ông cũng biết. Chẳng phải Ottla vẫn luôn như một mảnh gương soi của ông hay sao? Cô muốn biết sức khỏe của ông thật sự ra sao. Anh không việc gì phải tỏ ra vui vẻ chỉ vì em, cô nói, và ông dài dòng cảm ơn vì

những tháng ở Zürau, vì tất cả những gì cô đã làm cho ông. Mọi người đều sợ, ông thì thào. Cũng dễ hiểu, vì chính ông là người sợ nhất. Cô gặt và thì thào, cô cũng sợ như mọi người, và giờ thì ông thấy không thoải mái với sự có mặt của cô. Cô theo dõi cách ông vất vả ăn uống, nhìn ông vụng về ăn món xúp do Dora nấu. Chuyện đã gần hết. Họ đến vôi vàng ra sao thì cũng đi vôi vàng như vậy. Karl chỉ khẽ gặt đầu khi chia tay, trong khi Ottla dùng dằng mãi không đi nổi. Cô đứng đó, tay trong tay với Dora, và ông nghĩ, có lẽ đó là hình ảnh đẹp nhất, khi họ đứng bên nhau như hai chị em.

Quan hệ giữa ông và Robert nhanh chóng dịu đi. Ngày trước, mỗi khi nhận được thư Robert ông thường có cảm giác bị thúc ép. Những dòng thư của Robert có gì đó như đòi hỏi, tựa như những gì ông đem lại cho Robert chẳng bao giờ đủ, thậm chí cứ như Robert có toàn quyền về ông, như một người tình, và đó là một ý nghĩ khó chấp nhận. Nhưng cảm giác ấy nay đã tan biến. Robert không hề tạo ra bất cứ cơ gì để người ta méch lòng, mà ngược lại, anh lo toan một cách tận tụy, luôn có mặt khi người ta cần anh, đôi khi đêm đến, khi Dora ngủ, anh đứng ở cửa hoặc cạnh giường, sẵn sàng khăn chườm, lọ thuốc hay một lời an ủi. Thậm chí Franz còn để cho Robert lau người, dù Dora không thích thế, nhưng công việc ấy đã vất vả lên nhiều, vì phải nâng hoặc xoay người Franz mà Dora thì không đủ sức. Cô thường lau mặt ông bằng khăn ướt để ông thỉnh thoảng bén mùi cô, trong khi Robert thản nhiên đảm nhận những phần việc khó nói hơn. Ông chú hện tới thăm vào hôm nay. Như thường khi, ông âm ỉ bỗ bã, nói dai nói dài về chuyện du lịch, về thành phố Venice tuyệt đẹp mà ông khuyên mọi người đều phải đến xem, và ông không ngồi yên lấy một phút. Ông nói với Robert: Cậu đại khái là đồng nghiệp, phải không? Là một bác sĩ tầm tầm ở nhà quê, tất nhiên ông không thể đánh giá rành rẽ mọi chuyện ở an dưỡng đường, nhưng thoáng nhìn qua có vẻ mọi thứ đều lý tưởng, từ phòng ốc đến quang cảnh bên ngoài, thêm vào đó là Dora tuyệt vời mà ông đã quen trước ở Berlin, từ ngày ông phán phải chấm dứt ở Berlin ngay. Ông hỏi dò về các bác sĩ, bắt giải thích cặn kẽ, ai chẩn đoán gì và khi nào, và ông không thèm biết đó là bác sĩ hay giáo sư. Hai tiếng sau, ông nhấp nhồm muốn về, chỉ vì

Robert bóng gió nói đã đến lúc. Ông bắt tay Franz, ôm Dora, khuyên cô nên lo cho chính mình. Cố lên nhé, ông nói, các con nhé, xong ông biến mất.

Phút cuối cùng, Dora cho Ottla biết họ định cưới nhau. Cô kể, không chỉ một lần, Ottla mừng rỡ ra sao, cô ấy rất phấn khích, anh không thể tưởng tượng được đâu. Cô cũng nhắc đến lá thư, họ đã mỗi mắt đợi thư trả lời, và thật ngẫu nhiên, họ đang nhắc thì nó đến. Dora dự cảm nó không đem đến tin tốt, quả nhiên, đó là một bức thư từ chối. Phải, ông tiến sĩ đã tự nêu lý do, ông xuất thân từ một gia đình ít có ràng buộc về tôn giáo, tự kể ông mới bắt đầu quan tâm đến tôn giáo của tổ tiên, do đó không thể tạo dựng mối gắn bó khăng khít. Giọng điệu thư không gay gắt, nhưng người viết không để ai nghi ngờ về chủ ý của mình, cuối thư không quên chúc ông tiến sĩ chóng bình phục, gửi lời chào Dora đã lâu lắm không có liên lạc, vậy là bản án đã tuyên. Franz có tin nổi không? Dora dường như còn thất vọng hơn ông, rõ ràng cô cưỡng lại lý trí để hy vọng, và bây giờ hai người ngồi sững, không biết phải làm gì. Franz đã gửi gắm mình vào tay bố Dora, có nghĩa là ông không thể đơn giản gạt lời từ chối ấy qua một bên, ông sợ đó sẽ là một điềm gỡ, gỡ như chính lá thư ấy vậy. Dora cố trấn an ông. Chúng mình có nhau mà. Chẳng phải vậy sao? Mặc dù vậy, đó là một đòn choáng váng. Ông cảm thấy sức lực chuội dần đi, hay vì cuộc thăm viếng kếp đã cướp của ông sức lực, như mọi cuộc thăm viếng khác, và trong tâm trạng sâu thẳm đó họ gặp Max. Ông có công việc ở Vienna vài hôm và cố gắng động viên họ mấy lời. Ông hỏi thăm bản thảo đã biên tập đang được gửi đi, ông đọc lá thư, cho rằng nó vụng về hơn là tệ hại, tuy tác động của nó đúng là tệ hại, mặc dù sai lầm lớn nhất là nó đã được viết ra trên giấy. Ông nói bóng gió đại loại thế. Hoặc do ông tiến sĩ tưởng tượng ra, vì ông khó tập trung đầu óc, thêm nữa hai người họ chẳng có gì để nói. Mọi chuyện đều lùi xa, chuyện Emmy, Max đang làm gì, có việc gì ở Vienna, như thế tất cả đều không liên quan đến ông. Mấy tuần rồi ông không viết được chữ nào, nhưng Max không hỏi chuyện ấy. Họ chia tay, chưa nói được gì nhiều với

nhau. Về sức khỏe sẽ không bao giờ hồi phục của ông. Và có lẽ họ không còn gặp nhau nữa.

Mấy ngày liền, ông sợ. Đêm đến, khi ông thức trắng, khi xung quanh chỉ là im lặng, khi ông cố lắng nghe như tìm kiếm điều gì, nghe tiếng an ủi của nước chảy róc rách trong khối im lặng đặc sệt, nghe tiếng vài bước chân, tiếng thủ thi bên hàng xóm, thế là ông đã có chút gì đó trong tay, một minh chứng nhỏ xíu rằng cuộc sống chưa ngừng lại, chỉ đang là đêm mà thôi, rồi ban mai sẽ bừng tỉnh tỉnh khô.

Robert đem một túi anh đào từ Vienna đến, những sứ giả đầu tiên của mùa hạ. Đã giữa tháng Năm, và lâu quá rồi ông chưa ra ngoài trời, chỉ năm thì mười họa ra tới bao lơn, mà cũng ngày một thưa. Ông đã nuốt được, ăn được một chút, khi Dora nghiêm khắc canh chừng, cô bắt ông đi ngủ sớm, chậm nhất chín giờ hay chín rưỡi đã phải lên giường. Khoảng nửa đêm cô thường ngó vào lần nữa, nếu ông còn thức thì cô ngồi xuống bên ông, có những điều chỉ nói ra được trong bóng đêm, về nỗi sợ của ông, những điều ông hối hận, lá thư, và ông không thể làm gì khác, rồi lại về nỗi sợ. Khi cô hôn ông, mọi chuyện thoáng nhẹ nhõm hơn chốc lát, ông dường như quên được ông đang ở đâu, ông là ai, cảm giác thoáng giống như dạo mùa hè cũ. Sự hiện diện của cô chẳng phải là một phép màu hay sao? Cô đang sống, độc lập với ông, ngay trong giây phút này, ở nơi đây, điều ấy chẳng phải là một phép màu hay sao? Lòng ngực cô thở, trái tim cô đập, và có những trái tim biết đập khác nữa, tất cả chẳng phải là một phép màu hay sao?

Ông đã chấp nhận tình cảnh chẳng viết được chữ nào. Vì vậy ông càng mừng hơn, khi Dora đưa bì thư với những trang bản thảo đầu tiên và ông tận mắt nhìn thấy đã có một thời khác hẳn. Chưa bao giờ ông thực sự chăm chỉ, nhưng ông đã có chút thành công, trước mắt ông những truyện ngắn, và trên trang bìa tên ông, chưa có gì thực sự ra tấm ra món, nhưng đây thực sự là một chồng giấy in chữ đẹp. Ông đọc *Nghệ sĩ nhịn đói*, chỉ đọc, hầu như không sửa chữa, mắt rưng lệ. Liệu bây giờ ông còn viết được như thế

không? Ông ngồi gằn như thẳng lưng trên giường và hy vọng không bị ai quấy quả, đôi khi ông y sĩ ngó vào và không dễ xua đi. Hơn một tiếng liền không có ai bước vào. Ông có thì giờ để hồi tưởng, đôi khi ông gạt những trang giấy qua bên, tận hưởng trạng thái gằn như được làm việc chút ít đó, ông có công việc cho cả mấy hôm tới nữa, quả thật không tin nổi.

10

Franz chỉ cho cô xem thoáng qua lá thư từ chối, nhưng cô điên tiết đến tận mấy ngày, những lý do khiến cô bỏ nhà ra đi quá rõ, chẳng cần phải nhắc lại, hai lần trong hai năm, lý do khiến cô không thứ lỗi và không viết thư cho bố. Nhận thấy Franz vô cùng ức chế, cô vắt óc tìm cách thuyết phục bố nghĩ lại, nếu bố biết được Franz đang ở trong tình trạng nào và không sống được lâu nữa, liệu có ý nghĩa gì việc Franz là người Do Thái thực sự, khi ông chết, lúc ấy còn ý nghĩa gì? Ý nghĩa gì nào? Chẳng là của nợ gì cả. Chỉ có nghĩa là bố không có lòng vị tha, bố có Chúa, nhưng không hề có chút vị tha, có lẽ cô sẽ không viết thư cho bố nữa. Franz nói rồi: mình phải chấp nhận, mình phải sống với lũ, mình phải sống với nhiều thứ khác nữa, kể cả những điều không tưởng. Hôm nhận được thư, cô gặp bà Hoffmann ngoài hành lang, cô òa khóc và kể hết cho bà. Sau đó cô nhận ra mình thật sai lầm, vì từ đó trở đi ông bà Hoffmann liên tục giục cô phải cưới Franz càng nhanh càng tốt, phải nghĩ đến tương lai, rất tiếc là không còn nhiều thời gian nữa đâu. Lần đầu họ lịch sự mời cô vào phòng họp, hai người ngồi đó với nét mặt nghiêm trang khiến cô hoảng hốt tự hỏi không biết có chuyện gì xảy ra. Bà Hoffmann trịnh trọng lên tiếng, họ chỉ muốn tỏ thiện chí, họ sẽ lo mọi thứ cần thiết, mời một giáo sĩ Do Thái và một nhân viên phòng giá thú. Dora vội từ chối, vì như thế không hợp ý Franz. Tùy hai người thôi, hai vợ chồng nói, và Dora cho rằng sự việc chấm dứt ở đây, nhưng cô lại sai lầm, bằng cách này hay cách khác, vợ chồng ông bà Hoffmann vẫn không ngừng nhắc lại chuyện này hết ngày này sang ngày khác. Hoặc ông

chồng hoặc bà vợ kéo cô ra thì thầm, rồi cả ông y sĩ cũng vào cuộc, nhưng Dora khăng khăng lắc đầu, cô chỉ muốn trốn biệt vào một xó.

Cô không hé một lời với Franz về những cuộc trò chuyện ấy. Nhưng dường như ông có linh cảm, ông hỏi có chuyện gì mới không, có điều gì anh cần biết không, khiến cô phải trả lời lửng lơ rằng cô đã nói chuyện với bác sĩ Hoffmann, vài câu ngắn thôi, họ rất mừng vì ông ăn và uống được nhiều, mỗi bữa thêm cả bia và vang. Cô tin tưởng nhất bác sĩ trẻ Glas, mỗi tuần ba lần anh từ Vienna tới và khuyên cô lén cho Somatose vào bia, không cho Franz biết. Ông thấy bia không ngon nhưng vẫn uống, không phản đối. Cô cũng thử nhiều cách với đồ ăn, thường xuyên thêm trứng vào, không mong đợi gì nhiều hơn ngoài giúp Franz lại sức đôi chút. Từ khi bản thảo gửi về, có vẻ như ông bắt đầu tận hưởng cuộc sống leo lắt ở an dưỡng đường, ông ngồi trên giường chữa bệnh, không nhiều, chỉ lác đác vài chữ, đến khi không ngồi được nữa. Có lần ông viết: Thiếu R. làm sao chúng ta có thể tồn tại lâu như vậy? Vì trong khi Dora hầu như không ra khỏi nhà thì Robert cứ vài hôm lại đi Vienna, lần nào anh cũng đem về hoa tươi, đôi khi quá nhiều, hoa táo gai, hoa ngâu, bạch đình hương.

Cô thích nhất những khi hai người ở trong phòng, ai làm việc người nấy, khung cảnh gợi nhớ đến Berlin, đến những buổi tối ông viết lách trong sự hiện diện của cô ở đó. Xung quanh yên lặng và kín bưng, hình ảnh ông ngồi viết, lưng cúi trên bàn, lờ mờ sắc thái thành kính nhưng đồng thời thanh thoát, vào những tuần đầu, khi cô còn gần như thấy kính nể công việc của ông. Praha gửi về một bản *Dân chuột*. Franz đã chỉ cho cô xem tờ báo, nhưng bây giờ cô mới bắt đầu đọc, vì Robert cũng đọc và muốn biết cô nhận xét truyện ấy ra sao. Franz đã kể về chuột rồi. Không rõ ở Berlin hay từ Praha? Nếu phải thú thực thì cô không thích đọc truyện ấy, không hẳn vì chuột, chủ yếu vì cô sợ thứ sự thật mà cô không được chuẩn bị để đón nhận, sự thật về cô và ông, như ngày ấy trong truyện chuột chũi, cho dù cô chỉ xuất hiện bên lề câu chuyện. Ở dạng thật. Như một thứ gì đó mà người ta vớ lấy khi có dịp. Khi người ta đói. Hồi ấy cô thấy thích, hơi kinh hãi vì

sự thật đơn giản đến vậy. Đó là sự thật ư? May mà truyện mới khác hẳn, nhẹ nhàng hơn hẳn, cô có ấn tượng như vậy, mang về giễu cợt tế nhị đối với nhân vật Josefine mà không cố gắng lắm cô cũng nhận ra đó là Franz. Lần này cô không hề xuất hiện, không sao cả, nhưng rồi lại rất tệ vì về cuối truyện Franz cô đơn khủng khiếp, Franz viết về cái chết của mình và những gì của ông còn sót lại bên cạnh vài ký ức. Đó là điều khủng khiếp nhất cô từng đọc trong đời. Thật may vì lúc này không có ai bên cạnh, quá mười một giờ đã lâu, cô ngồi thần thờ và nhìn vào một tương lai xa xôi không màu sắc, khi Franz không còn, lạ Chúa, hoặc khi cô không còn nữa, hình dung ra viễn cảnh ấy, với cảm giác không đường thoát, tất cả thật vô vọng xiết bao.

Mấy hôm nay Franz ngủ nhiều, nằm ngoài bao lơn dưới trời nắng, tựa như ông đã phiêu diêu tới những miền mà người ngoài cuộc như cô không bao giờ tới được. Trong bữa sáng nay ông nhờ cô viết thư lần nữa cho bố mẹ, Robert hết sức cố gắng nhưng đối với bố mẹ thì dù sao anh vẫn là một người lạ, có thể không phải lúc nào cũng nói được đúng ý. Họ không có nhiều điều để kể. Chỉ có thể trấn an và ngẫm nghĩ, liệu mọi chuyện sẽ ra sao nếu bố mẹ đến thăm họ và nhìn thấy Franz được nâng niu chăm chút ở đây như thế nào. Cô có nên viết rằng ông ngày càng giống một đứa trẻ hơn? Buồn cười vì chính ông nói đến chuyện đó đầu tiên. Ông áy náy vì lâu quá chưa viết thư, lý do là ông tránh xa những gì khiến ông phải làm việc hay cố gắng, ăn uống lúc này đã đỡ vất vả hơn so với khi phải dùng ống hút trước đây. Đó cũng là lần đầu tiên ông viết cho cha. Ông liệt kê những thứ hay uống nhất, bia và vang, *Doppelmalz-Schwechater*, và *Adriaperle* mà dạo này ông đã thay thế bằng rượu Tokaj, dĩ nhiên uống ít thôi, và chắc cha không thích thế, chính ông cũng không. À, ngày xưa cha cũng đi lính ở vùng này, đúng không? Cha đã nếm loại vang non Heuriger bao giờ chưa? Ông ước gì được cùng cha uống một trận túy lúy, tuy trữ lượng của ông không khá lắm nhưng cũng chẳng chịu thua ai.

Vài hôm nay ông bị tiêu chảy rất khó chịu, không uống được gì nữa, nói gì đến ăn, khiến Robert và bác sĩ Glas phải tính đến khả năng dùng ống xông. Mỗi ngày ông được tiêm hai mũi dung dịch cồn nhưng kết quả cũng hạn chế, mãi không hết sốt và khát. Ông đã bắt đầu chia tay mọi người, viết thư dài cho Max để buổi chiều Dora đem ra bưu điện. Vĩnh biệt nhé, ông viết, cảm ơn mọi chuyện. Ý nghĩ về hồi kết không ngừng xuất hiện nhưng lần quất lạ lùng, không cách nào nắm bắt được. Bà Hoffmann không thôi giục già, thời gian không còn nhiều, hãy nhanh lên. Cô bàn bạc với Ottla qua điện thoại, chẳng mấy ích lợi, Ottla phiền não nói không ra hơi, nhưng vẫn cố động viên một cách yếu ớt và bất lực. Robert cũng ngả theo chiều hướng ấy. Còn cô ngồi bên Franz, thấy ông tiếp tục hy vọng, cô lại không nở hỏi.

Gần như trên mảnh giấy nào ông cũng nói đến uống. Họ nhớ đến những lúc bị khát, nhưng không cảm nhận thấu sự hành hạ mà ông đang phải chịu. Ông đòi loại nước khoáng tốt, chỉ để cho biết, đôi lúc uống được một ngụm, một cốc thì quá nhiều. Dora đưa cốc nước, ông lắc đầu, ghen tị với nhánh tử đinh hương đã tàn trong chiếc bình lớn, nó đang chết mà vẫn uống được nước, người chết thì không thể uống được. Ông mỉm cười viết ra điều đó, tựa như luôn luôn buộc phải viết tiếp để duy trì sự sống. Mấy hôm nay cô nhận thấy Robert thu cất những mảnh giấy ấy; mỗi lần Franz không nhìn Robert liền lén nhét chúng vào túi. Anh không hỏi có được phép không, nhưng có lẽ cô thiên về chấp thuận hơn là phản đối. Cô hầu như đã hiểu, đây là những ngày cuối, nhưng đôi lúc cô rối trí quá đỗi và không thể chấp nhận điều này. Nhìn ông đau đớn, cô cố ép mình tin rằng họ đã có tất cả, hạnh phúc đã trọn vẹn trong những ngày dồn nén này. Nhưng một lát sau cô chỉ muốn thét lên, thời gian dồn lại chưa đầy một năm. Cô sẽ mất hết, mất tất cả, khi ông không còn, đôi tay ông, miệng ông, sự bao bọc đã từng mang tên Franz, như thể tình yêu của cô là một căn nhà mà có kẻ muốn tống khứ cô ra ngoài mãi mãi.

Ông bà Hoffmann mời cô đến nói chuyện lần nữa. Cô đã thuộc lòng những gì họ khuyên bảo và nài nỉ, do đó cô nghĩ mình không bất ngờ, khi ông bà

Hoffmann thực hiện những gì họ đã nói. Họ mời một công chức của cộng đồng Do Thái để cô và Franz làm lễ thành hôn. Cô nhận ra sự hiện diện của một người đàn ông ngay khi bước vào, trời đã ngả sang chiều, không khí chộn rộn, bác sĩ Hoffmann và vợ sẽ làm nhân chứng, họ nói đến tương lai của cô, cô không được chu cấp, phải biết tình hình rồi sẽ thế nào chứ, như thể đang dở dành một đứa con nít cứng đầu. Cứ thế họ bổ đầu cô ra để nhét vào đó một sự thật mà cô không cách gì hiểu nổi. Cô phản đối. Sẽ là một cuộc đời gì, nếu Franz không còn thì cuộc đời cô có ý nghĩa gì nữa? Cô không hiểu được, và nói với họ rằng cô chỉ thấy Franz trước mắt. Vì sao các người tước đi hy vọng cuối cùng của anh ấy? Bà Hoffmann nói: Như thế chẳng tốt hay sao? Ông ấy đã xin cưới chị chưa? Cô thừa nhận, ông đã xin cưới cô, nhưng bố cô không chấp thuận, chuyện ấy thực ra không quan trọng, vả lại nó xảy ra cũng đã vài tuần. Nói xong cô đứng dậy và ra khỏi phòng. Cô nghĩ cô sẽ im lặng với họ, cả với Robert, cô tổn thương vì Robert đồng lõa với họ, cô cảm thấy mình bị bôi bẩn, rồi cô cũng trấn tĩnh, và trở về bên Franz.

11

Franz trải qua những ngày cuối cùng trong tâm thế mỗi lúc một khác, ông nửa mê nửa tỉnh vì những mũi tiêm, cả ngày quần trí với chuyện uống nước, cơn khát không hề nguôi đi, mà ngược lại, ngày càng dữ dội. Ông mơ uống thay vì uống thật, thỉnh thoảng ông uống nước, mỗi tuần một chai Tokaj. Ông không cảm thấy đang sống những ngày cuối. Một trạng thái dao động, có thể ông không tin, đôi khi ông cảm nhận rõ ông chỉ còn là một cái xác bạc nhược, rồi vùng ngay dậy. Nhưng đáng tiếc ông không có nhiều việc để làm, bản thảo đã chữa xong và gửi đi Berlin từ lâu, bản biên tập lần hai chưa đến. Ông can đảm, cố gắng khi đến bữa ăn, và để Dora và Robert tắm rửa cho. Ông ngồi ngoài bao lơn, lật vài trang sách, không thích đọc báo dù không thiếu báo, trên bàn ngủ là mấy lá thư Praha mà người khác sẽ

trả lời hộ hoặc không trả lời. Nếu buộc phải nói về thể trạng, ông sẽ thú nhận là chưa bao giờ ốm yếu như hôm nay. Nhưng ông vẫn tỉnh táo, ngoan ngoãn viết lên những mẫu giấy, khâm phục sự kiên nhẫn của Dora và Robert dành cho mình, mà trong trường hợp ngược lại có lẽ ông không thể có.

Khi một mình, ông hay nghĩ đến cha. Cho đến mấy tuần trước, trong tất cả các thư ông chỉ nói chuyện với mẹ. Ông viết cho cả hai người, nhưng thực ra nói với mẹ, còn bây giờ đột nhiên ông hay hình dung mình đi cùng cha đến rất nhiều quán ăn. Chỉ cần cha hiện diện, để cốt sao ông có cha ở cạnh, không như một sự hăm dọa, mà như một người cố đi ngang qua quãng đời này của ông như mọi người khác, có thể đó là một dạng tha thứ, từ một khoảng cách nhiều cây số đang chia cắt hai người. Nếu cha ở đây, có lẽ ông sẽ im lặng, nhưng cho đến phút này Dora vẫn ngăn được họ đừng làm chuyển đi dài. Nói cho cùng thì ông không hề cô đơn, có nhiều người chăm sóc ông, ở Praha chắc chắn không tốt hơn. Nếu có mặt ở đây, cha có hài lòng với đứa con đang chết dần? Có lẽ ông sẽ khen con trai, Franz nghĩ vậy, có lẽ ông chỉ không hài lòng với sự chậm chạp, vì cha là người nóng nảy, nhất là với Franz thì ông đã mất kiên nhẫn từ lâu, đôi khi không phải vô cớ. Có lẽ cha sẽ vỗ vai ông và nói: Hồi bé, con không thuộc loại nhanh nhẹn, nhưng hôm nay cha đang vui, rồi ngay một giây sau có khi ông sẽ nói hoàn toàn ngược lại. Sao lâu thế? Con thật lè mề, ai cũng biết, nhưng thế này không được, mọi người đang đợi, trời đất ơi, con định bắt mọi người đợi bao lâu nữa đây?

Người ngoài không thể nhận ra Dora nghĩ gì. Cô không rời mắt khỏi Franz, cả khi ông ngủ, ông ngủ rất nhiều, trên ghế dựa ngoài bao lơn, trên giường, không hề áy náy. Khi thức, đôi lúc ông khao khát thân thể cô, ông nhớ Berlin, khi có cô nằm cạnh, nhớ nhà trọ ở Müritz, khi cô hỏi: Anh có muốn không? Ông nhìn thấy miệng cô, cổ cô, bờ vai cô, da thịt cô dưới lớp áo dài, những nơi mà ông đã chạm vào trước đây trăm năm và vẫn còn muốn chạm vào nữa. Tối nay là cao trào, và lạ chưa, có vẻ như cô hiểu ra, vẫn

như hồi họ còn khám phá nhau. Nếu cưới nhau rồi, liệu sẽ vẫn còn như cũ? Họ mơn man da thịt nhau, những chỗ người ta vẫn mơn man nhau, lay da thịt thức dậy chốc lát, đúng thế, trong điều kiện hiện tại cho phép. Anh cứng, cô nói, dù không thật chắc là đã nói, cô đang ở cạnh ông, nằm nửa người trên giường, và ông xúc động trào nước mắt khi thấy cô mơn mơn dịu dàng đến thế. Đã lâu rồi, kể từ lần cuối ông khóc vì bản thân và vì hai người. Họ lặng câm, tất cả ngập tràn một niềm an ủi của họ và chân tâm của họ, ông nghĩ, nếu điều đó có thật, chưa bao giờ ông thấy mình gần chân tâm của họ đến thế.

Cha mẹ Franz gửi bưu thiếp hỏa tốc. Dora phàn nàn không nhận được tin tức, cũng không có gì lạ vì họ thường đi du lịch. Thời tiết Praha rực rỡ, mọi người dạo chơi và vui vẻ tụ tập triền miên, khiến Franz thoáng ghen tị. Cả thành phố như đổ xô ra đường. Người ta ngồi bên bờ sông hay trên đồi, mỗi khuôn mặt với ông đều quen thuộc, ông lần lượt điểm lại từng người, hồi tưởng những buổi chiều đi bơi ở sông hồ, hay đi chơi du thuyền. Giờ đây, khi đã vĩnh viễn xa thành phố, ông ngấm lại nó với niềm hân hoan mới, giống như từng ngấm Milan hay Paris trước đây mấy năm, với ánh mắt đầu tiên, như một người mù yên tâm ngụp xuống, lần đầu tiên. Với con người cũng vậy chẳng? Khởi đầu giống như một phép màu, người ta chỉ thấy vẻ lạ lẫm lôi cuốn, tất cả đều trắng lệt, vì vậy người ta sẵn sàng chấp nhận mọi lầm lạc nho nhỏ. Nhưng thế nào là lầm lạc? Phải chăng ở đâu cũng có đường đi? Và con đường nào cũng đưa đến đích? Ta còn muốn đi qua con ngõ nhỏ xinh đẹp này, nó hơi dốc lên, ta không biết đang ở đâu, nhưng rồi, lên nửa đường, ví dụ như dưới thành cổ Hradčany, tầm nhìn làm ta ngợp thở.

Suốt ngày ông đợi bảo thảo biên tập lần hai, khi nó đến thì ông giật mình. Ông lại vui lần nữa khi đọc kỹ từng câu đã từng viết, lần này với ít bất ngờ hơn, vì ấn tượng còn tươi mới, và ông tập trung vào từng chi tiết nhỏ. Thật ngạc nhiên vì mỗi lần ông đều quên một điều gì đó. Quả thật người ta đã

phải vận lộn với từng câu, để rồi chỉ nhớ những nét đại cương, và rải rác đó đây một vài chi tiết còn đọng lại, không hiểu cứ sao đột nhiên lóe sáng.

Ông nói chuyện với Robert về cái chết, liệu có sự trợ giúp trong phút lâm chung để khỏi chịu hành hạ. Dora đi chợ, họ có thể thoải mái trò chuyện, viết ra giấy những lựa chọn quen thuộc. Thứ ông không sợ nhất là chết đói, vì đúng ra ông đã có chút làm quen, ông sợ chết ngạt, chết khát cũng không dễ chịu. Kết cục sẽ ra sao? Vì sao cơ thể chết? Tim đột ngột ngừng, hay phổi, hay não, vì kết thúc thực sự chỉ khi người ta không tư duy nữa. Robert không bất ngờ lắm, anh đã suy nghĩ về chuyện này từ lâu. Có thuốc, anh nói, như thuốc phiện hay morphin, và anh sẽ không bỏ mặc Franz. Thật kỳ quái, vì người ta có thể nói khơi khơi như thế về chuyện này. Không phải lần đầu tiên ông tiến sĩ tự hỏi, vì sao Robert nói chuyện ấy, vì sao anh ta đến đây từ mấy tuần nay và không sống cuộc sống riêng của mình. Ông viết câu đó lên giấy. Vì sao bạn không lo cho cuộc sống riêng? Robert đáp, cuộc sống riêng của tôi là ở đây, trong phòng này, tôi ở bên bạn, tôi tận hưởng từng phút. Bạn không hình dung ra được? Một vài hôm thì được, ông nghĩ, có lẽ được. Ông tự nhìn mình, sự sống vẫn diễn ra, đúng thế, ông yêu nó, có thể yêu nhất từ xưa đến nay, khi đôi lúc ông vui vì những điều ngớ ngẩn nhất.

Ông làm việc không nhanh lắm. Ông sẽ không bao giờ được cầm cuốn sách hoàn chỉnh trong tay, điều này ông tin chắc, khi vẫn tiếp tục sửa bản thảo dưới trong ánh nhìn của Dora, ông hy vọng sẽ để lại được một cái gì đó, một minh chứng rằng ông đã nỗ lực, rằng ông đã có một nhiệm vụ và sẵn sàng tiếp nhận nó, bất chấp mọi phán quyết cuối cùng. Ông ngộ ra rất nhiều điều một cách muộn màng, có những điều chỉ có thể linh cảm, không hẳn đã hiểu. Nhưng ít nhất thì ông đã cùng Dora đi Berlin, ông đã quyết định không do dự, và cô vẫn còn bên ông lúc này, như vậy là quá nhiều so với những mong đợi liều lĩnh của ông. Cô đem hoa tươi về, và như mọi khi, cô muốn biết ông cần gì, nhưng ông không cần gì cả. Hương thơm lùa vào qua cửa sổ để mở, tuy không ngào ngạt như vào đầu mùa hoa, đã cuối tháng

Năm, sắp đến mùa hè, mùa hè một năm trước họ quen nhau. Khi có Robert, cô rất thích hồi tưởng chuyện cũ, cô nhớ từng chi tiết mà ông đã lãng quên, hôm ấy trên cầu bến, khi ông đột ngột ôm cô. Anh nhớ không? Thực ra ông không ôm cô. Chỉ thoáng lướt qua, lần đầu tiên thử áp vào cô, và đó là một nghệ thuật mà ông đã khá thạo. Ông nhớ những đêm bên cô. Thật khó tin vì người ta có thể chọn một ai đó để nằm cạnh ban đêm và ngủ, cứ như đó là chuyện vặt? Bên cô, ông trở nên bạo dạn hơn. Hay ông đã bạo dạn từ trước, rồi mới đến bên cô? Ông ước gì có con với cô. Ừ, quả là khó hiểu, khi mọi ước vọng và khúc mắc đến phút cuối cùng vẫn tuôn trào.

12

Mấy hôm nay sức khỏe của ông dường như khá lên. Cô không rõ lý do, có phải vì ông có công việc chữa bản thảo, vì những lời thì thầm trong đêm khi cô kể cho ông nghe những chuyện tầm phào, chuyện cô hồi nhỏ, chuyện cô từ khi mẹ chết không cắt tóc mà tết thành hai bím dài. Cô kể về ngôi trường đã học, cô ước mình có những chị em như Ottla và Elli, để cô hằng ngày gọi điện và nói về những thay đổi kể cả linh tinh nhất. Nếu có thể thì cô tránh mặt vợ chồng Hoffmann. Có vẻ như họ đã bỏ cuộc, nhưng gặp mặt họ cô vẫn lúng túng khó nói chuyện, nhất là với bà vợ luôn nhìn cô bằng ánh mắt thương hại, như ánh mắt con cú mà cô mơ thấy từ vài hôm nay. Một giấc mơ cứ lặp đi lặp lại, mơ hồ. Con vật đứng im nhìn cô. Nó không làm cô sợ, ít nhất là trong mơ, khi nó chỉ là một con chim ngu xuẩn, một người khách như cô tự nhủ, một sứ giả, như khi thức giấc cô chợt hiểu ra, từ vài tuần nay cô đã biết vị sứ giả ấy đưa tin gì.

Có thư của Judith. Trong thư trước cô kể là rất bận rộn, còn hôm nay đột nhiên thế giới của cô đã sụp đổ. Cô có mang với Fritz, Fritz quay về với vợ, cô không thể đi Palestine nữa. Giọng cô đầy kích động, thất vọng, có nét gì đó lạ lẫm, tựa như cô đang sống một cuộc đời nan giải ở Berlin. Franz sắp

chết, và Judith sắp sinh ra một đứa con mà cô rõ ràng không muốn, dẫu ở trong tình cảnh này cô vẫn thích giữ nó. Cô đang quần trí, cả ngày cả đêm lờng lộn trong phòng như sư tử trong cũi, quyết định thế này rồi lại thế khác. Dora không biết phải trả lời bạn thế nào. Cô viết thư mong bạn can đảm, lúc này cô không thể ra đi, đang trong tâm trạng cực kỳ khủng khiếp, sáng nào cô cũng hy vọng Franz thở, vì chừng nào ông còn thở thì cô còn chịu được mọi gánh nặng. Franz không buồn phiền vì Judith, ông mừng, Judith không đi Palestine, không sao, nhưng tại sao lại không, có lẽ cô nên bồng con về Palestine thay cho Dora và ông.

Đêm đến trên giường, khi thấy con chim báo tử, cô cố cầu nguyện nhưng vô ích. Cô không biết cầu nguyện gì, xin một phép màu trong phút cuối, xin vượt qua được mọi thứ khi ông không còn nữa, vì cô mừng tượng ra sự thiếu vắng ông sắp tới, cô sẽ mất ông. Gần sáng có tiếng gõ cửa, cô nghĩ ngay: Đến lúc rồi! Song đó chỉ là Robert, anh cho cô biết đêm qua không yên, Franz thức giấc nhiều lần và hỏi cô. Ông đập tay lên chăn bên cạnh mình, vui ra mặt khi cô đến, có vậy thôi, vẫn cuộc trò chuyện bằng giấy như mọi khi, không một lời thú nhận, không thăm dò lần cuối, ông chỉ nắm đó ngấm cô, khoát tay ra phía cửa sổ có những tiếng chim hót đầu tiên. Ông không thể hoặc không muốn ngủ. Robert ngó vào rồi lại đi ngay vì không muốn quấy rầy, rồi anh quay lại với đồ ăn sáng và cà phê cho Dora, nhưng cô không đụng đến. Gần trưa ông thiếp đi. Cô quan sát hơi thở của ông, ngạc nhiên thấy mình bình tĩnh, ngạc nhiên vì họ không nói gì đặc biệt với nhau vào những phút cuối cùng, thỉnh thoảng ông tỉnh dậy, thì thầm toàn những chuyện tốt lành, lâu lắc mãi mới xong, chuyện cô là diễn viên và ông thấy cô trên sân khấu, trong mơ, trong một vai mà ông không biết.

Cô vẫn bên ông. Cô hôn ông và lường lự hồi lâu, không biết nên ngồi ghé hay trên mép giường để nhìn ông rõ hơn, vì cô muốn thanh toán ngấm ông lần nữa, từng ngón tay, đầu ngón, móng tay, khớp ngón, rồi khuôn mặt, hàng mi, miệng ông, cánh mũi khê phập phồng, và cô cũng thiếp đi mấy lần. Cô đau lưng vì ngồi và nằm nghiêng, nhưng bù lại Franz làm cô vui

khi đánh thức cô dậy. Cô đã nằm mơ, nhưng giờ thì ông đánh thức cô, ông vuốt tóc cô một lúc lâu rồi, như ông kể lại mà thực ra không lên tiếng. Trong mơ, họ đã cùng nhau uống bia, cha mẹ cũng có mặt và nâng cốc chúc mừng từ bàn bên. Franz vẫn không muốn họ đến thăm, bữa trước họ đã dọa nhất định sẽ đến, khiến ông phải nghĩ cách thoái thác, kể ra hàng loạt trở ngại trong một lá thư dài. Giữa chừng Robert bưng vào hai bát đậu đất và anh đào, khiến ông phải ngừng viết thư. Gần tối ông lại sửa bản thảo. Tuy không xong nhưng ông tỏ vẻ hài lòng, nắm tay cô rất lâu khi thiếp đi, không chặt lắm, khiến cô đôi lúc quên đi bàn tay hầu như không trọng lượng của ông, dường như nó sẽ bay đi trong chốc lát.

Hôm qua, trong giấc ngủ, môi ông nhiều lần mấp má. Cô không hiểu, song nhất định ông đang cố nhắc đi nhắc lại điều gì đó, cô đoán không phải lời cầu nguyện, cho dù ông gọi cho cô nhớ đến một con chiên Do Thái trong nhà nguyện. Hôm nay ông thờ nặng nề hơn? Ban ngày ông hay ho, nhưng cô không lo lắng quá mức, không lo hơn bình thường. Cô quan sát ông hồi lâu, cảm thấy mệt mỏi hơn hôm qua rất nhiều, cô kiệt quệ đến mức không nghĩ được nữa. Bốn giờ sáng cô tỉnh. Cô nằm đè lên chân ông trên giường, rồi đột nhiên nghe tiếng động lạ. Cô hiểu ngay là tiếng Franz, ông đang cố hớp không khí, tay vung lên một cách kỳ dị, nhưng ông không thấy cô, cô nhảy dựng dậy đi gọi Robert. Đến lúc rồi, cô nghĩ. Như con cá. Cá có hớp không khí không? Lạy Chúa, anh yêu, cô gọi. Cô đứng bên giường ông và không biết phải làm gì. Cô thử vỗ về ông trong khi Robert đi gọi y sĩ. Họ đẩy cô ra ngoài. Franz cần được tiêm long não, hoặc cả morphin, ít nhất là cô nghe thấy thế. Họ đem đá chườm đến, có vẻ hiệu nghiệm. Trông Franz thật khủng khiếp. Cơn đau cướp đi của ông nhiều sức lực, rồi cô được đến ngồi bên ông, nắm tay và vuốt má ông trong khi ông thiếp đi. Mấy tiếng liền, cô ngồi như hóa đá, như trong ruột thời gian trong vắt và trống trải. Anh đừng đi, cô nói. Đừng sợ. Em ở bên anh. Ông có nghe cô không? Đến lúc Robert không chịu nổi cảnh ấy nữa, anh bảo cô ra bưu điện. Đầu tiên cô phản đối. Cô miễn cưỡng ra đi trong tia nắng ban mai đầu tiên, từng bước, từng bước, như người máy. Cô gửi đi những lá thư cuối cùng. Mấy phút

ngủ ngơi làm cô thư thái, cô muốn đi lại một lát nữa, nhưng chợt thấy ông y sĩ chạy lại. Hình như ông vẫy tay ra hiệu cho cô, rồi cô nghe tiếng ông gọi, nhanh lên, ông tiến sĩ. Mặc dù cô chỉ đi khỏi đó nhiều nhất là nửa tiếng, Franz thay đổi không ngờ trong lúc cô vắng mặt, có vẻ như ông co rúm lại, chỉ còn một nửa. Nhưng ông tỉnh, mỉm cười, gật đầu trước khi nhắm mắt lại vì kiệt sức. Gần trưa thì ông ra đi trong vòng tay cô. Kỳ lạ, người ta nhận ra ngay, dù hơi thở của ông rất nông. Robert vào phòng cùng y sĩ. Cô nằm thêm một lát, ôm ông trong tay và tưởng như đó là một đứa trẻ, mặc dù đó là chồng cô. Cuối cùng cô nhò mắt đắp chăn cho ông, với cảm giác lờ mờ về sự chia ly, như ngày nào trên sân ga với Max, khi ông không chịu đi vào khoang ngồi. Sau đó cô muốn tắm cho ông. Robert đưa cô ra khỏi phòng và pha cà phê, nhưng cô muốn trở lại và tắm cho ông, chăm chú hơn bao giờ hết, đến thân hình và khuôn mặt, tất cả những chỗ thân thương. Suốt cả buổi chiều. Robert gọi điện về Praha. Anh hỏi cô có cần giúp đỡ. Cô nói với Franz: Anh có muốn thế không? Cô mặc đồ mới cho ông, bộ com lê màu sẫm mà đã lâu ông không dùng, mãi đến lúc đó cô mới tạm hài lòng. Cô không muốn ăn. Robert lấy thuốc cho cô rồi họ ngồi bàn những việc cần làm. Theo ý Robert thì nhất định phải đưa Franz về Praha. Lạy Chúa, ừ, cô nói, thế là bây giờ cô về Praha, Franz chết rồi, và cô cùng ông về Praha đáng nguyên rủa.

Đêm đầu tiên cô hầu như không ngủ, họ nói đi nói lại với nhau rằng họ đã biết trước. Họ đã chia tay, nhưng phải chăng vì thế mà nỗi đau vội đi? Họ nói, họ không còn là mình như trước đó. Như những đứa trẻ bị bỏ rơi, ngoài trời lẫn trong nhà đều lạnh, dù mùa hè đã đến, ngày nọ qua ngày kia, sáng lòa và nóng bỏng. Robert dỗ cô ngủ, và cô chỉ nghe lời anh vì anh hứa sau đó họ sẽ tới chỗ Franz. Khi thức dậy, cô ngơ ngác hồi lâu, không biết mình ở đâu, thoát tiên cô tưởng đang ở Berlin, trước khi nhớ lại mọi chuyện. Cô vừa mơ về Berlin, cô ngồi trong căn hộ phố Heide chờ Franz. Rất lâu sau cô mới tỉnh hẳn. Họ uống cà phê trước khi đến với Franz lần nữa. Vẫn là Franz đó sao? Chạm vào ông, cô bất giác lạnh run. Khuôn mặt ông nghiêm nghị khó gần, hồi lâu cô không dám hôn ông. Cô muốn giữ vai

đồ làm kỷ niệm và chọn bộ đồ ngủ của ông, sổ ghi chép, lược. Bà Hoffmann nói người ta sẽ đưa ông vào phòng lớn ở nghĩa địa, do đó cô định nói với ông lần nữa, những gì cô cảm nhận từ đầu đến giờ. Nhưng thật khó trò chuyện với người chết, vì người chết không thật sự lắng nghe, cô đành bỏ cuộc. Lại có khách đến nữa. Karl và ông chú đã tới. Nhiều chuyện không đẹp diễn ra giữa nỗi bất hạnh của cô, vì ông chú muốn mai táng ở Kierling, trong khi Dora muốn đưa Franz về Praha, cuối cùng phải chờ quyết định bằng điện tín của bố Franz. Rốt cuộc, chỉ duy nhất ước nguyện của Dora là có giá trị tối hậu.

Những ngày tiếp đến cứ thế trôi qua. Trong phòng lớn, ông càng ngày càng xa lạ với cô. Cô khóc vì không nhận ra ông nữa, và lại khóc khi người ta đóng nắp quan tài và cướp ông đi mãi mãi. Để chuyển về Praha, cần hàng nghìn thủ tục, Robert phải chạy đi chạy lại làm giấy tờ, nhưng rồi cuối cùng cũng xong, và ngày chia tay cũng đến. Họ lên chuyến tàu hỏa mà Franz cũng có chỗ ở đâu đó. Hơn một tuần sau khi Franz mất, họ về đến Praha. Cô làm quen cha mẹ ông. Ba cô em có mặt, bà quản gia, tất cả như hóa đá. Cô nhìn qua loa mọi thứ, căn phòng ngày xưa của ông mà hôm nay cô sẽ ở, giường của ông, chiếc bàn giấy mà đối với cô chỉ là một cái bàn nào đó. Lúc nào không khóc, cô ra ngồi bên bàn lớn và cố nhớ lại. Franz đã tương đối tô hồng cuộc sống của hai người trong các lá thư, bây giờ cô có thể cải chính một vài chi tiết và kể lại sự thật, họ sống bên nhau ra sao, ngay từ ngày đầu. Lỗ huyệt mở thật kinh khủng. Hàng núi hoa. Bia mộ không có, mãi sau người ta mới đem tới, và thế là cô có một đích đến, đại khái là một điểm gặp gỡ để cô hằng ngày kể chuyện cho ông nghe. Bạn bè Franz tổ chức một buổi đọc sách nho nhỏ, trình bày nhiều tác phẩm của ông, nhưng đa phần quá lạ với cô, tựa như của một Franz nào đó mà cô không quen. Trong mắt người khác thì người ta lại là một người khác chẳng? Cho đến cuối đời, Franz luôn sợ cha mẹ, song cô chỉ thấy họ là những cụ già cùng ưu tư bên cô, và họ không xua đuổi cô. Tháng Sáu trôi đi, rồi nửa tháng Bảy, cô vẫn ở lại thành phố của ông. Một cuộc đụng độ kém vui với Max. Ông phát hiện ra một số bản thảo của Franz, tiểu thuyết, truyện ngắn, bản

nháp. Và ông muốn xuất bản dần dần. Ông hỏi đủ các hạng người, có ai còn gì và có thể cho ông. Khi Dora lắc đầu thì ông chấp nhận, nhưng gặp lần sau ông lại gặng hỏi, hai người vẫn viết thư cho nhau, vậy mấy cuốn sổ ghi chép cuối cùng đâu rồi. Dora đã suy nghĩ kỹ và quyết định rằng Max không có quyền đó. Cuối tháng Bảy, cô cho rằng có gì đó đã sáng tỏ trong đầu. Vào dịp sinh nhật Franz hồi đầu tháng, cô còn tưởng mình tan nát vì đau buồn, nhưng bây giờ cô thấy đã hồi sức. Ottla và bà mẹ kể nhiều chuyện về Franz, hồi còn bé, thời sinh viên, họ chỉ cho cô biết Praha, sông và cầu, những con đường ông đã đi qua, những con ngõ cổ, cửa hiệu của cha. Ông cũng nhớ con trai, ở dạng im lặng lắc đầu, cái lắc đầu gộp cả Dora vào, tựa như không muốn tin rằng Franz lại có được một người như cô. Cô lại quay về Berlin? Cô cũng không biết đến lựa chọn nào khác, kể cả khi mọi thứ ở đó nhắc nhở đến Franz. Nhưng, liệu có một nơi nào mà cô sống thiếu Franz được không? Judith cũng viết thư, cô sẽ giữ đứa con, và cô ngóng đợi Dora từng ngày. Dora lưỡng lự. Đầu tháng Tám cô mua vé tàu, va li đã đóng, cô có thể cứ thế ra đi, không phải chia tay nặng nề, và cô cũng làm đúng thế. Mình sẽ viết thư về cho họ, cô tự nhủ, nhưng trước tiên cô đi Berlin, nơi một mùa hạ nóng bỏng cùng những cuốn sách của Franz chờ cô. Cô có tất cả sách của ông, cả cuốn mới, nhưng còn quá sớm để đọc nó, do đó cô giở những cuốn cũ, đọc một đoạn đầu ở đâu đó, nhan đề *Mười một người con trai* vừa đọc đã thấy rất thích, nghe rất Franz.

Lời bạt và cảm ơn

Thư từ giữa Franz Kafka và Dora Diamant không còn. Mùa hè năm 1924, Dora Diamant đem theo 20 sổ ghi chép và 35 lá thư của Kafka đi Berlin. Tất cả bị Gestapo⁽³⁾ tịch thu trong lần khám nhà tháng Tám năm 1933, từ đó các tư liệu này coi như bị mất tích. Dora Diamant sống ở Đức đến 1936, ba năm tiếp theo ở Liên Xô. Trước khi Thế chiến II bùng nổ, bà di cư qua Anh và mất ở đó vào năm 1952, thọ 54 tuổi. Cha Kafka sống đến năm 1931, mẹ

ông mất năm 1934. Các em gái ông là Elli, Valli và Ottla cùng cháu gái Hanna bị sát hại năm 1942-43 tại trại diệt chủng Chelmno và Auschwitz.

Trân trọng cảm ơn công tác biên tập và hỗ trợ nghiên cứu tư liệu của Gs. Ts. Peter-André Alt (Freie Universität Berlin), Kathi Diamant (San Diego State University), Ts. Hans-Gerd Koch (Bergische Universität Wuppertal), Hermann Kumpfmüller, Stephan Kumpfmüller, Mathias Landwehr, Helger Malchow, Olaf Petersenn, Ts. Annelie Ramsbrock (Zentrum für Zeithistorische Forschung Potsdam), Gs. Ts. Klaus Wagenbach.

3. Geheime Staatspolizei: cảnh sát mật thời Đức Quốc xã (1933-1945).